ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TP.HCM

BÁO CÁO

THỊ TRƯỜNG TANZANIA

Thành phố Hồ Chí Minh 2025

MỤC LỤC

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TANZANIA 5

Địa lý 5
Con người và Xã hội 6
Môi trường tại Tanzania 8
Hệ thống chính trị 9
Chương 2: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ 11

Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 11
Tài nguyên và năng lượng 12
Công nghiệp 12
Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) 13
Nợ công và công nợ nước ngoài 13
Thương mại hàng hóa và vãng lai 14
Lao động 14
Chi tiêu hộ gia đình 14
Kiều hối 15
Tài chính 15
Thuế và nguồn thu 16
Dự trữ ngoại hối và vàng 16
Tỷ giá hối đoái 17
Xếp hạng thuận lợi kinh doanh 17
Năng lượng 17
Truyền thông 20
Giao thông vận tải 21
Quân sự và Quốc phòng 22
Khủng bố 23
Vấn đề xuyên biên giới tại Tanzania 23
Chương 3: KINH DOANH 25

Tổng quan thị trường 25
Thách thức thị trường 26
Cơ hội thị trường 27
Chiến lược xâm nhập thị trường 28
Lĩnh vực tiềm năng cho doanh nghiệp Việt Nam 29
Rào cản thương mại 30
Thuế nhập khẩu 31
Yêu cầu và thủ tục nhập khẩu tại Tanzania 31
Quy định nhập khẩu tạm thời 33
Cấm và hạn chế nhập khẩu 34
Quy định Hải quan 35
Tiêu chuẩn thương mại 36
Hiệp định thương mại 40
Yêu cầu cấp phép cho các dịch vụ chuyên nghiệp tại Tanzania 41
Kênh phân phối và bán hàng tại Tanzania 42
Đối tác nhượng quyền tiềm năng tại Tanzania 43

Khuyến nghị cho doanh nghiệp Việt Nam 44
Thương mại điện tử tại Tanzania 46
Yếu tố thúc đẩy bán hàng & kỹ thuật tiếp cận khách hàng 47
Quảng bá & xúc tiến thương mại 48
Hỗ trợ từ cơ quan xúc tiến thương mại 48
Chiến lược giá cả 48
Dịch vụ chăm sóc khách hàng & hậu mãi 49
Các Hiệp hội Doanh nghiệp chủ chốt tại Tanzania 49
Hạn chế khi bán hàng và đầu tư cho doanh nghiệp nước ngoài tại Tanzania 50
Tài trợ thương mại 51
Hệ thống ngân hàng 52
Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Tanzania 53
Bán hàng cho Chính phủ Tanzania 54
Chương 4: ĐẦU TƯ TẠI TANZANIA 56

Chính sách thu hút và hạn chế đầu tư nước ngoài 58
Hiệp định Đầu tư song phương và Hiệp định thuế 61
Hệ thống pháp lý 61
Chính sách công nghiệp 68
Yêu cầu về hiệu suất và lưu trữ dữ liệu tại chỗ 73
Bảo vệ quyền sở hữu tài sản tại Tanzania 74
Quyền Sở hữu Trí tuệ tại Tanzania 74
Thị trường tài chính 75
Doanh nghiệp Nhà nước (State-Owned Enterprises – SOEs) 78
Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (Responsible Business Conduct – RBC) 79
Vấn đề biến đổi khí hậu 80
Công tác phòng chống tham nhũng tại Tanzania 81
Môi trường chính trị và an ninh 82
Chính sách và Thực tiễn Lao động tại Tanzania 83
Chương 5: QUAN HỆ VIỆT NAM - TANZANIA 86

1.Tổng quan quan hệ ngoại giao 86
10. Hợp tác kinh tế – thương mại 100
11.Hợp tác phát triển và giáo dục 101
12.Định hướng và tiềm năng hợp tác 101
13.Các lĩnh vực xuất khẩu và đầu tư triển vọng 102
Chương 6: GIAO THƯƠNG VÀ ĐẦU TƯ GIỮA VIỆT NAM VÀ TANZANIA 142

Tổng quan hoạt động thương mại của Tanzania 142
Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính của Tanzania 144
Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Tanzania 146
Một số sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Tanzania 147
Một số sản phẩm nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ Tanzania 151
Tanzania đầu tư vào Việt Nam 152
Chương 7: VĂN HOÁ 153

Tập quán kinh doanh 153

Khuyến cáo đi lại 153
Yêu cầu thị thực (visa) dành cho công dân Việt Nam khi nhập cảnh Tanzania 153
Tiền tệ 154
Viễn thông và Thiết bị điện tử 154
Giao thông 154
Ngôn ngữ 155
Tôn giáo tại Tanzania 155
Y tế 156
Giờ địa phương, thời gian làm việc và ngày nghỉ lễ 156
Tạm nhập vật dụng và hàng hóa cá nhân vào Tanzania 157
Văn hóa chào hỏi tại Tanzania 157
Văn hóa bản địa tại Tanzania 158
Văn hóa thương lượng và trả giá tại Tanzania 159
Văn hóa ứng xử và quy tắc giao tiếp tại Tanzania 159
Văn hóa ẩm thực đặc trưng tại Tanzania 160
Trang phục và hoạt động thể thao tại Tanzania 161
Một số lưu ý quan trọng khi sinh sống và làm việc tại Tanzania 161
Công dân Việt Nam cần chuẩn bị gì khi đến Tanzania 162
Chương 8: THÔNG TIN LIÊN LẠC 164

1. Điểm liên hệ chính tại Việt Nam 164
2. Cơ quan đại diện ngoại giao 164
3. Thông tin liên hệ tại Tanzania 165
LỊCH SỰ KIỆN THƯƠNG MẠI – KINH TẾ TANZANIA 2025–2026 167

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TANZANIA

Cộng hòa Thống nhất Tanzania (United Republic of Tanzania) là một quốc gia nằm ở khu vực Đông Phi, ngay phía nam đường xích đạo, có vị trí chiến lược bên bờ Ấn Độ Dương và tiếp giáp với tám quốc gia lân cận gồm Kenya, Uganda, Rwanda, Burundi, Cộng hòa Dân chủ Congo, Zambia, Malawi và Mozambique. Quốc gia này được thành lập năm 1964 trên cơ sở hợp nhất giữa Tanganyika (lục địa) và Zanzibar (quần đảo), hai thực thể từng tồn tại độc lập trước đó (*CIA World Factbook*, 2024; *Britannica*, 2024).

Với diện tích hơn 945.000 km², Tanzania là một trong những quốc gia có lãnh thổ rộng lớn nhất ở Đông Phi. Phần đất liền Tanganyika chiếm hơn 99% tổng diện tích quốc gia, trong khi Zanzibar và đảo Pemba nằm ngoài khơi có chính quyền bán tự trị riêng. Ngoài ra, đảo Mafia được quản lý trực tiếp từ đất liền.

Tanzania theo thể chế cộng hòa thống nhất với hệ thống tổng thống điều hành và quốc hội đơn viện. Tổng thống là nguyên thủ quốc gia kiêm người đứng đầu chính phủ. Kể từ năm 1977, đất nước do đảng Chama Cha Mapinduzi (CCM) cầm quyền, và đã tổ chức bầu cử đa đảng kể từ năm 1995.

Thủ đô chính thức của Tanzania là Dodoma, nằm ở trung tâm đất liền và được chọn làm trung tâm hành chính quốc gia từ năm 1974. Tuy nhiên, Dar es Salaam – thành phố lớn nhất và là cửa ngõ thương mại quan trọng nhất của Tanzania – vẫn giữ vai trò trung tâm kinh tế, tài chính và ngoại giao của đất nước.

Tanzania nằm ở vĩ độ từ khoảng 1° đến 12° Nam, kinh độ từ 29° đến 41° Đông. Quốc gia này sử dụng múi giờ Đông Phi (East Africa Time – EAT), tức GMT+3 quanh năm.

Địa lý

Tanzania nằm ở Đông Phi, giáp Ấn Độ Dương, giữa Kenya ở phía bắc và Mozambique ở phía nam. Quốc gia này có tọa độ địa lý khoảng 6° vĩ độ Nam và 35° kinh độ Đông, thuộc khu vực châu Phi cận xích đạo. Với tổng diện tích 947.300 km², trong đó 885.800 km² là đất liền và khoảng 61.500 km² là mặt nước, Tanzania là quốc gia lớn thứ 32 trên thế giới về diện tích (tức rộng gấp 3 lần Việt Nam) (*CIA World Factbook*, 2024).

Tanzania có đường biên giới đất liền dài hơn 4.160 km, tiếp giáp với tám quốc gia: Burundi, Cộng hòa Dân chủ Congo, Kenya, Malawi, Mozambique, Rwanda, Uganda và Zambia. Bờ biển của nước này trải dài 1.424 km dọc theo Ấn Độ Dương, đóng vai trò quan trọng trong thương mại khu vực. Vùng đặc quyền kinh tế trên biển của Tanzania mở rộng tới 200 hải lý, và lãnh hải rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở

Địa hình Tanzania đa dạng, gồm các đồng bằng ven biển, cao nguyên trung tâm và các vùng đồi núi ở phía bắc và nam. Đỉnh Kilimanjaro, với độ cao 5.895 m, không chỉ là ngọn núi cao nhất Tanzania mà còn là đỉnh cao nhất châu Phi. Kilimanjaro cũng là một trong ba khu vực hiếm hoi ở châu Phi còn có sông băng, cùng với núi Kenya (Kenya) và dãy Ruwenzori (biên giới Uganda – CHDC Congo) (*Britannica*, 2024). Điểm thấp nhất của quốc gia là mực nước biển tại Ấn Độ Dương, trong khi độ cao trung bình toàn quốc là khoảng 1.018 m.

Khí hậu của Tanzania thay đổi từ nhiệt đới ẩm ở vùng ven biển đến khí hậu ôn hòa tại các vùng cao nguyên nội địa. Trong mùa mưa, khu vực cao nguyên trung tâm thường xuyên đối mặt với tình trạng ngập úng, trong khi hạn hán cũng là mối đe dọa đáng kể tại nhiều khu vực khác. Một số núi lửa như Ol Doinyo Lengai (2.962 m), núi Meru và Kieyo có dấu hiệu hoạt động địa chất trong lịch sử và gần đây, tuy nhiên hoạt động núi lửa ở Tanzania nhìn chung ở mức độ thấp.

Tanzania sở hữu ba trong số những hồ nước lớn nhất châu Phi, bao gồm hồ Victoria ở phía bắc (hồ nước ngọt lớn thứ hai thế giới, chia sẻ với Uganda và Kenya), hồ Tanganyika ở phía tây (sâu thứ hai thế giới, chia sẻ với CHDC Congo, Burundi và Zambia), và hồ Nyasa hay còn gọi là hồ Malawi ở phía tây nam (chung với Mozambique và Malawi). Ngoài ra còn có hồ Rukwa – hồ nước mặn lớn nhất trong nước với diện tích khoảng 5.760 km².

Về tài nguyên thiên nhiên, Tanzania có trữ lượng dồi dào gồm thuỷ điện, khí đốt tự nhiên, than đá, sắt, niken, phosphat, thiếc, vàng, kim cương và nhiều loại đá quý – nổi bật là tanzanite, loại đá quý đặc hữu chỉ có tại vùng Mererani ở phía bắc Tanzania (*Britannica*, 2024). Khoảng 44,6% diện tích đất đai của Tanzania được sử dụng cho nông nghiệp (bao gồm đất trồng trọt, cây lâu năm và đồng cỏ), trong khi rừng chiếm hơn 50% diện tích quốc gia (ước tính năm 2022). Tuy nhiên, diện tích đất được tưới tiêu còn hạn chế, chỉ đạt khoảng 1.840 km².

Phân bố dân cư ở Tanzania không đồng đều, với mật độ dân số cao tập trung tại khu vực phía bắc và dọc theo bờ biển phía đông, nơi có các trung tâm đô thị lớn như Dar es Salaam và Tanga. Các khu vực cao nguyên phía trung tâm và phía nam ít dân cư hơn đáng kể.

Con người và Xã hội

Tính đến năm 2024, dân số Tanzania ước đạt khoảng 67,5 triệu người, đứng thứ 23 thế giới về quy mô dân số. Cơ cấu giới tương đối cân bằng với 33,69 triệu nam và 33,77 triệu nữ. Đây là quốc gia đông dân nhất khu vực Đông Phi (*CIA World Factbook*, 2024).

Dân cư Tanzania chủ yếu là người gốc Phi (99%), trong đó khoảng 95% thuộc các nhóm sắc tộc Bantu, phân bố trong hơn 130 bộ tộc khác nhau. Tại đảo Zanzibar, thành phần dân tộc bao gồm người Ả Rập, người Phi, và nhóm người lai Ả Rập – Phi. Quốc tịch được gọi là "Tanzanian" cho cả danh từ và tính từ.

Ngôn ngữ chính thức gồm tiếng Swahili (Kiswahili) – phổ biến trong đời sống hàng ngày, giáo dục cơ sở và chính trị – và tiếng Anh, ngôn ngữ hành chính, thương mại và giáo dục bậc cao. Tại đảo Zanzibar, phương ngữ Kiunguja (một biến thể của Swahili) được sử dụng rộng rãi. Ngoài ra, tiếng Ả Rập và hàng chục ngôn ngữ bản địa cũng hiện diện trong đời sống văn hóa đa dạng của quốc gia này.

Tôn giáo tại Tanzania chủ yếu là Cơ Đốc giáo (63,1%) và Hồi giáo (34,1%), phần còn lại là tín ngưỡng bản địa, Phật giáo, Ấn giáo, Do Thái giáo và các tôn giáo khác. Đáng lưu ý, Zanzibar gần như hoàn toàn theo Hồi giáo, phản ánh sự ảnh hưởng lịch sử của các thương nhân Ả Rập và Hồi giáo trong khu vực.

Về cơ cấu dân số, Tanzania có dân số trẻ với tuổi trung vị chỉ 19,1 tuổi, và gần 42% dân số dưới 15 tuổi. Tỷ lệ tăng dân số đạt 2,72%/năm – một trong những mức cao nhất toàn cầu. Tỷ lệ sinh là 32,5 ca trên mỗi 1.000 dân, trong khi tỷ lệ tử là 5 ca, phản ánh xu hướng gia tăng dân số nhanh chóng (*CIA*, 2024).

Tuổi thọ trung bình đạt khoảng 70,8 năm (69 tuổi với nam và 72,6 tuổi với nữ), một mức cải thiện đáng kể trong vài thập kỷ qua nhưng vẫn thấp hơn so với mức trung bình toàn cầu. Tuy nhiên, Tanzania vẫn đang đối mặt với những thách thức trong lĩnh vực y tế như tỷ lệ tử vong ở mẹ ở mức 238 ca tử vong/100.000 ca sinh sống và tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh là 29,6/1.000 ca sinh sống (*CIA*, 2024; *UNICEF*, 2023).

Tổng tỷ suất sinh là 4,27 con/phụ nữ, và độ tuổi trung bình khi sinh con đầu lòng là 19,9 tuổi. Khoảng 29% phụ nữ kết hôn trước 18 tuổi, phản ánh vấn đề tảo hôn vẫn tồn tại, đặc biệt tại các vùng nông thôn (*CIA*, 2024; *UNFPA*, 2023).

Về đô thị hóa, khoảng 37,4% dân số sống tại khu vực thành thị (2023), với tỷ lệ tăng đô thị hóa hàng năm đạt gần 5%. Các thành phố lớn bao gồm Dar es Salaam (7,78 triệu người), Mwanza (1,31 triệu), Zanzibar (800.000) và Dodoma, thủ đô lập pháp, với khoảng 262.000 dân (*CIA*, 2024).

Tanzania đầu tư khoảng 3,4% GDP cho y tế (2021) và có mật độ bác sĩ rất thấp – chỉ khoảng 0,13 bác sĩ/1.000 dân, cùng với 0,6 giường bệnh/1.000 dân. Vấn đề tiếp cận cơ sở hạ tầng y tế còn bất bình đẳng giữa khu vực thành thị và nông thôn. Trong khi 95,1% cư dân thành thị tiếp cận nguồn nước sạch, con số này chỉ là 59,4% tại nông thôn; tương tự, chỉ 29,2% dân nông thôn tiếp cận hệ thống vệ sinh được cải thiện (*CIA*, 2024).

Về giáo dục, Tanzania dành khoảng 3,2% GDP và 13,4% ngân sách quốc gia cho lĩnh vực này (2024). Tỷ lệ biết chữ của người trưởng thành đạt khoảng 78% (ước tính năm 2015), trong đó nam giới là 83% và nữ giới là 73%. Tuổi thọ đi học trung bình (từ tiểu học đến đại học) là 9 năm cho cả hai giới (*CIA*, 2024).

Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai trong nhóm phụ nữ 15–49 tuổi là 38,4% (số liệu gần nhất 2015/16), cho thấy khoảng cách trong tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Về mặt dinh dưỡng, khoảng 12,1% trẻ em dưới 5 tuổi bị thiếu cân – một chỉ báo về tình trạng suy dinh dưỡng vẫn còn tồn tại tại một bộ phận dân cư (*CIA*, 2024; *UNICEF*, 2023).

Theo dữ liệu mới nhất từ Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tỷ lệ béo phì ở người trưởng thành Tanzania (từ 18 tuổi trở lên) đã tăng lên khoảng 11,4% tính đến năm 2022, so với mức 8,4% được ghi nhận năm 2016. Trong đó, phụ nữ có tỷ lệ béo phì cao hơn đáng kể (ước tính khoảng 15–16%) so với nam giới (khoảng 6–7%) (*WHO Global Health Observatory*, 2022). Sự gia tăng này phản ánh tác động của quá trình đô thị hóa, thay đổi lối sống và chế độ ăn uống hiện đại tại các khu vực thành thị.

Về tỷ lệ sử dụng thuốc lá, khảo sát toàn quốc mới nhất cho thấy khoảng 5,9% người trưởng thành tại Tanzania vẫn hút thuốc lá (bao gồm cả hút thường xuyên và không thường xuyên), trong đó nam giới chiếm 10,9%, còn nữ giới chỉ chiếm 1,1% (*Global State of Tobacco Harm Reduction – GSTHR*, 2022). Con số này cho thấy xu hướng giảm nhẹ so với các năm trước, khi tỷ lệ hút thuốc chung từng ở mức 6,7% vào năm 2020 và

hơn 11% vào năm 2019, cho thấy hiệu quả bước đầu của các chính sách kiểm soát thuốc lá trong nước.

Môi trường tại Tanzania

Tanzania sở hữu hệ sinh thái đa dạng, trải dài từ các bờ biển nhiệt đới dọc theo Ấn Độ Dương đến các vùng cao nguyên ôn hòa ở phía bắc và phía nam. Tuy nhiên, quốc gia này đang đối mặt với hàng loạt thách thức môi trường nghiêm trọng, trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng, tăng trưởng dân số cao và năng lực quản lý tài nguyên còn hạn chế.

Một số vấn đề môi trường nổi bật hiện nay tại Tanzania bao gồm: ô nhiễm nguồn nước do xả thải không qua xử lý; quản lý kém đối với nước thải lỏng và chất thải rắn đô thị (ước tính khoảng 9,3 triệu tấn/năm, theo *CIA*, 2012); ô nhiễm không khí trong nhà do sử dụng củi và than để nấu nướng và sưởi ấm, đặc biệt tại khu vực nông thôn. Ngoài ra, hiện tượng thoái hóa đất, nạn phá rừng, sa mạc hóa, suy giảm rạn san hô và săn bắt động vật hoang dã trái phép – đặc biệt là săn voi lấy ngà – đang góp phần làm mất đa dạng sinh học nghiêm trọng (*CIA World Factbook*, 2024; *UNEP*, 2023).

Tanzania là quốc gia thành viên của nhiều hiệp định môi trường quốc tế quan trọng như: Công ước Đa dạng sinh học (CBD), Công ước Paris về biến đổi khí hậu, Nghị định thư Kyoto, Công ước về sa mạc hóa, Công ước về buôn bán loài nguy cấp (CITES), Công ước Ramsar về vùng đất ngập nước, và Công ước Luật Biển Liên Hợp Quốc (UNCLOS). Quốc gia này không có hiệp định môi trường nào chỉ ký mà chưa phê chuẩn trong danh mục được chọn của *CIA* (2024).

Theo dữ liệu cập nhật từ *CIA World Factbook* (2024), khoảng 44,6% diện tích đất tại Tanzania được sử dụng cho mục đích nông nghiệp, trong đó gồm 15,2% đất canh tác, 2,3% đất trồng cây lâu năm, và 27,1% đồng cỏ. Diện tích rừng bao phủ khoảng 50,6% lãnh thổ quốc gia (ước tính năm 2022), cho thấy Tanzania vẫn là một trong những quốc gia có tỷ lệ che phủ rừng cao tại châu Phi.

Tuy nhiên, báo cáo từ *Global Forest Watch* cho thấy từ năm 2001 đến năm 2023, Tanzania đã mất khoảng 3,25 triệu hecta diện tích cây che phủ, tương đương 12% tổng diện tích rừng ban đầu. Đáng chú ý, hơn 60% tổn thất rừng này xảy ra ở các vùng không có quy chế bảo vệ chính thức, đặc biệt là tại khu vực Miombo – hệ sinh thái chiếm phần lớn diện tích rừng của Tanzania. Việc mất rừng phần lớn xuất phát từ nhu cầu chuyển đổi đất để canh tác nông nghiệp, khai thác gỗ trái phép và sản xuất than củi phục vụ sinh hoạt, đặc biệt tại các khu vực nông thôn có mức độ nghèo đói cao (*Global Forest Watch*, 2024; *UNEP*, 2023).

Mặc dù chính phủ Tanzania đã thúc đẩy các mô hình quản lý rừng cộng đồng (Participatory Forest Management – PFM) và mở rộng diện tích rừng được quy hoạch bảo vệ, áp lực từ tăng trưởng dân số, đô thị hóa và nhu cầu nhiên liệu sinh học vẫn tiếp tục đe dọa đến tính bền vững của tài nguyên rừng. Theo báo cáo của *UNEP*, các khu rừng thuộc diện quản lý cộng đồng có tỷ lệ suy giảm thấp hơn rõ rệt so với những khu vực không được quản lý tập trung, cho thấy tiềm năng của các mô hình địa phương trong việc bảo tồn hệ sinh thái.

Nguồn nước mặt đóng vai trò quan trọng trong hệ sinh thái Tanzania. Quốc gia này được bao quanh bởi ba hồ lớn của châu Phi: hồ Victoria (62.940 km²), hồ Tanganyika (32.000 km²) và hồ Nyasa/Malawi (22.490 km²), bên cạnh hồ nước mặn Rukwa (5.760 km²). Tanzania cũng tham gia quản lý các lưu vực sông lớn như sông Nile (6.650 km, nguồn phát tại Rwanda, chảy qua Uganda và các quốc gia khác đến Địa Trung Hải), sông Congo (đổ ra Đại Tây Dương), và sông Zambezi (chảy ra Ấn Độ Dương). Tổng lượng nước ngọt tái tạo tại Tanzania đạt khoảng 96,3 tỷ m³ (ước tính năm 2019), song áp lực khai thác ngày càng tăng – chủ yếu cho nông nghiệp (chiếm hơn 4,6 tỷ m³ mỗi năm), kế đến là sinh hoạt đô thị (530 triệu m³) và công nghiệp (30 triệu m³) (*CIA*, 2024).

Về phát thải, mức bụi mịn (PM2.5) tại khu vực thành thị là khoảng 15,36 microgam/m³ (2019), cao hơn ngưỡng khuyến nghị của WHO là 5 microgam/m³. Tổng lượng phát thải CO_2 năm 2016 ước đạt gần 12 triệu tấn, trong khi phát thải methane năm 2020 lên tới 59 triệu tấn – phần lớn từ hoạt động nông nghiệp và chăn nuôi (*CIA*, 2024; *World Bank*, 2023).

Tanzania cũng đang từng bước tham gia mạng lưới bảo tồn địa chất toàn cầu. Năm 2023, khu vực Ngorongoro–Lengai được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu (Global Geopark) đầu tiên của Tanzania, với cảnh quan núi lửa đặc sắc, rừng khô, thung lũng Rift và hệ sinh thái đa dạng (*UNESCO Global Geoparks Network*, 2023).

Mặc dù tỷ lệ đô thị hóa của Tanzania còn ở mức trung bình (37,4% dân số sống tại khu vực thành thị vào năm 2023), tốc độ tăng trưởng đô thị nhanh (gần 5% mỗi năm) đang tạo thêm áp lực lên cơ sở hạ tầng môi trường như xử lý rác thải, nước sạch và giao thông đô thị. Việc phát triển bền vững và quản lý tài nguyên thiên nhiên hiệu quả đang là bài toán cấp thiết đối với quốc gia Đông Phi này trong thập niên tới.

Hệ thống chính trị

Tanzania, tên gọi chính thức là Cộng hòa Thống nhất Tanzania (*United Republic of Tanzania*), là một quốc gia có thể chế cộng hòa tổng thống với cấu trúc nhà nước đơn nhất. Tên gọi hiện nay là sự kết hợp của hai thực thể từng độc lập: Tanganyika và Zanzibar, sáp nhập vào năm 1964. Tên tiếng Swahili của quốc gia này là *Jamhuri ya Muungano wa Tanzania*.

Quốc gia này được chia thành 31 vùng hành chính, bao gồm các khu vực đặc biệt như Pemba và Unguja (Zanzibar), vốn có mức độ tự trị cao trong các vấn đề nội bộ. Hệ thống luật pháp của Tanzania dựa trên luật Anh (English Common Law), nhưng quyền giám sát hiến pháp bị giới hạn trong việc giải thích luật pháp. Hiến pháp hiện hành được thông qua vào ngày 25/4/1977 và đã qua nhiều lần sửa đổi.

Nguyên thủ quốc gia kiêm người đứng đầu chính phủ hiện nay là Tổng thống Samia Suluhu Hassan, người nhậm chức vào tháng 3/2021 sau khi Tổng thống John Magufuli đột ngột qua đời. Tổng thống được bầu trực tiếp qua phổ thông đầu phiếu với nhiệm kỳ 5 năm và có thể tái cử một lần. Bà Samia là nữ tổng thống đầu tiên của Tanzania và là một trong số ít nữ nguyên thủ quốc gia đương nhiệm tại châu Phi tính đến thời điểm hiện tại (*UN Women, 2023*). Zanzibar, dù là một phần của nhà nước liên bang, có cơ chế

bầu tổng thống riêng để điều hành các vấn đề địa phương. Trong cuộc bầu cử gần nhất (2020), ông Hussein Mwinyi (đảng CCM) đắc cử Tổng thống Zanzibar.

Cơ quan lập pháp của Tanzania là Quốc hội đơn viện (Bunge), gồm 393 ghế, trong đó 264 đại biểu được bầu trực tiếp, 118 ghế được phân bổ gián tiếp (theo tỷ lệ đại diện và bổ nhiệm), và 10 ghế do tổng thống bổ nhiệm. Trong cuộc bầu cử quốc hội gần nhất (năm 2020), đảng Chama Cha Mapinduzi – CCM tiếp tục giữ thế áp đảo với 350 ghế. Tỷ lệ nữ đại biểu trong quốc hội hiện đạt khoảng 37,8% – mức khá cao so với trung bình khu vực (*Inter-Parliamentary Union, 2024*).

Về mặt tư pháp, hệ thống pháp lý gồm Tòa Phúc thẩm, Tòa án Tối cao Tanzania (cho đất liền) và Tòa án Tối cao Zanzibar (cho đảo). Các thẩm phán được tổng thống bổ nhiệm theo đề xuất của Hội đồng Dịch vụ Tư pháp, và phục vụ đến tuổi nghỉ hưu bắt buộc (60 tuổi với đất liền, 65 tuổi với Zanzibar). Các tòa án cấp thấp hơn bao gồm tòa sơ thẩm cấp quận, tòa án Hồi giáo (Kadhi courts – chuyên xử các vụ liên quan đến hôn nhân và thừa kế của người Hồi giáo), và tòa án sơ cấp.

Tanzania không cho phép công dân có song tịch, và quyền công dân theo huyết thống chỉ được công nhận nếu ít nhất cha (đối với trẻ sinh ở nước ngoài) hoặc một trong hai cha mẹ là công dân Tanzania.

Về quan hệ quốc tế, Tanzania là thành viên của nhiều tổ chức lớn như Liên Hợp Quốc (UN), Liên minh châu Phi (AU), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Tòa án Hình sự Quốc tế (ICC), và các liên minh khu vực như Cộng đồng Đông Phi (EAC) và Cộng đồng Phát triển Nam Phi (SADC).

Ngày quốc khánh được tổ chức vào 26 tháng 4 hàng năm, kỷ niệm ngày hợp nhất Tanganyika và Zanzibar năm 1964. Quốc kỳ Tanzania có nền xanh lục và xanh dương chia tách bởi dải đen viền vàng chéo – tượng trưng cho tài nguyên thiên nhiên, nhân dân và biển cả. Quốc ca "Mungu ibariki Afrika" (*God Bless Africa*) được sử dụng từ năm 1961 và có cùng giai điệu với quốc ca Zambia, vốn được phổ nhạc bởi Enoch Sontonga.

Tính đến năm 2024, Tanzania có 7 di sản thế giới được UNESCO công nhận, bao gồm 3 di sản thiên nhiên (Serengeti, Selous, Kilimanjaro), 3 di sản văn hóa (Phố cổ Zanzibar, di tích đá Kondoa, di tích Kilwa Kisiwani và Songo Mnara) và 1 di sản hỗn hợp là Khu bảo tồn Ngorongoro. Các di sản này không chỉ có ý nghĩa sinh thái và lịch sử, mà còn là trụ cột phát triển du lịch quốc gia, đóng góp đáng kể vào GDP.

Chương 2: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ

Tanzania tiếp tục duy trì vị thế là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Phi, với GDP bình quân đầu người còn thấp nhưng xu hướng phát triển ổn định. Tổng sản phẩm quốc nội theo sức mua tương đương (Real GDP-PPP) đạt khoảng 233–234 tỷ USD (giá cố định 2021) vào năm 2023, tăng đều so với các năm trước (*CIA Factbook*; *World Bank*, 2025). Theo IMF, tốc độ tăng trưởng GDP thực đạt 5,5% trong năm 2024 và dự báo tăng lên 6% vào năm 2025, nhờ vào sự cải thiện trong xuất khẩu, du lịch, nông nghiệp và điện năng (*IMF*, 2025) .

GDP danh nghĩa (theo tỷ giá hiện hành) được World Bank ghi nhận ở mức khoảng 79 tỷ USD năm 2023, giảm nhẹ xuống khoảng 78,8 tỷ năm 2024 (*World Bank/FRED* data) . GDP bình quân đầu người theo PPP đạt khoảng 2.755 USD năm 2024, thấp so với mặt bằng thế giới nhưng phản ánh cấu trúc dân cư rất trẻ và tỷ lệ lao động nông nghiệp lớn (*World Bank*) .

Cơ cấu nền kinh tế tiếp tục chuyển dịch: nông nghiệp chiếm khoảng 25% GDP nhưng vẫn là khu vực chủ đạo về lao động (chiếm khoảng 65-76% lực lượng lao động), trong khi công nghiệp gần 30% GDP và dịch vụ chiếm khoảng 42% (*World Bank*; *CIA Factbook*) . Ngành công nghiệp duy trì mức tăng trưởng gần 4,8-5.5% năm 2024, đóng góp tích cực vào tăng trưởng GDP chung (*CIA*)

Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Tại Tanzania, khoảng 40% dân số tham gia vào hoạt động nông nghiệp – từ canh tác nhỏ lẻ đến lao động làm thuê trong các trang trại – và lĩnh vực này cũng đóng góp gần tương đương tỷ lệ này vào GDP quốc gia.

Ngô và gạo là hai loại ngũ cốc phổ biến nhất trong khẩu phần ăn, trong khi sắn và khoai lang được xem là cây trồng dự phòng, nhờ khả năng chịu hạn tốt, thường được sử dụng trong thời kỳ khan hiếm lương thực. Các loại cây trồng chính khác gồm kê, cao lương, chuối, lúa mạch, khoai tây và lúa mì.

Tại một số địa phương, cây lương thực cũng đóng vai trò là cây thương phẩm. Chẳng hạn, nông dân ở vùng Ruvuma và Rukwa tập trung sản xuất ngô hàng hóa quy mô lớn, trong khi tại các khu vực ven sông, đặc biệt là dọc theo sông Rufiji, lúa gạo được trồng để bán ra thị trường.

Các loại cây trồng thương mại xuất khẩu là nguồn thu ngoại tệ quan trọng của Tanzania. Trong đó, cà phê và bông là hai mặt hàng chủ lực, đóng góp lớn nhất vào kim ngạch xuất khẩu. Bên cạnh đó, nước này còn xuất khẩu hạt điều, chè, thuốc lá và sợi đay sisal. Đặc biệt, quần đảo Zanzibar từng chiếm hơn 90% sản lượng đinh hương toàn cầu, nhưng hiện nay chỉ còn cung cấp khoảng 10% thị phần thế giới – phản ánh sự suy giảm vai trò truyền thống trong ngành gia vị.

Chương trình xây dựng làng xã tập trung (villagization) vào giữa thập niên 1970 được tiếp nối bằng nỗ lực của chính phủ trong việc phân phối giống ngô cải tiến và phân bón hóa học thông qua bộ máy hành chính tại các làng mới. Tuy nhiên, khó khăn về hậu cần và vận chuyển khiến việc tiếp cận các đầu vào nông nghiệp gặp nhiều trở ngại. Dù vậy,

một số vùng phía nam và tây nam vẫn ghi nhận năng suất ngô tăng đáng kể, chủ yếu nhờ việc ứng dụng phân bón hóa học.

Rừng tự nhiên ở Tanzania chủ yếu là rừng gỗ cứng bản địa, tuy nhiên sản lượng gỗ mềm đang gia tăng, phục vụ cho công nghiệp chế biến. Tại khu vực Mufindi, một nhà máy giấy và bột giấy quy mô lớn đang hoạt động, được cung cấp nguyên liệu từ rừng trồng gỗ mềm tại Sao Hill.

Về thủy sản, các hồ nước lớn, đặc biệt là hồ Victoria, đóng vai trò quan trọng trong khai thác cá nội địa. Trong khi đó, tôm được đánh bắt với mục đích thương mại tại khu vực châu thổ sông Rufiji, còn nghề đánh bắt ven biển phần lớn mang tính quy mô nhỏ và truyền thống, chủ yếu phục vụ tiêu dùng nội địa.

Tài nguyên và năng lượng

Tanzania sở hữu nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, với các mỏ kim cương, vàng, cao lanh, thạch cao, thiếc và nhiều loại đá quý, trong đó nổi bật nhất là tanzanite – một loại đá quý hiếm chỉ có tại quốc gia này. Vàng là tài nguyên chiến lược và là mặt hàng xuất khẩu có giá trị lớn nhất của Tanzania. Ngoài ra, nước này còn có trữ lượng than đá lớn có thể khai thác tại khu vực phía tây nam, phốt phát ở vùng Arusha và nicken tại Kagera. Khí đốt tự nhiên cũng đã được phát hiện tại đảo Songo Songo, mở ra tiềm năng phát triển năng lượng nội địa. Trong những năm gần đây, nhiều công ty nước ngoài đã tham gia vào hoạt động thăm dò dầu khí cả trên đất liền và ngoài khơi.

Về năng lượng thương mại, Tanzania phụ thuộc chủ yếu vào dầu mỏ nhập khẩu, thủy điện và than đá. Tuy nhiên, phần lớn người dân vẫn dùng củi và than củi làm nhiên liệu sinh hoạt – đây là nguyên nhân chính gây ra tình trạng mất rừng nghiêm trọng, nhất là ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ tiếp cận điện lưới quốc gia còn thấp, với phần lớn người sử dụng điện tập trung ở các đô thị. Các chương trình đưa điện về nông thôn không chỉ nhằm cải thiện đời sống và tăng trưởng kinh tế địa phương, mà còn được kỳ vọng giảm áp lực lên tài nguyên rừng thông qua giảm phụ thuộc vào nhiên liệu sinh khối.

Công nghiệp

Ngành công nghiệp của Tanzania chủ yếu dựa vào chế biến nông sản và chiến lược thay thế hàng nhập khẩu – tức sản xuất trong nước các mặt hàng vốn trước đây phải nhập khẩu, thường sử dụng nguyên vật liệu và linh kiện nhập từ nước ngoài. Các ngành công nghiệp chủ lực bao gồm chế biến thực phẩm, dệt may, sản xuất bia và thuốc lá. Ngoài ra, Tanzania còn sản xuất xi măng, quần áo, giày dép, lốp xe, ắc quy và chai lọ, với sự hiện diện của nhiều nhà máy thép và một tổ hợp sản xuất bột giấy và giấy lớn. Thậm chí, xe đạp cũng được lắp ráp tại địa phương.

Trong quá khứ, chính phủ đã triển khai chiến lược xây dựng nền tảng cho sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp cơ bản như thép, hóa chất, cao su và dệt may. Tuy nhiên, khủng hoảng kinh tế trong thập niên 1980 đã làm gián đoạn kế hoạch này. Nguyên nhân là do thiếu ngoại tệ khiến Tanzania không đủ khả năng chi trả cho lượng lớn nguyên vật liệu, linh kiện và thiết bị đầu tư cần thiết để thực hiện chiến lược. Các

khoản tín dụng dự phòng từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ vốn đầu tư để phục hồi ngành công nghiệp.

Dù vậy, trong giai đoạn đầu thế kỷ 21, khó khăn về cung cấp điện – do một bộ phận lớn dân cư và cơ sở sản xuất không được kết nối với lưới điện quốc gia – vẫn là trở ngại lớn cho việc phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt ở các khu vực ngoài đô thị.

Tỷ lệ lạm phát tiêu dùng được kiểm soát ổn định dưới 5%, ghi nhận 3,8% năm 2023 và tiếp tục giảm xuống 3,3% vào đầu năm 2025 (*IMF*, *Reuters*). Ngân hàng Trung ương Tanzania cũng nâng lãi suất chính sách lên 6,0% vào năm 2024, nhằm đảm bảo kiểm soát lạm phát và hỗ trợ chính sách tiền tệ hiệu quả (*Reuters*, 2024).

Tình trạng cán cân ngoại thương và vãng lai có cải thiện rõ nét. IMF ghi nhận thâm hụt tài khoản vãng lai giảm còn khoảng 2,3–2,6% GDP năm 2024, nhờ lượng dự trữ ngoại tệ ổn định và thị trường ngoại hối dần ổn định hơn (*IMF*, 2025).

Chương trình cải cách kinh tế nằm trong khuôn khổ Hiệp định ECF/RSF với IMF đã tạo điều kiện cho Tanzania tiến hành cải thiện môi trường kinh doanh, tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), giảm chi phí kinh doanh và minh bạch quản trị tài chính công. Chính phủ cũng cam kết kiểm soát thâm hụt ngân sách, nâng cao chi tiêu xã hội và duy trì kỷ luật tài khóa trong giai đoạn tới (*IMF*, *World Bank*).

Trong bức tranh tổng thể, mặc dù mức thu nhập bình quân còn thấp, nền kinh tế Tanzania đang trên đà chuyển mình: tăng trưởng vững chắc, lạm phát kiểm soát tốt, cải cách kinh tế đang được đẩy mạnh, song vẫn phải đối mặt với các rủi ro gồm bất ổn khu vực, biến động thị trường ngoại thương và thách thức từ biến đổi khí hậu.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Dòng vốn FDI vào Tanzania tương đối khiêm tốn. Theo *World Bank*, mức FDI trung bình chỉ chiếm khoảng 3–4% GDP mỗi năm trong thập kỷ qua và giảm nhẹ vào năm 2023, phù hợp với xu hướng suy giảm toàn cầu khi FDI vào các nước đang phát triển giảm khoảng 7% xuống còn 2,3% GDP (*World Bank*, 2025). Mặc dù vậy, chính phủ Tanzania đã nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư thông qua Luật Đầu tư mới (Investment Act 2022) nhằm thu hút nhiều hơn nguồn vốn nước ngoài và thúc đẩy minh bạch, giảm khó khăn cho các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước.

FDI chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực khai khoáng (vàng, khí đốt, khoáng sản), năng lượng, cơ sở hạ tầng (đường sắt, cảng biển), và du lịch. Tuy vậy, sự suy giảm toàn cầu trong tài trợ dự án quốc tế cũng làm giảm phần FDI liên quan đến cơ sở hạ tầng tại Tanzania.

Nợ công và công nợ nước ngoài

Tỷ lệ nợ công so với GDP của Tanzania tăng từ khoảng 32,7% năm 2013 lên 47% vào cuối năm 2024, với mức tăng chủ yếu xảy ra trong giai đoạn 2022–2023 khi bội chi ngân sách tăng để tài trợ cho các dự án hạ tầng lớn như đường sắt Standard Gauge Railway (SGR). Tính đến cuối tháng 3/2024, tổng công nợ của chính phủ trung ương đạt khoảng

91.708 tỉ TZS (khoảng 35,7 tỷ USD), trong đó nợ nước ngoài chiếm hơn 66% và còn lại là nợ nội địa (33%). Các phân tích từ IMF – WB xác nhận: giá trị hiện tại của nợ công so với GDP vẫn giữ ở mức khoảng 30–40%, thấp hơn ngưỡng cảnh báo 55%, cho thấy nợ vẫn ở mức có thể kiểm soát.

Nợ nước ngoài đa phần là vay ưu đãi từ các tổ chức đa phương như Ngân hàng Thế giới, ADB, IMF (chiếm khoảng 67% của tổng nợ ngoại), trong khi vay thương mại (với lãi suất cao hơn) chiếm khoảng 26%, và còn lại là nợ song phương từ các quỹ phát triển như Trung Quốc, Ấn Độ.

Thương mại hàng hóa và vãng lai

Theo *World Bank*, cán cân vãng lai Tanzania được cải thiện, với thâm hụt tài khoản hiện tại giảm xuống khoảng 2,3% GDP vào năm 2024, nằm trong ngưỡng khả thi dài hạn nhờ tăng FDI và các khoản vay ưu đãi. Xuất khẩu ngành hàng như vàng, cà phê, xuất khẩu du lịch và năng lượng tăng, đồng thời tiêu dùng nội địa và đầu tư hạ tầng tiếp tục thúc đẩy nhu cầu nhập khẩu – tạo ra sự cân bằng.

Lao động

Tính đến năm 2024, lực lượng lao động của Tanzania đạt khoảng 32,98 triệu người, xếp thứ 21 toàn cầu về quy mô. Con số này phản ánh tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (15 tuổi trở lên) đang tham gia thị trường việc làm, bao gồm cả người có việc làm và đang tìm việc làm (*CIA World Factbook*, 2024).

Tỷ lệ thất nghiệp chính thức của Tanzania duy trì ở mức thấp và ổn định trong ba năm liên tiếp, ở khoảng 2,6% từ năm 2022 đến 2024. Đây là tỷ lệ khá khiêm tốn khi so sánh với mặt bằng chung khu vực Đông Phi và nhiều nền kinh tế đang phát triển. Tuy nhiên, số liệu này cần được tiếp cận thận trọng do đặc thù tỷ lệ lao động phi chính thức tại Tanzania rất cao – theo ước tính của *International Labour Organization (ILO)*, có tới hơn 80% lao động làm việc trong khu vực phi chính thức như nông nghiệp tự cung, kinh doanh nhỏ lẻ, và lao động không hợp đồng tại thành thị, vốn thường không được thống kê đầy đủ trong dữ liệu chính thức.

Tỷ lệ thất nghiệp trong giới trẻ (từ 15–24 tuổi) được ước tính ở mức 3,3% vào năm 2024, trong đó nữ giới đối mặt với tỷ lệ cao hơn (4,2%) so với nam giới (2,6%) – cho thấy thách thức về cơ hội việc làm bình đẳng giới vẫn còn tồn tại. Điều này đặc biệt đáng lưu ý khi Tanzania có cơ cấu dân số trẻ, với hơn 40% dân số dưới 15 tuổi, tạo ra áp lực ngày càng lớn lên thị trường lao động trong thập kỷ tới.

Báo cáo gần đây từ *World Bank* và *African Development Bank* cũng nhấn mạnh: mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế tích cực, thị trường lao động Tanzania vẫn đang chuyển dịch chậm sang các lĩnh vực có năng suất cao hơn như chế biến, dịch vụ hiện đại và công nghệ. Nhiều người trẻ, đặc biệt tại nông thôn, vẫn bị giới hạn cơ hội việc làm do thiếu kỹ năng, đào tạo nghề, và hạ tầng tiếp cận thị trường.

Chi tiêu hộ gia đình

Theo số liệu từ World Bank và Macro Poverty Outlook (tháng 4/2025), tỷ lệ dân số Tanzania sống dưới ngưỡng nghèo theo tiêu chuẩn toàn cầu (tức dưới 2,15 USD/ngày, theo PPP 2017) được ước tính khoảng 42,9% vào năm 2024, giảm nhẹ từ mức 44,3% năm 2021 và 44,6% năm 2020. Trong khi đó, nếu sử dụng ngưỡng nghèo phù hợp với nhóm quốc gia thu nhập trung bình thấp (3,65 USD/ngày, PPP 2017), tỷ lệ nghèo lên đến 74,1% dân số (khoảng 48,7 triệu người) năm 2023.

Chỉ số bất bình đẳng thu nhập (Gini Index) của Tanzania ở mức 40,5 (2018), phản ánh mức độ phân phối thu nhập không đồng đều tương đối cao. Với mức chỉ số này, Tanzania nằm trong nhóm 50 quốc gia có bất bình đẳng cao nhất thế giới (xếp hạng 43 toàn cầu theo CIA). Dữ liệu phân bổ thu nhập cho thấy nhóm 10% dân số giàu nhất chiếm tới 33,1% tổng thu nhập, trong khi 10% nghèo nhất chỉ chiếm 2,9%, cho thấy khoảng cách giàu nghèo vẫn còn rất rõ rệt.

Theo dữ liệu cập nhật từ Cục Thống kê Quốc gia Tanzania (NBS) tính đến cuối năm 2023 và đầu 2024, nhóm hàng tiêu dùng thực phẩm và đồ uống không có cồn chiếm khoảng 28,2% trong rổ CPI (Chỉ số Giá tiêu dùng quốc gia), điều này cũng phản ánh tỷ trọng đáng kể của chi tiêu thực phẩm trong tổng chi tiêu hộ gia đình (*NBS Tanzania, Chiến lược CPI Tháng 5 và 9/2023*). Trong khi đó, nhóm rượu bia và thuốc lá chỉ chiếm khoảng 1,9% trọng số CPI, tương đương tỷ lệ thấp trong tổng chi tiêu hộ (*NBS Tanzania, CPI May 2023*) .

Những số liệu này cho thấy người dân Tanzania vẫn dành khoảng hơn một phần tư ngân sách hộ gia đình để chi cho thực phẩm, phản ánh nhu cầu thiết yếu chiếm vị trí ưu tiên trong sinh hoạt thường ngày. Trong khi đó, chi tiêu cho rượu bia và thuốc lá rất khiêm tốn trong cơ cấu ngân sách — chỉ chiếm dưới 2% theo rổ chi tiêu CPI — cho thấy nhóm hàng hóa này không phổ biến trong sinh hoạt hộ gia đình và không tạo áp lực lớn lên chi tiêu tiêu dùng (*NBS Tanzania CPI*, 2023) .

Kiều hối

Theo Ngân hàng Thế giới, kiều hối—bao gồm các khoản chuyển tiền cá nhân và thu nhập từ lao động nước ngoài—tiếp tục đóng vai trò ổn định trong nền kinh tế Tanzania, đóng góp khoảng **1,0% GDP vào năm 2023**, tăng nhẹ so với **0,93% năm 2022** và **0,79% năm 2021** (*World Bank Data, 2023*). Dù không phải là nguồn thu chủ lực như đầu tư nước ngoài hay xuất khẩu hàng hóa, kiều hối vẫn giữ vai trò thiết yếu trong việc hỗ trợ sinh kế cho các hộ gia đình, đặc biệt ở khu vực nông thôn, giúp cải thiện điều kiện sống, tăng khả năng tiếp cận giáo dục và y tế, cũng như hạn chế tác động tiêu cực từ biến động mùa vụ hoặc thiên tai.

Tài chính

Trong giai đoạn 1967–1992, chính phủ Tanzania đã quốc hữu hóa toàn bộ các ngân hàng tư nhân. Tuy nhiên kể từ năm 1990, chính sách được nới lỏng, cho phép các ngân hàng tư nhân, bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài, hoạt động trở lại. Hiện nay, khoản hơn 25 ngân hàng thương mại đang hoạt động tại quốc gia này, với những tên tuổi lớn như CRDB Bank Plc và NMB Bank Plc. Tính đến cuối năm 2023, CRDB dẫn đầu thị trường với tổng tài sản khoảng 5 tỷ USD, trong khi NMB đạt 4,1 tỷ USD vào năm 2022

và có gần 6 triệu tài khoản khách hàng (CRDB: 13 tỷ TZS ~5,055 tỷ USD; NMB: 10,2 tỷ TZS ~4,106 tỷ USD).

Ngân hàng Nhà nước Bank of Tanzania giữ vai trò ngân hàng trung ương, quản lý chính sách tiền tệ và phát hành đồng Tanzanian shilling (TZS). Đáng chú ý, trong năm 2024 đã diễn ra chuyển đổi cú pháp giao dịch, mở rộng hệ thống kinh doanh số và quản lý rủi ro tỷ giá để hỗ trợ ổn định tài chính vững chắc.

Thị trường vốn được khai thông với việc thành lập Sàn Giao dịch Chứng khoán Dar es Salaam (DSE) vào năm 1996 và bắt đầu giao dịch từ năm 1998. DSE đã từng bước mở rộng: đến đầu năm 2025, có khoảng 27 công ty niêm yết trên sàn chính và 5 công ty trên thị trường SME (Enterprise Growth Market – EGM) .

Tổng giá trị vốn hóa thị trường đạt khoảng 17,9 nghìn tỷ TZS (~7 tỷ USD) vào cuối năm 2024, tăng 22,3% so với năm trước, trong đó vốn hóa nội địa chiếm 12,2 nghìn tỷ TZS, tăng 7%. Các chỉ số thị trường như Tanzania Share Index (TSI) tăng 7,3% lên 4.619 điểm, và All-Share Index (DSEI) tăng khoảng 22,2% lên 2.139,7 điểm từ đầu năm.

Nhiều cổ phiếu thuộc lĩnh vực ngân hàng như CRDB, NMB, cùng các cổ phiếu như Vodacom, Tanzania Breweries (TBL) đóng góp lớn trong giao dịch cổ phiếu và lãi suất thị trường. Ví dụ, trong quý 3 và 4 năm 2024, có hàng triệu cổ phiếu CRDB giao dịch theo phương thức block trade với khối lượng vượt trội, chiếm hơn 80% giá trị giao dịch toàn sàn.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp còn khá yếu, với chỉ một trái phiếu doanh nghiệp mới niêm yết năm 2024 (Tanga UWASA). Trong khi đó, hoạt động trái phiếu chính phủ mạnh, vốn hóa tăng 18% trong 9 tháng đầu năm 2024 lên 23,97 nghìn tỷ TZS.

Thuế và nguồn thu

Thuế và nguồn thu khác của chính phủ Tanzania trong năm 2023 ước đạt khoảng 11,5% GDP, theo dữ liệu từ CIA World Factbook (*CIA, 2024*). Đây là tỷ lệ tương đối thấp so với mức trung bình toàn cầu – thường dao động từ 15% đến 20% GDP ở các quốc gia có thu nhập trung bình – cho thấy năng lực huy động ngân sách công của Tanzania còn hạn chế. Nguyên nhân chính đến từ quy mô lớn của khu vực kinh tế phi chính thức, nơi phần lớn lao động không thuộc diện đóng thuế và hoạt động thương mại chưa được kiểm soát đầy đủ.

Tỷ lệ thu ngân sách thấp cũng phản ánh dư địa cải cách tài khóa vẫn còn đáng kể, đặc biệt là trong việc mở rộng cơ sở thuế, chống thất thu, và nâng cao tuân thủ thuế trong các lĩnh vực như nông nghiệp quy mô nhỏ, khai thác tài nguyên, thương mại bán lẻ và dịch vụ phi chính thức. Theo báo cáo *Africa Tax Outlook 2023* của OECD, cải cách hệ thống thuế ở Tanzania cũng đang được hỗ trợ bởi các tổ chức phát triển quốc tế nhằm tăng tính minh bạch, nâng cao năng lực quản lý thuế, và xây dựng hệ thống thuế công bằng hơn – một yếu tố then chốt để đạt các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

Dự trữ ngoại hối và vàng

Tính đến cuối năm 2024, dự trữ ngoại hối của Tanzania đạt khoảng 5,762 tỉ USD, tăng nhẹ so với mức 5,414 tỉ USD trong quý trước và vượt ngưỡng 5 tỉ USD, đủ trang trải cho khoảng 4,7 tháng nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, đáp ứng tiêu chuẩn của hội nhập khu vực Đông Phi (EAC) là 4,5 tháng (*Bank of Tanzania, Monetary Policy Report Q4/2024*). Theo FocusEconomics, dự trữ này ổn định ở 5,5 tỉ USD trong cả năm 2023 và 2024.

Ngân hàng Trung ương Tanzania đã triển khai chương trình mua vàng nội địa để đa dạng hoá dự trữ ngoại tệ, bắt đầu từ năm tài khóa trước và đặt mục tiêu mua khoảng 6 tấn vàng trong năm tài khóa hiện tại (*Reuters, 2024*).

Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá đồng Tanzanian shilling (TZS) đã ghi nhận đợt điều chỉnh mạnh trong thời gian 2023–2024. Tại tháng 3/2024, dự trữ ngoại tệ là khoảng 5,3 tỉ USD, đủ đáp ứng gần 4,3 tháng nhập khẩu (*Fitch Ratings*). Đến cuối 2024, cải thiện thanh khoản ngoại tệ và chính sách yêu cầu thanh toán nội địa bằng TZS (Section 26 Bank of Tanzania Act) đã giúp đồng shilling phục hồi và giảm tỷ lệ đô la hoá trong nền kinh tế (*Bank of Tanzania*, 2024).

Xếp hạng thuận lợi kinh doanh

Trước khi bị Tổ chức Ngân hàng Thế giới ngừng báo cáo năm 2021 do xuất hiện sai sót dữ liệu chung, Tanzania được xếp hạng 141/190 nền kinh tế (năm 2019, điểm 53.63/100) - tăng nhẹ từ hạng 144 năm 2018 (*World Bank Doing Business*, 2019). Báo cáo năm 2020 được đưa lên mạng xã hội khiêu khích nhiều tranh cãi và sau đó bị rút lại, khiến dữ liệu chính thức từ năm đó không còn được công nhận.

Theo phân tích từ TICGL (Doing Business in Tanzania 2025–2030), nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs)—chiếm hơn 90% doanh nghiệp Tanzania và đóng góp khoảng 35% GDP, sử dụng 60% lực lượng lao động—đang phải đối mặt với nhiều rào cản về thuế, khởi sự doanh nghiệp và hạ tầng kém phát triển. Ví dụ, đăng ký doanh nghiệp mất tới 26 ngày (so với 4 ngày như Rwanda), và nội dung tuân thủ thuế tốn khoảng 195 giờ/năm, gây giảm lợi nhuận và hạn chế tăng trưởng. Điều này là nguyên nhân khiến Tanzania bị tụt lại so với Rwanda (hạng 38) và Kenya (hạng 56) trong bảng xếp hạng *Ease of Doing Business*.

Theo khảo sát *East African Business Council (EABC)* năm 2024, Tanzania đạt điểm 3,39 trên thang 1–5 (1 = rất dễ, 5 = rất khó), tương đương xếp nhóm "khó khăn vừa phải" trong khu vực EAC. Các lĩnh vực như gỡ bỏ rào cản thương mại, tiếp cận tài chính thương mại, và phê duyệt hợp đồng với chính phủ được đánh giá là có mức độ khó hơn so với các quốc gia EAC khác

Năng lượng

Tính đến năm 2022, tỉ lệ gia đình tiếp cận điện lưới tại Tanzania đạt khoảng 45,8% dân số, với mức 74,7% ở thành thị và chỉ 36% tại nông thôn (*CIA World Factbook, 2024*). Dữ liệu do *World Bank Tracking SDG7 Report 2024* cung cấp cho thấy đến cuối năm

2022, tỷ lệ tiếp cận điện lưới tại khu vực nông thôn đã tăng đáng kể, từ 73% năm 2010 lên khoảng 84%, trong khi ở thành thị đạt tới 98% (*World Bank, 2024*) Điều này cho thấy sự khác biệt giữa số liệu chính thức và thống kê dựa trên khảo sát, nhưng xu hướng chung là khả năng phủ sóng điện đã được cải thiện.

Công suất lắp đặt nhà máy điện lưới quốc gia đến năm 2023 đạt khoảng 1,938 MW (*allAfrica/Ministry*, 2023), tăng nhẹ từ mức 1,818 MW theo ước tính trước đó. Theo báo cáo từ *World Bank*, kể từ năm 2020 đến 2023, đã có thêm khoảng 6 triệu người tại Tanzania được kết nối vào lưới điện – đóng góp lớn từ các chương trình mở rộng mạng lưới tại khu vực nông thôn như ProEnergia và dự án IDA.

Tuy nhiên, theo báo cáo của *EWURA (cơ quan quản lý năng lượng Tanzania)*, tổ chức giám sát ngành điện, trong năm tài khóa 2023/24, tổn thất truyền tải và phân phối vẫn ở mức 14,61%, tăng nhẹ so với 14,57% năm trước, cho thấy hiệu suất vận hành của mạng lưới vẫn còn phụ thuộc nhiều vào cải thiện hạ tầng và giảm thất thoát điện năng.

Tổng mức tiêu thụ điện lên đến 11.068 GWh trong năm tài khóa 2023/24, trong đó có khoảng 264 GWh (tương đương 2,4%) nhập khẩu từ các quốc gia láng giềng như Uganda và Zambia. Điều này phản ánh mức độ hội nhập điện trong khu vực và sự phối hợp nội khối mà Tanzania đang đẩy mạnh.

Về sản lượng điện theo nguồn, theo cơ cấu năng lượng năm 2023, điện từ nhiên liệu hóa thạch và khí đốt chiếm hơn 75% tổng sản lượng, trong khi nguồn năng lượng thấp-carbon như thủy điện chỉ chiếm khoảng 25% (2,8 TWh). Mức tiêu thụ bình quân đầu người ghi nhận ở chỉ 167 kWh/người/năm, rất thấp so với mức trung bình toàn cầu (khoảng 3.781 kWh/người), cho thấy hạn chế về khả năng tiếp cận điện cho các nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội tại nhiều khu vực.

Tuy nhiên, với việc đưa vào hoạt động tua-bin đầu tiên của nhà máy thủy điện Julius Nyerere công suất 235 MW vào tháng 2/2024, công suất hệ thống đã tăng từ khoảng 1.900 MW lên gần 2.135 MW. Nhà máy này được kỳ vọng sẽ giảm tình trạng cắt điện theo lịch định kỳ và thúc đẩy tỷ lệ tiếp cận điện cho người dân thành thị và nông thôn.

Chương trình chuyển đổi năng lượng quốc gia được cập nhật trong National Energy Compact 2024 đặt mục tiêu đạt 75% tiếp cận điện toàn quốc vào 2030 và tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo lên 75% tổng sản lượng. Điều này yêu cầu đầu tư lớn vào điện mặt trời, gió, địa nhiệt và thủy điện, cùng với cải cách chính sách để thu hút đầu tư tư nhân hơn 4 tỷ USD trong giai đoạn tới.

Tính đến năm 2023, cơ cấu nguồn phát điện của Tanzania vẫn phụ thuộc lớn vào năng lượng hóa thạch, với 74,5% tổng công suất lắp đặt đến từ nhiên liệu hóa thạch, chủ yếu là khí tự nhiên và dầu diesel. Nguồn thủy điện chiếm 24,6%, là nguồn tái tạo chủ lực trong cơ cấu năng lượng quốc gia. Tuy nhiên, tỷ lệ đóng góp của năng lượng mặt trời và sinh khối – chất thải còn rất khiêm tốn, lần lượt chỉ đạt 0,3% và 0,7% tổng công suất lắp đặt (*CIA World Factbook, 2024*).

Mặc dù Tanzania có tiềm năng lớn về năng lượng tái tạo – đặc biệt là mặt trời và địa nhiệt – việc triển khai các dự án mới vẫn còn chậm, chủ yếu do hạn chế về đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ chế thu hút đầu tư tư nhân. Gần đây, chính phủ đã công bố kế hoạch tăng

cường sản lượng điện từ năng lượng tái tạo lên 30–40% vào năm 2030, theo Kế hoạch Chuyển đổi Năng lượng Quốc gia – National Energy Compact 2024, trong đó ưu tiên phát triển điện mặt trời và thủy điện vừa và nhỏ (*World Bank, 2024*).

Về khai thác than, Tanzania sản xuất khoảng 2,34 triệu tấn than đá trong năm 2023, tiêu thụ nội địa khoảng 740.000 tấn, và xuất khẩu hơn 1,6 triệu tấn – chủ yếu sang các thị trường trong khu vực như Kenya và Uganda. Lượng than nhập khẩu không đáng kể, chỉ khoảng 21 tấn trong cùng năm (*CIA, 2024*). Nước này có trữ lượng than đã được chứng minh lên tới 1,41 tỷ tấn, phân bố chủ yếu ở các khu vực như Songwe, Rukwa và Mbeya – cho thấy tiềm năng lớn trong việc phát triển các nhà máy nhiệt điện quy mô trung bình hoặc xuất khẩu than công nghiệp.

Tiêu thụ xăng dầu tinh luyện tại Tanzania được ước tính vào khoảng 85.000 thùng/ngày trong năm 2023, phục vụ chủ yếu cho giao thông, sản xuất công nghiệp nhẹ, và phát điện dự phòng. Hiện Tanzania chưa có nhà máy lọc dầu quy mô lớn; toàn bộ sản phẩm xăng dầu đều nhập khẩu từ các nước Trung Đông, với hệ thống phân phối được quản lý bởi các công ty tư nhân và một số tập đoàn nhà nước như TPDC và EWURA (*CIA World Factbook, 2024*; *Ministry of Energy, 2023*).

Tanzania là quốc gia có tiềm năng đáng kể về khí tự nhiên, với trữ lượng đã được chứng minh đạt 6,513 tỷ m^3 tính đến năm 2021 (CIA, 2024). Trong năm 2023, sản lượng khí tự nhiên đạt khoảng 2,016 tỷ m^3, đồng thời toàn bộ lượng khí này được tiêu thụ trong nước, cho thấy sự phụ thuộc tăng dần vào khí tự nhiên như một nguồn năng lượng chuyển tiếp, thay thế dần nhiên liệu lỏng trong một số lĩnh vực như phát điện và công nghiệp (*Tanzania Petroleum Development Corporation, 2024*).

Việc phát triển các mỏ khí ngoài khơi tại khu vực Mtwara và Lindi trong thập niên qua đã giúp Tanzania giảm dần nhập khẩu nhiên liệu cho phát điện, đồng thời cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy xi măng, thép và phân bón. Tuy nhiên, phần lớn khí tự nhiên vẫn được sử dụng ở mức sơ cấp hoặc đốt trực tiếp, do hạn chế về công nghệ và thiếu cơ sở hạ tầng xử lý sâu (như hóa lỏng – LNG). Chính phủ hiện đang đàm phán với các nhà đầu tư quốc tế để triển khai dự án LNG Terminal tại Lindi, kỳ vọng đưa vào hoạt động từ năm 2030 (*Reuters, 2024*).

Về mặt môi trường, phát thải carbon dioxide (CO_2) của Tanzania trong năm 2023 đạt khoảng 17,707 triệu tấn, đứng thứ 95 toàn cầu. Phần lớn lượng phát thải này đến từ nhiên liệu lỏng và dầu mỏ (chiếm 12,066 triệu tấn CO_2), tiếp đến là khí tự nhiên tiêu thụ (3,954 triệu tấn) và than đá – luyện kim (1,687 triệu tấn) (*CIA, 2024*). Dù mức phát thải tính tuyệt đối còn thấp so với các nền kinh tế công nghiệp, Tanzania đang chịu áp lực gia tăng từ quá trình đô thị hóa nhanh và mở rộng quy mô công nghiệp.

Về hiệu suất sử dụng năng lượng, mức tiêu thụ năng lượng bình quân đầu người của Tanzania vẫn ở mức rất thấp, chỉ đạt khoảng 4,091 triệu Btu/người/năm trong năm 2023 – xếp thứ 174 toàn cầu (*CIA, 2024*). Điều này phản ánh thực tế rằng đa số người dân, đặc biệt tại nông thôn, vẫn dựa vào các nguồn năng lượng truyền thống như củi, than tổ ong và dầu hỏa cho sinh hoạt hàng ngày. Mức tiêu thụ thấp cũng là dấu hiệu của khoảng

cách về tiếp cận năng lượng hiện đại, đồng thời cho thấy tiềm năng tăng trưởng mạnh nếu hạ tầng năng lượng được cải thiện trong thập niên tới.

Truyền thông

Tính đến năm 2023, số thuê bao điện thoại cố định tại Tanzania chỉ đạt khoảng 76.000, tương đương dưới 0,1 thuê bao trên 100 dân (CIA, 2024). Con số rất thấp này phản ánh xu hướng chuyển dịch nhanh sang điện thoại di động và sự thiếu hụt hạ tầng cáp đồng cho dịch vụ cố định, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

Ngược lại, thị trường viễn thông di động bùng nổ với khoảng 70,2 triệu thuê bao (2023), đạt 92 thuê bao trên 100 dân (GSMA, 2024). Các nhà mạng lớn như Vodacom Tanzania, Tigo Tanzania, Airtel và Halotel chiếm lĩnh thị trường, liên tục mở rộng mạng 4G và tiến tới thử nghiệm 5G tại các thành phố lớn như Dar es Salaam và Dodoma. Nhờ đó, tỷ lệ bao phủ dịch vụ di động vượt 98% dân số, góp phần quan trọng trong kết nối tài chính số, giáo dục trực tuyến và thương mại điện tử.

Về truyền thông đại chúng, Tanzania hiện có khoảng 45 đài truyền hình, trong đó 13 kênh quốc gia phát sóng miễn phí; và 196 đài phát thanh, chủ yếu hoạt động ở quy mô cấp quận, bên cạnh 5 đài quốc gia độc lập và 1 đài quốc gia nhà nước (CIA, 2024). Ngoài ra, người dân còn tiếp cận các kênh quốc tế thông qua truyền hình vệ tinh, với khoảng 3 nhà cung cấp dịch vụ vệ tinh chính đang hoạt động. Theo ITU (2023), tỷ lệ hộ gia đình có TV đạt 60% ở thành thị và 28% ở nông thôn, phản ánh khả năng tiếp cận thông tin qua truyền hình vẫn còn khoảng cách vùng miền.

Bên cạnh đó, tỷ lệ người dùng Internet di động tại Tanzania đã tăng lên 52% dân số vào cuối năm 2023 (GSMA Mobile Economy Africa 2024), trong khi kết nối băng rộng cố định vẫn chiếm dưới 2%. Các dự án cáp quang quốc gia (Tanzania National ICT Broadband Backbone – NICTBB) và các chương trình phối hợp với Liên minh Viễn thông toàn cầu (ITU) đang từng bước cải thiện chất lượng, giá cước và độ phủ sóng Internet băng rộng, góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn.

Tính đến năm 2023, mã quốc gia Internet của Tanzania là ".tz" – một mã cấp quốc gia (ccTLD) được sử dụng phổ biến bởi các tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước trong nước (CIA, 2024).

Theo ước tính của CIA World Factbook, tỷ lệ người sử dụng Internet tại Tanzania đạt khoảng 29% dân số vào năm 2023 – tương đương khoảng 19,6 triệu người dùng, dựa trên dân số hơn 67 triệu. Mặc dù tỷ lệ này vẫn còn tương đối thấp so với mức trung bình toàn cầu (khoảng 66% năm 2023 theo ITU), song đã có cải thiện đáng kể so với các năm trước, nhờ giá thiết bị ngày càng hợp lý, sự phổ biến của điện thoại thông minh và chính sách khuyến khích chuyển đổi số.

Dịch vụ băng rộng cố định vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ sở hạ tầng viễn thông, với chỉ khoảng 1,66 triệu thuê bao, tương đương 2 thuê bao trên 100 dân (CIA, 2024).

Đây là hệ quả của nhiều yếu tố, bao gồm chi phí lắp đặt cao, hạ tầng cáp quang chưa phủ rộng toàn quốc, và nhu cầu băng thông tại hộ gia đình chưa cao ở nông thôn.

Tuy nhiên, theo báo cáo *Digital 2024 Tanzania* (DataReportal, We Are Social & Meltwater), truy cập Internet qua mạng di động đang chiếm ưu thế, chiếm hơn 95% lượng truy cập thực tế. Các nhà mạng như Vodacom, Airtel, Tigo và Halotel đang tiếp tục mở rộng vùng phủ sóng 4G và từng bước triển khai thử nghiệm 5G tại các thành phố lớn như Dar es Salaam, Arusha và Dodoma.

Việc triển khai hạ tầng ICT quốc gia như mạng cáp quang NICTBB (National ICT Broadband Backbone) và các chính sách như Zero-Rating dữ liệu giáo dục, y tế đã góp phần thúc đẩy kết nối số toàn diện hơn. Tuy nhiên, khoảng cách số giữa khu vực đô thị – nông thôn, giới tính và nhóm thu nhập thấp – cao vẫn còn là thách thức lớn đối với mục tiêu phổ cập kỹ thuật số đến năm 2030 của Chính phủ Tanzania.

Giao thông vận tải

Tính đến năm 2025, mã đăng ký máy bay dân dụng của Tanzania là "5H", theo hệ thống mã chuẩn của Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO). Đây là tiền tố bắt buộc được sử dụng để nhận diện quốc tịch của các máy bay dân dụng đã đăng ký tại quốc gia này trên toàn cầu (CIA, 2024).

Tanzania hiện có 206 sân bay, xếp thứ 31 thế giới về tổng số sân bay (CIA, 2025). Trong đó, Sân bay Quốc tế Julius Nyerere tại Dar es Salaam là cảng hàng không chính, chiếm phần lớn lưu lượng vận chuyển hành khách và hàng hóa quốc tế. Ngoài ra, các sân bay quan trọng khác gồm Kilimanjaro (phục vụ du lịch khu vực phía bắc) và Abeid Amani Karume (Zanzibar). Chính phủ đang đầu tư mạnh vào nâng cấp hạ tầng hàng không nhằm phục vụ tăng trưởng du lịch và logistics.

Hệ thống đường sắt của Tanzania có tổng chiều dài 4.097 km tính đến năm 2022, bao gồm 421 km đường ray khổ tiêu chuẩn (standard gauge) – chủ yếu là tuyến mới thuộc Dự án Đường sắt Trung tâm (SGR) kết nối Dar es Salaam với các vùng nội địa. Ngoài ra, còn có 969 km đường ray khổ hẹp (1.067 m) và 2.707 km đường ray khổ rộng (1.000 m), phần lớn thuộc về các tuyến cũ do Tanzania Railways Corporation (TRC) và TAZARA vận hành. Việc phát triển mạng lưới đường sắt hiện đại là ưu tiên trong Chiến lược Phát triển Công nghiệp hóa và Kết nối Nội địa đến năm 2030 của Chính phủ.

Về đội thương thuyền, Tanzania sở hữu 381 tàu (2023), trong đó có 170 tàu hàng tạp hóa, 58 tàu chở dầu, 17 tàu container và 4 tàu chở hàng rời, còn lại là các loại tàu khác. Với đội tàu đứng thứ 51 toàn cầu về số lượng, Tanzania có vai trò ngày càng quan trọng trong vận tải biển khu vực Đông Phi, đặc biệt nhờ vào vị trí chiến lược bên bờ Ấn Độ Dương.

Hiện Tanzania có 8 cảng biển, gồm 1 cảng cỡ trung bình, 3 cảng nhỏ và 4 cảng rất nhỏ (CIA, 2024). Không có cảng lớn theo phân loại quốc tế. Bốn cảng có bến tiếp nhận dầu mỏ, phục vụ nhập khẩu năng lượng và tái xuất cho các quốc gia không giáp biển như Zambia, Rwanda và Burundi. Các cảng trọng yếu gồm Dar es Salaam – trung tâm hàng hải lớn nhất, Tanga, Zanzibar và Chake Chake (trên đảo Pemba). Theo African

Development Bank (2023), cảng Dar es Salaam hiện đang được mở rộng công suất và nâng cấp kỹ thuật theo hướng cảng thông minh nhằm giảm chi phí logistics và thời gian thông quan.

Quân sự và Quốc phòng

Lực lượng quân sự và an ninh của Tanzania được tổ chức dưới tên gọi Lực lượng Phòng vệ Nhân dân Tanzania (Tanzania People's Defense Forces – TPDF, hay *Jeshi la Wananchi la Tanzania – JWTZ*), bao gồm các nhánh chính: Lục quân, Hải quân, Không quân, Quân đội Xây dựng Quốc gia (*Jeshi la Kujenga Taifa – JKT*), và lực lượng Dự bị. Trong đó, JKT đóng vai trò đặc biệt là một tổ chức bán quân sự chuyên trách đào tạo thanh niên trong 6 tháng về kỹ năng quân sự và nghề nghiệp như một phần của chương trình phục vụ cộng đồng kéo dài 2 năm. Sau khi hoàn thành, một số được tuyển vào quân đội chính quy, trong khi phần còn lại trở thành quân dự bị (CIA, 2025).

Bộ Nội vụ Tanzania chịu trách nhiệm quản lý Lực lượng Cảnh sát Tanzania (*Jeshi la Polisi Tanzania*), lực lượng chính đảm bảo an ninh trật tự nội địa. Trong đó, có đơn vị đặc biệt là Lực lượng Cảnh sát Dã chiến (Police Field Force Unit – FFU) chuyên xử lý biểu tình trái phép, bạo loạn và các tình huống an ninh công cộng quy mô lớn.

Về chi tiêu quốc phòng, Tanzania dành khoảng 1,4% GDP cho quân sự trong năm 2024, tăng nhẹ so với các năm trước (1,3% năm 2023, 1,2% năm 2022 và 1,1% năm 2021), theo dữ liệu mới nhất từ CIA World Factbook. Mức chi tiêu này tương đương với xu hướng khu vực Đông Phi, trong đó ngân sách quốc phòng chủ yếu tập trung vào nâng cấp năng lực phòng thủ lãnh thổ, hiện đại hóa thiết bị quân sự lạc hậu và đào tạo nhân lực.

Tanzania giữ lập trường trung lập trong chính sách quốc phòng, không tham gia các liên minh quân sự bắt buộc nhưng đóng góp tích cực vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, đặc biệt tại Cộng hòa Dân chủ Congo và Nam Sudan. Ngoài ra, quốc gia này đang đẩy mạnh hợp tác an ninh khu vực thông qua các cơ chế đa phương như Cộng đồng Đông Phi (EAC) và Cộng đồng Phát triển miền Nam châu Phi (SADC), nhất là trong các lĩnh vực chống khủng bố, chống buôn người và tội phạm xuyên quốc gia.

Tính đến năm 2025, Tanzania duy trì lực lượng thường trực khoảng 25.000 quân nhân trong các đơn vị thuộc Lực lượng Phòng vệ Nhân dân Tanzania (TPDF). Đây là lực lượng chủ lực gồm Lục quân, Hải quân, Không quân và lực lượng Xây dựng Quốc gia (JKT), với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, tham gia huấn luyện quân sự cơ bản cho thanh niên và đóng góp vào các sứ mệnh gìn giữ hòa bình quốc tế (CIA World Factbook, 2025).

Trang thiết bị quân sự của Tanzania phần lớn có nguồn gốc từ Trung Quốc và Liên Xô/Nga, chủ yếu thuộc thế hệ cũ. Trong những năm gần đây, quốc gia này đã bắt đầu từng bước hiện đại hóa một số khí tài thông qua hợp tác song phương với các nước như Trung Quốc, Nga, và Ấn Độ, song tiến trình vẫn còn chậm do hạn chế ngân sách và

năng lực công nghiệp quốc phòng nội địa (CIA, 2024; Stockholm International Peace Research Institute – SIPRI, 2024).

Về nghĩa vụ quân sự, Tanzania quy định độ tuổi nhập ngũ là từ 18 đến 25 tuổi cho cả nam và nữ, theo hình thức tình nguyện. Cam kết ban đầu kéo dài 6 năm, sau đó có thể gia hạn theo hợp đồng 2 năm. Ngoài ra, tuyển quân bắt buộc được thực hiện chọn lọc trong khuôn khổ chương trình phục vụ công cộng kéo dài 2 năm, trong đó có 6 tháng huấn luyện quân sự bắt buộc thông qua tổ chức JKT (CIA, 2024).

Trên trường quốc tế, Tanzania là một trong những quốc gia châu Phi đóng góp tích cực cho các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc và khu vực. Tính đến năm 2025, Tanzania có:

- 520 quân nhân tại Cộng hòa Trung Phi trong khuôn khổ phái bộ MINUSCA;
- hơn 1.000 quân nhân tại Cộng hòa Dân chủ Congo tham gia MINUSCO và lực lượng khu vực của Cộng đồng Phát triển Miền Nam châu Phi (SADC);
- 125 quân nhân tại Lebanon (UNIFIL);
- khoảng 300 quân nhân tại Mozambique, hỗ trợ chính phủ nước này đối phó với lực lượng nổi dậy Hồi giáo ở tỉnh Cabo Delgado theo thỏa thuận song phương (CIA, 2025; UN Peacekeeping Troop Contributions, 2024).

Sự hiện diện quốc tế của lực lượng Tanzania phản ánh cam kết của nước này trong việc gìn giữ hòa bình và ổn định khu vực, đồng thời đóng vai trò nâng cao năng lực tác chiến và ngoại giao quốc phòng. Đây cũng là một phần trong chính sách quốc phòng hòa bình, không can dự vào các liên minh quân sự đối đầu, nhưng tích cực hợp tác đa phương để đảm bảo an ninh khu vực.

Khủng bố

Tính đến năm 2024, Tanzania vẫn phải đối mặt với mối đe dọa từ hai nhóm khủng bố chính là al-Shabaab và Nhà nước Hồi giáo Iraq và Levant (Islamic State of Iraq and ash-Sham – ISIS), đặc biệt là tại các khu vực biên giới phía nam giáp Mozambique, nơi có nguy cơ lây lan xung đột vũ trang từ tỉnh Cabo Delgado.

Vấn đề xuyên biên giới tại Tanzania

Tanzania tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức xuyên biên giới, đặc biệt liên quan đến dòng người tị nạn và hoạt động buôn bán ma túy trái phép – những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến an ninh, ổn định xã hội và quản trị biên giới quốc gia.

Người tị nạn và người di dời nội địa

Tính đến năm 2024, Tanzania đang tiếp nhận một số lượng lớn người tị nạn từ các quốc gia láng giềng, chủ yếu đến từ Burundi (112.779 người) và Cộng hòa Dân chủ Congo – DRC (89.163 người). Hầu hết trong số này cư trú tại các trại tị nạn lớn như Nyarugusu,

Mtendeli và Nduta, nằm tại các vùng gần biên giới phía tây. Việc tiếp nhận người tị nạn diễn ra trong bối cảnh Tanzania có chính sách tương đối nghiêm ngặt về di cư và đang chịu áp lực từ việc cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục, lương thực và an ninh cho cộng đồng tị nạn.

Tuy chính phủ Tanzania đã hợp tác với Cao ủy Liên Hợp Quốc về người tị nạn (UNHCR) và các tổ chức nhân đạo để bảo đảm điều kiện sống cơ bản cho người tị nạn, nhưng thiếu hụt tài trợ quốc tế và những hạn chế trong hệ thống đăng ký – quản lý khiến việc hỗ trợ gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và xung đột tại khu vực Hồ Lớn vẫn tiếp diễn.

Buôn bán ma túy trái phép

Tanzania hiện đang đóng vai trò là quốc gia trung chuyển quan trọng trong mạng lưới buôn bán ma túy tại Đông Phi, theo đánh giá năm 2023 của CIA World Factbook. Các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia đã sử dụng lãnh thổ Tanzania như một điểm trung chuyển ma túy, đặc biệt là heroin và methamphetamine, từ châu Á qua bờ biển Ấn Độ Dương, sau đó tiếp tục chuyển tới các thị trường ở châu Phi, châu Âu và Bắc Mỹ.

Ngoài ra, Tanzania cũng trồng cần sa và khat phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu sang các nước trong khu vực. Dù được coi là truyền thống tại một số cộng đồng, việc mở rộng canh tác các loại cây này đang đặt ra nhiều lo ngại về môi trường và an ninh nông thôn, nhất là khi liên quan đến các đường dây buôn bán vũ khí và lao động cưỡng bức.

Việc gia tăng sử dụng ma túy trong nước, nhất là heroin và methamphetamine, đang làm gia tăng gánh nặng cho hệ thống y tế và an ninh xã hội. Chính phủ Tanzania đã thiết lập các chương trình điều trị cai nghiện và chiến dịch truyền thông phòng ngừa, song vẫn cần nhiều hơn nữa sự hỗ trợ quốc tế về năng lực kiểm soát biên giới, truy vết tài chính phi pháp và hợp tác tư pháp quốc tế.

Chương 3: KINH DOANH

Tổng quan thị trường

Cộng Hòa Liên Bang Tanzania hiện là thị trường đầy tiềm năng với dân số khoảng 67 triệu người (2025), vượt cả Nam Phi và chỉ nhỉnh hơn một chút so với Ý. Quốc gia này đã chính thức được Ngân hàng Thế giới nâng cấp từ nhóm thu nhập thấp lên nhóm thu nhập trung bình thấp (lower-middle-income country) vào ngày 1/7/2020, khi thu nhập quốc dân bình quân (GNI) vượt ngưỡng $1.036 – một mốc quan trọng phản ánh sự phát triển kinh tế bền vững và ổn định vĩ mô.

Kể từ năm 2000, Tanzania đã duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức 6–7% mỗi năm, nhờ môi trường chính trị tương đối ổn định và các chính sách kinh tế vĩ mô hợp lý. Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 đã gây tác động tiêu cực đến nền kinh tế, khiến tốc độ tăng trưởng năm 2020 giảm mạnh còn khoảng 2%, đồng thời lần đầu tiên sau hơn 25 năm, thu nhập bình quân đầu người suy giảm. Dù vậy, nền kinh tế đã nhanh chóng phục hồi trong các năm sau đó. Theo cập nhật từ Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tốc độ tăng trưởng GDP thực tế của Tanzania đạt khoảng 5,0% trong năm 2023 và tiếp tục tăng lên 5,1% trong quý đầu năm 2024, với dự báo cả năm đạt khoảng 5,5%. Mức tăng trưởng này được hỗ trợ bởi xuất khẩu nông sản, vàng, du lịch, điều kiện thời tiết thuận lợi và sự cải thiện trong việc tiếp cận điện năng.

Tuy nhiên, tốc độ tăng dân số nhanh – khoảng 2,8% mỗi năm và là một trong những mức cao nhất thế giới – vẫn là thách thức lớn đối với việc nâng cao thu nhập bình quân đầu người. Năm 2023, tổng dân số ước đạt khoảng 66,6 triệu người, trong khi GDP bình quân đầu người vẫn ở mức tương đối thấp, khoảng 1.149 USD. Điều này phản ánh áp lực của tăng trưởng dân số đối với các dịch vụ công và cơ sở hạ tầng, cũng như nhu cầu nâng cao năng suất lao động trong các ngành kinh tế trọng điểm.

Du lịch tiếp tục là ngành đóng vai trò chủ lực trong nền kinh tế Tanzania. Trước đại dịch, năm 2019, ngành này đóng góp ít nhất 17% GDP và thu hút tới 25% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Mặc dù ngành du lịch chịu tác động nặng nề trong giai đoạn 2020–2021, sự phục hồi mạnh mẽ đã được ghi nhận. Theo báo cáo của Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (WTTC), năm 2023, ngành du lịch đã đóng góp khoảng 9,5% GDP, tạo ra 1,4 triệu việc làm trực tiếp và mang lại tổng doanh thu hơn 18,6 nghìn tỷ TZS. Khách du lịch quốc tế chi tiêu khoảng 8 nghìn tỷ TZS, trong khi du lịch nội địa đóng góp thêm 3,7 nghìn tỷ TZS, cho thấy sự phục hồi rõ rệt cả về nguồn khách lẫn mức chi tiêu. Bên cạnh đó, tăng giá vàng – một mặt hàng xuất khẩu chủ lực – đã giúp bù đắp phần nào thiệt hại từ du lịch trong giai đoạn cao điểm dịch bệnh, đồng thời góp phần cải thiện cán cân vãng lai, vốn thâm hụt 5,5 tỷ USD vào năm 2022 nhưng đã giảm xuống còn khoảng 959 triệu USD trong quý II/2024.

Tổng thể, nền kinh tế Tanzania đang cho thấy đà phục hồi tích cực, với kỳ vọng tăng trưởng tiếp tục duy trì ở mức 5,5–6% trong năm 2025. Tuy nhiên, các thách thức như bất bình đẳng thu nhập, tăng trưởng dân số nhanh và năng lực tài khóa hạn chế vẫn đòi hỏi những nỗ lực cải cách mạnh mẽ hơn trong trung và dài hạn.

Chính phủ Tanzania đặt mục tiêu trở thành nền kinh tế trung bình cao (upper-middle-income) vào năm 2050, tiếp nối tầm nhìn phát triển quốc gia Vision 2025–2050. Thành

phần đóng góp tăng trưởng chủ yếu bao gồm: giao thông vận tải, cơ sở hạ tầng, truyền thông, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, du lịch, bất động sản và dịch vụ kinh doanh. Ngành chế biến nông – khoáng sản và công nghiệp hỗ trợ đang được ưu tiên phát triển để nâng giá trị nội địa và thúc đẩy xuất khẩu.

Thách thức thị trường

Tanzania vẫn đối diện với nhiều thách thức lớn trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, trong đó đáng chú ý là quan liêu hành chính, tham nhũng và cơ sở hạ tầng chưa phát triển đồng bộ. Các thủ tục hành chính còn phức tạp, thời gian xử lý chậm ở nhiều cấp ban ngành tạo ra khoảng trống để tham nhũng được sử dụng nhằm đẩy nhanh quá trình phê duyệt giấy phép, cấp phép và các dịch vụ kinh doanh.

Chính phủ Tanzania đã triển khai nhiều biện pháp nhằm khắc phục các vấn đề này. Hệ thống đăng ký và cung cấp dịch vụ công qua nền tảng số như TEHAMA, GePG, TANCIS được phát triển nhằm đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian giao dịch với cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, nhiều hệ thống kỹ thuật hiện tại thường bị lỗi, gián đoạn hoặc hoạt động không liên kết, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoàn tất hồ sơ và tuân thủ đúng hạn. Theo báo cáo đánh giá tác động gần đây, một số trung tâm dịch vụ một cửa vẫn thiếu nhân lực thực thi và chức năng kỹ thuật cần thiết, trong khi các kênh tiếp nhận phản hồi từ doanh nghiệp còn hạn chế, khiến nhiều vấn đề không được xử lý kịp thời.

Về cơ sở hạ tầng, mặc dù Tanzania đã ưu tiên cải thiện mạng lưới giao thông và năng lượng, nhưng vẫn tồn tại những hạn chế. Đường bộ dù đã được cải thiện, khối lượng doanh nghiệp phàn nàn giảm từ khoảng 38% năm 2013 xuống 9,4% năm 2023 do hạ tầng cơ bản được đầu tư nhiều hơn, nhưng mật độ đường quốc gia hiện chỉ đạt 9,6 km/100 km², thấp so với nhu cầu phát triển khu vực nội địa.

Dự án đường sắt khổ tiêu chuẩn (Standard Gauge Railway – SGR) dài khoảng 541 km nối Dar es Salaam – Dodoma, là một phần của hệ thống dự kiến dài 2.561 km kết nối vùng nội địa và khu vực Hồ Victoria – Kigoma. Đây là bước tiến quan trọng để nâng cao hiệu quả vận tải hàng hóa, đặc biệt trong khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, dự án vẫn thiếu vốn hoàn thiện các giai đoạn tiếp theo và cần huy động thêm từ cả Ngân hàng Phát triển Châu Phi (AffDB) và các đối tác quốc tế.

Hệ thống năng lượng tiếp tục là điểm nghẽn lớn với nhiều doanh nghiệp than phiền về tình trạng cung cấp điện không ổn định, do lưới điện cũ, máy biến áp quá tải và thiếu dịch vụ bảo trì hiệu quả. Dù tỷ lệ truy cập điện hiện tăng lên gần 48,3% vào năm 2023 (so với 14,8% năm 2010), chất lượng dịch vụ vẫn thấp hơn so với các nước trong khu vực như Kenya và Rwanda.

Ngoài ra, khả năng tiếp cận tài chính vẫn là thách thức lớn. Tỷ lệ tín dụng cho khu vực tư nhân chiếm chỉ 16,4% GDP (năm 2023), thấp hơn đáng kể so với Rwanda (22,7%), Kenya (31,6%) và mức trung bình châu Phi hạ Sahara (33,4%). Hơn 80% doanh nghiệp

Tanzania tự tài trợ hoạt động, bởi các thị trường vốn còn sơ khai và hệ thống thông tin tín dụng chưa phát triển đầy đủ.

Các nhà đầu tư cũng phản ánh sự không nhất quán trong chính sách và thay đổi thường xuyên của quy định, khiến môi trường đầu tư thiếu ổn định, khó lên kế hoạch dài hạn. Song song đó, thiếu lao động có kỹ năng cao trong các ngành công nghiệp chiến lược như công nghệ, du lịch cao cấp, chế biến chế tạo vẫn là điểm yếu ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Tanzania.

Nhìn về phía cải cách, chính phủ đã ban hành Khung Chiến lược Kinh tế số 2024–2034, đẩy mạnh kết nối số, dữ liệu mở và cải thiện hạ tầng ICT. Các trung tâm PPP cũng được lập ra để thu hút đầu tư tư nhân trong các dự án đường bộ, cảng biển, xử lý rác, năng lượng và giao thông đô thị. Tuy vậy, cần cải thiện nền tảng thể chế, minh bạch và năng lực quản lý PPP để đạt hiệu quả thực sự.

Doanh nghiệp Việt Nam mong muốn đầu tư vào Tanzania cần cân nhắc về:

- Tính phức hợp và chậm trễ của hệ thống hành chính hiện nay, mặc dù chính phủ đã số hóa nhiều quy trình nhưng vẫn cần thời gian củng cố;
- Hạn chế về cơ sở hạ tầng, đặc biệt đường bộ, đường sắt và điện;
- Thiếu tín dụng dễ tiếp cận, chi phí vay cao và thiếu thị trường vốn;
- Yếu kỹ năng lao động và sự thay đổi chính sách thiếu dự báo dài hạn.

Cơ hội thị trường

Tanzania hiện nổi lên với ba lĩnh vực có tiềm năng lớn: công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), cơ sở hạ tầng, và nông nghiệp & chế biến nông sản. ICT là ngành đang phát triển nhanh với chính sách khuyến khích từ chính phủ: hạ tầng băng rộng quốc gia (NICTBB) đang được mở rộng để đạt ít nhất 15.000 km cáp quang năm 2025 và triển khai mạng 3G, 4G và thử nghiệm 5G tại các thành phố lớn như Dar es Salaam và Arusha. Khu vực khởi nghiệp công nghệ, ví điện tử và fintech đang bùng nổ nhờ mức thâm nhập di động và thanh toán số tăng nhanh.

Ngành cơ sở hạ tầng là ưu tiên chiến lược quốc gia. Dự án đường sắt khổ tiêu chuẩn (SGR) dài 541 km nối Dar es Salaam và Dodoma đã hoàn thành năm 2024, với mục tiêu mở rộng mạng đến Mwanza và Kigoma – tạo liên kết vận tải vùng có thể tăng tải hàng khoáng sản như niken từ Burundi ra cảng Dar es Salaam. Cùng với đó là các đầu tư lớn vào cảng biển, sân bay và mạng lưới đường bộ, tạo nhiều cơ hội hợp tác trong cung cấp công nghệ, thiết bị xây dựng và dịch vụ kỹ thuật.

Nông nghiệp vẫn là động lực kinh tế chủ lực, chiếm khoảng 65% lực lượng lao động và gần 27% GDP năm 2023. Chính phủ ngày càng khuyến khích đầu tư vào cơ giới hóa, hệ thống tưới tiêu và chế biến sau thu hoạch nhằm tăng năng suất và giá trị gia tăng cho

sản phẩm nông nghiệp. Các mặt hàng như cà phê, hạt điều, tôm, chè vẫn có nhu cầu xuất khẩu lớn vào thị trường Đông Á và EU.

Bên cạnh đó, tầng lớp trung lưu ở Tanzania đang tăng nhanh, dẫn đến nhu cầu tiêu dùng sản phẩm cao cấp, điện tử, hàng tiêu dùng và dịch vụ nhập khẩu. Người tiêu dùng tầng lớp này rất quan tâm đến thương hiệu và chất lượng sản phẩm quốc tế, tạo cơ hội cho hàng hóa Việt Nam cạnh tranh nếu đảm bảo tiêu chuẩn và thương hiệu rõ ràng.

Ngoài ra, mối quan hệ hợp tác Việt Nam – Tanzania đang được củng cố mạnh mẽ, đặc biệt sau chuyến thăm Việt Nam của đoàn quan chức Tanzania vào đầu năm 2025. Hai nước đã thống nhất mở rộng hợp tác trong lĩnh vực ICT, đầu tư nông nghiệp chế biến, dệt may, và khai khoáng; Việt Nam cũng đầu tư vào các dự án truyền thông và xây dựng hạ tầng tại Tanzania, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt tham gia thị trường này.

Tanzania hiện là thị trường đầy tiềm năng cho doanh nghiệp Việt với cơ hội lớn trong ba lĩnh vực: ICT (phát triển ứng dụng, fintech, kết nối số), cơ sở hạ tầng (đường sắt, cảng, năng lượng) và agribusiness (đầu vào công nghệ, chế biến xuất khẩu); cùng với nhu cầu tiêu dùng gia tăng từ tầng lớp trung lưu và nền hợp tác Việt – Tanzania ngày càng khởi sắc.

Chiến lược xâm nhập thị trường

Để thành công tại thị trường Tanzania, doanh nghiệp Việt Nam cần thấu hiểu văn hóa kinh doanh địa phương, đặc tính tiêu dùng và cách thức người dân đưa ra quyết định mua hàng. Dù có sự đa dạng về dân tộc và vùng miền, nhưng thị hiếu tiêu dùng tại các vùng cũng tương tự nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai sản phẩm ở phạm vi quốc gia mà không cần điều chỉnh nhiều.

Bước đầu thuận lợi có thể là hợp tác với đại lý hoặc nhà phân phối địa phương thay vì tự đầu tư thiết lập kênh phân phối riêng. Cách tiếp cận này giúp tiết kiệm chi phí vốn và tiếp cận nhanh với mạng lưới hiện có. Ngoài ra, tham gia đấu thầu các gói thầu chính phủ thông qua đối tác nội địa cũng là kênh hiệu quả — chính phủ thường công bố các gói thầu trên cổng thông tin công và báo chí như *The Citizen* hoặc *Daily News*.

Hình thức liên doanh (joint venture) và nhượng quyền (franchise) đang được khuyến khích rộng rãi. Nhiều công ty quốc tế đã hợp tác với doanh nghiệp địa phương để phân phối sản phẩm/dịch vụ, khai thác thị trường hiệu quả và chia sẻ rủi ro.

Về pháp lý, doanh nghiệp cần đăng ký đúng theo quy trình do Cơ quan Đăng ký và Cấp phép Kinh doanh (BRELA) quy định. Các giấy phép bổ sung có thể được xin qua Cơ quan Đầu tư Tanzania (TIC) nếu đủ điều kiện, giúp hưởng ưu đãi như miễn thuế, quyền sử dụng lao động nước ngoài và cam kết bảo vệ đầu tư.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể xem xét các hình thức khác như xuất khẩu trực tiếp hoặc gián tiếp (qua trung gian), liên minh chiến lược (strategic alliance), sáp nhập & mua lại

(M&A) trong các ngành đòi hỏi quyền kiểm soát cao như tài chính, viễn thông và khai khoáng.

Một số điểm cần lưu ý khi triển khai

- Theo kinh nghiệm thực tế, việc chọn đối tác địa phương uy tín và xây dựng văn bản hợp tác rõ ràng (ví dụ như shareholder agreement) là điều thiết yếu để bảo vệ quyền lợi và tránh rủi ro pháp lý.

- Luôn tuân thủ nghĩa vụ thuế và sổ sách kế toán đầy đủ, đảm bảo các giao dịch thanh toán minh bạch qua các kênh như Mpesa hoặc chuyển khoản ngân hàng để tránh rủi ro pháp lý và tài chính.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, các chiến lược xâm nhập Tanzania phù hợp có thể bao gồm:

- Hợp tác với đại lý/distributor hoặc tham gia đấu thầu qua đối tác;

- Thành lập liên doanh hoặc nhượng quyền với doanh nghiệp địa phương;

- Sử dụng các hình thức hợp tác linh hoạt như liên minh chiến lược hoặc M&A tùy theo ngành;

- Tuân thủ pháp lý chặt chẽ, tìm hiểu rõ BRELA, TRA, TIC và xây dựng chiến lược đối tác đáng tin cậy.

Lĩnh vực tiềm năng cho doanh nghiệp Việt Nam

Tanzania hiện là một điểm đến đầu tư hấp dẫn trong các ngành như nông nghiệp và chế biến nông sản, cơ sở hạ tầng và năng lượng, du lịch – lữ hành sinh thái, công nghệ thông tin – truyền thông (ICT) và logistic vận tải. Trong lĩnh vực nông nghiệp, chính phủ đang thúc đẩy cơ giới hóa, tưới tiêu hiện đại và chế biến sau thu hoạch để tăng giá trị gia tăng sản phẩm xuất khẩu như cà phê, hạt điều, tôm và chè. Báo cáo đầu tư Tanzania 2023 (Bank of Tanzania/TIC) liệt kê rõ cơ hội đầu tư vào chế biến nông sản, thức ăn chăn nuôi, kho lạnh và đóng gói hàng hóa xuất khẩu.

Ở mảng năng lượng và hạ tầng, các dự án lớn như Nhà máy Thủy điện Julius Nyerere công suất 2.115 MW hay tuyến đường sắt tiêu chuẩn (SGR) Dar es Salaam–Dodoma dài 541 km là cơ hội cung cấp máy móc, công nghệ và dịch vụ kỹ thuật. Chính phủ cũng thúc đẩy quy hoạch LNG và năng lượng tái tạo, mở rộng cảng biển và sân bay, tạo cầu nối cho doanh nghiệp Việt tham gia cung cấp thiết bị xây dựng, giải pháp kỹ thuật và dịch vụ quản lý dự án.

Ngành du lịch và lữ hành được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng mạnh. Theo báo cáo WTTC năm 2024, năm 2023 ngành này đóng góp khoảng 18,6 nghìn tỷ TZS—tương đương khoảng 9,5% GDP, nâng mức đóng góp so 2019 lên khoảng 4% và tạo thêm hơn 97.000 việc làm mới, dự kiến đạt gần 10% GDP trong năm 2024 và tạo hơn 1,5 triệu việc làm.

Đây là lĩnh vực mở ra nhiều cơ hội đầu tư nhà hàng, khu nghỉ dưỡng sinh thái, quản lý tour hoặc trải nghiệm văn hóa.

ICT và công nghệ số đang là động lực phát triển mới. Chính sách mở băng rộng NICTBB kết nối đến hàng nghìn km cáp quang, thúc đẩy triển khai 4G và thí điểm 5G tại các thành phố lớn. GSMA đánh giá chuyển đổi số, fintech và thương mại điện tử là cơ hội phát triển mạnh trong những năm tới, đặc biệt nếu có công nghệ phù hợp giúp nâng cao năng suất nông nghiệp hoặc tạo chuỗi giá trị số.

Ngành logistic và vận tải cũng có tiềm năng lớn nhờ vị trí chiến lược của Tanzania là cửa ngõ ra biển cho các nước nội địa như Uganda, Rwanda, Zambia. Dự án SGR kết hợp cải thiện cảng và đường bộ đặt nền tảng cho logistics trong khu vực. Báo cáo ngành của ICRA nhấn mạnh cần đầu tư vào kho bãi, công nghệ theo dõi, số hóa chuỗi cung ứng và hạ tầng hỗ trợ giao thông vùng sâu.

Ngoài ra, khai khoáng, sản xuất và xây dựng cũng có chỗ cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia. Chính phủ Tanzania đang khuyến khích đầu tư vào chế biến khoáng sản (đá quý, kim loại) và phát triển công nghiệp hỗ trợ—như xây dựng cơ sở sản xuất vật liệu, dệt may và sản phẩm tiêu dùng chế tạo rời. Theo TIC, năm 2023 số lượng dự án đầu tư ngành sản xuất và xây dựng tăng mạnh, cung cấp hàng nghìn việc làm mới và thu hút vốn hàng trăm triệu USD.

Cuối cùng, lĩnh vực dịch vụ tài chính – fintech, chăm sóc sức khỏe tư nhân và bán lẻ hiện đại cũng có nhu cầu lớn, đặc biệt khi tầng lớp trung lưu Tanzania gia tăng nhanh. Các giải pháp tài chính vi mô, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao và chuỗi bán lẻ nhập khẩu đang có cơ hội tăng trưởng nhờ sự cải thiện sống của tầng lớp trung lưu và cơ chế mở cửa chính sách đầu tư tài chính tư nhân.

Rào cản thương mại

Tanzania đặt ra nhiều rào cản phi thuế quan như yêu cầu giấy phép nhập khẩu, chứng nhận kiểm định SPS/CITES, hay chương trình kiểm tra trước thông quan (PVoC), đặc biệt với mặt hàng nông sản, dược phẩm và hàng tiêu dùng. Báo cáo của Cộng đồng Đông Phi (EAC) năm 2023 chỉ ra rằng Tanzania là nước có nhiều vấn đề về rào cản phi thuế quan chưa xử lý nhất trong khối, làm tăng thời gian và chi phí thương mại nội khối.

Cảng Dar es Salaam xử lý đến 95% khối lượng xuất nhập khẩu, song thời gian thông quan một lô hàng cần từ 10–14 ngày, cao hơn mức trung bình khu vực. Tại các cửa khẩu biên giới như Tunduma (giáp Zambia) và Namanga (giáp Kenya), tình trạng ùn tắc kéo dài trung bình 7–10 ngày. Tuy đã triển khai hệ thống thủ tục một cửa (Single Window) và hải quan điện tử, việc liên kết dữ liệu và sử dụng thời gian thực còn nhiều khó khăn thực tế.

Rủi ro về biến động tỷ giá, thay đổi chính sách thuế/phí bất ngờ, cùng sự thiếu đồng bộ trong tiêu chuẩn kỹ thuật giữa các nước thành viên EAC khiến doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật và tuân thủ pháp lý chặt chẽ. Ngoài ra, quy định liên quan đến bảo hộ

nhà đầu tư và linh động lao động nước ngoài đôi khi vẫn còn hạn chế, tạo ra khó khăn về nhân sự và vận hành dài hạn.

Thuế nhập khẩu

Tanzania áp dụng cơ chế thuế nhập khẩu theo Biểu thuế quan chung của Cộng đồng Đông Phi (East African Community – EAC), áp dụng cho các hàng hóa có xuất xứ từ ngoài khu vực này. Trước tháng 7 năm 2022, cơ chế thuế gồm ba mức thuế cơ bản: 0% cho nguyên liệu thô, 10% cho hàng hóa trung gian và 25% cho hàng tiêu dùng hoàn chỉnh. Tuy nhiên, từ tháng 7 năm 2022, biểu thuế mới đã chính thức được áp dụng, bổ sung mức thuế thứ tư ở mức 35% cho một số nhóm hàng được coi là nhạy cảm, bao gồm sản phẩm dệt may, sắt thép, dầu ăn, đồ uống và nông sản chế biến. Bên cạnh đó, một số mặt hàng đặc biệt như đường, gạo, sữa, ngô có thể chịu mức thuế cao hơn nữa, lên đến 50–75%, nhằm bảo vệ sản xuất nội địa.

Ngoài thuế nhập khẩu, mọi hàng hóa nhập từ ngoài khu vực EAC đều chịu thuế giá trị gia tăng (VAT) ở mức 18%, trừ trường hợp được miễn theo các chương trình ưu đãi đầu tư do Trung tâm Đầu tư Tanzania (Tanzania Investment Centre – TIC) hoặc Bộ Tài chính Tanzania cấp phép. Một số lệ phí khác có thể được áp dụng, như phí phát triển đường sắt (Railway Development Levy – RDL) ở mức 2% trên giá CIF, và phí xử lý hải quan khoảng 0,6% trên giá FOB.

Là thành viên của EAC, Tanzania cam kết thực hiện biểu thuế quan chung, nhưng trên thực tế vẫn tồn tại sự không đồng nhất do nước này thường xuyên áp dụng cơ chế "tạm hoãn thực thi" (Stay of Application) đối với một số dòng thuế, làm phát sinh những khác biệt so với các quốc gia thành viên khác trong khối. Điều này khiến các doanh nghiệp cần đặc biệt lưu ý khi xác định mã số HS, xuất xứ hàng hóa và tuân thủ các thủ tục khai báo hải quan nếu muốn hưởng mức thuế ưu đãi.

Tóm lại, mặc dù Tanzania là thị trường nhập khẩu lớn và có tiềm năng tiếp nhận hàng hóa từ Việt Nam, nhưng doanh nghiệp cần chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt thủ tục, pháp lý và chi phí thuế phí. Việc sử dụng dịch vụ của đại lý hải quan có kinh nghiệm, hiểu biết về quy định của Tanzania là hết sức cần thiết. Các lĩnh vực như thực phẩm chế biến, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị và nguyên phụ liệu sản xuất có thể đối mặt với các hàng rào thuế quan, kiểm định kỹ thuật hoặc yêu cầu cấp phép đặc biệt. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam nên chủ động tìm hiểu kỹ các quy định mới nhất từ Tổng cục Hải quan Tanzania, EAC và các tổ chức hỗ trợ thương mại khu vực để đảm bảo tuân thủ đầy đủ và tránh các chi phí phát sinh không cần thiết.

Yêu cầu và thủ tục nhập khẩu tại Tanzania

Theo quy định của Luật Quản lý Hải quan Cộng đồng Đông Phi năm 2004 (East African Community Customs Management Act – EACCMA), mọi hàng hóa nhập khẩu vào Tanzania đều phải tuân thủ các quy trình thông quan bắt buộc. Doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này cần lưu ý rằng thủ tục hải quan không được

thực hiện trực tiếp mà phải thông qua đại lý khai thuê hải quan được cấp phép (Clearing and Forwarding Agent – CFA) tại Tanzania.

Toàn bộ quy trình khai báo hiện nay được thực hiện trực tuyến thông qua hệ thống Hải quan tích hợp Tanzania (TANCIS), áp dụng cho cả hàng hóa đến đất liền Tanzania và khu vực Zanzibar. Để đảm bảo thời gian thông quan, đại lý hải quan cần nộp đầy đủ hồ sơ khai báo điện tử ít nhất 7 ngày trước khi tàu/chuyến hàng đến cảng.

Bộ hồ sơ nhập khẩu bắt buộc bao gồm:

- Hóa đơn thương mại chính thức (Final Invoice);
- Giấy ủy quyền cho đại lý hải quan từ phía doanh nghiệp nhập khẩu;
- Giấy phép nhập khẩu chuyên ngành (nếu có), tùy loại hàng hóa, do các cơ quan quản lý ban hành như Cơ quan quản lý Dược phẩm và Thiết bị y tế Tanzania (TMDA), Cục Tiêu chuẩn Tanzania (TBS), hoặc Cơ quan Hàng hải Tanzania (TASAC);
- Giấy chứng nhận miễn thuế (nếu thuộc diện ưu đãi hoặc miễn giảm theo luật đầu tư hoặc hiệp định song phương);
- Danh mục đóng gói (Packing List);
- Vận đơn hoặc các chứng từ vận tải tương ứng (Bill of Lading, Airway Bill, Road Consignment Note);
- Tờ khai tiền mặt hoặc công cụ tài chính có thể chuyển nhượng nếu có mang theo số lượng lớn tiền tệ hoặc phương tiện thanh toán.

Ngoài ra, tùy mặt hàng cụ thể, có thể phát sinh thêm yêu cầu kiểm tra chất lượng, kiểm dịch, dán nhãn hoặc cấp phép tiền kiểm từ các cơ quan chức năng. Do đó, doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với đối tác nhập khẩu tại Tanzania và đại lý hải quan bản địa để đảm bảo hồ sơ hợp lệ, tránh tình trạng lưu kho dài ngày tại cảng, phát sinh chi phí không đáng có.

Thông tin chi tiết và cập nhật nhất về mức thuế, biểu thuế nhập khẩu, và quy trình thông quan có thể được tra cứu tại Cơ quan Thuế Tanzania (Tanzania Revenue Authority – TRA) qua cổng thông tin chính thức: https://www.tra.go.tz/

Việc chuẩn bị đầy đủ và đúng quy trình sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời nâng cao hiệu quả khi tiếp cận thị trường Tanzania – một cửa ngõ chiến lược vào khu vực Đông Phi và Cộng đồng Đông Phi (EAC).

Yêu cầu về ghi nhãn

Chính phủ Tanzania quy định tất cả hàng hóa tiêu dùng, đặc biệt là thực phẩm, mỹ phẩm và dược phẩm nhập khẩu, phải được ghi nhãn bằng tiếng Anh hoặc tiếng Kiswahili, hoặc cả hai. Nhãn sản phẩm phải rõ ràng, dễ đọc, không thể bị tẩy xóa và phải thể hiện đầy đủ thông tin về sản phẩm, đảm bảo phù hợp với các quy định của cơ quan chức năng Tanzania.

Đối với thực phẩm, tất cả sản phẩm đều phải có nhãn ghi rõ tên sản phẩm, thành phần chính, hướng dẫn sử dụng, thông tin nhà sản xuất, điều kiện bảo quản và ngày sản xuất – hạn sử dụng. Ngôn ngữ trên nhãn bắt buộc là tiếng Anh và/hoặc tiếng Kiswahili. Đây

là yêu cầu tối thiểu nhằm đảm bảo người tiêu dùng Tanzania có thể hiểu rõ về sản phẩm trước khi sử dụng.

Trong trường hợp sản phẩm mỹ phẩm, yêu cầu về ghi nhãn cũng rất chi tiết. Mỗi bao bì sản phẩm cần thể hiện rõ tên sản phẩm, dạng bào chế (như kem, gel, dung dịch), mục đích sử dụng, cách dùng, trọng lượng hoặc thể tích theo hệ mét, ngày sản xuất, hạn sử dụng, thành phần đầy đủ, mã số lô hàng, điều kiện bảo quản nếu có, cũng như các cảnh báo hoặc khuyến cáo an toàn. Ngoài ra, thông tin về tên và địa chỉ cụ thể của nhà sản xuất phải được ghi rõ ràng trên nhãn. Tất cả thông tin này phải được trình bày bằng tiếng Kiswahili hoặc tiếng Anh, theo đúng quy định của Tanzania.

Với các sản phẩm dược phẩm, việc ghi nhãn còn yêu cầu nghiêm ngặt hơn. Nhãn sản phẩm phải được in rõ nét, không tẩy xóa, trên cả bao bì chính và phụ. Bao bì ngoài phải được ghi rõ ràng bằng tiếng Anh hoặc Kiswahili. Nhãn cần thể hiện cả tên thương mại (nếu có) lẫn tên gốc quốc tế (INN), định lượng cụ thể của hoạt chất và tá dược, ngày sản xuất và hạn sử dụng, số lô sản xuất, điều kiện bảo quản, tên và địa chỉ nhà sản xuất, cũng như số đăng ký của sản phẩm do TMDA cấp. Đồng thời, tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo sản phẩm cũng bắt buộc phải bằng tiếng Anh hoặc Kiswahili. Trong trường hợp sản phẩm có ghi tiêu chuẩn dược điển quốc tế (như BP hoặc USP), thông tin này cũng cần được thể hiện rõ trên nhãn.

Đối với các nguyên liệu thô nhập khẩu, bao gồm nguyên liệu dược hoặc hóa chất thô dùng trong sản xuất, nhãn phải ghi rõ tên nguyên liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc dược điển áp dụng, ngày sản xuất, hạn sử dụng, điều kiện bảo quản, số lô và thông tin đầy đủ về nhà sản xuất. Các thông tin này phải được trình bày rõ ràng, không thể tẩy xóa và bằng tiếng Anh.

Doanh nghiệp Việt Nam cần đặc biệt lưu ý rằng việc không tuân thủ các quy định về ghi nhãn có thể khiến hàng hóa bị từ chối thông quan, bị yêu cầu sửa đổi tại chỗ hoặc thậm chí bị tái xuất khỏi lãnh thổ Tanzania. Do đó, trước khi xuất khẩu, doanh nghiệp nên nghiên cứu kỹ các quy định do Cơ quan quản lý thuốc và thiết bị y tế Tanzania (TMDA) và Cục tiêu chuẩn Tanzania (TBS) ban hành, đồng thời nên tham khảo ý kiến từ nhà nhập khẩu địa phương hoặc đơn vị tư vấn thương mại để đảm bảo tuân thủ đầy đủ. Việc ghi nhãn đúng chuẩn không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn giúp sản phẩm Việt Nam nâng cao độ tin cậy và khả năng cạnh tranh trên thị trường Tanzania và toàn bộ khu vực Đông Phi.

Quy định nhập khẩu tạm thời

Theo quy định của Tanzania Customs Management Act năm 2004 và hướng dẫn từ Cơ quan Thuế Tanzania (TRA), công dân cư trú bên ngoài Cộng đồng Đông Phi (EAC) đến Tanzania tạm thời có thể nhập khẩu hàng hóa mà không phải chịu thuế nhập khẩu, với điều kiện phải tái xuất khẩu trong thời hạn quy định. Các loại hàng hóa được phép nhập khẩu tạm thời bao gồm mẫu thương mại của nhân viên kinh doanh, vật dụng trưng bày tại triển lãm, trang thiết bị dùng cho chương trình biểu diễn, dụng cụ phục vụ sửa chữa,

vật liệu quảng bá du lịch không thuộc danh mục cấm và xe cộ hoặc hành lý của cư dân EAC, SADC hoặc COMESA nhập cảnh Tanzania.

Để thực hiện thủ tục nhập khẩu tạm thời, người nhập cần nộp đơn mẫu C.17 trên hệ thống khai hải quan điện tử TANCIS. Hồ sơ phải trình bày chi tiết hàng hóa, xác định rõ bản chất hàng hóa để phục vụ kiểm tra, và cung cấp thông tin dự kiến ngày và cảng tái xuất. Đồng thời, người nhập phải đặt cọc một khoản tiền bằng với mức thuế nhập khẩu ước tính hoặc ký một giấy bảo đảm (security bond) theo mẫu do cơ quan hải quan quy định.

Khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ hải quan sẽ xác nhận số tiền thuế ước tính và khoản tiền đặt cọc hoặc bảo đảm đã được thỏa thuận. Trong trường hợp người nhập muốn tái xuất tại cảng khác với cảng nhập, hồ sơ cần làm ba bản và được nộp tại cảng tái xuất tương ứng. Nếu cần, người khai báo cũng phải cung cấp hóa đơn hoặc chứng từ giá trị hàng hóa để cơ quan xác nhận và lưu trữ hồ sơ.

Hàng hóa tạm nhập phải được tái xuất trong vòng 12 tháng kể từ ngày nhập khẩu. Nếu không thể tái xuất đúng hạn do nguyên nhân bất khả kháng (force majeure), bạn phải có chứng cứ hợp lệ để trình bày với cơ quan hải quan. Trong trường hợp hàng hóa không thể tái xuất vì bị hư hại nặng do tai nạn và không thể phục hồi, người nhập có thể chọn đóng thuế nhập khẩu hoặc từ bỏ hàng hóa miễn phí theo yêu cầu của cơ quan điều hành.

Một điểm cần lưu ý là nếu hàng nhập là thiết bị xây dựng chuyên dụng, dụng cụ cắm trại, thiết bị cứu trợ, hoặc thiết bị phục vụ thương mại tạm thời, thuế nhập khẩu có thể áp dụng mức 5% trên giá CIF mỗi tháng đối với lô hàng nếu nằm trong danh mục tạm nhập phục vụ công trình hoặc sự kiện đặc biệt. Các khoản này thường không áp dụng cho dự án tài trợ từ nhà tài trợ nước ngoài (donor-funded).

Nhập khẩu tạm thời vào Tanzania là một giải pháp thuận tiện cho doanh nghiệp khi cần mang mẫu hàng, thiết bị biểu diễn, dụng cụ sửa chữa hoặc xe cộ phục vụ công tác tạm thời, miễn là tuân thủ các quy định khai báo, đăng ký form C.17 và tái xuất đúng thời hạn. Việc làm hồ sơ hợp lệ và tuân thủ quy trình giúp doanh nghiệp Việt Nam tránh thanh toán thuế không cần thiết hoặc bị xử phạt do trễ tái xuất, đồng thời tối ưu hóa chuỗi cung ứng cho các hoạt động triển lãm, sửa chữa, đào tạo hoặc quảng bá sản phẩm tại Tanzania.

Cấm và hạn chế nhập khẩu

Tanzania tuyệt đối cấm nhập khẩu hàng hóa thuộc danh sách hàng hóa cấm theo quy định của Luật Quản lý Hải quan EAC và các quy định riêng của từng quốc gia thành viên. Hàng hóa bị cấm bao gồm tiền giả, phân phát tiền không đủ tiêu chuẩn, các ấn phẩm khiêu dâm hoặc khiêu khích bằng hình ảnh, sách báo, tranh in không phù hợp; diêm que chứa photpho trắng; các đồ vật mang quốc huy hoặc biểu tượng quốc gia mà không được phép; đồ uống chưng cất có chứa các hợp chất dầu thiết yếu có hại như thujone, benzoic aldehyde hay absinthe; chất thải nguy hại; xà phòng và mỹ phẩm có chứa thủy ngân; lốp ô tô đã qua sử dụng cho xe hành khách; hàng giả, hàng nhái vi phạm bản quyền; và hàng hóa tạo ra nguy hiểm cho sức khỏe cộng đồng hoặc môi trường. Đặc biệt, các mặt hàng như động vật hoang dã, ngà voi chưa qua xử lý, xương hoặc sừng,

ngọc trai của động vật và các sản phẩm liên quan bị quy định chặt chẽ hoặc cấm nếu không có giấy phép theo Công ước CITES.

Mặt khác, Tanzania cũng quy định nhóm hàng bị hạn chế nhập khẩu, tức hàng hóa đó chỉ được phép nhập vào nếu đáp ứng những điều kiện cụ thể. Những mặt hàng này bao gồm vũ khí, đạn dược, chất nổ, kim loại quý chưa gia công, đá quý chưa chế tác; các thiết bị kiểm lẫy thú hoặc bẫy săn; các sản phẩm từ xương, sừng, vỏ động vật, san hô, ngà, vỏ rùa chưa chế tác thành sản phẩm hoàn chỉnh; các chế phẩm gây suy giảm tầng ozone (theo Công ước Montreal); sản phẩm biến đổi gene; các mặt hàng thuộc diện kiểm soát động vật và thực vật nguy cơ cao theo CITES; cổ vật lịch sử, vật phẩm sưu tầm; các bộ phận súng và đạn dược như phụ tùng kim loại hoặc nhựa phù hợp theo chương HS 39 và vật dụng viễn vọng. Mỗi mặt hàng này cần có giấy phép đặc biệt từ các cơ quan quản lý như cơ quan Quản lý Dược phẩm Tanzania (TMDA), Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan Kiểm soát Môi trường theo chức năng quy định.

Việc nhập khẩu trái phép hàng cấm hoặc không tuân thủ các điều kiện đối với hàng hạn chế có thể dẫn đến hàng bị tịch thu, phạt tiền hoặc bị xử lý hình sự tùy theo mức độ vi phạm. Doanh nghiệp Việt Nam trước khi xuất khẩu cần phối hợp với đối tác nhập khẩu tại Tanzania xác minh danh mục hàng hoá, tuân thủ thủ tục xin giấy phép chuyên ngành cùng quy trình kiểm định phụ thuộc từng loại mặt hàng. Điều này là cần thiết để tránh rủi ro pháp lý và đảm bảo hàng hóa thông quan thuận lợi tại Tanzania.

Quy định Hải quan

Luật hải quan Tanzania quy định rõ quy trình tự do thuế cho hành lý cá nhân của hành khách trên 18 tuổi, ngoại trừ những ai đang trở về từ các quốc gia thành viên như Kenya, Uganda hay Burundi. Khi nhập cảnh tại sân bay chính như Dar es Salaam, người nhập cảnh được miễn thuế một số hạn mức như 250 gram hoặc tương đương 200 điếu thuốc lá, 1 lít đồ uống có cồn và tối đa 580 ml nước hoa, cùng các vật dụng cá nhân khác. Những hạng mục này phải là hành lý đi theo người và khai báo đầy đủ nếu vượt quá giới hạn miễn trừ.

Đối với xe cộ và đồ dùng cá nhân của người dân đang trở về sinh sống tại Tanzania sau thời gian ở nước ngoài, TRA cho phép nhập khẩu miễn thuế nếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày trở về cư trú ít nhất hai năm. Hàng hóa như xe ôtô cá nhân không quá tám năm tuổi và đã sử dụng ít nhất 12 tháng tại nước ngoài vẫn được miễn thuế.

Với các mặt hàng như vũ khí, đạn dược hoặc thiết bị quân sự nhẹ, hành khách nên xin giấy phép nhập khẩu trước từ cơ quan cảnh sát để tránh vi phạm quy định. Riêng đối với thực vật hoặc sản phẩm thực vật thì buộc phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (phytosanitary certificate), và đối với trái cây cần kèm theo xác nhận sản phẩm không chứa vi khuẩn Xanthomonas citri trong nước xuất khẩu.

Về quy định xuất khẩu hành lý cá nhân, Tanzania cho phép hành khách mang một số lượng hợp lý các sản phẩm thuốc lá và đồ uống có cồn miễn thuế khi rời khỏi quốc gia. Thú cưng được phép mang theo nhưng phải có giấy chứng nhận sức khỏe từ bác sĩ thú y đủ thẩm quyền, chó và mèo phải được tiêm phòng dại trong khoảng thời gian nhất

định trước khi nhập cảnh. Khi đến Tanzania, thú cưng sẽ được kiểm tra và cách ly một thời gian, phụ thuộc vào quy định của sân bay.

Các thủ tục hải quan diễn ra tại sân bay đầu tiên hành khách nhập cảnh vào Tanzania, và hành lý quá cảnh – nếu hành khách tiếp tục đến nước thứ ba trong vùng – có thể được miễn thông quan tại Tanzania. Những khoản miễn trừ này không áp dụng cho hành khách chỉ quá cảnh và không nhập cảnh chính thức.

TRA đã phát triển cơ sở dữ liệu hài hòa (Imports/Exports Commodity Database) theo tiêu chuẩn của Tổ chức Hải quan Thế giới và WTO, nhằm giúp tiêu chuẩn hóa giá trị khai báo hải quan, rút ngắn thời gian thông quan và nâng cao minh bạch trong xác định trị giá và phân loại hàng hóa.

Việc nắm rõ các quy định về hành lý miễn thuế, giấy phép chuyên ngành, kiểm dịch và thủ tục hải quan không chỉ giúp khách doanh nghiệp xuất – nhập cảnh thuận lợi mà còn góp phần xây dựng lòng tin và hiệu quả đối với đối tác Tanzania trong các chuyến công tác, triển lãm hoặc hợp tác thương mại quốc tế.

Tiêu chuẩn thương mại

Tanzania thực hiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm nhập khẩu và bảo vệ người tiêu dùng theo tiêu chí của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) về rào cản kỹ thuật (TBT). Cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng và triển khai các quy chuẩn này là Tanzania Bureau of Standards, được thành lập theo Luật Tiêu chuẩn năm 2009. TBS là đầu mối tiếp nhận các thông báo chính thức từ WTO và xử lý các phản hồi liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế, đồng thời chịu trách nhiệm soạn thảo, kiểm định và quản lý hiệu lực tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa.

Để đảm bảo hàng hóa nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu chất lượng, Tanzania triển khai chương trình Pre-shipment Verification of Conformity (PVoC), yêu cầu các lô hàng thuộc đối tượng cần kiểm định phải được kiểm tra tại nơi xuất khẩu và kèm theo "Giấy chứng nhận phù hợp" (Certificate of Conformity – CoC) trước khi sản phẩm rời khỏi nước xuất khẩu. Hiện nay, chương trình này được thực hiện thông qua các tổ chức chứng nhận độc lập do TBS chỉ định, bao gồm Intertek, SGS, TÜV Rheinland và Bureau Veritas, với hợp đồng dài hạn từ năm 2025 đến 2028.

Tùy theo tần suất xuất khẩu và mức độ ổn định chất lượng sản phẩm, doanh nghiệp xuất khẩu có ba lựa chọn để thực hiện PVoC. Đối với các lô hàng không đăng ký, nhà xuất khẩu sẽ dùng Route A, phải kiểm tra từng lô bằng cách kiểm tra mẫu tại nơi đóng hàng và thử nghiệm trong phòng thí nghiệm. Trong khi đó, Route B dành cho các nhà cung cấp thường xuyên với sản phẩm đã đăng ký, bao gồm kiểm tra xác suất hàng mẫu và tái cấp Giấy chứng nhận hàng năm. Route C dành cho các nhà sản xuất lớn, được cấp phép theo hệ thống quản lý chất lượng, giảm thiểu kiểm tra lô và áp dụng hệ thống đánh giá tại nhà máy.

Nguyên tắc thực hiện chương trình PVoC tuân thủ quy định về minh bạch và công bằng theo TBT, bảo đảm rằng yêu cầu kỹ thuật áp dụng cho hàng nhập khẩu cũng được áp

dụng công bằng với hàng sản xuất trong nước, từ đó ngăn chặn cạnh tranh không lành mạnh.

Các mặt hàng phải tuân thủ chương trình PVoC bao gồm đồ chơi trẻ em, thiết bị điện và điện tử, linh kiện ôtô, mỹ phẩm, thực phẩm và đồ gia dụng. Hàng hóa không có giấy chứng nhận hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật sẽ bị từ chối thông quan hoặc buộc tái xuất; doanh nghiệp có thể bị phạt với mức phạt lên đến 15 % trên giá trị CIF.

Đồng thời, TBS cũng cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật (Technical Assistance to Exporters) để hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam hiểu rõ tiêu chuẩn và quy định chất lượng của Tanzania, đặc biệt hỗ trợ trong các bước khai báo mẫu, lấy chứng chỉ phù hợp và làm hồ sơ. Việc hiểu rõ hệ thống này giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí kiểm định tại cảng và tăng tính cạnh tranh tại thị trường Đông Phi.

Tiêu chuẩn

Tanzania có một mạng lưới các tổ chức phát triển tiêu chuẩn được Tanzania Bureau of Standards (TBS) lựa chọn công nhận để đảm bảo hàng hóa nhập khẩu, đặc biệt là các nhóm hàng có tiêu chuẩn bắt buộc, đáp ứng yêu cầu an toàn và chất lượng. TBS là cơ quan quốc gia, chịu trách nhiệm xây dựng, phổ biến và quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật, quản lý hệ thống đo lường và là thành viên tích cực trong việc thông báo và tham gia vào các khung kỹ thuật quốc tế qua cơ chế của WTO (TBT).

Các tổ chức chứng nhận và kiểm định được TBS công nhận gồm những tên tuổi lớn như Intertek, SGS, TÜV Rheinland và Bureau Veritas. Các tổ chức này chịu trách nhiệm thực hiện chương trình Pre-shipment Verification of Conformity (PVoC) – xác nhận lô hàng xuất khẩu phù hợp với tiêu chuẩn trước khi rời khỏi nước xuất khẩu. Đây là danh mục bắt buộc cho nhóm sản phẩm như thiết bị điện, điện tử, đồ chơi trẻ em, đồ gia dụng, mỹ phẩm, thực phẩm và vật liệu xây dựng.

Cách thức thực thi chương trình PVoC chia theo ba "đường xuất khẩu":

- Đối với các lô hàng không đăng ký (Route A), mỗi lô được kiểm tra mẫu bằng cách lấy mẫu tại kho đóng hàng;
- Những nhà xuất khẩu đã đăng ký (Route B) chỉ cần kiểm tra xác suất mẫu;
- Nhà máy lớn được đánh giá cấp phép (Route C) được thực hiện kiểm định ngay tại xưởng và được cấp giấy chứng nhận theo năm.

Giấy chứng nhận phù hợp (Certificate of Conformity – CoC) có hiệu lực sẽ là điều kiện cần để hàng hóa được thông quan tại cảng Tanzania. Hàng hóa không kèm CoC hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn có thể bị ngăn chặn nhập khẩu, tái xuất hoặc tiêu hủy; doanh nghiệp có thể chịu phạt lên tới 15 % giá CIF.

TBS thường xuyên cập nhật tiêu chuẩn cho nhóm hàng quan trọng. Một ví dụ gần đây (cuối năm 2024) là tiêu chuẩn kiểm soát Ochratoxin A trong sản phẩm cacao, nhằm đảm

bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu nắm bắt yêu cầu kỹ thuật một cách thống nhất theo khung TBT.

Doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu vào Tanzania cần liên hệ với nhà kiểm định đã được TBS công nhận để xác nhận đúng mã HS, khai báo đúng chuẩn mực và hỗ trợ cấp CoC cho lô hàng. Việc hoàn thiện đúng quy trình PVoC không chỉ giúp rút ngắn thời gian thông quan mà còn tăng cường uy tín doanh nghiệp trên thị trường Đông Phi.

Kiểm định, thử nghiệm và chứng nhận

Quy trình thử nghiệm sản phẩm – hay còn gọi là đánh giá sự phù hợp – thường do các tổ chức chứng nhận hoặc phòng thí nghiệm kiểm định thực hiện. Các đơn vị này cần được cơ quan quản lý tại nước nhập khẩu công nhận và cấp phép để đảm bảo việc thử nghiệm đúng tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Tại Tanzania, mọi nhóm hàng hóa có quy định bắt buộc đều phải được thử nghiệm và chứng nhận đạt chuẩn trước khi được nhập khẩu.

Cơ quan tiêu chuẩn Tanzania (Tanzania Bureau of Standards – TBS) là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm giám sát toàn bộ hệ thống đánh giá sự phù hợp. TBS công nhận và ủy quyền cho các tổ chức độc lập, cả trong và ngoài nước, thực hiện chức năng kiểm định, cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn (Certificate of Conformity – CoC) cho từng lô hàng hoặc theo lộ trình đánh giá rủi ro tùy cấp độ doanh nghiệp.

Theo thông lệ quốc tế, hệ thống đánh giá sự phù hợp thường bao gồm sáu nhóm tổ chức chính:

1. Phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn – thực hiện kiểm nghiệm đặc tính hóa lý, an toàn, vi sinh, hiệu suất, độ bền… của sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;

2. Tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý – đánh giá sự tuân thủ của doanh nghiệp theo ISO 9001 (quản lý chất lượng), ISO 22000 (ATTP), ISO 14001 (môi trường), v.v.;

3. Tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân – thường áp dụng cho lĩnh vực kỹ thuật hoặc đào tạo chuyên gia;

4. Tổ chức chứng nhận sản phẩm và dịch vụ – đảm bảo rằng sản phẩm hoặc dịch vụ tuân thủ bộ tiêu chuẩn cụ thể;

5. Tổ chức giám định kỹ thuật – đánh giá tính toàn vẹn, độ an toàn hoặc chất lượng hàng hóa, thiết bị, công trình;

6. Tổ chức xác minh và thẩm định khí thải nhà kính – áp dụng với các hoạt động liên quan đến môi trường và báo cáo ESG.

Với các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang Tanzania, việc hợp tác với một tổ chức chứng nhận quốc tế đã được TBS công nhận là yêu cầu bắt buộc nếu mặt hàng thuộc nhóm kiểm soát kỹ thuật. Quá trình này không chỉ giúp đảm bảo sản phẩm

đáp ứng yêu cầu chất lượng của thị trường sở tại mà còn tạo thuận lợi trong quá trình thông quan và nâng cao uy tín thương hiệu tại khu vực Đông Phi.

Công bố quy định kỹ thuật và tiêu chuẩn

Tại Tanzania, việc xây dựng, cập nhật và công bố các quy định kỹ thuật được thực hiện bởi Cơ quan Tiêu chuẩn Tanzania (Tanzania Bureau of Standards – TBS). TBS chịu trách nhiệm chính trong việc ban hành các tiêu chuẩn quốc gia, đồng thời đóng vai trò là đầu mối cung cấp thông tin kỹ thuật theo các cam kết quốc tế của Tanzania, bao gồm cả Hiệp định về Rào cản Kỹ thuật trong Thương mại (TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Các quy định kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn mới dự kiến ban hành sẽ được TBS thông báo trước cho WTO thông qua Điểm hỏi đáp TBT quốc gia (WTO/TBT Enquiry Point) nhằm đảm bảo tính minh bạch và cho phép các đối tác thương mại có thời gian góp ý.

Mọi dự thảo tiêu chuẩn hoặc thay đổi về quy định kỹ thuật ở Tanzania đều được công khai trên Cổng thông tin điện tử của TBS hoặc Cổng thông tin công báo quốc gia. Đây là nơi doanh nghiệp Việt Nam có thể theo dõi những thay đổi liên quan đến tiêu chuẩn hàng hóa mà mình đang hoặc dự định xuất khẩu.

Trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam nhận thấy một quy định mới có thể tạo rào cản thương mại, có thể thông qua Cục Phòng vệ Thương mại Việt Nam (Bộ Công Thương) để gửi ý kiến phản hồi đến cơ quan thẩm quyền của Tanzania hoặc qua kênh chính thức của WTO.

Việc theo dõi kịp thời các thay đổi về tiêu chuẩn kỹ thuật, cũng như chủ động tham gia góp ý trong quá trình xây dựng quy định mới, sẽ giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro pháp lý, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và duy trì hoạt động xuất khẩu bền vững tại Tanzania cũng như khu vực Đông Phi.

Thông tin liên hệ

Doanh nghiệp Việt Nam khi gặp khó khăn liên quan đến rào cản kỹ thuật trong thương mại (Technical Barriers to Trade – TBT) tại thị trường nước ngoài, bao gồm cả Tanzania, có thể phản ánh thông tin hoặc đề nghị hỗ trợ thông qua Cục Phòng vệ Thương mại – Bộ Công Thương Việt Nam (Trade Remedies Authority of Vietnam), cơ quan đầu mối về thực thi cam kết TBT trong khuôn khổ WTO.

Ngoài ra, để cập nhật quy định kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng tại Tanzania, cũng như tìm hiểu các yêu cầu cụ thể theo ngành hàng, doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Cơ quan Tiêu chuẩn Tanzania (Tanzania Bureau of Standards – TBS) hoặc tìm kiếm tài liệu tại Cổng thông tin TBT quốc gia của Tanzania.

Thông tin liên hệ tham khảo:

- Cục Phòng vệ Thương mại – Bộ Công Thương Việt Nam
  Website: https://tracongthuong.gov.vn
  Email: tbtvn@moit.gov.vn

Điện thoại: +84 24 2220 5526

- Tanzania Bureau of Standards (TBS)
  Website: https://www.tbs.go.tz
  Email: info@tbs.go.tz
  Điện thoại: +255 22 2450206 / +255 22 2450949

Sử dụng nền tảng ePing để theo dõi quy định kỹ thuật và các thủ tục đánh giá sự phù hợp dự thảo

Nền tảng ePing SPS & TBT (https://epingalert.org/) là công cụ trực tuyến miễn phí, cung cấp quyền truy cập vào tất cả các thông báo do các thành viên WTO ban hành theo Hiệp định về Các Biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch động thực vật (SPS) và Hiệp định về Rào cản Kỹ thuật đối với Thương mại (TBT) kể từ ngày 16/01/1995 đến nay.

Nền tảng này hỗ trợ các bên liên quan – bao gồm cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, tổ chức tiêu chuẩn và người tiêu dùng – theo dõi và cập nhật kịp thời các quy định kỹ thuật dự thảo mới, cũng như các thay đổi liên quan đến an toàn thực phẩm, kiểm dịch động – thực vật, quy cách bao bì, ghi nhãn sản phẩm... tại các thị trường xuất khẩu. Người dùng có thể tìm kiếm các thông báo cũ và mới, theo dõi các mối quan ngại thương mại đã được thảo luận tại các Ủy ban SPS và TBT của WTO, đồng thời truy cập thông tin liên hệ của các Điểm hỏi đáp quốc gia (Enquiry Point) và cơ quan thông báo của các thành viên WTO.

ePing không yêu cầu đăng ký để tra cứu thông tin, tuy nhiên người dùng có thể tạo tài khoản miễn phí để thiết lập thông báo email tùy chỉnh theo sản phẩm, thị trường, lĩnh vực quan tâm.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, việc sử dụng ePing là một phương thức hữu hiệu để cập nhật nhanh các thay đổi quy định kỹ thuật tại thị trường mục tiêu, từ đó chủ động điều chỉnh sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hạn chế rủi ro bị từ chối khi xuất khẩu.

Các doanh nghiệp cũng có thể gửi góp ý đối với các quy định kỹ thuật dự thảo của thị trường đối tác thông qua Điểm hỏi đáp quốc gia TBT Việt Nam (thuộc Cục Phòng vệ Thương mại – Bộ Công Thương), đơn vị có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và trao đổi chính thức với Điểm hỏi đáp TBT của nước thành viên liên quan.

Thông tin hỗ trợ:

- Cổng thông tin TBT Việt Nam: https://vntr.moit.gov.vn
  Nền tảng ePing toàn cầu: https://epingalert.org

Việc chủ động theo dõi, góp ý và điều chỉnh phù hợp theo các quy định kỹ thuật quốc tế là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực xuất khẩu, tiếp cận hiệu quả hơn với các thị trường khu vực và toàn cầu.

Hiệp định thương mại

Tanzania là thành viên tích cực của nhiều hiệp định thương mại và đầu tư trong khu vực châu Phi, giúp mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài.

Tại cấp khu vực, Tanzania là thành viên sáng lập của Cộng đồng Đông Phi (EAC), trong đó hoạt động thương mại nội khối được tự do hóa kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010. Bên cạnh đó, nước này còn tham gia vào Hiệp định Khu vực Thương mại Tự do Tam giác (Tripartite Free Trade Area – TFTA) giữa COMESA, EAC và SADC, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2024, nhằm hỗ trợ tích hợp sâu rộng trong toàn khu vực châu Phi Tanzania cũng đã chính thức phê chuẩn Hiệp định Thương mại Toàn châu Phi (AfCFTA) vào tháng 9/2021, mở đường cho sự tự do hóa sâu rộng trong toàn bộ lãnh thổ châu Phi.

Trong khung đối tác quốc tế, Tanzania hưởng các ưu đãi từ các hiệp định thương mại đơn phương như Everthing But Arms (EBA) của Liên minh châu Âu và African Growth and Opportunity Act (AGOA) của Hoa Kỳ, tạo cơ hội cho hàng hóa Tanzanian xuất khẩu vào EU và Mỹ mà không phải chịu thuế. Đồng thời, quốc gia này cũng được hưởng ưu đãi thuế quan từ các thị trường lớn như Trung Quốc và Ấn Độ thông qua các chương trình ưu đãi dành cho quốc gia kém phát triển (LDC).

Tanzania đã thiết lập các hiệp định khung về đầu tư với 19 quốc gia, trong đó có Anh, Canada, Trung Quốc, Đức và Thổ Nhĩ Kỳ, với 11 chi tiết đang có hiệu lực. Tuy nhiên, Tanzania và Hoa Kỳ hiện vẫn chưa có một hiệp định đầu tư song phương riêng rẽ .

Việc tham gia vào các hiệp định thương mại và đầu tư đa dạng này tăng cường đáng kể khả năng tiếp cận thị trường cho hàng hóa và dịch vụ Tanzanian, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam khi xem xét xuất khẩu, đầu tư hoặc hợp tác tại Tanzania và khu vực Đông Phi nói chung.

Yêu cầu cấp phép cho các dịch vụ chuyên nghiệp tại Tanzania

Để hoạt động trong lĩnh vực các dịch vụ chuyên môn như tư vấn kỹ thuật, kế toán, luật, kỹ sư, y tế hay giáo dục tại Tanzania, doanh nghiệp hoặc cá nhân nước ngoài, bao gồm cả doanh nghiệp Việt Nam, cần đăng ký và được cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc này là Cơ quan Đăng ký và Cấp phép Kinh doanh Tanzania (BRELA), theo Luật Đăng ký Kinh doanh năm 2002 và các sửa đổi sau đó.

Đăng ký tại BRELA yêu cầu doanh nghiệp nước ngoài phải cung cấp hồ sơ chi tiết, gồm giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Việt Nam, bản sao Điều lệ/Tài liệu thành lập, thông tin về cổ đông và ban lãnh đạo, cùng các chứng chỉ hành nghề chuyên môn nếu có. Tùy theo loại hình dịch vụ, doanh nghiệp còn phải xin thêm giấy phép từ các cơ quan chuyên ngành như Hội Luật sư, Hội Luật Kế toán Công chứng, Hội Kỹ sư Tanzania, Cơ quan Dược phẩm và Thiết bị Y tế (TMDA), Cục Y tế Quốc gia hoặc các Hội ngành nghề yêu cầu thẩm quyền chuyên môn.

Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, BRELA sẽ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, đồng thời dịch vụ chuyên môn sẽ được quản lý theo danh mục đăng ký. Mỗi dịch vụ chuyên môn đều có quy trình cấp giấy phép, thường bao gồm thẩm định

chuyên môn, kiểm tra năng lực các cá nhân chịu trách nhiệm và kiểm tra chuẩn mực hoạt động phù hợp theo danh mục cho phép của Tanzania.

Lưu ý rằng các dịch vụ như thiết kế xây dựng, tư vấn tài chính, luật, kiểm toán, dịch vụ y tế, dược phẩm, giáo dục, và dịch vụ kỹ thuật công nghệ cao đều yêu cầu phải cấp phép chuyên ngành bổ sung sau khi đăng ký tại BRELA. Doanh nghiệp Việt Nam nên chủ động liên hệ với BRELA để xác định chính xác danh mục ngành nghề, yêu cầu chứng chỉ và thời gian xử lý hồ sơ để tối ưu hóa lộ trình cấp phép và đi vào hoạt động chính thức.

Kênh phân phối và bán hàng tại Tanzania

Tanzania tiếp nhận phần lớn hàng nhập khẩu qua cảng Dar es Salaam, cảng lớn và nhộn nhịp nhất tại quốc gia này, đồng thời là trung tâm thương mại lớn. Từ đây, hàng hóa được chuyển đến các kho hàng, sau đó phân phối vào nội địa chủ yếu qua đường bộ. Ngoài ra, chính phủ đang đầu tư mạnh vào hệ thống đường sắt tiêu chuẩn (Standard Gauge Railway) để cải thiện năng lực vận chuyển hàng hóa trọng lượng lớn vào khu vực nội địa trong tương lai. Các cảng quan trọng khác như Tanga, Mtwara và Zanzibar cũng là điểm xuất nhập khẩu tương đối sôi động. Ngoài ra, hàng hóa có thể được vận chuyển qua đường hàng không chuyên dụng tại các sân bay như Dar es Salaam, Kilimanjaro và Zanzibar.

Để đưa sản phẩm Việt Nam đến tay người tiêu dùng Tanzania, việc hợp tác với các nhà phân phối uy tín là yếu tố then chốt. Các nhà phân phối này có chức năng bán hàng với số lượng lớn (wholesale) hoặc thông qua kênh bán lẻ. Việc chọn được đối tác phù hợp có thể mang lại lợi thế về hiểu biết địa phương, khả năng tiếp cận thị trường rộng hơn mà không cần doanh nghiệp phải đầu tư vào văn phòng hay nhân sự địa phương từ đầu.

Giải pháp hiệu quả khác là làm việc với đại lý địa phương. Đại lý có kinh nghiệm, kiến thức địa phương và mạng lưới tiêu thụ, giúp doanh nghiệp đẩy nhanh việc tiếp cận khách hàng. So với việc tự thành lập chi nhánh, sử dụng đại lý giúp tiết kiệm chi phí vận hành ban đầu đáng kể.

Khi doanh nghiệp Việt Nam có kế hoạch thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Tanzania, cần thực hiện đăng ký tại Cơ quan Đăng ký Kinh doanh và Cấp phép (BRELA). Hồ sơ đăng ký bao gồm bản sao chứng thực Điều lệ công ty, địa chỉ trụ sở chính ở Việt Nam, sơ yếu lý lịch giám đốc và người đại diện, cùng báo cáo tài chính gần nhất. Sau khi nộp đầy đủ giấy tờ và phí, BRELA sẽ cấp Giấy chứng nhận tuân thủ, cho phép văn phòng hoạt động như một công ty độc lập theo luật Tanzania.

Theo quy định, một chi nhánh được cấp phép có pháp nhân tương đương với công ty nội địa và phải tuân thủ các quy định pháp luật, thuế, lao động, kế toán và hải quan theo hệ thống pháp lý của Tanzania.

Việc lựa chọn mô hình phân phối phù hợp – kết hợp giữa nhà phân phối, đại lý và văn phòng đại diện – giúp doanh nghiệp Việt Nam thiết lập sự hiện diện thương hiệu vững

chắc tại Tanzania, đồng thời tiếp cận người tiêu dùng và mạng lưới phân phối một cách hiệu quả.

Nhượng quyền thương hiệu (Franchising)

Hiện tại tại Tanzania có hơn 170 thương hiệu nhượng quyền hoạt động, phần lớn thuộc ngành ẩm thực và đồ uống. Thị trường nhượng quyền ở đây còn đang ở giai đoạn phát triển, với số lượng bên nhượng quyền quốc tế gia tăng cùng nhu cầu tiêu dùng nội địa ngày càng lớn. Các doanh nghiệp Việt Nam nếu có sản phẩm phù hợp với văn hóa địa phương hoàn toàn có thể xem xét mô hình nhượng quyền khi mở rộng tại Tanzania.

Tiếp thị trực tiếp (Direct Marketing)

Làn sóng số hóa tại Tanzania đang được cải thiện mạnh mẽ: tính đến đầu năm 2024 có khoảng 21,8 triệu người dùng Internet, chiếm 31,9 % tổng dân số, tăng 3 % so với năm trước. Trong đó, số người dùng mạng xã hội đạt 5,65 triệu người, chiếm xấp xỉ 8,3 % dân số. Các nền tảng mạng xã hội phổ biến gồm Facebook (5,65 triệu người dùng) và Instagram (3,7 triệu người dùng đầu 2025), LinkedIn khoảng 1,5 triệu và Twitter (hiện là X) khoảng 621.000 người dùng .

Tốc độ truy cập Internet tiếp tục tăng mạnh; đến tháng 3/2025, tỷ lệ người dân có SIM kích hoạt truy cập Internet đạt 72 %, với hơn 49,3 triệu SIM được sử dụng – tức tăng 70 % so với năm 2021.

Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, thị trường Tanzania rất tiềm năng cho tiếp thị trực tuyến qua mạng xã hội. Nội dung ngắn gọn, quảng cáo phù hợp trên Facebook, Instagram, YouTube và TikTok có thể tiếp cận lượng khách hàng lớn. Đồng thời, việc phát triển thương mại điện tử kết hợp mảng quảng cáo xã hội (social commerce) sẽ là xu hướng trong thời gian tới.

Theo Statista, tổng chi tiêu quảng cáo trên mạng xã hội Tanzania dự kiến đạt khoảng 11,93 triệu USD trong năm 2025, với mức tăng trưởng dự kiến hơn 9% mỗi năm đến 2029. Trong đó 70 % chi phí quảng cáo được thực hiện qua nền tảng di động, phù hợp với xu hướng sử dụng thiết bị di động để truy cập Internet của người Tanzania.

Việc lựa chọn đúng kênh phân phối – như nhượng quyền, hợp tác với đối tác địa phương – kết hợp với cách tiếp thị trực tiếp dựa trên dữ liệu Internet và mạng xã hội hiện nay sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam nhanh chóng tiếp cận khách hàng mục tiêu, tối ưu hoá chi phí và thúc đẩy tăng trưởng hiệu quả tại thị trường Tanzania.

Đối tác nhượng quyền tiềm năng tại Tanzania

Một số thương hiệu quốc tế đã thành công với mô hình nhượng quyền tại Tanzania, đặc biệt trong lĩnh vực ẩm thực:

- Dulce Café (Nam Phi) mở cửa hàng đầu tiên tại Dar es Salaam vào tháng 12/2011 nhằm hướng đến mô hình café–nhà hàng tạo trải nghiệm phong cách Châu Âu.
- Marrybrown (Malaysia) đã triển khai mô hình nhượng quyền tại Tanzania từ năm 2008, cung cấp thực đơn đa dạng và thân thiện với thị trường Hồi giáo.

Theo nghiên cứu chiến lược marketing của chuỗi nhà hàng quốc tế tại Tanzania (JOBED, 4/2025), các nhà nhượng quyền thành công đều tùy chỉnh chiến lược marketing theo "7P" (sản phẩm, giá, nơi phân phối…) để phù hợp với văn hóa và thị hiếu địa phương. Đây là một cơ hội tốt cho doanh nghiệp Việt Nam nếu lựa chọn đầu tư vào F&B hoặc chuỗi dịch vụ ăn uống phù hợp văn hóa địa phương.

Xu hướng và ưu tiên tiếp thị

- Các nền tảng như Facebook và Instagram là kênh chính để quảng bá hình ảnh thương hiệu và tương tác khách hàng.
- Nội dung video, đặc biệt ngắn gọn (Reels, Shorts), đang ngày càng chiếm ưu thế trong tiếp thị xã hội.
- Hướng đến đối tượng từ 25–34 tuổi, đặc biệt là nhóm nam giới (khoảng 60 %), nhận thấy hiệu quả cao khi sử dụng micro-influencers tại địa phương.
- Xu hướng mobile-first rõ nét với người dùng truy cập Internet chủ yếu qua điện thoại.

Khuyến nghị cho doanh nghiệp Việt Nam

Chọn lĩnh vực nhượng quyền phù hợp
Nếu doanh nghiệp dự định mở rộng theo hình thức franchise tại Tanzania, nên ưu tiên ngành hàng F&B hoặc dịch vụ phong cách hiện đại, dễ thích nghi với văn hóa địa phương.
Tùy chỉnh chiến lược marketing
Học hỏi kinh nghiệm từ các chuỗi nhượng quyền đã thành công như Dulce Café và Marrybrown trong việc điều chỉnh 7P để đáp ứng văn hóa và gu tiêu dùng của người Tanzania
Tận dụng Social Media và tiếp thị influencer
Triển khai quảng cáo trên Facebook, Instagram với nội dung gốc, ngắn và video hấp dẫn, đồng thời hợp tác với các micro-influencer để tăng mức độ tin cậy và lan toả thương hiệu.
Ưu tiên trải nghiệm di động
Phát triển nội dung và quảng cáo gốc cho di động, tương thích với thiết bị phổ biến và hành vi người dùng tại Tanzania.

Liên doanh và cấp phép tại Tanzania

Tại Tanzania, liên doanh thường được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn thực hiện mục tiêu đặc biệt, trong đó cả đối tác nước ngoài và đối tác địa phương cùng góp vốn và chia sẻ cổ phần theo thỏa thuận cổ đông và điều lệ công ty. Trong một số lĩnh vực như dầu khí, liên doanh có thể không thành lập pháp nhân mà vận hành theo mô hình hợp đồng không có tư cách công ty (unincorporated JV).

Chính phủ Tanzania khuyến khích các liên doanh giữa doanh nghiệp nước ngoài và địa phương, đặc biệt là trong các lĩnh vực ưu tiên như xây dựng, cơ sở hạ tầng, năng lượng, dầu khí và khai khoáng. Theo luật đấu thầu công khai, khi cơ quan nhà nước thực hiện mua sắm (national procurement), các hồ sơ dự thầu dạng liên doanh thường được ưu tiên với mục tiêu thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực ngành nghề và hỗ trợ doanh nghiệp trong nước. Thỏa thuận liên doanh là bắt buộc khi nhà đầu tư tham gia dự thầu theo hình thức này.

Ngoài ra, một số ngành như khai thác mỏ, dầu khí, chế biến,… yêu cầu doanh nghiệp nước ngoài tuân thủ quy định nội địa hóa (local content regulation). Theo đó, liên doanh phải đảm bảo nâng cao sử dụng lao động địa phương, cung cấp dịch vụ từ nhà thầu trong nước, xúc tiến chuyển giao công nghệ cũng như tham gia vào chuỗi cung ứng nội địa.

Các lợi ích chính của liên doanh và cấp phép bao gồm:

- Tiếp cận đối tác địa phương có kinh nghiệm, mạng lưới và hiểu biết về luật lệ tại địa bàn;
- Nhanh chóng đáp ứng yêu cầu pháp lý khi tham gia vào các dự án đầu tư hoặc đấu thầu;
- Tăng khả năng trúng thầu và tận dụng ưu đãi trong mua sắm công;
- Thúc đẩy chuyển giao công nghệ và nguồn nhân lực nội địa, nhằm xây dựng giá trị bền vững cho cả doanh nghiệp và thị trường Tanzania.

Gợi ý cho doanh nghiệp Việt Nam:

Nếu bạn đang cân nhắc liên doanh tại Tanzania, nên tìm kiếm đối tác địa phương với kinh nghiệm phù hợp trong ngành (ví dụ: xây dựng, dầu khí, căng tin, logistics). Đồng thời, việc chuẩn bị thỏa thuận cổ đông rõ ràng, cập nhật các quy định nội địa hóa và đấu thầu sẽ giúp doanh nghiệp tăng cơ hội thành công.

Dịch vụ giao nhanh tại Tanzania

Nhiều công ty quốc tế cung cấp dịch vụ giao hàng nhanh tại Tanzania, trong đó DHL, FedEx và TNT Express là phổ biến nhất. Theo thống kê từ DHL, thời gian giao hàng tiết kiệm (Express) từ nhiều quốc gia, trong đó có Tanzania, thường mất 2 ngày làm việc từ kho trung tâm. Trong khi đó, bảng transit time của DHL Express cho Tanzania từ một số thị trường khẳng định thời gian giao hàng trung bình là 7–9 ngày làm việc. Chênh lệch này phụ thuộc vào điểm xuất phát, loại dịch vụ, quy trình hải quan và vận chuyển nội địa.

Các doanh nghiệp Việt Nam nên lựa chọn dịch vụ phù hợp tùy theo nhu cầu: nếu hàng hóa nhỏ lẻ cần giao nhanh, process door-to-door của DHL và FedEx (3–5 ngày làm việc)

phù hợp hơn; nếu là lô lớn hoặc không gấp, có thể cân nhắc dịch vụ kinh tế để giảm chi phí.

Thẩm định đối tác địa phương (Due Diligence)

Trước khi ký kết hợp đồng với đối tác hoặc nhà cung cấp tại Tanzania, doanh nghiệp Việt Nam nên thực hiện thẩm định kỹ lưỡng để đảm bảo uy tín và năng lực. Các lựa chọn cơ bản bao gồm:

- BRELA (Cơ quan Đăng ký và Cấp phép Kinh doanh Tanzania): có thể cung cấp hồ sơ pháp lý, số đăng ký, người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp Tanzania.
- Tanzania Credit Bureau (TCB): tổ chức có giấy phép, chuyên cung cấp hồ sơ tín dụng doanh nghiệp—có thể yêu cầu báo cáo chi tiết về lịch sử thanh toán, tài sản tài chính và rủi ro tín dụng tanzaniacreditbureau.com.
- Các đơn vị tư vấn kinh doanh tại Tanzania (có thể tìm qua các phòng thương mại địa phương hoặc tổ chức ưu tiên đầu tư).
- Dịch vụ thẩm định quốc tế như Dun & Bradstreet hoặc Creditinfo (bản địa tại Tanzania hoặc cùng chuỗi toàn cầu) cũng có thể giúp đánh giá năng lực tài chính và uy tín đối tác.

Việc kiểm tra kỹ các yếu tố tài chính, pháp lý và hoạt động thực tế sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam giảm thiểu rủi ro, ký hợp đồng với đối tác đáng tin cậy và đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định tại thị trường này.

Thương mại điện tử tại Tanzania

Thương mại điện tử tại Tanzania vẫn đang trong giai đoạn phát triển với tỷ lệ áp dụng chưa rộng rãi. Phần lớn người tiêu dùng mua hàng trực tuyến thông qua mạng xã hội, nơi doanh nghiệp đăng sản phẩm, khách liên hệ đặt hàng, và thanh toán thường thực hiện khi giao hàng hoặc qua dịch vụ mobile money như M-PESA, Tigo Pesa.

Tuy nhiên, xu hướng này đang thay đổi nhanh chóng cùng với sự tăng trưởng mạnh của độ phủ Internet và hạ tầng thanh toán điện tử. Dự báo doanh thu thương mại điện tử tại Tanzania năm 2024 đạt khoảng 461 triệu USD, tăng 15–20 % so với năm trước, và có thể vươn tới 536 triệu USD vào 2025. Mức này chiếm khoảng 0–5 % doanh thu bán lẻ, phản ánh dư địa lớn để tăng trưởng.

Phân khúc và xu hướng tiêu dùng:
Điện tử tiêu dùng chiếm khoảng 25 % doanh số thương mại điện tử tại Tanzania. Nhu cầu mua sắm cá nhân (personal care) trực tuyến cũng tăng mạnh; dự kiến đạt 22,2 triệu USD năm 2025, tăng trưởng hàng năm khoảng 15 %.
Kênh social commerce ngày càng phổ biến, với người bán tận dụng Facebook, Instagram, WhatsApp và TikTok để quảng bá và bán hàng trực tiếp, nhất là với khách hàng trẻ và sử dụng điện thoại di động.

Lợi thế và thách thức

Ưu điểm:

- Sự phát triển của mobile money mở rộng khả năng thanh toán mà không cần tài khoản ngân hàng truyền thống.
- Internet và di động ngày càng phổ cập, cung cấp nền tảng thuận lợi cho các mô hình e-commerce.
- Social commerce phù hợp với văn hóa mua hàng cá nhân, dễ triển khai và tiếp cận người dùng địa phương.

Thách thức:

- Cơ sở hạ tầng vận chuyển, đặc biệt là giao hàng chặng cuối "last-mile" (giai đoạn cuối cùng trong quy trình vận chuyển hàng hóa từ kho hoặc trung tâm phân phối đến tay người mua hàng) vẫn chưa phát triển đồng bộ.
- Mức độ tin cậy của khách hàng đối với các giao dịch online còn hạn chế, phụ thuộc giá trị thương hiệu và chế độ đổi trả.
- Vẫn chưa có khung pháp luật riêng về thương mại điện tử và bảo vệ người tiêu dùng digital tại Tanzania.

Gợi ý chiến lược cho doanh nghiệp Việt Nam

1. Kết hợp mô hình social commerce và mobile-first (ưu tiên điện thoại di động - là chiến lược thiết kế và vận hành trang web, ứng dụng hay mô hình kinh doanh tối ưu cho người dùng điện thoại di động – thay vì chỉ tập trung vào máy tính): Xây dựng cửa hàng trên Facebook/Instagram kết hợp thanh toán mobile money, giao hàng COD.
2. Tăng cường tin cậy thương hiệu: Hợp tác với micro-influencers địa phương, tích hợp review và feedback từ khách hàng để tăng sự tin tưởng.
3. Chọn lĩnh vực trọng điểm: Điện tử, mỹ phẩm cá nhân, thời trang, đồ gia dụng dễ dàng chuyển qua kênh online—đây là các mảng có nhu cầu cao.
4. Chuẩn bị về logistics: Hợp tác với các đối tác vận chuyển uy tín, đặt kho hàng gần trung tâm đô thị để giảm chi phí và thời gian giao hàng.
5. Theo dõi và đón đầu khung pháp lý: Do e-commerce chưa được luật hóa toàn diện, doanh nghiệp nên theo sát các phát triển từ TBS và BRELA, để đảm bảo tuân thủ khi khung pháp lý xuất hiện.

Với cơ cấu dân số trẻ, tốc độ đô thị hóa nhanh và dân số đông, Tanzania là thị trường đầy tiềm năng cho các sản phẩm và dịch vụ thiết yếu: giáo dục, giải trí, tiêu dùng nhanh (FMCG), công nghệ và tài chính số. Đặc biệt, chiến lược tiếp thị nên tập trung vào nhóm tuổi 18–34, đồng thời xây dựng kế hoạch dài hơi nhằm đón đầu làn sóng đô thị hóa sắp tới.

Yếu tố thúc đẩy bán hàng & kỹ thuật tiếp cận khách hàng

Người tiêu dùng Tanzania có thiện cảm với các sản phẩm quốc tế. Việc cung cấp thông tin sản phẩm bằng tiếng Anh và tiếng Swahili giúp tăng tính tiếp cận và uy tín. Ngoài ra, chiến lược marketing cần được định hình phù hợp với văn hóa địa phương – từ hình ảnh quảng cáo đến cách thể hiện nội dung. Các công ty quảng cáo và marketing như

Marketbridge, Hotspex Media, E29 Marketing hay KONCEPT ở Dar es Salaam có thể hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển chiến dịch phù hợp nền văn hóa địa phương.

Quảng bá & xúc tiến thương mại

Doanh nghiệp tại Tanzania thường sử dụng đa dạng kênh quảng cáo để tiếp cận khách hàng dựa trên nhóm mục tiêu cụ thể:

- Truyền hình: Đài quốc gia TBC, Azam TV (trung tâm đông dân cư), ITV (IPP Media);
- Radio: Radio Tanzania, Radio Uhuru, Clouds FM, cùng hệ thống IPP Media như Capital Radio, EA Radio, Radio One;
- Báo in: The Guardian, The Citizen, Daily News, Mwananchi;
- Bảng quảng cáo ngoài trời và kênh số: quảng cáo trên Facebook, Instagram. Các đơn vị truyền thông đại chúng và digital agency có thể giúp lựa chọn kênh phù hợp

Hỗ trợ từ cơ quan xúc tiến thương mại

Tanzania Trade Development Authority (TanTrade) đóng vai trò điều phối xúc tiến thương mại nội địa và quốc tế, cung cấp hỗ trợ như kết nối doanh nghiệp với triển lãm, thị trường mục tiêu, đồng thời hỗ trợ xác minh uy tín đối tác.

Chiến lược dành cho doanh nghiệp Việt Nam

1. Sử dụng đúng hỗ trợ tại địa phương: hợp tác với các agency uy tín như Marketbridge, E29 Marketing, KONCEPT để thiết kế chiến lược đa kênh hiệu quả.
2. Thấu hiểu văn hoá quảng cáo địa phương: nội dung cần thân thiện, gần gũi và thể hiện được giá trị phù hợp.
3. Xây dựng chiến dịch truyền thông đa dạng: kết hợp giữa khai thác truyền hình, radio, báo in và mạnh mẽ trên các nền tảng mạng xã hội.
4. Tham gia hỗ trợ từ TanTrade, tận dụng các hội chợ, sự kiện xúc tiến để gia tăng nhận diện và kết nối đối tác.

Chiến lược giá cả

Giá bán hàng hóa và dịch vụ tại Tanzania chủ yếu được xác định theo quy luật cung cầu thị trường, nhưng chính phủ cũng có thể áp dụng mức giá sàn hoặc trần đối với các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu. Tất cả hàng hóa nội địa và nhập khẩu đều chịu mức thuế giá trị gia tăng (VAT) là 18%, trừ những sản phẩm được miễn thuế. Người tiêu dùng Tanzania rất nhạy cảm về giá, ưu tiên các sản phẩm có mức giá hợp lý. Các doanh nghiệp nước ngoài – trong đó có doanh nghiệp Việt Nam – cần đưa ra giá cạnh tranh, giá trị tương xứng để có lợi thế trên thị trường. Tuy nhiên, một số quy định mới (Đạo luật Tài

chính 2025/26) áp đặt thuế nhập khẩu tăng cho các sản phẩm như xi măng, thép, hoặc đường nhằm bảo vệ sản xuất nội địa.

Đặc biệt, với xăng dầu, giá bán ở các cây xăng được điều tiết hàng tháng bởi Ewura, cơ quan có trách nhiệm điều chỉnh theo công thức gồm giá CIF, thuế, chi phí phân phối và lợi nhuận.

Dịch vụ chăm sóc khách hàng & hậu mãi

Dịch vụ khách hàng tốt và chế độ hậu mãi là yếu tố then chốt để doanh nghiệp xây dựng lòng tin và giữ chân khách hàng tại Tanzania. Việc thiết lập đường dây tư vấn 24/7 giúp giải quyết nhanh các thắc mắc về sản phẩm; trong khi bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo sử dụng sản phẩm… góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng và thúc đẩy quảng cáo truyền miệng tự nhiên. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh người tiêu dùng Tanzania đề cao sự tin cậy và hỗ trợ sau mua hàng.

Hỗ trợ từ dịch vụ chuyên nghiệp

Tanzania hiện có mạng lưới chuyên gia và công ty tư vấn quốc tế mạnh mẽ: PwC, Ernst & Young (EY) và Deloitte đều có văn phòng tại Dar es Salaam, cung cấp dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, đánh giá rủi ro, hỗ trợ đầu tư. Cơ quan như TanTrade có thể giúp doanh nghiệp tìm đối tác, lấy thông tin thị trường hoặc tham gia hội chợ xúc tiến thương mại.

Gợi ý cho doanh nghiệp Việt Nam

Doanh nghiệp cần phân tích kỹ các mức thuế giá trị gia tăng (VAT), đặc biệt là mức thuế 18% hiện hành, đồng thời xác định rõ các chính sách ưu đãi về thuế nếu có. Việc xây dựng chiến lược giá cạnh tranh là cần thiết, song vẫn phải đảm bảo lợi nhuận hợp lý và tuân thủ các quy định về thuế để đủ điều kiện được khấu trừ hoặc hoàn thuế. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên đầu tư vào hệ thống chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, kết hợp giữa tổng đài hỗ trợ (hotline) và các dịch vụ hậu mãi chính hãng nhằm nâng cao trải nghiệm và độ tin cậy của người tiêu dùng. Để kiểm soát tốt các rủi ro tuân thủ về thuế, hải quan và tài chính, doanh nghiệp có thể hợp tác với các đơn vị tư vấn quốc tế như PwC, EY, Deloitte hoặc các công ty tư vấn trong nước có kinh nghiệm tại thị trường châu Phi. Ngoài ra, cần tận dụng các chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại và sự kiện quốc tế do Cơ quan Xúc tiến Thương mại Tanzania (TanTrade) tổ chức nhằm tiếp cận đối tác tiềm năng và mở rộng mạng lưới thị trường.

Các Hiệp hội Doanh nghiệp chủ chốt tại Tanzania

Liên đoàn Doanh nghiệp Tư nhân Tanzania (TPSF) là đầu mối đại diện cho tiếng nói của khu vực tư nhân tại Tanzania, được thành lập năm 1998. TPSF thúc đẩy đối thoại công – tư, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước và quốc tế tham gia vào các ngành như nông nghiệp, chế biến, công nghiệp và đổi mới, đồng thời tổ chức nhiều diễn đàn doanh nghiệp, đào tạo năng lực hội nhập, và phối hợp với chính phủ thông qua Hội đồng Doanh nghiệp Quốc gia (TNBC) để phản ánh chính sách và cải thiện môi trường kinh doanh. TPSF hiện đại hóa cấu trúc nội bộ để tăng tính đại diện cho các nhóm doanh nghiệp nhỏ,

khởi nghiệp, phụ nữ, và thanh niên, song song với việc tham gia giám sát cải cách ngân sách và luật doanh nghiệp.

Hiệp hội Công nghiệp Tanzania (CTI), thành lập năm 1991, là tổ chức đại diện tiếng nói của ngành công nghiệp, hoạt động độc lập tài chính. CTI thường xuyên vận động chính sách liên quan đến thuế, hạ tầng, và các thỏa thuận thương mại; gần đây tổ chức chuỗi hội thảo về ESG và hợp tác thúc đẩy tài chính cho doanh nghiệp chế xuất thông qua dự án "Manufacturing Africa" trị giá hơn 1,2 tỷ GBP.

Hiệp hội Thương mại, Công nghiệp và Nông nghiệp (TCCIA) là tổ chức được hỗ trợ từ chính phủ, kể từ 1988 đã phát triển mạng lưới gồm 21 chi nhánh khu vực và 92 trung tâm địa phương, phục vụ hơn 8.000 doanh nghiệp thành viên. TCCIA hỗ trợ tư vấn kinh doanh, xúc tiến xúc tiến, đại diện cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), và tổ chức các đoàn doanh nghiệp quốc tế.

Gợi ý dành cho doanh nghiệp Việt Nam

Các hiệp hội này là kênh quan trọng để doanh nghiệp Việt Nam:

- Nắm bắt chính sách vĩ mô và các cải cách kinh tế đang triển khai;
- Mở rộng kết nối, tìm kiếm đối tác kinh doanh và thông tin thị trường;
- Tham gia hoạt động đào tạo nâng cao năng lực, chương trình xúc tiến, và gây dựng uy tín thương hiệu.

Hạn chế khi bán hàng và đầu tư cho doanh nghiệp nước ngoài tại Tanzania

Mặc dù Tanzania không đặt giới hạn chung trong việc thành lập doanh nghiệp, vẫn tồn tại một số rào cản ngành nghề nhất định. Các quy định này yêu cầu doanh nghiệp nước ngoài phải hợp tác với đối tác địa phương dưới hình thức sở hữu hoặc góp vốn. Các lĩnh vực then chốt như ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, khai khoáng, vận tải biển, xây dựng và du lịch đều có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu hoặc điều kiện hoạt động.

Trong lĩnh vực ngân hàng và tổ chức tài chính, theo Luật Ngân hàng năm 2022 và các quy định bổ sung, các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng phải đáp ứng yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu tương đối cao. Chẳng hạn, ngân hàng thương mại cần có ít nhất 15 tỷ TZS (tương đương khoảng 8,7 triệu USD). Đối với các mô hình nhỏ hơn như ngân hàng cộng đồng hoặc tổ chức tín dụng vi mô, yêu cầu vốn cũng được quy định riêng.

Đối với hoạt động hối đoái và đổi tiền, Ngân hàng Trung ương Tanzania quy định rằng các doanh nghiệp muốn tham gia lĩnh vực này phải đăng ký dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn (LLC) tại Tanzania hoặc Zanzibar và có mức vốn tối thiểu 1 tỷ TZS (khoảng 580.000 USD).

Trong lĩnh vực bảo hiểm, Luật Bảo hiểm năm 2009 yêu cầu tối thiểu hai phần ba cổ phần của doanh nghiệp phải thuộc sở hữu công dân Tanzania. Ngoài ra, mọi hợp đồng bảo hiểm trong nước bắt buộc phải được thực hiện thông qua doanh nghiệp bảo hiểm nội địa.

Với ngành viễn thông và truyền thông, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng phải dành ít nhất 25% cổ phần cho đối tác địa phương và phải niêm yết cổ phiếu công khai. Trong khi đó, lĩnh vực nội dung (media) bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài, với mức tối đa chỉ 49%, còn lại tối thiểu 51% phải do người Tanzania nắm giữ.

Khai thác khoáng sản là một lĩnh vực có yêu cầu khắt khe về sở hữu nội địa. Giấy phép khai thác cơ bản chỉ cấp cho doanh nghiệp do người Tanzania sở hữu và điều hành. Trong các dự án quy mô lớn đòi hỏi kỹ thuật và vốn cao, doanh nghiệp nước ngoài có thể tham gia nhưng chỉ được sở hữu tối đa 50% cổ phần. Chính phủ Tanzania cũng thường giữ lại từ 16–50% cổ phần không bị pha loãng trong các dự án này.

Ngành vận tải biển và cảng biển yêu cầu doanh nghiệp phải có ít nhất 51% vốn điều lệ do người Tanzania sở hữu để đủ điều kiện xin cấp phép hoạt động.

Trong lĩnh vực xây dựng, các nhà thầu nước ngoài bắt buộc phải đăng ký với Hội đồng Nhà thầu (CRB) và hợp tác với doanh nghiệp trong nước thông qua hình thức liên doanh. Đồng thời, kỹ sư và kiến trúc sư nước ngoài phải được đăng ký tại các cơ quan chuyên môn tương ứng như Hội đồng Đăng ký Kỹ sư (ERB) hoặc Cơ quan Đăng ký Kiến trúc và Số lượng (AQRB).

Về du lịch và lữ hành, doanh nghiệp nước ngoài không được phép trực tiếp thành lập và điều hành các công ty du lịch, dịch vụ hướng dẫn viên, thuê xe hay các hoạt động như leo núi. Tuy nhiên, họ có thể tham gia thị trường này thông qua mô hình liên doanh với đối tác trong nước.

Lưu ý cho doanh nghiệp Việt Nam

1. Nếu hoạt động trong các ngành vừa nêu, nên xem xét hợp tác liên doanh với doanh nghiệp địa phương, đảm bảo đáp ứng tỷ lệ sở hữu yêu cầu và tối ưu hóa cơ hội triển khai dự án.
2. Cần chủ động nắm vững quy định vốn tối thiểu và trình tự cấp phép tại từng lĩnh vực để chuẩn bị đầy đủ hồ sơ pháp lý và tài chính.
3. Lĩnh vực khai khoáng, lữ hành, bảo hiểm và viễn thông là những ngành đặc biệt có ngành nghề yêu cầu cao về nội địa hóa hoặc cổ phần địa phương – doanh nghiệp nên cân nhắc kỹ về cấu trúc sở hữu và mô hình đầu tư.
4. Khi triển khai, hãy xin tư vấn luật đầu tư và thuế từ các đơn vị chuyên nghiệp như PwC, EY, Deloitte hoặc luật sư địa phương để tránh sai sót pháp lý.

Tài trợ thương mại

Tại Tanzania, thanh toán bằng tiền mặt và qua điện thoại di động vẫn là hai phương thức phổ biến trong giao dịch nội địa. Các dịch vụ ví điện tử như M-Pesa, Tigo Pesa và Airtel Money cho phép người dùng thực hiện thanh toán hóa đơn, mua hàng, chuyển khoản và thanh toán thương mại một cách nhanh chóng và tiện lợi. Sự phổ biến của điện thoại thông minh và độ phủ sóng của mạng di động đã thúc đẩy mạnh mẽ mô hình "mobile-first" trong thương mại tại nước này. Với các giao dịch thương mại quốc tế, phương

thức chuyển tiền qua hệ thống ngân hàng, cụ thể là chuyển khoản qua hệ thống SWIFT, được sử dụng phổ biến.

Trong trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu và đối tác nhập khẩu chưa có quan hệ giao dịch trước đó, thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận (confirmed irrevocable letter of credit – LC) là công cụ tài chính được khuyến nghị để giảm thiểu rủi ro. Theo thông lệ, bên nhập khẩu tại Tanzania sẽ yêu cầu ngân hàng trong nước phát hành thư tín dụng có lợi cho nhà xuất khẩu, với điều kiện ngân hàng phát hành phải được một ngân hàng xác nhận (confirming bank) tại Việt Nam hoặc quốc tế chấp thuận. Để đảm bảo tính an toàn, doanh nghiệp Việt Nam nên lựa chọn ngân hàng xác nhận có uy tín và có quan hệ đối tác với ngân hàng Tanzania được đề xuất.

Các ngân hàng lớn như CRDB Bank, Exim Bank Tanzania, BancABC và People's Bank of Zanzibar hiện là những ngân hàng phát hành LC phổ biến tại Tanzania, được một số ngân hàng quốc tế chấp nhận xác nhận LC. Ngoài LC, doanh nghiệp cũng có thể xem xét các hình thức tài trợ thương mại khác như bảo lãnh ngân hàng (bank guarantee), chiết khấu hóa đơn (invoice discounting), tài trợ trước và sau giao hàng, hoặc tài trợ dự án nếu quy mô hợp đồng lớn.

Đối với các giao dịch có tính tin cậy cao hoặc đã có lịch sử hợp tác lâu dài, phương thức thanh toán theo hình thức mở tài khoản (open account) cũng có thể được áp dụng. Tuy nhiên, doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động thẩm định năng lực tài chính và độ tin cậy của đối tác trước khi lựa chọn hình thức này. Tại Tanzania, một số tổ chức cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp bao gồm CreditInfo Tanzania và Dun & Bradstreet Tanzania. Nếu cần thu hồi công nợ hoặc xử lý tranh chấp, các công ty như Ardean Law Chambers hoặc Swiss Attorney’s có thể hỗ trợ với tư cách đơn vị thu hồi nợ và tư vấn pháp lý.

Bên cạnh đó, Chính phủ Tanzania đang đẩy mạnh số hóa và đơn giản hóa quy trình thương mại, thông qua các chính sách hỗ trợ tài trợ thương mại từ các ngân hàng thương mại trong nước, kết hợp cùng định hướng phát triển thương mại khu vực. Các doanh nghiệp Việt Nam khi hợp tác với đối tác Tanzania nên chủ động làm việc với ngân hàng tại Việt Nam có mạng lưới đối tác ở châu Phi hoặc chấp nhận thư tín dụng từ các ngân hàng tại khu vực Đông Phi, đồng thời đảm bảo rằng các điều kiện thanh toán được đàm phán rõ ràng và minh bạch trong hợp đồng thương mại.

Hệ thống ngân hàng

Ngân hàng Trung ương Tanzania (Bank of Tanzania – BoT) là cơ quan quản lý chính đối với toàn bộ hoạt động ngân hàng tại nước này. BoT có vai trò thiết lập và thực thi các chính sách liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, kiểm soát lãi suất nhằm thúc đẩy thanh khoản cho các ngân hàng thương mại, đồng thời bảo đảm sự ổn định và phát triển chung của nền kinh tế. BoT cũng là đầu mối giám sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế trong hoạt động giao dịch ngoại hối và thương mại quốc tế.

Mạng lưới thông tin liên ngân hàng SWIFT, hiện được sử dụng bởi ít nhất năm ngân hàng lớn tại Tanzania, bao gồm cả BoT, đã giúp giảm thiểu đáng kể thời gian xử lý giao dịch và rủi ro trong các giao dịch thanh toán xuyên biên giới. Việc áp dụng SWIFT được

đánh giá là một bước tiến lớn trong việc nâng cao hiệu quả thanh toán quốc tế của hệ thống ngân hàng Tanzania.

Về quản lý ngoại hối, sau khi ban hành Luật Ngoại hối (Foreign Exchange Act) năm 1991, Tanzania từng bước nới lỏng các kiểm soát ngoại hối. Cụ thể, chính phủ đã cho phép thành lập các đại lý thu đổi ngoại tệ (bureaux de change) từ tháng 4/1992, triển khai đấu giá ngoại tệ từ tháng 7/1993 và thiết lập thị trường ngoại hối liên ngân hàng (Interbank Foreign Exchange Market – IFEM) vào năm 1994.

Hiện nay, Tanzania đã dỡ bỏ hoàn toàn các hạn chế đối với các giao dịch vãng lai, bao gồm thanh toán và chuyển tiền quốc tế cho các mục đích thương mại thông thường. Chính phủ cũng đã chính thức chấp nhận các nghĩa vụ theo Điều VIII của Điều lệ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), nhằm nâng cao tính hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, chính phủ đang tiếp tục từng bước nới lỏng kiểm soát các giao dịch tài khoản vốn, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các dòng vốn đầu tư quốc tế.

Các doanh nghiệp Việt Nam quan tâm đến thị trường Tanzania nên làm việc với các ngân hàng tại Việt Nam có quan hệ đại lý hoặc liên kết với hệ thống ngân hàng Tanzania, nhằm đảm bảo quy trình thanh toán quốc tế diễn ra thuận lợi và an toàn. Trong quá trình triển khai các hoạt động thương mại hoặc đầu tư tại Tanzania, cần đặc biệt lưu ý đến việc lựa chọn đối tác ngân hàng có khả năng hỗ trợ thực hiện các giao dịch ngoại tệ phù hợp với quy định của cả hai bên.

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Tanzania

Quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) được thiết lập nhằm khuyến khích và bảo vệ các sáng tạo, phát minh của con người trong lĩnh vực khoa học, nghệ thuật và công nghệ. Việc bảo hộ quyền này đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ tại các quốc gia đang phát triển như Tanzania.

Tanzania là thành viên của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) và Tổ chức Khu vực Sở hữu Công nghiệp châu Phi (ARIPO). Quốc gia này cũng đã phê chuẩn Công ước Berne về Bảo hộ các tác phẩm Văn học và Nghệ thuật, có hiệu lực tại Tanzania từ ngày 25/7/1994, đảm bảo quyền tác giả đối với các tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Tanzania, bất kể quốc tịch của tác giả.

Hiến pháp Hợp chúng quốc Tanzania quy định quyền sở hữu tài sản trí tuệ và cam kết bảo vệ quyền đó. Một số văn bản luật đã được ban hành nhằm củng cố cơ sở pháp lý cho việc bảo hộ các quyền này, bao gồm:

- Bản quyền (Copyrights): Được điều chỉnh bởi Luật Bản quyền và Quyền liên quan (Copyright and Neighbouring Rights Act). Cơ quan chịu trách nhiệm quản lý đăng ký bản quyền là Hiệp hội Bản quyền Tanzania (COSOTA). Bản quyền được bảo hộ cho các tác phẩm của công dân hoặc cư dân thường trú tại Tanzania, cũng như cho các tác phẩm được công bố lần đầu tại đây.

- Nhãn hiệu (Trademarks): Được điều chỉnh bởi Luật Nhãn hiệu Thương mại và Dịch vụ (Trade and Service Marks Act). Việc đăng ký nhãn hiệu được quản lý

bởi Cơ quan Đăng ký Kinh doanh và Cấp phép (BRELA). Một nhãn hiệu khi được đăng ký sẽ có hiệu lực trong 7 năm và có thể gia hạn theo chu kỳ 10 năm không giới hạn. Trong một số trường hợp, các nhãn hiệu chưa đăng ký vẫn có thể được bảo vệ theo thông luật nếu chứng minh được đã xây dựng được uy tín và sự nhận biết trên thị trường.

- Sáng chế (Patents): Được điều chỉnh bởi Luật Đăng ký Sáng chế (Patent Registration Act). Tanzania cho phép đăng ký sáng chế nếu phát minh đáp ứng các điều kiện về tính mới, tính sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp. Tuy nhiên, các phát hiện, lý thuyết khoa học, phương pháp toán học, chương trình máy tính hoặc hình thức trình bày thông tin sẽ không đủ điều kiện bảo hộ sáng chế.

- Kiểu dáng công nghiệp (Industrial Designs): Tanzania hiện không có hệ thống đăng ký thiết kế kiểu dáng công nghiệp riêng. Tuy nhiên, doanh nghiệp có thể thực hiện đăng ký thông qua Tổ chức ARIPO, theo Nghị định thư Harare 1982, có hiệu lực tại Tanzania từ ngày 1/9/1999. Điều này mở ra cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp tại Tanzania thông qua cơ chế khu vực.

Tính đến thời điểm cập nhật gần nhất, Tanzania không nằm trong Danh sách Giám sát Đặc biệt 301 (Special 301 Report) do Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ công bố – điều này thể hiện cam kết đáng ghi nhận của Tanzania trong việc tăng cường hệ thống pháp luật và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Doanh nghiệp Việt Nam khi đầu tư, nhượng quyền hoặc xuất khẩu sang Tanzania nên lưu ý các quy định pháp lý về SHTT, đồng thời cân nhắc sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý địa phương hoặc quốc tế có kinh nghiệm trong đăng ký bảo hộ tại thị trường châu Phi. Nếu cần, có thể tham khảo danh sách luật sư được đề xuất bởi Đại sứ quán Việt Nam tại Tanzania hoặc các tổ chức hỗ trợ thương mại quốc tế uy tín.

Bán hàng cho Chính phủ Tanzania

Tanzania đang đẩy mạnh chiến lược phát triển kinh tế – xã hội toàn diện với trọng tâm là cải thiện cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa nông nghiệp, tăng cường số hóa chính phủ và nâng cao chất lượng hệ thống y tế – giáo dục. Trong quá trình này, Chính phủ Tanzania thường xuyên triển khai các dự án công quy mô lớn, trong đó có nhiều lĩnh vực mà doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ hoặc công nghệ phù hợp.

Trong lĩnh vực hạ tầng, Chính phủ Tanzania chú trọng xây dựng và nâng cấp hệ thống giao thông – bao gồm đường bộ, cảng biển, đường sắt chuẩn khổ và sân bay – nhằm thúc đẩy kết nối trong nước và khu vực Đông Phi. Các dự án lớn như đường sắt chuẩn khổ (SGR) hay nâng cấp cảng Dar es Salaam được triển khai theo hình thức đấu thầu công khai, trong đó có nhiều gói thầu yêu cầu cung cấp máy móc, thiết bị, vật liệu xây

dựng và dịch vụ kỹ thuật mà doanh nghiệp Việt Nam hoàn toàn có thể đáp ứng với lợi thế về chi phí và kinh nghiệm triển khai tại các nước đang phát triển.

Bên cạnh đó, ngành năng lượng – đặc biệt là năng lượng tái tạo – đang là lĩnh vực ưu tiên trong kế hoạch phát triển quốc gia. Tanzania đang cần đầu tư lớn vào các dự án điện mặt trời, điện gió và lưới điện nông thôn. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp thiết bị điện, pin mặt trời, biến tần, dây cáp, trạm biến áp và giải pháp công nghệ phù hợp với điều kiện khí hậu – địa hình châu Phi.

Ở lĩnh vực nông nghiệp, Tanzania đang triển khai các chương trình cải tiến chuỗi giá trị nông sản, đẩy mạnh cơ giới hóa và tăng cường năng lực bảo quản – chế biến sau thu hoạch. Doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia cung cấp giống cây trồng chất lượng cao, máy cày, máy thu hoạch, thiết bị sấy, hệ thống nhà kho hoặc tham gia các dự án thí điểm ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, nông nghiệp thông minh.

Ngành y tế và giáo dục cũng là hai lĩnh vực mà Chính phủ Tanzania tiếp tục ưu tiên đầu tư. Các chương trình phát triển bệnh viện, trạm y tế, trường học và đào tạo nghề thường có sự tài trợ của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Phi (AfDB), hay hợp tác công – tư (PPP). Doanh nghiệp Việt Nam có thể cung cấp thiết bị y tế, thiết bị giảng dạy, vật tư tiêu hao, đồng thời tham gia tư vấn hoặc xây dựng chương trình đào tạo nếu có đối tác phù hợp.

Để tham gia các gói thầu công tại Tanzania, doanh nghiệp cần theo dõi thông tin từ Cơ quan Mua sắm Công (Public Procurement Regulatory Authority – PPRA) và các bộ ngành chủ quản. Một số dự án sẽ yêu cầu doanh nghiệp nước ngoài hợp tác với đối tác địa phương hoặc thành lập liên danh để đáp ứng điều kiện "nội địa hóa" và tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước. Do đó, việc tìm kiếm và thẩm định đối tác địa phương là bước quan trọng. Ngoài ra, có thể nhờ sự hỗ trợ từ Đại sứ quán Việt Nam tại Tanzania, Phòng Thương mại Tanzania – Việt Nam, hoặc các tổ chức như TanTrade, TPSF và CTI để kết nối hiệu quả hơn với các bên liên quan.

Việc bán hàng cho Chính phủ Tanzania tuy đòi hỏi sự kiên trì và am hiểu về thủ tục hành chính, pháp lý địa phương, nhưng đây là kênh tiếp cận thị trường bền vững và quy mô lớn cho doanh nghiệp Việt Nam, nhất là khi nhiều chương trình phát triển quốc gia gắn liền với cam kết sử dụng nhà cung cấp và nhà thầu nước ngoài có công nghệ phù hợp, giá cả cạnh tranh và năng lực triển khai. Tanzania cũng là cửa ngõ tiềm năng để mở rộng sang các nước trong Cộng đồng Đông Phi (EAC) – một thị trường gần 300 triệu dân với nhu cầu phát triển mạnh mẽ.

Chương 4: ĐẦU TƯ TẠI TANZANIA

Chính phủ Tanzania luôn thể hiện thái độ cởi mở và hoan nghênh các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), xem đây là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã tập trung cải thiện khung pháp lý và cơ chế điều hành nhằm tạo dựng niềm tin giữa khu vực công và khu vực tư nhân. Tuy nhiên, giới đầu tư quốc tế nhận định rằng một số yếu tố vẫn đang là rào cản đối với môi trường đầu tư.

Trước hết, chính sách thuế và quy định pháp luật tại Tanzania vẫn còn thiếu đồng bộ, đôi khi thay đổi đột ngột khiến nhà đầu tư khó dự đoán. Mức độ minh bạch trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách cần tiếp tục được củng cố để bảo đảm tính công bằng và nhất quán. Bên cạnh đó, thủ tục hành chính trong quá trình đăng ký kinh doanh hoặc xin cấp phép đầu tư còn kéo dài, đặc biệt khi cần làm việc với nhiều cơ quan quản lý nhà nước khác nhau.

Một thách thức khác đến từ nguồn nhân lực, khi thị trường lao động địa phương gặp khó khăn trong việc cung ứng lao động có tay nghề cao, trong khi việc tuyển dụng chuyên gia nước ngoài vẫn phải tuân thủ nhiều quy định chặt chẽ. Chính phủ cũng đang tăng cường yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa trong một số lĩnh vực, nhằm khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với đối tác trong nước và tạo việc làm cho người dân bản địa.

Ngoài ra, sự thiếu ổn định của chính sách và quy định trong một số ngành có thể ảnh hưởng đến việc hoạch định dài hạn của doanh nghiệp. Niềm tin giữa khu vực tư nhân và khu vực công tuy đã được cải thiện nhưng vẫn cần được củng cố thông qua đối thoại thường xuyên, cải cách hành chính và minh bạch hóa quy trình ra quyết định. Một số chính sách khuyến khích đầu tư hiện nay cũng chưa được áp dụng đầy đủ, khiến doanh nghiệp gặp khó trong việc tiếp cận các ưu đãi. Đối với các ngành trọng điểm, quy định yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) vẫn đang được duy trì, tạo thêm yêu cầu về năng lực tài chính và quản trị.

Về quyền sở hữu đất, nhà đầu tư nước ngoài không được phép sở hữu đất tại Tanzania, mà có thể tiếp cận thông qua các hợp đồng thuê dài hạn theo quy định của pháp luật.

Chính Phủ Tanzania đã ký kết nhiều thỏa thuận khung về xúc tiến và bảo hộ đầu tư, đồng thời triển khai các chương trình hỗ trợ thông qua Trung tâm Đầu tư Tanzania (TIC) và Cơ quan Xúc tiến Đầu tư Zanzibar (ZIPA). Tuy nhiên, việc thực thi các chính sách này vẫn còn có sự khác biệt giữa khu vực đất liền và vùng bán tự trị Zanzibar do đặc thù về thể chế và pháp lý.

Bộ máy hành chính của Tanzania đang trong quá trình cải thiện để nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ, ngành và cơ quan quản lý, nhằm rút ngắn thời gian phê duyệt đầu tư. Đồng thời, Chính phủ thể hiện rõ định hướng chuyển dịch từ mô hình kinh tế nhà nước làm chủ đạo sang mô hình kinh tế hỗn hợp, trong đó khu vực tư nhân được khuyến khích đóng vai trò lớn hơn trong phát triển sản xuất và thương mại.

Nhìn chung, Tanzania đang từng bước xây dựng môi trường đầu tư ổn định, minh bạch và cởi mở hơn với doanh nghiệp nước ngoài. Việc tăng cường đối thoại công – tư, cùng

các nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, được kỳ vọng sẽ giúp quốc gia này tiếp tục trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong khu vực.

Tại Tanzania, các lĩnh vực tiềm năng cho doanh nghiệp Việt Nam đầu tư bao gồm:

1. Nông nghiệp và chế biến nông sản: Tanzania có thế mạnh về nông nghiệp với các loại nông sản chủ lực như điều, cà phê, chè, bông, hạt mè, đậu xanh, sắn, ngô... Tuy nhiên, hạ tầng chế biến tại chỗ còn hạn chế. Doanh nghiệp Việt Nam có thể đầu tư vào chế biến sau thu hoạch, xây dựng chuỗi cung ứng lạnh, và kết nối xuất khẩu.
2. Thủy sản và đánh bắt xa bờ: Tanzania có vùng biển rộng lớn và trữ lượng hải sản dồi dào nhưng chưa khai thác hiệu quả. Việt Nam, với thế mạnh trong đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, có thể hợp tác khai thác xa bờ, đầu tư vào hệ thống bảo quản, chế biến và xuất khẩu hải sản.
3. Khai khoáng: Tanzania có nhiều mỏ vàng, than đá, kim loại quý hiếm và đá quý (như Tanzanite). Việt Nam có thể đầu tư vào khai thác, chế biến khoáng sản, hoặc cung cấp thiết bị, công nghệ, kỹ sư tư vấn cho các dự án địa phương.
4. Xây dựng hạ tầng và bất động sản: Các dự án như đường sắt tiêu chuẩn (SGR), cảng nước sâu Bagamoyo, và phát triển đô thị Dar es Salaam – Dodoma mở ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp xây dựng, tư vấn thiết kế – kiến trúc, và sản xuất vật liệu xây dựng.
5. Năng lượng tái tạo và điện khí: Tanzania đang thiếu hụt điện, trong khi nhu cầu ngày càng tăng. Chính phủ khuyến khích đầu tư vào điện mặt trời, thủy điện quy mô nhỏ, điện gió và điện khí hóa lỏng (LNG). Việt Nam có thể xuất khẩu thiết bị, hoặc liên doanh xây dựng nhà máy điện.
6. Sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp nhẹ: Các mặt hàng như dệt may, đồ nhựa, hóa mỹ phẩm, đồ gia dụng, xe máy, điện thoại giá rẻ rất được ưa chuộng nhưng hiện chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc Ấn Độ. Việt Nam có thể thiết lập nhà máy lắp ráp tại chỗ để tận dụng ưu đãi thuế trong Cộng đồng Đông Phi (EAC).
7. Dược phẩm và trang thiết bị y tế: Đây là thị trường có nhu cầu cao nhưng nguồn cung trong nước hạn chế. Việt Nam có thể xuất khẩu thuốc generic, thiết bị y tế, hoặc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất theo tiêu chuẩn GMP.
8. Viễn thông, công nghệ thông tin và tài chính số: Tanzania đang chuyển mình sang nền kinh tế số. Nhu cầu về dịch vụ fintech, thanh toán di động, thương mại điện tử, bảo mật dữ liệu và công nghệ giáo dục – y tế từ xa đang tăng mạnh.
9. Du lịch – khách sạn: Với nhiều điểm đến nổi tiếng như Serengeti, Kilimanjaro, Zanzibar, Tanzania là điểm đến du lịch hấp dẫn nhưng thiếu cơ sở hạ tầng và dịch vụ chất lượng. Việt Nam có thể hợp tác trong lĩnh vực lưu trú, vận tải du lịch, nhà hàng, sản phẩm du lịch kết hợp.
10. Giáo dục nghề và đào tạo kỹ thuật: Tanzania thiếu nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao. Các mô hình trường dạy nghề liên kết với doanh nghiệp, hoặc các chương trình hợp tác đào tạo kỹ sư, công nhân kỹ thuật là rất tiềm năng.

Doanh nghiệp quan tâm có thể tìm hiểu thêm thông tin chính thức và cập nhật nhất từ Trung tâm Đầu tư Tanzania (TIC), Cổng thông tin của Bộ Ngoại giao Việt Nam, hoặc

Đại sứ quán Việt Nam tại Tanzania để được hỗ trợ chuyên sâu về thủ tục đầu tư và tư vấn chiến lược thâm nhập thị trường.

Chính sách thu hút và hạn chế đầu tư nước ngoài

Chính sách đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Chính phủ Tanzania khuyến khích và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng trưởng. Dưới thời Tổng thống Samia Suluhu Hassan, chính phủ đã thể hiện cam kết cải thiện môi trường đầu tư, từng bước gỡ bỏ các rào cản và nâng cao tính minh bạch. Tuy nhiên, tiến độ cải cách vẫn còn chậm, đặc biệt trong việc củng cố niềm tin giữa khu vực tư nhân và khu vực công.

Cuối năm 2024, Chính phủ Tanzania đã thành lập Ủy ban Cải cách Chính sách Thuế, với nhiệm vụ rà soát và khắc phục những bất cập trong ưu đãi đầu tư, quy định thuế và quy trình thu thuế. Ủy ban này đã trình lên Tổng thống một số khuyến nghị ban đầu nhằm tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Tanzania hiện có nhiều hiệp định khung về đầu tư, được triển khai thông qua các cơ quan xúc tiến như Trung tâm Đầu tư Tanzania (TIC) và Cơ quan Xúc tiến Đầu tư Zanzibar (ZIPA). Các cơ quan này đóng vai trò đầu mối hỗ trợ cấp phép, thị thực, thuê đất và đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong thực tế, một số nhà đầu tư phản ánh rằng các ưu đãi do các cơ quan này cấp chưa được Cục Thuế Tanzania (TRA) công nhận, dẫn đến việc thực thi chưa đồng bộ.

Tanzania là quốc gia có hệ thống pháp luật phân chia giữa khu vực đất liền và vùng bán tự trị Zanzibar, vì vậy quy định về thuế, đất đai và chính sách ưu đãi có sự khác biệt. Các nhà đầu tư nên đặc biệt lưu ý vấn đề này khi triển khai dự án.

Theo quy định, người nước ngoài không được quyền sở hữu đất tại Tanzania, nhưng có thể thuê dài hạn để phục vụ hoạt động đầu tư hoặc sản xuất – kinh doanh.

Chính phủ Tanzania duy trì cơ chế đối thoại với khu vực tư nhân thông qua Hội đồng Kinh doanh Quốc gia Tanzania (TNBC), do Tổng thống chủ trì và đại diện giới doanh nghiệp đồng chủ tịch. Bên cạnh đó còn có Hội đồng Kinh doanh Zanzibar (ZBC) và các Hội đồng Kinh doanh Vùng nhằm tiếp nhận ý kiến từ cộng đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiệu quả trao đổi thực tế còn hạn chế, do thủ tục hành chính chồng chéo và sự phối hợp yếu giữa các bộ ngành.

Nhiều nhà đầu tư nhận định rằng năng lực kỹ thuật của các cơ quan nhà nước còn hạn chế, khiến việc đàm phán và triển khai thỏa thuận đầu tư kéo dài. Thêm vào đó, tình trạng quan liêu và thiếu phối hợp giữa các cơ quan công quyền tiếp tục làm chậm tiến độ dự án, thậm chí khiến một số dự án bị đình trệ trong nhiều năm.

Về tư tưởng, Tanzania vẫn tồn tại sự khác biệt giữa mô hình phát triển kinh tế định hướng nhà nước và xu hướng mở cửa thị trường. Trong khi một bộ phận lãnh đạo vẫn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thế hệ lãnh đạo trẻ lại có xu hướng cởi mở hơn với đầu tư tư nhân và kinh tế thị trường.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, khi tìm hiểu cơ hội tại Tanzania, cần:

- Nghiên cứu kỹ khung pháp lý giữa đất liền và Zanzibar;
- Làm việc chặt chẽ với các cơ quan như TIC hoặc ZIPA để xác nhận hiệu lực ưu đãi;
- Tìm kiếm sự hỗ trợ tư vấn pháp lý tại chỗ để đảm bảo tuân thủ đúng quy định;

- Theo dõi sát các cải cách thuế và chính sách đầu tư đang được chính phủ triển khai.

Hạn chế đối với quyền kiểm soát nước ngoài và quyền sở hữu/tự do thành lập doanh nghiệp tư nhân

Nhà đầu tư nước ngoài tại Tanzania nhìn chung được hưởng chế độ đối xử tương tự như các nhà đầu tư trong nước. Không có quy định giới hạn về địa lý đối với việc thành lập doanh nghiệp có vốn nước ngoài, cũng không có quy định về số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép hoạt động trong một lĩnh vực nhất định. Bên cạnh đó, không có lĩnh vực nào yêu cầu phê duyệt riêng cho đầu tư mới (greenfield investment) mà không áp dụng tương tự cho nhà đầu tư trong nước.

Tuy nhiên, Chính phủ Tanzania vẫn duy trì một số giới hạn đối với đầu tư nước ngoài trong những lĩnh vực được xem là nhạy cảm hoặc có ảnh hưởng chiến lược đến an ninh và kinh tế quốc gia. Các lĩnh vực này bao gồm hàng không vũ trụ, nông nghiệp và thủy sản, ngân hàng, bảo hiểm, xây dựng – thiết bị hạng nặng, du lịch, năng lượng và công nghiệp môi trường, công nghệ thông tin – truyền thông, cũng như xuất bản và truyền thông đại chúng.

Trong lĩnh vực khai khoáng, mặc dù Tanzania đã nới lỏng một số quy định kể từ năm 2020, song vẫn còn tồn tại những rào cản nhất định đối với sở hữu nước ngoài. Các nhà đầu tư trong ngành này thường phản ánh về yêu cầu bắt buộc giao dịch qua ngân hàng địa phương, quy định thuế và thuế lãi vốn chưa thuận lợi, cùng với hạn chế về cơ sở hạ tầng năng lượng và giao thông. Đây là những yếu tố được xem là có thể ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư, dù cả nhà đầu tư trong nước lẫn quốc tế đều phải tuân thủ các quy định này.

Hiện nay, nhà đầu tư nước ngoài có thể đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Dar es Salaam (DSE). Tuy nhiên, chỉ có công dân của các quốc gia thuộc Cộng đồng Đông Phi (EAC) và Cộng đồng Phát triển miền Nam châu Phi (SADC) mới được phép đầu tư vào trái phiếu chính phủ Tanzania. Các nhà đầu tư thuộc hai khối này, ngoại trừ cư dân Tanzania, không được phép bán lại các chứng khoán chính phủ đã mua trên thị trường sơ cấp trong vòng sáu tháng kể từ ngày mua.

Các đánh giá chính sách đầu tư khác

Trong những năm gần đây, Tanzania chưa trải qua cuộc đánh giá chính sách đầu tư (IPR) nào từ các tổ chức bên thứ ba. Báo cáo mới nhất của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) về Tanzania được công bố từ năm 2013. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã thực hiện Đánh giá Chính sách Thương mại (Trade Policy Review)

vào năm 2019, áp dụng cho toàn bộ các quốc gia thuộc Cộng đồng Đông Phi (East African Community – EAC), bao gồm cả Tanzania.

Một số báo cáo liên quan bao gồm:

- WTO – Đánh giá Chính sách Thương mại: Cộng đồng Đông Phi (2019)
- UNCTAD – Đánh giá Chính sách Đầu tư Tanzania (2002)
- WTO – Báo cáo của Ban Thư ký về Tanzania
- UNCTAD – Tác động thương mại và giới (Trade and Gender Implications) (2018)

Do phần lớn các báo cáo kể trên đã được công bố từ lâu, các doanh nghiệp quan tâm đến thị trường Tanzania nên chủ động tra cứu thông tin cập nhật từ các cơ quan xúc tiến đầu tư, tổ chức thương mại quốc tế và các văn bản pháp lý mới được ban hành để có cái nhìn sát thực và chính xác hơn về môi trường đầu tư hiện tại.

Hỗ trợ doanh nghiệp – Quy trình thành lập và hoạt động tại Tanzania

Tanzania vẫn duy trì hệ thống đăng ký doanh nghiệp qua BRELA (Business Registrations and Licensing Agency), nơi cấp giấy chứng nhận tuân thủ (compliance certificate) cho công ty nước ngoài, giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty cổ phần, cùng đăng ký tên doanh nghiệp cho hộ kinh doanh cá thể và tổ chức doanh nghiệp. Sau khi đăng ký với BRELA, doanh nghiệp phải tiếp tục thực hiện các bước như xin mã số thuế (TIN), giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận VAT, bảo hiểm bồi thường người lao động, đăng ký với OSHA, bị kiểm tra từ OSHA và đăng ký số bảo hiểm xã hội.

Từ ngày 1/7/2025, Trung tâm Đầu tư Tanzania (TIC) và Cơ quan Khu Kinh tế Chế xuất (EPZA) đã được hợp nhất thành Cơ quan Đầu tư và Khu Kinh tế Đặc biệt Tanzania (TISEZA). TISEZA sẽ trở thành đầu mối duy nhất (One-Stop Centre) tiếp nhận và xử lý các thủ tục đầu tư như cấp phép đầu tư, đăng ký dự án và hỗ trợ giải quyết khiếu nại liên quan đến đầu tư. Tổ chức mới này áp dụng mức vốn đầu tư tối thiểu dành cho nhà đầu tư chiến lược là 50 triệu USD nếu là đầu tư nước ngoài và 20 triệu USD nếu là nhà đầu tư nội địa

Về cải cách quy định, Chính phủ Tanzania đã chính thức thực hiện Blueprint for Regulatory Reforms từ tháng 7/2019. Báo cáo mới công bố năm 2024 ghi nhận rằng hơn 374 khoản phí và lệ phí hành chính đã được bãi bỏ, giúp giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực như khai hải quan tại cảng biển. Bên cạnh đó, Chính phủ đang triển khai giai đoạn tiếp theo (Blueprint 2), với sự tham gia tích cực từ khu vực tư nhân, nhằm giải quyết các vấn đề tồn đọng trong môi trường kinh doanh và tăng hiệu quả quản trị nhà nước.

Đầu tư ra nước ngoài

Chính phủ Tanzania không đưa ra chính sách khuyến khích đầu tư ra nước ngoài mà vẫn duy trì cơ chế kiểm soát ngoại hối chặt chẽ. Theo báo cáo "Investment Climate

Statement 2023" của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Tanzania không hỗ trợ đầu tư nước ngoài và vẫn giới hạn cư dân tham gia thị trường vốn bên ngoài, cũng như mua trái phiếu hoặc chứng khoán quốc tế.

Về quy định ngoại hối, ngân hàng trung ương (BoT) đã cập nhật khung pháp lý đáng kể:

- Quy định mới GN 198/2025 có hiệu lực từ 28/3/2025, yêu cầu tất cả hàng hóa và dịch vụ trong nước phải được định giá và giao dịch bằng Shilling Tanzania (TZS), chỉ trừ một số giao dịch đặc biệt như thanh toán quốc tế qua chính phủ, đại sứ quán, vay nội tệ từ ngân hàng, hoặc mua tại cửa hàng miễn thuế.

- Các hợp đồng ngoại tệ hiện có bắt buộc phải chuyển sang TZS trong vòng 12 tháng, nếu không sẽ mất hiệu lực (trừ khi được Bộ trưởng cho phép gia hạn đến 27/3/2026).

Về điều kiện đầu tư ra nước ngoài của công dân Tanzania, các quy định mới dưới "Foreign Exchange Regulations, 2022" (và sửa đổi năm 2023) đã bãi bỏ một số hạn chế nhưng vẫn yêu cầu đăng ký các khoản vay ngoại tệ vượt quá 365 ngày, đồng thời áp dụng khung phạt lên tới 4 triệu TZS hoặc án tù đến 14 năm đối với vi phạm. BoT tiếp tục cấm tự do giao dịch tài khoản ở nước ngoài và các giao dịch ngoại hối, nhằm tăng giám sát và phòng ngừa rủi ro tài chính.

Hiệp định Đầu tư song phương và Hiệp định thuế

Tanzania hiện có các hiệp định đầu tư song phương (BITs) với 18 quốc gia và 7 thỏa thuận đầu tư với các khối kinh tế khu vực. Quốc gia này cũng là thành viên của một số công cụ quốc tế về đầu tư như Công ước ICSID (Trung tâm Quốc tế về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư), Công ước New York về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, và các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Nhân quyền.

Tính đến thời điểm hiện tại, Tanzania chưa có hiệp định đầu tư song phương hoặc hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Tuy nhiên, với tư cách là thành viên của Cộng đồng Đông Phi (EAC), Tanzania tham gia Hiệp định khung về Thương mại và Đầu tư (TIFA) ký năm 2008 và Đối tác Thương mại – Đầu tư (TIP) ký năm 2012 giữa EAC và một số đối tác toàn cầu, nhằm thúc đẩy thương mại, đầu tư và tăng cường đối thoại giữa khu vực công và khu vực tư nhân. Doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng các hiệp định này khi xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường khu vực Đông Phi, trong đó Tanzania là một đầu mối quan trọng về logistics và kết nối nội khối.

Hệ thống pháp lý

Tính minh bạch của hệ thống quy định

Theo Chỉ số Quản trị quy định toàn cầu (Global Indicators of Regulatory Governance) của Ngân hàng Thế giới, Tanzania chỉ đạt 1,25/5 điểm (2023) về mức độ minh bạch trong quản trị quy định, thấp hơn đáng kể so với các quốc gia láng giềng như Kenya và

Uganda, cả hai đều đạt 3,25/5 điểm. Điều này phản ánh mức độ hạn chế trong tham vấn công chúng, công bố văn bản dự thảo và đối thoại với các bên liên quan.

Tanzania có quy trình chính thức cho việc xây dựng và ban hành quy định: sau khi Quốc hội thông qua, Bộ liên quan sẽ thẩm định và ban hành văn bản hướng dẫn thi hành. Về lý thuyết, các bên liên quan có quyền góp ý trước khi quy định được áp dụng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều bộ và cơ quan quản lý hiếm khi tổ chức tham vấn công khai có ý nghĩa — luật không quy định thời gian tối thiểu tiếp nhận ý kiến. Nhiều doanh nghiệp phản ánh họ không được tham vấn hoặc chỉ có thời gian rất ngắn để phản hồi. Các cơ quan này cũng không có nghĩa vụ pháp lý phải công bố toàn bộ văn bản quy định dự kiến trước khi ban hành. Việc tiếp cận bản luật hoặc nghị định cuối cùng cũng thường chậm, và không phải lúc nào cũng công khai khi Luật đã được Tổng thống ký ban hành.

Luật Tiếp cận Thông tin công cộng năm 2016 tạo ra quyền truy cập thông tin cho người dân, nhưng bị đánh giá là mang lại quyền hạn quá rộng cho chính phủ trong việc từ chối cung cấp thông tin. Website "Government Portal" của chính phủ Tanzania hiện lưu trữ nhiều tài liệu quan trọng, tuy vậy thông tin cập nhật không đầy đủ và thiếu tin cậy. Một số bộ có công bố văn bản song song, nhưng thường thiếu số liệu chi tiết hoặc không kèm bản cuối cùng đã được phê duyệt.

Các cơ quan điều tiết độc lập về lý thuyết được giao trách nhiệm thực thi các quy định một cách trung lập; tuy nhiên, thực tế vẫn tồn tại ảnh hưởng chính trị rõ ràng, khiến mức độ độc lập thực thi bị hạn chế.

Về công khai tài chính công và nợ công, Tanzania hiện không đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản. Báo cáo Open Budget Survey 2023 đánh giá Tanzania đạt chỉ 41/100 điểm về tính minh bạch ngân sách, thấp hơn trung bình toàn cầu (45/100), và thấp hơn cả Uganda (59) và Kenya (55). Báo cáo DQAF của IMF thực hiện tháng 9/2024 cũng đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện độ tin cậy và tính kịp thời của dữ liệu về nợ công và quản lý tài chính.

Tóm lại, mặc dù Tanzania có một khung pháp lý cơ bản về xây dựng chính sách quy định và tiếp cận thông tin, các nhà đầu tư và doanh nghiệp vẫn cần thận trọng khi tiếp cận các văn bản pháp lý, quy định và dự thảo. Do tính thiếu minh bạch, đặc biệt trong đối thoại công chúng và công bố chính thức, các doanh nghiệp cần sử dụng các kênh đáng tin cậy như cơ quan xúc tiến đầu tư, hiệp hội doanh nghiệp địa phương hoặc các văn phòng luật sư để tiếp cận bản chính thức và cập nhật quy định.

Các quy định quốc tế liên quan đến Tanzania

Tanzania là thành viên của Cộng đồng Đông Phi (EAC) và Cộng đồng Phát triển Nam Phi (SADC), do đó chịu sự điều chỉnh bởi các quy định khu vực của hai tổ chức này. Đáng chú ý, vào năm 2021, Tanzania đã chính thức phê chuẩn Nghị định thư về kiểm dịch động – thực vật (SPS) của EAC sau một thời gian dài cân nhắc. Đây được xem là bước tiến quan trọng nhằm tăng cường hài hòa hóa quy định kỹ thuật và tạo thuận lợi thương mại trong khu vực.

Về tiêu chuẩn hóa, Tanzania là thành viên của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO). Cơ quan Tiêu chuẩn Tanzania (TBS), thành lập từ năm 1975, là đầu mối quốc gia chịu

trách nhiệm xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn. TBS hoạt động tích cực trong việc thúc đẩy tiêu chuẩn và kiểm soát chất lượng trong các lĩnh vực công nghệ chế biến (đặc biệt là chế biến nông sản), hóa chất, dệt may và kỹ thuật – bao gồm ngành khai khoáng và xây dựng.

Tanzania cũng là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Với vai trò là Điểm hỏi đáp quốc gia (NEP) của WTO, TBS chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về các quy định kỹ thuật đã hoặc đang được ban hành, các tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp. Tuy nhiên, Tanzania vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thông báo các dự thảo quy định kỹ thuật cho Ủy ban về Rào cản Kỹ thuật trong Thương mại (TBT) của WTO.

Hệ thống pháp luật và tính độc lập của tư pháp

Tanzania vận hành theo hệ thống Luật Thông luật Anh (English Common Law). Nguồn luật cao nhất là Hiến pháp năm 1977, tiếp theo là các đạo luật do Quốc hội ban hành và án lệ – bao gồm các bản án đã công bố hoặc chưa công bố từ Tòa án Tối cao và Tòa Phúc thẩm – được sử dụng như tiền lệ để định hướng cho các cấp tòa thấp hơn. Tòa Phúc thẩm là cơ quan tư pháp cao nhất, thụ lý các vụ việc từ cả Tanzania lục địa và Zanzibar, tiếp đến là Tòa án Tối cao, giải quyết các vụ án dân sự, hình sự và thương mại.

Tòa án Tối cao có bốn phân ban chuyên trách: Lao động, Đất đai, Thương mại, và Phòng chống tham nhũng & tội phạm kinh tế. Trong đó, ba phân ban đầu tiên có thẩm quyền xét xử duy nhất đối với lĩnh vực tương ứng, trong khi phân ban Thương mại không có quyền tài phán độc quyền. Ngoài ra, Tòa án Tối cao, Tòa sơ thẩm cấp huyện và khu vực cũng có thể xét xử sơ thẩm các vụ án thương mại, tùy theo giá trị tranh chấp theo quy định.

Bên cạnh hệ thống tòa án chính thống, Tanzania còn có các cơ quan tài phán bán tư pháp như Tòa phúc thẩm thuế vụ (Tax Revenue Appeals Tribunal), Tòa cạnh tranh công bằng (Fair Competition Tribunal), cùng các hình thức giải quyết tranh chấp thay thế như trọng tài thương mại. Đặc biệt, các phán quyết từ những quốc gia được công nhận theo Luật thực thi phán quyết nước ngoài có tính chất tương hỗ (REFJA) có thể được thi hành tại Tanzania. Để thực thi, bên thắng kiện cần nộp đơn đăng ký phán quyết tại Tòa án Tối cao Tanzania. Các quốc gia hiện nằm trong danh sách REFJA bao gồm: Botswana, Lesotho, Mauritius, Zambia, Seychelles, Somalia, Zimbabwe, Swaziland, Vương quốc Anh và Sri Lanka.

Hiến pháp Tanzania có quy định về tính độc lập của tư pháp. Tuy nhiên, trên thực tế, mức độ độc lập này có sự biến động trong những năm gần đây. Nhiều ý kiến cho rằng

tình trạng can thiệp chính trị và tham nhũng, như việc chi trả không chính thức nhằm tác động đến phán quyết, là vấn đề đáng lo ngại.

Doanh nghiệp Việt Nam hoạt động tại Tanzania cần lưu ý rằng các quy định hành chính và các biện pháp cưỡng chế của cơ quan quản lý đều có thể kháng nghị thông qua hệ thống tòa án quốc gia.

Luật và quy định liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Trong sáu năm qua, Chính phủ Tanzania đã ban hành một số đạo luật và quy định mới ảnh hưởng đến rủi ro và lợi suất của các khoản đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong lĩnh vực khai khoáng và tài nguyên thiên nhiên. Các văn bản pháp lý bao gồm: Luật Chủ quyền vĩnh viễn đối với tài nguyên quốc gia (2017), Luật Rà soát và Đàm phán lại các điều khoản bất hợp lý trong hợp đồng tài nguyên quốc gia (2017), Luật sửa đổi tổng hợp (2017), và Quy định khai khoáng về nội địa hóa (2019).

Các đạo luật này được ban hành bởi cơ quan hành pháp theo hình thức khẩn cấp, tức là miễn trừ yêu cầu công bố trước văn bản dự thảo, nhằm đẩy nhanh tiến trình phê duyệt. Vì vậy, quá trình tham vấn các bên liên quan bị hạn chế đáng kể. Đến nay, cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư vẫn tiếp tục kêu gọi Chính phủ sửa đổi các văn bản này.

Nhiều nhà đầu tư, đặc biệt trong ngành khai khoáng và tài nguyên, bày tỏ lo ngại về tác động của các luật nói trên. Hai trong số các luật quy định về "tài nguyên thiên nhiên và tài sản quốc gia" – được định nghĩa rất rộng, không chỉ bao gồm dầu khí, mà còn có thể bao hàm cả năng lượng gió, mặt trời và không gian trên không. Do đó, doanh nghiệp đầu tư vào Tanzania nên tham vấn luật sư chuyên trách tại địa phương để đánh giá tác động của các quy định này đối với hoạt động đầu tư hiện tại hoặc dự kiến.

Một trong những điểm đáng chú ý là các hợp đồng liên quan đến tài nguyên, dù đã ký kết trước hay sau, đều có thể bị Quốc hội rà soát lại. Cụ thể, luật quy định: "Nếu Quốc hội cho rằng một số điều khoản… hoặc toàn bộ thỏa thuận… là bất lợi cho lợi ích của Nhân dân và Nhà nước do chứa các điều khoản bất hợp lý (unconscionable), thì Quốc hội có thể ra nghị quyết yêu cầu Chính phủ đàm phán lại để điều chỉnh các điều khoản." Trong trường hợp bên đầu tư không đồng ý đàm phán lại theo đề xuất của Chính phủ, các điều khoản bị xem là "bất hợp lý" có thể bị đơn phương loại bỏ. Khái niệm "bất hợp lý" ở đây được định nghĩa rất rộng, bao gồm cả những điều khoản bị cho là "không công bằng hoặc gây gánh nặng cho Nhà nước." Quan trọng là, các tranh chấp liên quan không được đưa ra phán xử bởi hệ thống tư pháp, mà thuộc toàn quyền của Quốc hội.

Quy định khai khoáng về nội địa hóa năm 2019 cũng có những yêu cầu khắt khe hơn đối với nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể:

- Doanh nghiệp khai khoáng muốn xin giấy phép phải ưu tiên đối tác là "doanh nghiệp bản địa Tanzania", tức là doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp Tanzania, có ít nhất 20% cổ phần do công dân Tanzania nắm giữ và

100% vị trí không quản lý do người Tanzania đảm nhiệm (đây là sự nới lỏng so với quy định năm 2018 yêu cầu tỷ lệ sở hữu là 51%).

- Doanh nghiệp khai khoáng nước ngoài phải:
  - Dành ít nhất 5% cổ phần cho đối tác bản địa;
  - Chấp nhận để Chính phủ Tanzania nắm giữ 16% cổ phần không hoàn lại (carried interest);
  - Nếu cung cấp hàng hóa/dịch vụ cho ngành khai khoáng, phải thành lập liên doanh, trong đó doanh nghiệp Tanzania nắm giữ ít nhất 20% cổ phần.

Hiện nay, Trung tâm Đầu tư Tanzania (TIC) cung cấp nhiều thông tin về quy định, thủ tục và yêu cầu báo cáo dành cho nhà đầu tư trên cổng thông tin điện tử chính thức (xem tại Cổng thông tin TIC), tuy nhiên không đầy đủ và cần kiểm tra thêm từ các nguồn chính phủ cập nhật.

Lưu ý: Chính phủ Tanzania và TIC đang tiến hành rà soát lại một số quy định liên quan đến đầu tư và kinh doanh. Doanh nghiệp Việt Nam nên liên hệ trực tiếp TIC hoặc luật sư tại Tanzania để cập nhật thông tin, tránh chỉ dựa vào hướng dẫn dành cho doanh nghiệp Hoa Kỳ vốn không còn phù hợp trong một số trường hợp.

Luật cạnh tranh và chống độc quyền

Ủy ban Cạnh tranh Công bằng (Fair Competition Commission – FCC) là một cơ quan độc lập của Chính phủ Tanzania, có nhiệm vụ can thiệp khi cần thiết nhằm ngăn chặn hành vi thống lĩnh thị trường, thỏa thuận ấn định giá, thu lợi nhuận độc quyền bất hợp lý gây thiệt hại cho người tiêu dùng, hoặc gây mất ổn định thị trường.

FCC có thẩm quyền hạn chế hoặc ngăn chặn các thương vụ sáp nhập và mua lại (M&A) nếu những giao dịch này có khả năng dẫn đến tình trạng lũng đoạn thị trường hoặc tạo ra hành vi phi cạnh tranh.

Trưng thu tài sản và cơ chế bồi thường

Hiến pháp và Luật đầu tư của Tanzania cấm việc quốc hữu hóa tài sản một cách tùy tiện. Tuy nhiên, Chính phủ Tanzania (GoT) vẫn có thể tiến hành trưng thu tài sản sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý, nếu phục vụ cho lợi ích quốc gia.

Luật Đầu tư Tanzania đảm bảo rằng trong trường hợp trưng thu: Nhà đầu tư được nhận khoản bồi thường công bằng, đầy đủ và kịp thời; Có quyền khởi kiện tại tòa án hoặc

trọng tài để xác định mức bồi thường hợp lý; Có quyền chuyển khoản bồi thường ra nước ngoài bằng ngoại tệ chuyển đổi, khi có yêu cầu.

Để được bảo vệ theo Luật Đầu tư Tanzania, nhà đầu tư nước ngoài phải có vốn đầu tư tối thiểu 500.000 USD, trong khi nhà đầu tư Tanzania yêu cầu tối thiểu 100.000 USD.

Các hình thức trưng thu gián tiếp

Thực tế đã ghi nhận một số trường hợp trưng thu gián tiếp, chẳng hạn như:

- Chính sách thuế hà khắc một cách bất hợp lý;
- Các biện pháp hành chính hoặc quy định gây mất phần lớn lợi ích kinh tế từ khoản đầu tư.

Đây là một trong những vấn đề Chính phủ Tanzania từng cam kết xem xét sửa đổi trong năm 2021. Tuy nhiên, đến nay các điều chỉnh lớn đối với luật và quy định thuế vẫn chưa được hoàn tất, nên doanh nghiệp cần theo dõi sát diễn biến pháp lý và tham vấn chuyên gia tại địa phương.

Giải quyết tranh chấp

Công ước ICSID và Công ước New York

Tanzania là thành viên của Trung tâm Quốc tế về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư (ICSID) và Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa phương (MIGA). Tanzania cũng là quốc gia đã ký kết Công ước New York về Công nhận và Thi hành các Phán quyết Trọng tài Nước ngoài, tạo cơ sở pháp lý cho việc công nhận và thi hành các phán quyết trọng tài quốc tế tại Tanzania.

Luật Trọng tài mới

Một Luật Trọng tài mới đã được Tanzania ban hành vào tháng 2 năm 2020 và chính thức có hiệu lực từ tháng 1 năm 2021, thay thế cho Luật Trọng tài năm 1931. Văn bản mới này chủ yếu được xây dựng dựa trên Luật Trọng tài của Anh năm 1996, hiện đại hóa khung pháp lý về trọng tài của Tanzania.

Luật mới vượt trên các quy định của Luật sửa đổi Đối tác Công – Tư (PPP) năm 2018, vốn yêu cầu tất cả các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng PPP phải được giải quyết bằng trọng tài trong nước, và địa điểm xét xử phải nằm trong lãnh thổ Tanzania. Với sự thay đổi này, các bên được phép lựa chọn tổ chức trọng tài quốc tế, miễn là:

- Tranh chấp được điều chỉnh theo luật pháp Tanzania;
- Địa điểm xét xử vẫn phải tại Tanzania.

Tương tự, hai đạo luật về tài nguyên thiên nhiên – gồm Luật Chủ quyền Vĩnh viễn đối với Tài nguyên Thiên nhiên năm 2017 và Luật Rà soát, Đàm phán lại Điều khoản Bất công trong Hợp đồng Tài nguyên Thiên nhiên năm 2017 – cũng đã được điều chỉnh theo

hướng cho phép trọng tài quốc tế, với điều kiện áp dụng luật Tanzania và tổ chức tại Tanzania.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng cách diễn giải luật mới này vẫn còn khác nhau giữa các luật sư hành nghề tại Tanzania, và cho đến nay, chưa có tổ chức trọng tài quốc tế nào trực tiếp tổ chức phiên xét xử tại Tanzania. Do đó, doanh nghiệp cần tham khảo tư vấn pháp lý địa phương trước khi ký kết hợp đồng có điều khoản trọng tài tại nước này.

Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và Nhà nước

Tại Tanzania, các tranh chấp liên quan đến đầu tư có thể kéo dài và phức tạp. Tòa án Thương mại Tanzania có hai phân tòa tại Arusha và Mwanza, tuy nhiên các phân tòa này không có thẩm phán thường trú. Thay vào đó, mỗi tháng một lần, một thẩm phán từ Dar es Salaam sẽ đến làm việc tại mỗi địa điểm trong vòng một tuần. Chính phủ đã từng công bố kế hoạch mở rộng mạng lưới tòa thương mại tại các thành phố khác như Mbeya, Tanga và Dodoma, nhưng việc triển khai đến nay vẫn đình trệ. Ngoài tố tụng thông thường, hòa giải gắn với tòa án (court-annexed mediation) là một hình thức giải quyết tranh chấp thương mại khá phổ biến tại Tanzania.

Mặc dù Tanzania có các cơ chế pháp lý cho phép giải quyết tranh chấp đầu tư, nhiều nhà đầu tư nước ngoài cho biết Chính phủ Tanzania không luôn tuân thủ đầy đủ các cam kết trong hợp đồng. Một trong những khó khăn phổ biến là tình trạng chậm trễ hoặc không thanh toán đối với dịch vụ mà nhà đầu tư đã cung cấp cho các dự án của chính phủ. Một trường hợp tiêu biểu là một công ty năng lượng của Hoa Kỳ từng đệ đơn kiện lên ICSID vào năm 2017, yêu cầu bồi thường 561 triệu USD vì cáo buộc vi phạm hợp đồng mua bán điện. Tuy nhiên, công ty này đã rút đơn vào tháng 5/2021 sau khi hai bên đạt thỏa thuận giải quyết ngoài ICSID.

Ngoài ra, nhiều nhà đầu tư quốc tế phản ánh rằng trong quá trình đàm phán hợp đồng với Chính phủ hoặc các doanh nghiệp nhà nước, họ không được phép đưa điều khoản trọng tài quốc tế vào thỏa thuận. Gần đây, một số nhà đầu tư lớn đã thành công trong việc đưa điều khoản trọng tài quốc tế vào hợp đồng đầu tư quy mô lớn, nhưng điều này vẫn chưa trở thành thông lệ.

Trọng tài thương mại quốc tế và thẩm quyền của tòa án nước ngoài

Tại Tanzania, các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR) phổ biến bao gồm (1) Trọng tài, (2) Hòa giải và (3) Thỏa thuận dàn xếp. Trong đó, trọng tài được quy định bởi Đạo luật Trọng tài năm 2020, có hiệu lực từ tháng 1 năm 2021. Lưu ý rằng đạo luật này chỉ áp dụng tại phần đất liền của Tanzania (Mainland), không áp dụng tại Zanzibar.

Hiện có hai cơ quan trọng tài chính tại Tanzania: Tòa Trọng tài (Arbitral Tribunal) – nơi các bên có thể thỏa thuận về số lượng trọng tài viên; nếu không đạt được thỏa thuận, một trọng tài viên duy nhất sẽ được chỉ định. Ủy ban Hòa giải và Trọng tài (Commission for Mediation and Arbitration – MCA) – chuyên xử lý các tranh chấp lao động, tức là giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Đạo luật Trọng tài mới của Tanzania phần lớn được xây dựng theo mô hình của Vương quốc Anh, nhưng có một số hạn chế đáng chú ý. Chẳng hạn, đạo luật yêu cầu các phiên

tòa trọng tài quốc tế phải được tổ chức tại lãnh thổ Tanzania. Ngoài ra, đạo luật đưa ra một số điều khoản bắt buộc áp dụng, bất kể bản chất của vụ tranh chấp, bao gồm: việc tạm dừng thủ tục tố tụng tại tòa, thời hiệu khởi kiện, quyền của tòa án trong việc miễn nhiệm trọng tài viên, quyền miễn trách nhiệm của trọng tài viên, trách nhiệm của hội đồng trọng tài, chi phí trọng tài, việc triệu tập nhân chứng, thi hành phán quyết trọng tài và các quy trình liên quan khác.

Đạo luật cũng sửa đổi một số quy định hiện hành, trong đó có Điều 11 của Luật Chủ quyền lâu dài đối với tài nguyên quốc gia năm 2017 (Natural Wealth and Resources (Permanent Sovereignty) Act), theo đó chỉ cho phép tổ chức trọng tài tại Tanzania và dưới quyền tài phán của cơ quan tư pháp Tanzania. Như vậy, mặc dù trọng tài quốc tế được cho phép về mặt hình thức, nhưng phạm vi áp dụng vẫn còn bị giới hạn về địa điểm và luật điều chỉnh.

Quy định về phá sản tại Tanzania

Tanzania có hệ thống pháp luật cho phép doanh nghiệp tuyên bố mất khả năng thanh toán. Quá trình xử lý phá sản có thể bao gồm việc bổ nhiệm người quản lý tài sản (receiver managers), quản lý hành chính (administrative receivers) hoặc thanh lý viên (liquidators). Tuy nhiên, trên thực tế, quy trình này thường kéo dài và tốn kém. Theo luật, các khoản nợ được ưu tiên xử lý bao gồm: thuế và tiền thuê nợ Chính phủ, tiền lương và trợ cấp còn tồn đọng cho người lao động, được thanh toán trước các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ từ chủ nợ thương mại.

Các doanh nghiệp mất khả năng thanh khoản cũng có thể yêu cầu tòa án bảo hộ pháp lý, thông qua các đề xuất dàn xếp hoặc tái cơ cấu giữa công ty với chủ nợ, một nhóm chủ nợ nhất định hoặc với các cổ đông.

Thủ tục phá sản tại Tanzania có thể kéo dài nhiều năm để hoàn tất. Theo báo cáo, tỷ lệ thu hồi nợ trung bình của chủ nợ khi công ty mất khả năng thanh toán chỉ đạt 20,4 cent Mỹ cho mỗi USD nợ, và phán quyết thường được ban hành bằng đồng nội tệ Tanzania.

Chính sách công nghiệp

Ưu đãi đầu tư tại Tanzania

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Tanzania (Tanzania Investment Center – TIC) hiện đang cung cấp gói ưu đãi đầu tư dành cho cả nhà đầu tư trong và ngoài nước mà không yêu cầu điều kiện về hiệu suất hoạt động. Mức vốn đầu tư tối thiểu để được hưởng ưu đãi là 500.000 USD đối với nhà đầu tư nước ngoài và 100.000 USD đối với nhà đầu tư trong nước. (Lưu ý: Tính đến thời điểm công bố tài liệu này, Chính phủ Tanzania đang xem xét điều chỉnh chính sách ưu đãi; nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo trực tiếp TIC để có thông tin cập nhật.)

Tanzania hiện đang áp dụng nhiều chính sách ưu đãi đầu tư nhằm thu hút vốn nước ngoài vào các lĩnh vực chiến lược. Trong đó, nhà đầu tư được miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hàng hóa

thuộc vốn đầu tư cho các dự án trong các lĩnh vực ưu tiên như khai khoáng, cơ sở hạ tầng, giao thông, năng lượng, nông nghiệp, viễn thông và cấp nước.

Ngoài ra, nhà đầu tư còn được phép khấu trừ 100% chi phí đầu tư vào tài sản cố định trong năm phát sinh thu nhập. Tuy nhiên, cách thức triển khai ưu đãi này trên thực tế vẫn còn thiếu rõ ràng, cần có sự hướng dẫn cụ thể từ cơ quan chức năng.

Một điểm tích cực khác là Tanzania không áp dụng kiểm soát dòng vốn hồi hương, cho phép nhà đầu tư tự do chuyển lợi nhuận ra nước ngoài. Chính phủ cũng cam kết bảo đảm không quốc hữu hóa hoặc trưng thu tài sản. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên có thể lựa chọn giải quyết bằng đàm phán hoặc thông qua trọng tài quốc tế.

Đáng chú ý, Tanzania cho phép khấu trừ chi phí lãi vay phục vụ đầu tư, đồng thời đã bãi bỏ quy định giới hạn chuyển lỗ trong vòng 5 năm. Nhờ vậy, doanh nghiệp hiện có thể chuyển lỗ không giới hạn thời gian, tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc tối ưu hóa nghĩa vụ thuế trong giai đoạn đầu tư.

Nhà đầu tư có thể nộp hồ sơ để được công nhận là "Nhà đầu tư chiến lược" hoặc "Nhà đầu tư chiến lược đặc biệt" nhằm hưởng thêm ưu đãi đặc thù, theo các tiêu chí do TIC công bố trên trang web chính thức.

Chính phủ Tanzania cũng ban hành các chính sách miễn thuế thông qua Đạo luật Tài chính công nhằm thu hút đầu tư vào một số ngành ưu tiên. Trong năm tài chính 2021/2022, chính phủ đã: Miễn thuế GTGT cho các tổ chức có thỏa thuận với chính phủ để thực hiện các dự án chiến lược (do nội các xác định); Khôi phục miễn thuế GTGT cho các tổ chức phi chính phủ (NGO) có thỏa thuận hợp tác với chính phủ; Trao quyền cho Bộ trưởng Tài chính ban hành quy định hướng dẫn việc áp dụng, cấp và giám sát các ưu đãi này (thay vì phải lập hội đồng tư vấn kỹ thuật như trước đây).

Hiện tại, chính phủ Tanzania chưa áp dụng ưu đãi riêng cho các khoản đầu tư vào năng lượng sạch.

Cơ quan Quản lý Khu Chế xuất (EPZA) chịu trách nhiệm phát triển và vận hành các Khu Chế xuất (EPZ) và Khu Kinh tế Đặc biệt (SEZ). Các khu này được thiết kế nhằm thúc đẩy xuất khẩu thông qua cung cấp môi trường đầu tư thuận lợi và nhiều ưu đãi. Mức vốn đầu tư tối thiểu là 500.000 USD đối với nhà đầu tư nước ngoài và 100.000 USD đối với nhà đầu tư trong nước.

Các doanh nghiệp đầu tư vào các khu chế xuất (EPZ) tại Tanzania được hưởng nhiều ưu đãi thuế quan và thủ tục hành chính đặc biệt. Trong đó, nổi bật là chính sách miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 10 năm đầu hoạt động – một lợi thế lớn giúp giảm đáng kể chi phí vận hành ban đầu.

Bên cạnh đó, nhà đầu tư cũng được miễn hoàn toàn thuế nhập khẩu và thuế đối với nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất. Các dịch vụ tiện ích và vật liệu xây dựng sử dụng trong khu EPZ cũng không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Đáng chú ý, Tanzania còn miễn thuế khấu lưu đối với các khoản chi như tiền thuê, cổ tức và lãi vay – góp phần giảm chi phí tài chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, quy trình

xuất nhập khẩu trong EPZ được đơn giản hóa với chính sách miễn kiểm tra hàng hóa trước và sau khi xuất khẩu, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí logistics.

Các khu SEZ cũng được hưởng ưu đãi tương tự, ngoại trừ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 10 năm đầu.

Tại Zanzibar, Cơ quan Xúc tiến Đầu tư Zanzibar (ZIPA) và Cơ quan Quản lý Khu Kinh tế Tự do Zanzibar (ZAFREZA) cũng triển khai các chính sách ưu đãi riêng dành cho nhà đầu tư.

Ưu đãi dành cho nhà phát triển hạ tầng Khu Kinh tế Tự do (loại A)

Các nhà đầu tư được cấp phép phát triển hạ tầng cho Khu Kinh tế Tự do (FEZ) thuộc Nhóm A tại Tanzania được hưởng nhiều ưu đãi hấp dẫn nhằm thúc đẩy phát triển hạ tầng và thu hút vốn đầu tư. Cụ thể, họ được miễn thuế nhập khẩu và thuế nội địa đối với máy móc, thiết bị, xe chuyên dụng, vật liệu xây dựng và các loại hàng hóa vốn phục vụ xây dựng và vận hành khu kinh tế.

Ngoài ra, doanh nghiệp còn được miễn thuế thu nhập trong 10 năm đầu tiên. Sau giai đoạn này, thuế sẽ được áp dụng theo mức quy định của Luật Thuế Thu nhập hiện hành. Trong cùng khoảng thời gian này, họ cũng được miễn thuế khấu lưu đối với các khoản như tiền thuê, cổ tức và lãi vay, đồng thời miễn thuế tài sản trong 10 năm.

Đặc biệt, nhà đầu tư còn được giảm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT) và các loại thuế khác khi nhập khẩu một số phương tiện phục vụ hành chính và vận hành khu kinh tế, như: một xe hành chính, xe cứu thương, thiết bị và phương tiện chữa cháy, cùng tối đa hai xe buýt đưa đón nhân viên.

Về mặt thủ tục pháp lý, mọi giao dịch, văn bản hoặc chứng từ liên quan đến việc chuyển nhượng, cho thuê hoặc thế chấp tài sản trong khu kinh tế – kể cả được lập ngoài khu vực – đều được miễn thuế trước bạ (stamp duty). Hơn nữa, hàng hóa nhập khẩu vào Khu Kinh tế Tự do được coi là hàng quá cảnh nên không chịu thuế như hàng nhập khẩu thông thường.

Cuối cùng, Tanzania cũng áp dụng chính sách kiểm tra hải quan ngay tại chỗ trong khu kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thông quan và vận hành dự án đầu tư.

Những ưu đãi trên nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển hạ tầng các khu công nghiệp – kinh tế trọng điểm, qua đó thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu và chuyển dịch cơ cấu công nghiệp tại Tanzania.

Ưu đãi dành cho nhà đầu tư sản xuất phục vụ tiêu thụ nội địa trong Khu Kinh tế Tự do (Nhóm B)

Các nhà đầu tư được cấp phép hoạt động trong Khu Kinh tế Tự do (FEZ) Nhóm B – với thị trường tiêu thụ chính nằm trong lãnh thổ thuế quan của Tanzania – sẽ được hưởng nhiều ưu đãi nhằm giảm thiểu chi phí đầu vào và tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, vận hành. Trong đó, các khoản thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT) và một số loại thuế khác áp dụng cho nguyên liệu đầu vào và hàng hóa vốn phục vụ sản xuất trong khu kinh tế sẽ được giảm đáng kể.

Ngoài ra, doanh nghiệp còn được miễn thuế khấu lưu đối với khoản lãi vay từ các khoản vay nước ngoài. Khi nhập khẩu một số phương tiện và thiết bị phục vụ vận hành sản xuất như một xe hành chính, một xe cứu thương, thiết bị và phương tiện chữa cháy, cùng tối đa hai xe buýt chở nhân viên, doanh nghiệp có thể được miễn hoặc giảm thuế tùy trường hợp.

Quy trình thông quan cũng được đơn giản hóa nhờ miễn yêu cầu kiểm tra trước khi vận chuyển hoặc tại điểm đến, đồng thời cho phép kiểm tra hải quan trực tiếp tại chỗ trong nội khu. Các nhà đầu tư còn được hưởng lợi từ hệ thống dịch vụ hỗ trợ hiện đại, đáng tin cậy và có tính cạnh tranh trong khu kinh tế.

Đặc biệt, Tanzania đảm bảo quyền chuyển lợi nhuận và vốn ra nước ngoài không điều kiện – không bị kiểm soát ngoại hối – thông qua ngân hàng được cấp phép, bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Các khoản có thể chuyển bao gồm: lợi nhuận ròng hoặc cổ tức từ hoạt động đầu tư; chi trả nợ vay nước ngoài; phí bản quyền, phí công nghệ và chuyển giao kỹ thuật; tiền thu được từ bán hoặc thanh lý doanh nghiệp hay chuyển nhượng phần vốn góp; và chi trả lương, thưởng, phúc lợi khác cho chuyên gia nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp được cấp phép.

Ưu đãi dành cho nhà đầu tư hướng đến xuất khẩu trong Khu Kinh tế Tự do (Nhóm C)

Các nhà đầu tư được cấp phép hoạt động trong Khu Kinh tế Tự do Nhóm C – tức các doanh nghiệp phi sản xuất hoặc phi chế biến có từ 80% sản lượng hàng năm trở lên dành cho xuất khẩu – sẽ được hưởng một loạt ưu đãi hấp dẫn. Cụ thể, doanh nghiệp có thể tiếp cận Chương trình Bảo lãnh Tín dụng Xuất khẩu (Export Credit Guarantee Scheme), tùy thuộc vào điều kiện và quy trình áp dụng hiện hành. Ngoài ra, các khoản thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT) và các loại thuế khác áp dụng cho nguyên liệu đầu vào và hàng hóa vốn phục vụ sản xuất sẽ được giảm.

Về thuế doanh nghiệp, nhà đầu tư được miễn thuế thu nhập trong 10 năm đầu tiên, sau đó sẽ áp dụng mức thuế theo quy định của Luật Thuế Thu nhập. Đồng thời, thuế khấu lưu đối với tiền thuê, cổ tức và lãi vay cũng được miễn trong vòng 10 năm đầu. Doanh nghiệp còn được miễn toàn bộ thuế và lệ phí địa phương áp dụng đối với hàng hóa sản xuất trong khu trong cùng khoảng thời gian này.

Quy trình thông quan được đơn giản hóa nhờ việc miễn kiểm tra trước khi vận chuyển hoặc tại điểm đến, cùng với cơ chế kiểm tra hải quan ngay tại chỗ. Ngoài ra, doanh nghiệp được giảm thuế nhập khẩu, VAT và các khoản thuế liên quan khi nhập khẩu một xe hành chính, một xe cứu thương, thiết bị và xe chữa cháy, cùng tối đa hai xe buýt phục vụ đưa đón nhân viên.

Hàng hóa vận chuyển vào Khu Kinh tế Tự do được coi là hàng quá cảnh, không bị đánh thuế như hàng nhập khẩu thông thường, giúp tối ưu chi phí và thủ tục. Doanh nghiệp cũng được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ đầu tư hiện đại, đáng tin cậy và có tính cạnh tranh trong khu vực, đồng thời không bị giới hạn thời gian lưu kho hàng hóa trong Khu Thương mại Tự do (Freeport Zones). Đặc biệt, doanh nghiệp được phép sở hữu 100% vốn nước ngoài.

Bên cạnh đó, nhà đầu tư được quyền chuyển lợi nhuận, cổ tức, trả nợ vay nước ngoài, phí công nghệ, tiền thu được từ thanh lý hoặc chuyển nhượng đầu tư, cũng như chi trả cho lao động nước ngoài. Các giao dịch này được thực hiện thông qua ngân hàng được cấp phép, bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi và không bị hạn chế ngoại hối, với điều kiện tuân thủ các thủ tục và nghĩa vụ thuế liên quan.

Ngoài hoạt động xuất khẩu, doanh nghiệp thuộc Nhóm C cũng được phép tiêu thụ tối đa 20% tổng doanh thu hàng năm trong thị trường nội địa Tanzania. Tuy nhiên, phần hàng hóa này phải tuân thủ đầy đủ các quy định và nghĩa vụ thuế áp dụng tại thị trường trong nước.

Ưu đãi dành cho nhà đầu tư ngoài Khu Kinh tế Tự do

1. Ưu đãi chung cho nhà đầu tư được phê duyệt

Các nhà đầu tư được cấp phép và triển khai dự án ngoài Khu Kinh tế Tự do tại Tanzania cũng có thể được hưởng nhiều ưu đãi hấp dẫn. Cụ thể, họ được miễn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng (VAT) và các loại thuế tương tự đối với máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện và vật tư sử dụng duy nhất cho quá trình xây dựng, trong thời hạn quy định trên Giấy chứng nhận đầu tư. Bên cạnh đó, doanh nghiệp được miễn lệ phí giấy phép kinh doanh trong ba tháng đầu vận hành thử nghiệm và có thể được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (CIT) tối đa trong vòng năm năm.

Đáng chú ý, các nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu 100% vốn, giữ lại toàn bộ lợi nhuận sau thuế và được khấu trừ 100% chi phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D). Hơn nữa, nhà đầu tư có toàn quyền chuyển lợi nhuận sau thuế ra nước ngoài bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tối ưu hóa hiệu quả tài chính và mở rộng đầu tư quốc tế.

2. Ưu đãi bổ sung cho ngành sản xuất

Các nhà đầu tư được phê duyệt hoạt động trong lĩnh vực sản xuất tại Tanzania có thể được hưởng thêm nhiều ưu đãi hấp dẫn. Cụ thể, hàng hóa sản xuất để xuất khẩu sẽ được miễn toàn bộ các loại thuế. Bên cạnh đó, nguyên liệu và đầu vào công nghiệp có xuất xứ từ đất liền Tanzania cũng được miễn thuế thương mại khi đưa vào khu sản xuất. Doanh nghiệp còn được miễn thuế nhập khẩu, VAT và các loại thuế tương tự đối với nguyên liệu thô và bao bì sử dụng trong quá trình vận hành.

Ngoài ra, lãi vay từ các khoản vốn vay đã đăng ký sẽ không phải chịu thuế thu nhập, đồng thời nhà đầu tư có thể khấu trừ 100% chi phí đầu tư vào tài sản cố định trong vòng 5 năm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc gia tăng vốn đầu tư và phát triển sản xuất bền vững.

3. Ưu đãi bổ sung cho lĩnh vực bất động sản

Các nhà đầu tư được phê duyệt hoạt động trong lĩnh vực bất động sản tại Tanzania cũng có thể được hưởng nhiều ưu đãi thuế quan hấp dẫn. Cụ thể, thu nhập từ lãi vay của các khoản vốn vay sẽ được miễn thuế thu nhập, giúp giảm chi phí tài chính cho nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư được miễn thuế trước bạ (stamp duty) cho các giao dịch bất động sản và có thể khấu trừ 100% chi phí đầu tư vào tài sản cố định trong vòng 5 năm. Đặc biệt, khoản thu nhập từ chênh lệch vốn khi mua bán bất động sản cũng được miễn thuế,

tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư và chuyển nhượng tài sản trong lĩnh vực này.

Các Khu Thương mại Tự do, Cảng Tự do và Chính sách Tạo thuận lợi Thương mại

Tanzania đã thiết lập các Khu chế xuất (Export Processing Zones – EPZs) và Khu kinh tế đặc biệt (Special Economic Zones – SEZs) tại những địa điểm địa lý hoặc ngành công nghiệp cụ thể, nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất – kinh doanh thông qua các quy định và điều kiện hạ tầng đặc thù.

Đáng chú ý, quy chế EPZ có thể được áp dụng cho các nhà máy độc lập, không giới hạn về vị trí địa lý, với điều kiện ít nhất 80% sản lượng được xuất khẩu. Trong khi đó, quy chế SEZ không yêu cầu tỷ lệ xuất khẩu, cho phép doanh nghiệp bán hàng trong thị trường nội địa.

Tính đến nay, Tanzania có 14 khu công nghiệp EPZ/SEZ được quy hoạch, trong đó 10 khu đang trong giai đoạn phát triển, cùng với 75 nhà máy EPZ độc lập đang hoạt động trên cả nước.

Yêu cầu về hiệu suất và lưu trữ dữ liệu tại chỗ

Luật Quản lý Lao động dành cho người nước ngoài (Non-Citizens Employment Regulation Act, 2015) yêu cầu nhà tuyển dụng tại Tanzania ưu tiên tuyển dụng công dân trong nước trước khi xin giấy phép lao động cho lao động nước ngoài, đồng thời phải xây dựng lộ trình thay thế dần các vị trí do người nước ngoài đảm nhiệm bằng lao động bản địa. Luật này đã được sửa đổi vào tháng 10/2021 nhằm kéo dài thời hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài từ 5 năm lên tối đa 8 năm, với mỗi lần gia hạn không quá 2 năm. Hệ thống cấp phép cũng được số hóa hoàn toàn qua cổng thông tin OWAIS (Online Work Permit Application and Issuance System). Ngoài ra, theo quy định mới nhất tại Đạo luật sửa đổi số 4 năm 2025, nhà đầu tư đã được cấp ưu đãi và đăng ký với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư (TIC) hoặc Cơ quan Khu chế xuất (EPZA) có thể tuyển dụng tối đa 10 lao động nước ngoài, tăng gấp đôi so với mức giới hạn trước đây. Các điều chỉnh mới cũng cho phép người có giấy phép lao động loại A được hoạt động tại nhiều doanh nghiệp cùng lúc, và tạo điều kiện hợp pháp hóa tuyển dụng người tị nạn trong nước.

Bên cạnh đó, Chính phủ Tanzania đang thúc đẩy mạnh mẽ chính sách nội địa hóa nội dung (local content) trong mọi lĩnh vực kinh tế, dưới sự giám sát của Hội đồng Trao quyền Kinh tế Quốc gia (NEEC). Mục tiêu là tăng cường khả năng tiếp cận cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp sở hữu và vận hành bởi người Tanzania. Các luật chuyên ngành cũng đã tích hợp yêu cầu nội địa hóa, bao gồm Luật Dầu khí 2015 và Quy định Nội địa hóa Dầu khí năm 2017, cũng như các quy định tương tự trong lĩnh vực khai khoáng từ năm 2018.

Về lưu trữ dữ liệu, Ngân hàng Trung ương Tanzania (BoT) từ năm 2019 đã yêu cầu tất cả ngân hàng và tổ chức tài chính phải đặt trung tâm dữ liệu chính (primary data center) trong lãnh thổ Tanzania. Nếu không tuân thủ, tổ chức sẽ phải đối mặt với mức phạt lên đến 5 tỷ Shilling Tanzania và phạt hàng tháng 500 triệu Shilling. Yêu cầu này được mở

rộng trong Đạo luật Tài chính năm 2021, áp dụng cho toàn bộ hệ thống điện tử có liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế. Đồng thời, Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân năm 2022 (Personal Data Protection Act) chính thức có hiệu lực từ tháng 5/2023, đưa ra quy định chi tiết về lưu trữ, xử lý và chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới. Ngoài ra, Trung tâm Dữ liệu Quốc gia (NIDC) với vốn đầu tư 94 triệu USD, được vận hành bởi Tổng công ty Viễn thông Tanzania (TTCL), đang đóng vai trò là hạ tầng chiến lược phục vụ yêu cầu lưu trữ dữ liệu trong nước theo Luật Viễn thông Tanzania 2017.

Bảo vệ quyền sở hữu tài sản tại Tanzania

Tại Tanzania, toàn bộ đất đai thuộc quyền sở hữu của Nhà nước. Việc xin cấp quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng (certificate of occupancy) có thể gặp nhiều thủ tục phức tạp và kéo dài, đặc biệt trong bối cảnh chưa đến 15% diện tích đất đã được đo đạc chính thức. Việc đăng ký quyền sử dụng đất vẫn được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp thủ công và tại cấp địa phương. Nhà đầu tư nước ngoài không được phép mua đất trực tiếp từ cá nhân người Tanzania, nhưng có thể tiếp cận đất đai phục vụ mục đích đầu tư thông qua các hình thức như: quyền sử dụng đất thứ cấp do Chính phủ cấp (derivative rights – được hỗ trợ bởi Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Tanzania – TIC), thuê lại đất từ các chủ sở hữu hợp pháp đã được cấp quyền sử dụng, hoặc hợp tác liên doanh với bên Tanzania, trong đó phía Tanzania góp vốn bằng quyền sử dụng đất (vẫn giữ quyền sở hữu đất).

Theo quy định hiện hành, đất có thể được cho thuê với thời hạn lên tới 99 năm. Chính phủ Tanzania đã xây dựng "ngân hàng đất" (land bank) do TIC quản lý, bao gồm các khu đất đã được lựa chọn và quy hoạch để dành riêng cho mục đích thu hút đầu tư nước ngoài, trong đó có cả nhà đầu tư đến từ Việt Nam. Tuy nhiên, đối với các khu đất nằm ngoài quỹ đất do TIC quản lý, nhà đầu tư phải trải qua quy trình phê duyệt phức tạp tại cấp chính quyền địa phương, Bộ Đất đai, Nhà ở và Phát triển khu dân cư (MoLHHSD), và Văn phòng Tổng thống, để khu đất đó được phân loại thành "đất chung" (general land) – loại đất duy nhất có thể được cấp quyền sử dụng chính thức và mua bán phục vụ đầu tư.

Luật pháp Tanzania công nhận và bảo vệ quyền thế chấp tài sản, bao gồm việc dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (title deeds) làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng. Việc đăng ký thế chấp và quyền sử dụng đất được thực hiện thông qua Bộ MoLHHSD, trong khi Văn phòng Đăng ký Quyền sở hữu (Office of the Registrar of Titles) chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu và ghi nhận giao dịch thế chấp. Kể từ tháng 1 năm 2018, luật đất đai đã được sửa đổi nhằm tăng cường quản lý việc sử dụng vốn vay: khi nhà đầu tư thế chấp phần đất chưa phát triển để vay vốn, khoản vay đó bắt buộc phải được sử dụng đúng mục đích là phát triển khu đất thế chấp đó. Báo cáo sử dụng vốn cần được nộp lên Ủy viên Đất đai thuộc MoLHHSD để thẩm định và theo dõi. Lưu ý rằng quy định này không áp dụng với "đất làng" (village land) – loại đất được quản lý và phân bổ bởi Hội đồng làng và không được phép sử dụng làm tài sản thế chấp trong hệ thống ngân hàng.

Quyền Sở hữu Trí tuệ tại Tanzania

Tại Tanzania, Cơ quan Bản quyền Quốc gia (Copyright Society of Tanzania – COSOTA) chịu trách nhiệm đăng ký và thực thi quyền tác giả. Trong khi đó, Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp và Cấp phép Kinh doanh (Business Registrations and Licensing Agency – BRELA), trực thuộc Bộ Thương mại, đảm nhiệm việc đăng ký nhãn hiệu và sáng chế. Tuy nhiên, việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chủ yếu vẫn thuộc trách nhiệm của chính chủ thể quyền – các doanh nghiệp, nhà đầu tư hoặc tổ chức giữ quyền cần chủ động thuê luật sư và cố vấn pháp lý để theo đuổi việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Ủy ban Cạnh tranh Công bằng (Fair Competition Commission – FCC) có vai trò thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh và bảo vệ người tiêu dùng khỏi các hành vi gian lận trên thị trường. Bên cạnh đó, FCC cũng có quyền hạn bán tư pháp (quasi-judicial) trong việc xử lý các vụ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm cả nhãn hiệu và sáng chế. FCC đồng thời là một trong những cơ quan chủ lực trong nỗ lực chống hàng giả tại Tanzania. Tuy nhiên, đối với hàng giả liên quan đến thuốc chữa bệnh, mỹ phẩm và thực phẩm đóng gói, thẩm quyền thuộc về Cơ quan Quản lý Dược phẩm và Thiết bị Y tế Tanzania (Tanzania Medicines and Medical Devices Authority – TMDA). Quyền hạn và chức năng của TMDA được quy định trong Luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Tanzania (TFDCA), đã được sửa đổi vào năm 2019.

Dù đã có nhiều nỗ lực trong công tác thực thi, Chính phủ Tanzania hiện vẫn gặp không ít khó khăn trong việc ngăn chặn hiệu quả nạn hàng giả do nguồn lực hạn chế. Do vậy, các doanh nghiệp Việt Nam khi đầu tư hoặc hợp tác tại thị trường này nên đặc biệt lưu ý đến việc chủ động đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và quyền tác giả tại các cơ quan chức năng địa phương như BRELA hoặc COSOTA, đồng thời cần xây dựng chiến lược giám sát và xử lý vi phạm phù hợp.

Thông tin chi tiết về hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ và đầu mối liên hệ tại Tanzania có thể được tham khảo tại trang hồ sơ quốc gia của Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO): http://www.wipo.int/directory/en/

Thị trường tài chính

Thị trường vốn và đầu tư danh mục

Sở Giao dịch Chứng khoán Dar es Salaam (Dar es Salaam Stock Exchange – DSE) là một công ty đại chúng, tự niêm yết, hoạt động theo mô hình sở hữu công khai. Nhằm hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ có tiềm năng tăng trưởng cao, năm 2013, DSE đã ra mắt thị trường thứ cấp – *Enterprise Growth Market (EGM)* – với các yêu cầu niêm yết nới lỏng hơn.

Tính đến giữa năm 2025, tổng quy mô vốn hóa thị trường đạt khoảng 20.884 nghìn tỷ TZS, tương đương khoảng 8,7 tỷ USD — cao hơn đáng kể so với mức 7,076 tỷ USD vào tháng 3/2022, khi tăng trưởng mạnh từ mức 6,7 tỷ USD một năm trước đó. Sự tăng

trưởng này cho thấy thị trường chứng khoán Tanzania đang trên đà phục hồi và mở rộng nhanh chóng sau giai đoạn ổn định chậm lại giữa năm 2021–2022.

Mặc dù có đà phát triển mạnh, Tanzania vẫn duy trì các biện pháp kiểm soát vốn chặt chẽ. Công dân nước này không được phép phát hành hoặc bán chứng khoán ở nước ngoài mà không có sự chấp thuận từ Ủy ban Thị trường Vốn và Chứng khoán Tanzania (CMSA). Ngoài ra, theo Quy định 2014 về đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong thị trường trái phiếu chính phủ chỉ giới hạn tối đa 40% cho từng đợt phát hành, và chỉ các nhà đầu tư đến từ Cộng đồng Đông Phi (EAC) mới được phép tham gia.

Theo quy định về đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thị trường vốn ban hành năm 2014 (*Capital Markets and Securities (Foreign Investors) Regulations*), Tanzania không giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với chứng khoán phi chính phủ đã niêm yết. Tuy nhiên, đối với thị trường trái phiếu chính phủ, chỉ các công ty hoặc cá nhân là công dân của các quốc gia thuộc Cộng đồng Đông Phi (East African Community – EAC) mới được tham gia. Ngay cả khi cho phép nhà đầu tư EAC tham gia, tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với từng đợt phát hành trái phiếu chính phủ vẫn bị giới hạn ở mức tối đa 40%.

Luật Viễn thông và Bưu chính điện tử (*Electronic and Postal Communications Act 2010*), được sửa đổi qua Đạo luật Tài chính năm 2016, quy định rằng các công ty viễn thông phải niêm yết tối thiểu 25% cổ phần của mình thông qua chào bán công khai lần đầu (IPO) trên sàn DSE. Trong số bảy công ty viễn thông nộp hồ sơ IPO lên CMSA, chỉ có Vodacom được phê duyệt. (Thông tin này nên được cập nhật từ CMSA nếu doanh nghiệp có quan tâm đầu tư vào lĩnh vực viễn thông.)

Bên cạnh đó, theo quy định về niêm yết và tỷ lệ sở hữu tối thiểu trong ngành khai khoáng năm 2016 (*Mining (Minimum Shareholding and Public Offering) Regulations*), các doanh nghiệp khai khoáng quy mô lớn phải niêm yết ít nhất 30% cổ phần trên sàn DSE trước ngày 7 tháng 10 năm 2018. Tuy nhiên, tính đến nay, vẫn chưa có công ty khai khoáng nào thực hiện niêm yết theo yêu cầu trên. (Doanh nghiệp Việt Nam quan tâm đến lĩnh vực khai khoáng nên liên hệ TIC hoặc CMSA để cập nhật thêm các động thái mới nhất.)

Hệ thống Tiền tệ và Ngân hàng tại Tanzania

Trong thập kỷ qua, tỷ lệ tiếp cận tài chính ở Tanzania đã tăng đáng kể nhờ sự phổ biến của điện thoại di động và dịch vụ ngân hàng di động. Tuy vậy, tỷ lệ tham gia vào hệ thống ngân hàng chính thức vẫn còn thấp: chỉ khoảng 19% dân số có tài khoản tại ngân hàng — phần lớn dân số vẫn dựa vào dịch vụ tài chính phi ngân hàng như mobile money. Tăng trưởng tín dụng khu vực tư nhân vẫn yếu và tỷ lệ nợ xấu (NPL) cao; Covid-19 càng làm trầm trọng thêm các vấn đề này.

Theo báo cáo mới nhất từ IMF về Đánh giá Tính ổn định Hệ thống Tài chính (Financial System Stability Assessment), hệ thống ngân hàng do CRDB Bank và NMB Bank chi phối có quy mô nhỏ, tập trung và vẫn trong giai đoạn phát triển tương đối sơ khai. Báo

cáo nhấn mạnh rằng gần một nửa trong số 45 ngân hàng thương mại tại Tanzania dễ bị ảnh hưởng trong trường hợp có biến động tài chính toàn cầu.

Hai ngân hàng lớn nhất là CRDB Bank và NMB Bank, chiếm gần 30% tổng tài sản hệ thống, với tài sản lần lượt trị giá khoảng 16,6 nghìn tỷ TZS và 13,7 nghìn tỷ TZS vào cuối năm 2024. Cả hai đều báo cáo lợi nhuận sau thuế tăng mạnh trong năm 2024: CRDB đạt 550,8 tỷ TZS, tăng 30%; NMB đạt 643,8 tỷ TZS, tăng 18% so với năm trước.

COVID-19 có giai đoạn khiến nợ xấu tăng, tuy nhiên theo báo cáo quý 1/2025 của ngành ngân hàng, NPL của CRDB và NMB lần lượt ở mức ~3%, cho thấy tín dụng đang dần ổn định.

Đối với doanh nghiệp, bao gồm cả doanh nghiệp Việt Nam, các sản phẩm tín dụng như thư tín dụng (L/C), cho vay thấu chi, khoản vay có kỳ hạn và bảo đảm tín dụng vẫn được các ngân hàng thương mại cung cấp đầy đủ. Nhà đầu tư nước ngoài có thể mở tài khoản tại các ngân hàng Tanzania và lãi suất được miễn thuế, tuy nhiên nếu không có tư cách pháp lý tại Tanzania, họ phải được Ngân hàng Trung ương cấp phép mở "tài khoản thực thể nước ngoài" (foreign entity account).

Luật Banking and Financial Institutions Act 2006 cho phép thành lập các cơ quan cung cấp thông tin tín dụng (credit reference bureaus); hiện Tanzania có hai tổ chức như vậy: Credit Info Tanzania Ltd và Dun & Bradstreet Credit Bureau Tanzania Ltd, cung cấp báo cáo tín dụng theo yêu cầu kinh doanh hợp pháp.

Hệ thống Ngoại hối và chuyển tiền tại Tanzania (Foreign Exchange and Remittances)

Tanzania cho phép chuyển tiền ra nước ngoài một cách không điều kiện thông qua các ngân hàng được cấp phép đối với các khoản như lợi nhuận ròng, trả nợ vay nước ngoài, phí bản quyền, chuyển giao công nghệ và các khoản thu từ hợp đồng kinh doanh. Giới hạn duy nhất về ngoại hối áp dụng cho cá nhân mang tiền mặt ra khỏi quốc gia, tối đa 10.000 USD trong vòng 40 ngày – tuy nhiên hình thức này ít được các nhà đầu tư sử dụng do hầu hết giao dịch đều thông qua các công cụ thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

Luật Bảo Đổi Ngoại tệ (Bureau de Change Regulations 2019, GN 450/2019) do Ngân hàng Trung ương Tanzania ban hành và có hiệu lực từ tháng 6/2019 đã siết chặt hoạt động đổi ngoại tệ. Theo đó, các cơ sở đổi ngoại tệ loại A do ngân hàng sở hữu trên 50% cổ phần phải có vốn tối thiểu 1 tỷ TZS (khoảng 430.000 USD) và đặt cọc không sinh lời 100.000 USD tại Ngân hàng Trung ương. Các điểm đổi tiền cũng phải lắp đặt hệ thống giám sát an ninh, tuân thủ quy trình chống rửa tiền (AML) và xác minh khách hàng (KYC) nghiêm ngặt. Phần lớn các quầy đổi tiền không đáp ứng quy định đã bị đóng cửa, nhường lại thị phần cho các ngân hàng thương mại và dịch vụ ngoại hối do Tanzania Posts Corporation cung cấp.

Đến tháng 4/2025, Chính phủ Tanzania tiếp tục siết chặt quản lý ngoại tệ thông qua Quy định Sử dụng Ngoại tệ nội địa (GN 198/2025). Theo quy định này, mọi hợp đồng, báo giá và giao dịch trong nước đều bắt buộc phải sử dụng đồng Shilling Tanzania (TZS). Các hợp đồng hiện tại ký bằng ngoại tệ phải được sửa đổi sang TZS trước ngày 27/3/2026, nếu không sẽ bị coi là vô hiệu – trừ khi thuộc diện miễn trừ theo danh sách

do Bộ Tài chính quy định. Quy định này cũng cấm niêm yết, quảng cáo hoặc từ chối thanh toán bằng TZS cho các dịch vụ nội địa. Một số ngoại lệ vẫn được phép giao dịch bằng ngoại tệ, bao gồm: giao dịch của Chính phủ với tổ chức quốc tế/khu vực, tín dụng ngoại tệ được cấp hợp pháp bởi ngân hàng thương mại, mua bán tại các cửa hàng miễn thuế, và thanh toán cho dịch vụ du lịch quốc tế (nhưng chỉ đối với khách nước ngoài).

Bên cạnh đó, từ ngày 1/8/2025, mọi giao dịch chuyển tiền quốc tế vào Tanzania bắt buộc phải thực hiện thông qua hệ thống Tanzania Instant Payment System (TIPS) do Ngân hàng Trung ương vận hành. Mỗi giao dịch sẽ chịu mức phí cố định là 1.000 TZS (tương đương khoảng 0,38 USD), nhằm tăng hiệu quả quản lý, thúc đẩy minh bạch và đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan đến ngoại hối và chống rửa tiền.

Quỹ Tài sản Quốc gia

Hiện nay, Tanzania chưa thành lập Quỹ Tài sản Quốc gia (Sovereign Wealth Fund). Điều này đồng nghĩa với việc quốc gia này chưa có cơ chế tích lũy và đầu tư các nguồn thu từ tài nguyên thiên nhiên (như dầu khí, khoáng sản) vào một quỹ đầu tư chiến lược nhằm phục vụ mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô hoặc phát triển dài hạn. Các doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu hợp tác hoặc đầu tư vào lĩnh vực khai khoáng, năng lượng nên lưu ý điều này khi đánh giá khả năng tham gia của nhà nước Tanzania trong các dự án đầu tư quy mô lớn.

Doanh nghiệp Nhà nước (State-Owned Enterprises – SOEs)

Tại Tanzania, các doanh nghiệp nhà nước (SOEs) không hoạt động trên cùng một mặt bằng cạnh tranh với khối tư nhân do được hưởng trợ cấp và các ưu đãi đặc biệt từ chính phủ. SOEs hiện diện trong nhiều lĩnh vực trọng yếu như năng lượng, viễn thông, đường sắt, bảo hiểm, hàng không và cảng biển. Các doanh nghiệp này thường trực thuộc các bộ ngành chủ quản, với hội đồng quản trị do Tổng thống bổ nhiệm. Hội đồng này thường bao gồm cả đại diện khu vực tư nhân. Tuy nhiên, SOEs nhìn chung không chịu ràng buộc nghiêm ngặt về ngân sách, đồng thời có thể tiếp cận các hình thức bảo lãnh tín dụng chủ quyền. Dù vậy, chưa có ghi nhận về việc các doanh nghiệp nước ngoài bị phân biệt đối xử khi hợp tác với SOEs tại Tanzania. Các số liệu cụ thể về tài chính và nhân sự của khối doanh nghiệp này hiện chưa được công khai rộng rãi.

Theo báo cáo mới nhất từ Văn phòng Giám lý Kho bạc (Treasury Registrar), tính đến năm tài chính 2023–2024, tổng giá trị đầu tư của chính phủ vào các doanh nghiệp nhà nước và tổ chức công lập đã tăng lên khoảng 86,3 nghìn tỷ shilling Tanzania (TZS), so với mức 67 nghìn tỷ TZS vào năm 2020–2021, tương ứng mức tăng trưởng 27% trong vòng bốn năm. Danh mục đầu tư nhà nước hiện bao gồm khoảng 308 doanh nghiệp, trong đó chính phủ nắm giữ cổ phần dưới 51%. Bên cạnh đó, dự kiến trong năm tài chính 2025–2026, tổng doanh thu phi thuế (từ cổ tức và lợi nhuận kinh doanh) do khối SOEs đóng góp sẽ đạt khoảng 1,56 nghìn tỷ TZS, tăng hơn 40% so với mức 1,113 nghìn tỷ TZS của năm tài chính trước đó.

Trong nỗ lực cải tổ hệ thống SOEs, chính phủ đang triển khai kế hoạch tái cơ cấu nhằm tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động. Trong năm 2024, Tanzania đã sáp nhập 19 đơn vị nhà nước thành 7 cơ quan mới nhằm giảm trùng lặp chức năng và tăng cường năng lực quản trị. Văn phòng Treasury Registrar cũng đang đóng vai trò như một

tổ chức "mẹ" giám sát toàn bộ danh mục đầu tư công, đồng thời áp dụng cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động theo hướng doanh nghiệp. Chính phủ đặt mục tiêu nâng tỷ trọng đóng góp từ SOEs lên khoảng 10% tổng thu nội địa trong vòng 5 năm tới, thay vì duy trì ở mức xấp xỉ 3% như hiện nay.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam có kế hoạch hợp tác hoặc tham gia đấu thầu dự án cùng các SOEs tại Tanzania – chẳng hạn như Tổng công ty Điện lực TANESCO, Tổng công ty Dầu khí TPDC, Hãng hàng không quốc gia Air Tanzania hoặc Tập đoàn Viễn thông TTCL – cần đặc biệt lưu ý đến quy trình làm việc, cơ chế phê duyệt đầu tư công, cũng như vai trò điều phối và giám sát của Văn phòng Treasury Registrar. Trong bối cảnh chính phủ Tanzania đang thúc đẩy cải cách doanh nghiệp công theo hướng minh bạch và hiệu quả, đây có thể là thời điểm thuận lợi để các doanh nghiệp Việt Nam tìm kiếm cơ hội hợp tác dài hạn và có chiến lược tiếp cận phù hợp.

Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (Responsible Business Conduct – RBC)

Chính phủ Tanzania đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Hội đồng Quản lý Môi trường Quốc gia (National Environment Management Council – NEMC) là cơ quan đầu mối thực hiện chức năng giám sát, đánh giá và kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đánh giá tác động môi trường; đồng thời tổ chức nghiên cứu, nâng cao nhận thức cộng đồng và hỗ trợ tham vấn công khai trong các quyết định liên quan đến môi trường. Tuy nhiên, một số ý kiến từ các tổ chức dân sự và giới chuyên gia cho rằng NEMC vẫn còn hạn chế về năng lực chuyên môn và nguồn lực tài chính để thực hiện hiệu quả toàn bộ chức năng của mình.

Hiện chưa có quy định pháp lý bắt buộc các doanh nghiệp công khai thông tin liên quan đến trách nhiệm xã hội, và chính phủ cũng chưa ban hành bộ tiêu chuẩn về chế độ đãi ngộ và lương thưởng cho lãnh đạo doanh nghiệp. Tuy nhiên, các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Dar es Salaam (DSE) vẫn phải công bố thông tin bắt buộc theo quy định để đảm bảo minh bạch với cổ đông và công chúng. Đáng chú ý, từ tháng 6 năm 2016, DSE đã ký kết cam kết tự nguyện với Sáng kiến Sở Giao dịch Chứng khoán Bền vững của Liên Hợp Quốc, nhằm thúc đẩy đầu tư bền vững dài hạn, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp, bảo vệ môi trường và thúc đẩy trách nhiệm xã hội. Các chuẩn mực kế toán hiện hành tại Tanzania về cơ bản đã được điều chỉnh phù hợp với thông lệ kế toán quốc tế.

Trong thực tiễn, chính phủ chưa tích hợp các tiêu chí về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong quá trình đấu thầu công. Mặc dù luật pháp hiện hành cho phép xử phạt các hành vi sai phạm, truyền thông địa phương vẫn thường xuyên đưa tin về các vụ việc tham nhũng mà đối tượng vi phạm chưa bị xử lý nghiêm minh. Một số trường hợp doanh nghiệp hợp tác với chính quyền địa phương để triển khai dự án không nhận được sự ủng hộ từ cộng đồng cư dân tại khu vực ảnh hưởng, làm dấy lên lo ngại về tính minh bạch và công bằng trong quá trình ra quyết định.

Trong bối cảnh đó, một số công ty nước ngoài đã chủ động hợp tác với các tổ chức phi chính phủ chuyên theo dõi và thúc đẩy thực thi RBC nhằm giảm thiểu rủi ro và tránh các tranh chấp phát sinh với cộng đồng. Một số tập đoàn đa quốc gia, bao gồm các đơn

vị tham gia ký kết "Nguyên tắc tự nguyện về an ninh và nhân quyền" (Voluntary Principles on Security and Human Rights – VPs), đã triển khai các chương trình hỗ trợ cộng đồng, nhằm làm cầu nối giữa doanh nghiệp, chính quyền địa phương, lực lượng an ninh và người dân sống gần khu vực dự án, đặc biệt trong ngành khai thác khoáng sản.

Tanzania là quốc gia thành viên của Sáng kiến Minh bạch trong Công nghiệp Khai khoáng (Extractive Industries Transparency Initiative – EITI). Vào năm 2015, nước này đã ban hành Luật Minh bạch và Trách nhiệm trong ngành công nghiệp khai thác, yêu cầu công khai tất cả các hợp đồng, giấy phép và thỏa thuận liên quan đến khai thác tài nguyên thiên nhiên. Chính phủ cũng công bố các báo cáo thường niên về doanh thu từ hoạt động khai thác để tăng cường trách nhiệm giải trình.

Doanh nghiệp Việt Nam khi đầu tư vào Tanzania – đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như khoáng sản và nông nghiệp – cần lưu ý đến các yếu tố liên quan đến quyền con người và lao động. Một ví dụ điển hình là vụ việc tại mỏ kim cương Williamson năm 2021, nơi đã đạt được thỏa thuận hòa giải ngoài tòa án trị giá 6 triệu USD giữa công ty Petra (Anh) – nắm giữ 75% cổ phần – và các nguyên đơn tố cáo hành vi vi phạm nhân quyền bởi lực lượng bảo vệ bên thứ ba. Chính phủ Tanzania hiện đang nắm giữ 25% cổ phần tại mỏ này. Sau sự việc, Petra cam kết đầu tư vào các chương trình phát triển cộng đồng bền vững tại khu vực mỏ, đồng thời xây dựng một cơ chế tiếp nhận và xử lý khiếu nại mới theo tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với các nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về kinh doanh và nhân quyền.

Vấn đề biến đổi khí hậu

Chính phủ Tanzania hiện đang triển khai Chiến lược Phản ứng với Biến đổi Khí hậu Quốc gia (National Climate Change Response Strategy – NCCRS) giai đoạn 2021–2026, vốn thay thế Chiến lược trước đó (2012–2018) và xác định các biện pháp giảm nhẹ phát thải cũng như thích ứng quốc gia hiệu quả. Theo đó, Tanzania cam kết sẽ giảm lượng khí nhà kính tổng thể từ 30% đến 35% vào năm 2030, so với kịch bản phát triển thông thường, tương đương giảm khoảng 138 đến 153 triệu tCO_2-e, tùy thuộc vào mức cải thiện hiệu suất các ngành kinh tế.

Ngoài ra, chiến lược mới nhấn mạnh việc giảm phá rừng – nguyên nhân gây ra gần 46% tổng phát thải khí nhà kính của Tanzania năm 2021 – và đặt mục tiêu giảm 70% tỷ lệ phá rừng đến năm 2031. Tuy nhiên, việc thực hiện vẫn gặp khó khăn do thiếu quy hoạch sử dụng đất rõ ràng, đặc biệt tại các vùng đất làng chưa có ranh giới địa lý cụ thể và công cụ giám sát thiếu hiệu quả .

Từ năm 2024–2025, Tanzania đã tổ chức diễn đàn phát triển NDC phiên bản 3.0 (NDC 3.0) với sự tham gia của các bên liên quan nhằm định hướng chính sách ứng phó khí hậu trong giai đoạn tiếp theo và chuẩn bị nộp bản đóng góp khí hậu mới cho UNFCCC trước COP 30. Kế hoạch này sẽ bổ sung báo cáo đánh giá tác động của NDC 2.0 để xác định hướng cải tiến nhằm phát triển NDC 3.0 một cách sáng tạo và hiệu quả.

Theo báo cáo phát hành tháng 12/2024 của Ngân hàng Thế giới — "Tanzania's Path to Resilient, Low-Carbon Growth" — Tanzania đang xây dựng lộ trình phát triển kinh tế

bền vững kết hợp mục tiêu giảm phát thải, ứng phó thiên tai và phát triển hạ tầng xanh. Báo cáo kiến nghị các biện pháp như tăng cường phối hợp giữa chính quyền trung ương và địa phương, áp dụng thuế môi trường đối với nhiên liệu carbon cao và huy động tài chính xanh qua thị trường carbon, bảo hiểm rủi ro khí hậu, và cơ chế đảm bảo dòng vốn đầu tư bền vững.

Tanzania cũng đã ban hành "Quy định quản lý thương mại carbon" và Hướng dẫn Thương mại Carbon Quốc gia 2022, nhằm tạo khung pháp lý cho các dự án kinh tế trả tín chỉ carbon, đặc biệt trong các hoạt động bảo tồn rừng tương thích các tiêu chuẩn quốc tế. Các quy định này áp dụng trên toàn bộ phần đất liền Tanzania và camera carbon đang được xem là một nguồn tài chính tiềm năng cho cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, theo báo cáo kiểm toán, đến giữa năm 2024, chỉ có 4/56 dự án carbon đăng ký được triển khai thực chất; tổng doanh thu mới chỉ đạt khoảng 36 tỷ TZS từ carbon — chỉ đạt 3% tiềm năng dự kiến (~1,26 nghìn tỷ TZS) do chậm trễ quy hoạch, thiếu hướng dẫn và nhận thức cộng đồng thấp.

Tương lai dài hạn, Tanzania phấn đấu thông qua mở rộng năng lượng tái tạo như điện gió, mặt trời, địa nhiệt và thủy điện lớn để đạt mức 78% nguồn điện sạch vào năm 2030, đồng thời hướng đến mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Nguồn năng lượng hiện tại của quốc gia vẫn phụ thuộc lớn vào khí sinh học (biofuels, biomass), khí thiên nhiên, thủy điện và dầu nhiên liệu. Để đạt mục tiêu, lộ trình chuyển dịch sang năng lượng sạch đang được định hình thông qua các dự án như Nhà máy địa nhiệt Ngozi 200 MW (dự kiến triển khai giai đoạn đầu năm 2025), và đầu tư vào cải cách ngành giao thông, quản lý rác thải đô thị và nông nghiệp thích ứng khí hậu.

Công tác phòng chống tham nhũng tại Tanzania

Chính phủ Tanzania đã ban hành nhiều đạo luật và thiết lập các cơ quan chuyên trách nhằm tăng cường tính minh bạch và phòng ngừa các hành vi không phù hợp trong hoạt động công và kinh tế. Tanzania là thành viên của Công ước Liên Hợp Quốc về Chống tham nhũng, tuy chưa tham gia Công ước của OECD về Chống hối lộ trong giao dịch quốc tế.

Chính phủ đã triển khai nhiều biện pháp nhằm hạn chế rủi ro trong các giao dịch hành chính, bao gồm ứng dụng dịch vụ công trực tuyến để giảm tiếp xúc trực tiếp giữa người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước như Cơ quan Thuế Tanzania (TRA), Cơ quan

Đăng ký và Cấp phép Kinh doanh (BRELA) và Cảng vụ Tanzania (TPA). Dù vậy, việc duy trì liêm chính trong bộ máy vẫn là một nhiệm vụ được Chính phủ đặc biệt quan tâm.

Ba cơ quan trọng yếu chịu trách nhiệm chính trong lĩnh vực này gồm:

- Cục Phòng ngừa và Chống tham nhũng (PCCB) – thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục và giám sát việc tuân thủ các quy định về liêm chính công vụ;
- Ban Thư ký Đạo đức và Tòa án Đạo đức trực thuộc Văn phòng Tổng thống – đảm bảo việc thực thi các tiêu chuẩn đạo đức được quy định trong Luật Quy tắc Đạo đức của Lãnh đạo Công năm 1995;
- Cơ quan Phòng chống Tham nhũng và Tội phạm Kinh tế Zanzibar (ZAECA) – thực hiện vai trò tương tự tại khu vực Zanzibar.

Các doanh nghiệp và cá nhân tham gia đấu thầu các dự án của Chính phủ cần có văn bản cam kết tuân thủ quy định về chống hối lộ và đảm bảo liêm chính trong quản lý. Quy trình này được thiết kế nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình của ban lãnh đạo doanh nghiệp, dù hiệu quả thực tế vẫn đang được đánh giá thêm.

Chính phủ Tanzania cũng đã hoàn thành giai đoạn III (2017–2022) của Chiến lược và Kế hoạch Hành động Quốc gia về Tăng cường Liêm chính và Phòng ngừa Vi phạm công vụ (NACSAP III). Chiến lược này được triển khai theo hướng phân quyền, mở rộng sự tham gia của các cấp chính quyền địa phương, đối tác phát triển, tổ chức xã hội dân sự, và khu vực tư nhân. Một số lĩnh vực được ưu tiên gồm dầu khí và khai thác tài nguyên thiên nhiên, vốn được xem là có nguy cơ cao về thiếu minh bạch.

Mặc dù Chính phủ đã thể hiện rõ vai trò và quyết tâm, một số tổ chức xã hội dân sự, NGO và cơ quan truyền thông cho rằng việc điều tra và phản ánh các vấn đề liên quan đến minh bạch trong công vẫn còn gặp khó khăn.

Theo Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International), Tanzania đạt 41/100 điểm trong năm 2024, xếp thứ 82 trên tổng số 180 quốc gia, cho thấy quốc gia này tiếp tục duy trì xu hướng cải thiện dần về mức độ minh bạch trong khu vực công.

Thông tin liên hệ hỗ trợ về minh bạch và quản trị công:

- **Cục Phòng ngừa và Chống tham nhũng (PCCB)**
  Giám đốc điều hành
  P.O. Box 4865, Dar es Salaam, Tanzania
  Điện thoại: +255 22 2150043
  Email: dgeneral@pccb.go.tz

- **Trung tâm Pháp lý và Nhân quyền (Legal and Human Rights Centre)**
  Giám đốc điều hành
  P.O. Box 75254, Dar es Salaam, Tanzania
  Điện thoại: +255 22 2773038/48
  Email: lhrc@humanrights.or.tz

Môi trường chính trị và an ninh

Kể từ khi giành độc lập, Tanzania duy trì được mức độ hòa bình và ổn định chính trị tương đối cao so với các quốc gia láng giềng trong khu vực. Kể từ năm 1995, nước này đã tổ chức sáu kỳ tổng tuyển cử đa đảng, gần nhất vào tháng 10 năm 2020, trong đó các ứng viên của đảng cầm quyền Chama Cha Mapinduzi (CCM) giành chiến thắng với tỷ lệ áp đảo. Tuy nhiên, cộng đồng quốc tế và một số tổ chức quan sát bày tỏ nghi ngờ về tính minh bạch và công bằng của cuộc bầu cử năm 2020 tại cả đất liền và Zanzibar, cũng như các cuộc bầu cử bổ sung diễn ra vào các năm 2018 và 2019. Riêng tại Zanzibar, tình trạng bạo lực chính trị đã nhiều lần xảy ra kể từ năm 1995, đặc biệt nghiêm trọng trong kỳ bầu cử năm 2020.

Sau khi Tổng thống John Magufuli (đắc cử năm 2020) đột ngột qua đời vào tháng 3 năm 2021, quyền lực đã được chuyển giao một cách hòa bình cho Phó Tổng thống Samia Suluhu Hassan theo đúng quy định của Hiến pháp. Tổng thống Hassan tiếp tục thực hiện cương lĩnh của đảng CCM, đồng thời từng bước định hình các ưu tiên riêng của mình, bao gồm tái thiết lập quan hệ đối ngoại, thúc đẩy khu vực tư nhân và thu hút đầu tư nước ngoài.

Về tổng thể, Tanzania không phải là quốc gia có xung đột vũ trang nghiêm trọng, tuy nhiên vẫn tồn tại một số lo ngại liên quan đến tình trạng bất ổn lan sang từ các quốc gia láng giềng. Cụ thể, tình hình an ninh tại khu vực biên giới Tanzania – Mozambique vẫn còn phức tạp do nguy cơ cực đoan tôn giáo. Tanzania cũng đang tiếp nhận số lượng lớn người tị nạn từ Cộng hòa Dân chủ Congo và Burundi, đồng thời ghi nhận làn sóng người dân Mozambique vượt biên sang tị nạn do bạo lực kéo dài tại khu vực miền Bắc nước này.

Lưu ý cho doanh nghiệp Việt Nam: Dù môi trường chính trị và an ninh tại Tanzania nhìn chung ổn định, doanh nghiệp cần lưu tâm đến tình hình tại Zanzibar và khu vực biên giới phía Nam khi triển khai các hoạt động thực địa. Việc cập nhật diễn biến chính trị – an ninh địa phương là cần thiết, đặc biệt trong các lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng, logistics, năng lượng hoặc nông nghiệp có yếu tố vùng sâu – vùng xa.

Chính sách và Thực tiễn Lao động tại Tanzania

Mặc dù Tanzania sở hữu lực lượng lao động trẻ dồi dào, quốc gia vẫn đang đối mặt với tình trạng thiếu lao động có kỹ năng cao, chỉ có khoảng 3–4% trong tổng số 20 triệu lao động là lao động trình độ chuyên môn cao, cho thấy nhu cầu lớn về đào tạo nghề và nguồn nhân lực chất lượng phục vụ quá trình công nghiệp hoá.

Luật Lao động và Nhập cư cho phép nhà đầu tư nước ngoài tuyển dụng tối đa 10 lao động nước ngoài, với khả năng cấp thêm trong điều kiện đặc thù. Luật sửa đổi năm 2021 đã gia tăng thời hạn giấy phép lao động từ 5 năm lên 8 năm, áp dụng mô hình gia hạn mỗi 24 tháng, đồng thời yêu cầu nhà tuyển dụng trình kế hoạch chuyển giao kiến thức từ lao động nước ngoài sang lao động địa phương. Hệ thống cấp phép cũng được số hóa từ tháng 4/2021, giảm thời gian chờ từ 33 ngày xuống dưới một tuần.

Kể từ ngày 1/7/2025, mức lương tối thiểu mới cho khu vực công tại Tanzania được điều chỉnh lên 500.000 TZS/tháng, tương đương khoảng 170 USD (tính theo tỷ giá trung bình 1 USD ≈ 2.940 TZS), tăng 35,1% so với mức 370.000 TZS/tháng trước đó (khoảng 126

USD). Tuy nhiên, mức lương tối thiểu trong khu vực tư nhân vẫn chưa được quy định cụ thể trong luật; hiện Bộ Lao động và Liên đoàn Công đoàn Tanzania (TUCTA) đang tiến hành rà soát khung lương mới. Trong thực tế, nhiều lao động trong khu vực tư nhân chỉ nhận mức lương dưới 250.000 TZS/tháng (tương đương 85 USD), và thường không được hưởng đầy đủ bảo hiểm xã hội hay điều kiện làm việc đảm bảo.

Luật lao động tại Zanzibar hoạt động tách biệt với đất liền. Người lao động tại Zanzibar có quyền đình công nếu tuân thủ quy trình theo Luật Việc làm năm 2005, nhưng không thể gia nhập các công đoàn tại đất liền. Một công đoàn cần có tối thiểu 50 thành viên để được công nhận và cán bộ lãnh đạo công đoàn phải đáp ứng yêu cầu biết chữ. Khoảng 40% lực lượng lao động tại Zanzibar hiện đang tham gia công đoàn.

Theo Khảo sát Lực lượng Lao động Quốc gia (Integrated Labor Force Survey) giai đoạn 2020–2021, tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực phi chính thức đã tăng từ 22% năm 2014 lên 29,4%, chủ yếu ở vùng nông thôn. Khu vực này không có hợp đồng lao động chính thức, không có bảo trợ xã hội và thu nhập rất thấp, dẫn đến sự bấp bênh và dễ tổn thương trong lao động.

Các chương trình bảo hiểm đầu tư và tài chính phát triển

Tanzania hiện là thành viên của Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa phương (MIGA) thuộc Ngân hàng Thế giới, đồng thời vẫn duy trì thỏa thuận đầu tư song phương với Công ty Tài chính Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (DFC). Một số dự án của DFC và các chương trình bảo lãnh tín dụng do các đối tác phát triển quốc tế triển khai tại Tanzania có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn cho môi trường đầu tư, đặc biệt trong các lĩnh vực nông nghiệp, y tế và hậu cần.

Doanh nghiệp Việt Nam có thể tìm hiểu thêm về các hình thức bảo hiểm đầu tư, bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ tài chính từ các tổ chức quốc tế như MIGA, hoặc tìm kiếm cơ hội hợp tác ba bên thông qua các dự án đang có đối tác phát triển tại Tanzania.

Thống kê Đầu tư Trực tiếp và Danh mục tại Tanzania

Quy mô kinh tế (GDP) Theo Ngân hàng Thế giới và UNCTAD, GDP danh nghĩa của Tanzania đạt 78,8 tỷ USD (2024), với tốc độ tăng trưởng khoảng 5,1% năm 2023. Theo ước tính của Wikipedia, GDP năm 2025 ước tính vào khoảng 88,9 tỷ USD, tương đương thương mại khu vực Đông Phi và cao thứ ba trong khối sau Kenya và Ethiopia.

FDI vào Tanzania

Theo Báo cáo Thế giới về Đầu tư 2024 của UNCTAD, vốn FDI chảy vào Tanzania đạt 1,34 tỷ USD vào năm 2023 (tăng 5,9% so với mức 1,26 tỷ USD năm trước) và quy mô FDI tích lũy đạt khoảng 19,97 tỷ USD, tương đương khoảng 25,1% GDP. Báo cáo 2025

cho thấy vốn FDI tăng mạnh lên 1,7 tỷ USD – mức cao nhất kể từ năm 2014, trong khi tổng FDI tích lũy đạt 21 tỷ USD.

FDI tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu như cơ sở hạ tầng, dịch vụ, năng lượng tái tạo, và khai khoáng. TIC đã cấp phép 842 dự án mới trong năm 2024 với tổng vốn 7,7 tỷ USD, dự kiến tạo ra hơn 248.000 việc làm.

Nguồn gốc FDI

Ngân hàng Trung ương Tanzania cho biết các quốc gia đầu tư lớn nhất vào Tanzania bao gồm: Canada, Trung Quốc, Australia, Nam Phi, Nigeria, Cayman Islands, cùng một số nước châu Âu. Việt Nam nằm trong nhóm nhỏ nhà đầu tư vào quốc gia này, tuy đứng sau các đối tác lớn.

Đầu tư danh mục (Portfolio)

Không có thông tin chính thức về đầu tư danh mục từ IMF CDIS; theo UNCTAD, đầu tư gián tiếp không đáng kể và không phải là phân khúc trọng tâm cho nhà đầu tư nước ngoài.

Tóm lược hữu ích cho doanh nghiệp Việt Nam

Tanzania đang ghi nhận hiệu suất thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ấn tượng, với tổng vốn FDI đạt 1,7 tỷ USD trong giai đoạn 2024–2025, tăng 28% so với năm 2023. Tính đến nay, quy mô FDI tích lũy tại nước này đã đạt 21 tỷ USD, tương đương khoảng 25% GDP. Nguồn vốn FDI đến từ nhiều nền kinh tế phát triển cũng như các nước trong khu vực Đông Phi, mở ra cơ hội hợp tác đa phương cho các nhà đầu tư quốc tế.

Năm 2024, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Tanzania (TIC) đã cấp phép cho nhiều dự án trải rộng trên các lĩnh vực được khuyến khích đầu tư như sản xuất, logistics, và cơ sở hạ tầng, góp phần tạo ra hơn 248.000 việc làm. Tuy nhiên, hiện Tanzania vẫn còn thiếu dữ liệu và công cụ hỗ trợ đầu tư danh mục (portfolio investment), do đó doanh nghiệp Việt Nam nên cân nhắc ưu tiên hình thức đầu tư trực tiếp để tận dụng hiệu quả cơ hội tại thị trường này.

Chương 5: QUAN HỆ VIỆT NAM - TANZANIA

1.Tổng quan quan hệ ngoại giao

Quan hệ ngoại giao giữa Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Thống nhất Tanzania được thiết lập từ ngày 14 tháng 2 năm 1965, đánh dấu bước khởi đầu cho sự hợp tác song phương lâu dài giữa hai quốc gia. Năm 2025 đánh dấu kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, một sự kiện quan trọng trong lịch sử hợp tác song phương. Việt Nam là một trong những nước đầu tiên mở Đại sứ quán tại Tanzania vào năm 1984, tuy nhiên Đại sứ quán này được đóng cửa vào năm 1995 và mở lại vào năm 2003.

Quan hệ Việt Nam-Tanzania được xây dựng trên nền tảng vững chắc của sự đoàn kết và ủng hộ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, được thiết lập bởi những nhà lãnh đạo lỗi lạc như Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng thống Julius Nyerere của Tanzania. Mối quan hệ này được các nhà lãnh đạo tiếp theo của hai nước tiếp tục duy trì và phát triển.

2. CHUYẾN THĂM CẤP NHÀ NƯỚC CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC TRƯƠNG TẤN SANG (THÁNG 3/2016)

2.1. Bối cảnh và ý nghĩa của chuyến thăm

Từ ngày 9 đến 11 tháng 3 năm 2016, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, cùng Phu nhân và đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam, đã thực hiện chuyến thăm cấp Nhà nước đầu tiên tới Cộng hòa Thống nhất Tanzania theo lời mời của Tổng thống John Magufuli. Chuyến thăm là một phần của chuyến công tác rộng lớn tới ba quốc gia thuộc châu Phi và Trung Đông gồm Tanzania, Mozambique, và Iran, nhằm làm sâu sắc hơn nữa mối quan hệ truyền thống hữu nghị tốt đẹp và thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực giữa hai nước cũng như với khu vực châu Phi.

Đây là chuyến thăm cấp Nhà nước đầu tiên của Chủ tịch nước Việt Nam tới Tanzania kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1965, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc tăng cường quan hệ với châu Phi nói chung và Tanzania nói riêng.

Chiều tối ngày 8 tháng 3 (theo giờ Tanzania), Chuyên cơ của Chủ tịch nước đã đến sân bay quốc tế Julius Nyerere tại thành phố Dar es Salaam, được đón tiếp theo nghi thức dành cho Nguyên thủ quốc gia với 21 loạt đại bác chào mừng. Lễ đón chính thức diễn

ra trang trọng vào sáng ngày 9 tháng 3 tại Phủ Tổng thống với sự tham dự của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

2.2. Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam

Đoàn công tác của Chủ tịch nước rất lớn, bao gồm nhiều thành viên chính phủ và cán bộ lãnh đạo cấp cao:

- Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước Đào Việt Trung
- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Quân
- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phạm Vũ Luận
- Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Bắc Son
- Đại diện Ban Đối ngoại Trung ương
- Thứ trưởng các Bộ: Quốc phòng, Công an, Công thương, Kế hoạch Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng Nhà nước, cùng đại diện VCCI

Thành phần đoàn này thể hiện mục đích toàn diện của chuyến thăm, không chỉ ở mặt chính trị-ngoại giao mà còn bao gồm các lĩnh vực kinh tế, khoa học-kỹ thuật, quốc phòng, an ninh.

2.3. Các cuộc hội đàm và tiếp xúc cấp cao

Hội đàm với Tổng thống John Magufuli:

Tổng thống John Magufuli nhận xét rằng đây là sự kiện đặc biệt vì Chủ tịch nước Trương Tấn Sang là vị khách nguyên thủ đầu tiên thăm ông kể từ khi nhậm chức vào tháng 10 năm 2015. Tổng thống nhấn mạnh mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị và ủng hộ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh giành độc lập của hai nước. Cả hai nhà lãnh đạo đều bày tỏ tin tưởng chắc chắn rằng chuyến thăm sẽ là nhịp cầu quan trọng để thắt chặt hơn nữa quan hệ giữa hai nước.

Chủ tịch nước Trương Tấn Sang khẳng định Việt Nam sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với Tanzania hướng tới thành công chung. Ông cũng đánh giá cao những chính sách chiến lược về phát triển kinh tế của Tanzania.

Tiếp Phó Tổng thống Ali Mohammed Shein, Tổng thống khu bán tự trị Zanzibar:

Chiều tối 9 tháng 3 (theo giờ địa phương), Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã tiếp Phó Tổng thống Cộng hòa Thống nhất Tanzania kiêm Tổng thống khu bán tự trị Zanzibar Ali Mohammed Shein. Chủ tịch nước nhấn mạnh vai trò của Zanzibar trong đời sống chính trị, kinh tế của Tanzania và khẳng định Việt Nam sẵn sàng hợp tác với Zanzibar trong các lĩnh vực tiềm năng như thương mại, đầu tư, nông nghiệp, viễn thông.

Chủ tịch nước đề nghị hai bên tích cực vận động nguồn tài chính cho các dự án nông nghiệp, thủy sản tại Zanzibar. Ngoài ra, ông cũng đề nghị hai bên nghiên cứu thúc đẩy

hợp tác địa phương giữa Zanzibar và một số tỉnh duyên hải của Việt Nam trong các lĩnh vực du lịch, nông nghiệp, thủy hải sản.

Gặp Chủ tịch Đảng Cách mạng Tanzania (CCM) Jakaya Mrisho Kikwete:

Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã thăm trụ sở Đảng Cách mạng Tanzania (CCM) và hội kiến với Chủ tịch Đảng Jakaya Mrisho Kikwete. Chủ tịch nước thông báo kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là việc bầu ra ban lãnh đạo mới và xác định mục tiêu tổng quát cho 5 năm tới. Chủ tịch nước cảm ơn sự ủng hộ của Đảng CCM, Chính phủ và nhân dân Tanzania dành cho Việt Nam trong sự nghiệp.

2.4. Thăm quan các địa điểm quan trọng

Thăm khu chế xuất Ubungo:

Trong khuôn khổ chuyến thăm cấp Nhà nước tới Tanzania, ngày 10 tháng 3, tại thành phố Dar es Salaam, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang cùng các thành viên đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam đã đến thăm đặc khu kinh tế Benjamin. Chủ tịch nước đánh giá cao những chính sách chiến lược về phát triển kinh tế của Tanzania. Trấn trọng những tình cảm tốt đẹp của các bộ, ngành Tanzania dành cho Viettel trong những ngày khởi nghiệp tại châu Phi, Chủ tịch nước tin tưởng rằng từ thành công của dự án đầu tiên do Viettel "khai đường mở lối", sẽ có thêm nhiều nhà đầu tư Việt Nam đến làm ăn tại các đặc khu kinh tế Tanzania.

2.5. Kết quả và cam kết của chuyến thăm

Mặc dù các tài liệu cụ thể về các văn kiện ký kết trong chuyến thăm này không được công bố chi tiết, nhưng chuyến thăm đã tạo xung lực mới trong quan hệ Việt Nam-Tanzania. Chủ tịch nước Trương Tấn Sang nhấn mạnh sự vui mừng khi được đến thăm đất nước Tanzania, một nước đã dành những tình cảm đặc biệt đối với Việt Nam trong những năm tháng đấu tranh giành độc lập và công cuộc hội nhập hiện nay.

4. CHUYẾN THĂM CỦA ĐẠI SỨ VŨ THANH HUYỀN - TRÌNH QUỐC THƯ LÊN TỔNG THỐNG TANZANIA (THÁNG 8/2024)

3.1. Ý nghĩa của sự thay đổi đại diện ngoại giao

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Cộng hòa Thống nhất Tanzania Vũ Thanh Huyền đã trình Quốc thư lên Tổng thống Tanzania Samia Suluhu Hassan. Lễ trình Quốc thư được tổ chức trang trọng ở Phủ Tổng thống tại Dar es Salaam. Đây là sự kiện ngoại giao quan trọng, đánh dấu sự thay đổi trong công tác đại diện ngoại giao của Việt Nam tại Tanzania, với các nhiệm vụ mới được giao cho Đại sứ Vũ Thanh Huyền.

3.2. Nội dung của buổi tiếp

Sau lễ trình Quốc thư, Tổng thống Samia Suluhu Hassan tiếp thân mật Đại sứ Vũ Thanh Huyền. Tại buổi tiếp, Đại sứ Vũ Thanh Huyền chuyển lời thăm hỏi, lời chúc tốt đẹp của

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tới Tổng thống Samia Suluhu Hassan, Chính phủ và nhân dân Tanzania, cùng với lời mời Tổng thống sớm thăm Việt Nam.

Đại sứ cũng bày tỏ quyết tâm nỗ lực hết mình để mở rộng, làm sâu sắc hơn nữa tình hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai quốc gia.

3.3. Phản ứng từ phía Tanzania

Tổng thống Samia Suluhu Hassan khẳng định coi trọng quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Việt Nam và Tanzania; đánh giá cao quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa hai nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, thương mại. Tổng thống bày tỏ mong muốn sớm tới thăm Việt Nam và ngưỡng mộ những thành tựu đạt được của Việt Nam.

Quan trọng hơn, Tổng thống nhấn mạnh Tanzania mong được học tập kinh nghiệm và hợp tác với Việt Nam trên các lĩnh vực thế mạnh như nông nghiệp, kinh tế xanh, du lịch và công nghệ thông tin và truyền thông (ICT). Tổng thống Tanzania gửi lời mời tới Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Việt Nam Tô Lâm sớm thăm Tanzania nhằm thắt chặt hơn nữa mối quan hệ truyền thống, hữu nghị giữa hai nước, đặc biệt trong bối cảnh hai nước tiến tới kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 2025.

4. CHUYẾN THĂM CỦA ĐOÀN ĐẠI BIỂU CẤP CAO ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (THÁNG 9/2024)

4.1. Bối cảnh của chuyến thăm

Từ ngày 22 đến 26 tháng 9 năm 2024, thực hiện chương trình hoạt động đối ngoại năm 2024, đoàn đại biểu cấp cao Đảng Cộng sản Việt Nam do Phan Đình Trạc, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương dẫn đầu đã thăm và làm việc tại Tanzania.

Chuyến thăm này có ý nghĩa đặc biệt, tập trung vào các lĩnh vực phòng chống tham nhũng, cải cách tư pháp, và giao lưu chính trị cấp cao giữa hai Đảng.

4.2. Các cuộc gặp và hội đàm

Tại các cuộc gặp với lãnh đạo Đảng Cách mạng Tanzania (CCM) cầm quyền, Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng và tư pháp Tanzania, ông Phan Đình Trạc trân trọng chuyển lời thăm hỏi của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh

Mẫn tới bà Samia Suluhu Hassan, Chủ tịch Đảng CCM, Tổng thống Tanzania và các lãnh đạo Đảng, Nhà nước Tanzania.

Ông Phan Đình Trạc trân trọng cảm ơn Đảng CCM, Tổng thống Samia Hassan đã đồng hành, chia sẻ với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, kịp thời chia buồn khi cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng qua đời.

4.3. Đánh giá quan hệ hợp tác

Ông Phan Đình Trạc khẳng định Đảng và Nhà nước Việt Nam đánh giá cao vị trí, vai trò của Tanzania tại khu vực châu Phi và trên thế giới, chúc mừng những thành tựu Tanzania dưới sự lãnh đạo của Đảng CCM đã giành được những năm qua trong phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao chất lượng dịch vụ công, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, nâng cao vị thế quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của khu vực và thế giới.

Ông Phan Đình Trạc cũng nhấn mạnh Việt Nam luôn coi trọng quan hệ đoàn kết, hữu nghị và hợp tác truyền thống với Tanzania, xác định Tanzania là một trong các quốc gia tại châu Phi cần ưu tiên thúc đẩy quan hệ chính trị-ngoại giao và hợp tác kinh tế.

4.4. Thăm Đại sứ quán Việt Nam và công ty Halotel

Trong thời gian công tác tại Tanzania, đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam đã đến thăm, làm việc với cán bộ, nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Tanzania và công ty Halotel (một doanh nghiệp liên doanh giữa Tập đoàn Viettel của Việt Nam và các đối tác Tanzania). Đây là dịp để đoàn bày tỏ sự cổ vũ đối với công tác của Đại sứ quán và đánh giá cao đầu tư của Viettel tại Tanzania.

5. CHUYẾN THĂM CỦA THỨ TRƯỞNG VŨ HỒNG NAM (THÁNG 2-3/2025) - KỶ NIỆM 60 NĂM THIẾT LẬP QUAN HỆ NGOẠI GIAO

5.1. Bối cảnh chuyến thăm

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Tanzania, từ ngày 27 tháng 2 đến ngày 1 tháng 3 năm 2025, Thứ trưởng Ngoại giao Lê Thị Thu Hằng đã có chuyến công tác tại thành phố Dar es Salaam.

Chuyến công tác là sự kiện ngoại giao quan trọng được thực hiện nhân dịp kỷ niệm lịch sử quan trọng này, nhằm trao đổi các biện pháp tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại và đầu tư.

5.2. Hội đàm cùng Bộ trưởng Mahmoud Thabit Kombo

Thứ trưởng Lê Thị Thu Hằng cùng Bộ trưởng Ngoại giao và Hợp tác Cộng hòa Thống nhất Tanzania Mahmoud Thabit Kombo tiến hành hội đàm. Tại cuộc hội đàm, Thứ trưởng Lê Thị Thu Hằng khẳng định Việt Nam luôn coi trọng quan hệ hữu nghị truyền

thống và hợp tác nhiều mặt với Tanzania, xác định Tanzania là một trong những đối tác quan trọng hàng đầu tại châu Phi.

Thứ trưởng đã chuyển lời thăm hỏi và lời mời thăm Việt Nam của Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn tới Bộ trưởng Mahmoud Thabit Kombo.

5.3. Lĩnh vực hợp tác ưu tiên

Về thủy hải sản:

Thứ trưởng chia sẻ rằng Việt Nam có thế mạnh và kinh nghiệm trong nuôi trồng thủy hải sản, sẵn sàng chia sẻ, hỗ trợ Tanzania và đề nghị Tanzania cùng tìm kiếm đối tác cho hợp tác ba bên để tận dụng nguồn lực từ các nước phát triển.

Về chuyển đổi số:

Các doanh nghiệp Việt Nam như Viettel có thể tham gia vào quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính phủ điện tử ở Tanzania.

5.4. Các đề xuất thúc đẩy hợp tác

Để tạo động lực, đột phá mới trong quan hệ hợp tác, Thứ trưởng Lê Thị Thu Hằng đề nghị hai bên:

- Tích cực phối hợp để sớm tổ chức kỳ họp lần thứ hai Ủy ban hỗn hợp về hợp tác song phương
- Tăng cường trao đổi thương mại tương xứng với quy mô và nhu cầu của thị trường hai nước
- Thúc đẩy đàm phán, ký kết các văn kiện quan trọng như Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư, Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần
- Tanzania nghiên cứu mở Cơ quan đại diện ngoại giao (Đại sứ quán) tại Hà Nội

5.5. Cam kết của Tanzania

Bộ trưởng Mahmoud Thabit Kombo cho biết sẽ thu xếp thăm Việt Nam ngay trong năm 2025. Bộ trưởng cảm ơn, hoan nghênh Thứ trưởng Lê Thị Thu Hằng cùng đoàn đại biểu Việt Nam đã nhận lời mời thăm Tanzania để cùng trao đổi, đề xuất những giải pháp thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư, giải quyết dứt điểm những rào cản, vướng mắc trong kinh doanh, tạo niềm tin cho doanh nghiệp, nhà đầu tư của hai bên.

Tanzania mong muốn mở rộng, đa dạng hóa lĩnh vực hợp tác với Việt Nam, sẵn sàng chào đón và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư Việt Nam.

5.6. Thăm Đại sứ quán và công ty Halotel

Trong thời gian công tác tại Tanzania, Thứ trưởng Lê Thị Thu Hằng đã thăm, làm việc với Đại sứ quán Việt Nam tại Tanzania và công ty Halotel. Đây là cơ hội để đánh giá

tình hình hoạt động của Đại sứ quán và tình hình đầu tư của công ty Viettel tại đất nước này.

6. CHUYẾN THĂM CHÍNH THỨC VIỆT NAM CỦA BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO TANZANIA MAHMOUD THABIT KOMBO (THÁNG 4/2025)

6.1. Bối cảnh đặc biệt của chuyến thăm

Bộ trưởng Ngoại giao và Hợp tác Đông Phi Cộng hòa Thống nhất Tanzania Mahmoud Thabit Kombo đã có chuyến thăm chính thức Việt Nam từ ngày 27 đến 30 tháng 4 năm 2025, trùng với dịp kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đây là chuyến thăm chính thức lần đầu tiên của Bộ trưởng Ngoại giao Tanzania đến Việt Nam, một sự kiện ngoại giao quan trọng, diễn ra đúng vào dịp hai nước kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (14/02/1965 - 14/02/2025).

6.2. Tiếp xúc với Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn đã tiếp Bộ trưởng Ngoại giao Tanzania Mahmoud Thabit Kombo. Đây là cuộc gặp song phương quan trọng, đánh dấu mốc lịch sử trong quan hệ ngoại giao hai nước.

Phía Việt Nam:

Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn hoan nghênh chuyến thăm Việt Nam của Bộ trưởng Ngoại giao Tanzania, diễn ra đúng vào dịp hai nước kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1965-2025) và trong những ngày tháng đầy tự hào khi nhân dân Việt Nam kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Phó Thủ tướng trân trọng cảm ơn Bộ trưởng Mahmoud Thabit Kombo đã nhận lời tham dự Lễ Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, thể hiện tinh thần đoàn kết và ủng hộ quý báu của Tanzania đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam.

Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn khẳng định Việt Nam xem Tanzania là đối tác ưu tiên hàng đầu của mình tại châu Phi, đề nghị hai bên tăng cường

trao đổi đoàn cấp cao thông qua các kênh Đảng, Nhà nước, Quốc hội, đồng thời đẩy mạnh giao lưu nhân dân.

Quan trọng hơn, Phó Thủ tướng đề xuất rằng Tanzania xem xét mở Đại sứ quán tại Việt Nam để thắt chặt niềm tin chính trị và mở ra giai đoạn hợp tác mới trên nhiều lĩnh vực.

Về kinh tế, Phó Thủ tướng yêu cầu Tanzania tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là Tập đoàn Viettel, trong các lĩnh vực chuyển đổi số, xây dựng chính phủ điện tử, dịch vụ công trực tuyến.

Phó Thủ tướng cũng đề xuất đẩy nhanh các cuộc đàm phán về các hiệp định bảo hộ đầu tư và tránh đánh thuế hai lần để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp.

Phía Tanzania:

Bộ trưởng Ngoại giao Tanzania Mahmoud Thabit Kombo bày tỏ vui mừng lần đầu tiên đến thăm Việt Nam đúng vào dịp được chứng kiến không khí hào hùng trong những ngày tháng 4 lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Bộ trưởng cảm ơn sự đón tiếp chân tình, nồng hậu của phía Việt Nam và chúc mừng những thành tựu vượt bậc mà Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã đạt được sau 50 năm thống nhất đất nước, đặc biệt về phát triển kinh tế.

Bộ trưởng đánh giá quan hệ Việt Nam-Tanzania là mối quan hệ lịch sử, có nền tảng chính trị vững chắc, được các nhà lãnh đạo lỗi lạc của hai nước gây dựng và phát triển.

Hai bên bày tỏ hài lòng trước những tiến triển tốt đẹp của quan hệ hợp tác song phương thời gian vừa qua, với điểm sáng là thành công của Halotel, dự án đầu tư của Tập đoàn Viettel tại Tanzania.

Tanzania đang nổi lên là đối tác cung ứng hạt điều nguyên liệu hàng đầu của Việt Nam tại châu Phi, với kim ngạch nhập khẩu 3 tháng đầu năm 2025 đạt trên 240 triệu USD, vượt mức của cả năm 2024.

Bộ trưởng Kombo bày tỏ rằng Tanzania có kỳ vọng cao và mong muốn tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các lĩnh vực hợp tác với Việt Nam, đặc biệt là những lĩnh vực mà Tanzania có thể học tập từ kinh nghiệm của Việt Nam như công nghiệp hóa, viễn thông, chuyển đổi số, chế biến nông sản, công nghệ sau thu hoạch, khai khoáng.

Với vị trí chiến lược tại Đông Phi, Tanzania sẵn sàng làm cửa ngõ để Việt Nam tiếp cận những thị trường lớn như Cộng đồng Đông Phi (EAC) và Cộng đồng Phát triển Miền Nam Châu Phi (SADC).

6.3. Tiếp xúc với Thủ tướng Phạm Minh Chính

Ngày 30 tháng 4 năm 2025, tại Dinh Độc Lập, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã tiếp Bộ trưởng Ngoại giao Tanzania Mahmoud Thabit Kombo.

Thủ tướng hoan nghênh chuyến thăm Việt Nam lần đầu tiên của Bộ trưởng Mahmoud Thabit Kombo đúng vào dịp kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước

(14/02/1965 - 14/02/2025) và nhấn mạnh sự hiện diện của Bộ trưởng và các vị khách quý từ Tanzania tại Lễ kỷ niệm trọng đại này mang đến niềm vui và sự cổ vũ quý báu cho Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam.

Thủ tướng bày tỏ trân trọng sự ủng hộ mà Đảng Cách mạng Tanzania (CCM), Nhà nước và nhân dân Tanzania đã dành cho Việt Nam trong giai đoạn đấu tranh giành độc lập dân tộc trước đây và công cuộc xây dựng đất nước ngày nay.

Thủ tướng nhắc lại chuyến thăm Tanzania vào tháng 12 năm 2019 của mình và cuộc gặp với Tổng thống Tanzania Samia Suluhu Hassan vào tháng 11 năm 2024.

Thủ tướng chúc mừng Nhà nước và nhân dân Tanzania nhân dịp Quốc khánh lần thứ 61 vừa qua (26/4/1964 - 26/4/2025) và tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Bà Tổng thống Samia Suluhu Hassan, Cộng hòa Tanzania sẽ gặt hái được nhiều thành tựu hơn nữa trong

xây dựng và phát triển đất nước, thực hiện thắng lợi Sáng kiến "Tầm nhìn phát triển Quốc gia 2050".

6.4. Những đề xuất của Thủ tướng Phạm Minh Chính

Nhằm thúc đẩy quan hệ hai nước phát triển hiệu quả và thực chất hơn, Thủ tướng đề nghị hai nước:

Về trao đổi đoàn cấp cao:

Thủ tướng kỳ vọng sớm được đón Tổng thống Samia Suluhu Hassan và Thủ tướng Kassim Majaliwa thăm Việt Nam.

Về đại diện ngoại giao:

Thủ tướng đề nghị Tanzania sớm mở Đại sứ quán tại Việt Nam, cùng với Đại sứ quán Việt Nam tại Tanzania thúc đẩy quan hệ giữa hai nước cũng như làm cầu nối đưa Tanzania tiếp cận thị trường ASEAN và Việt Nam tiếp cận thị trường Đông Phi.

Về hợp tác kinh tế:

Thủ tướng đề nghị hai nước coi hợp tác kinh tế là trọng tâm, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hợp tác song phương, bao gồm:

- Đàm phán, ký kết hiệp định thương mại tự do
- Thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh như:
    - Chuyển đổi số
    - Nông nghiệp
    - Thủy sản
    - Du lịch
    - Hàng không
    - Giáo dục và đào tạo
    - An ninh mạng

Về hỗ trợ doanh nghiệp:

Thủ tướng đề nghị Chính phủ Tanzania tiếp tục quan tâm, hỗ trợ Viettel và các doanh nghiệp Việt Nam khác đầu tư, kinh doanh ổn định, hiệu quả, đóng góp thiết thực cho sự phát triển của hai đất nước.

6.5. Cam kết chuyển đạt từ phía Tanzania

Nhân dịp này, Bộ trưởng Mahmoud Thabit Kombo trân trọng chuyển lời thăm hỏi nồng nhiệt nhất và lời mời của Bà Samia Suluhu Hassan, Chủ tịch Đảng Cách mạng, Tổng

thống nước Cộng hòa Tanzania tới các lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam sớm thăm Tanzania.

7. CHUYẾN THĂM CỦA PHÓ THỦ TƯỚNG HỒ ĐỨC PHỚC GẶP PHÓ TỔNG THỐNG PHILIP ISDOR MPANGO (THÁNG 7/2025)

7.1. Bối cảnh của cuộc gặp

Ngày 1 tháng 7 năm 2025 (theo giờ địa phương), Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc đã gặp Phó Tổng thống Tanzania Philip Isdor Mpango. Đây là một cuộc gặp quan trọng khác trong lịch sử quan hệ ngoại giao Việt Nam-Tanzania, tiếp tục thúc đẩy hợp tác song phương ở cấp độ cao.

7.2. Nội dung cuộc gặp

Hai nhà lãnh đạo khẳng định luôn coi trọng và mong muốn tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống giữa hai nước trên tất cả các kênh Đảng, Nhà nước, Quốc hội và giao lưu nhân dân.

Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc đề nghị hai bên tăng cường trao đổi đoàn các cấp, đặc biệt là cấp cao.

7.3. Nhấn mạnh hợp tác kinh tế

Nhấn mạnh quan hệ hợp tác kinh tế tốt đẹp giữa hai nước, nhất là trong lĩnh vực thương mại nông sản, hợp tác đầu tư, Phó Thủ tướng khẳng định Việt Nam sẵn sàng hợp tác, hỗ trợ Tanzania trong sản xuất lúa gạo, góp phần bảo đảm an ninh lương thực.

Phó Thủ tướng mong muốn hai bên tiếp tục thúc đẩy đưa hợp tác kinh tế lên tầm cao mới.

7.4. Hỗ trợ cho Viettel

Phó Thủ tướng cũng đề nghị Chính phủ Tanzania tiếp tục quan tâm, hỗ trợ Viettel và các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, kinh doanh ổn định, hiệu quả, đóng góp thiết thực cho sự phát triển của hai đất nước.

7.5. Phản ứng từ Phó Tổng thống Tanzania

Bày tỏ nhất trí cao với những đề xuất, định hướng hợp tác Phó Thủ tướng nêu, Phó Tổng thống Tanzania nhấn mạnh nền tảng hợp tác truyền thống, tốt đẹp giữa hai nước, trong

đó Việt Nam là một trong những nước đầu tiên mở Đại sứ quán ở Tanzania và hai nước kỷ niệm 60 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao.

Phó Tổng thống Tanzania đề nghị hai bên tiếp tục hợp tác tốt hơn nữa, mở rộng kim ngạch song phương. Phó Tổng thống mong muốn tiếp tục có nhiều doanh nghiệp Việt Nam tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực tiềm năng mới tại Tanzania như:

- Nông nghiệp
- Xây dựng
- Sản xuất, chế biến hạt điều và nông sản
- Tận dụng vị trí cửa ngõ của Tanzania để tiếp cận thị trường các nước Đông Phi

Phó Tổng thống đánh giá cao đầu tư của Tập đoàn Viettel tại Tanzania, khẳng định sẵn sàng hợp tác, tạo thuận lợi cho các hoạt động mở rộng đầu tư của Tập đoàn trong thời gian tới.

Hai nhà lãnh đạo cũng nhất trí hai bên tiếp tục ủng hộ lẫn nhau trên các diễn đàn, cơ chế hợp tác đa phương.

Nhân dịp này, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc gửi lời mời Phó Tổng thống Tanzania và Phu nhân thăm Việt Nam trong thời gian tới.

8. TÌNH HÌNH ĐẠI SỨ QUÁN VÀ QUAN HỆ NGOẠI GIAO

8.1. Hệ thống đại diện ngoại giao

Việt Nam có Đại sứ quán thường trú tại Dar es Salaam, Tanzania, với chức năng đại diện cho Việt Nam và chăm sóc lợi ích của công dân Việt Nam, cũng như một số quốc gia khu vực Đông Phi.

Đại sứ quán Việt Nam tại Tanzania bị đóng cửa từ năm 1995 và được mở lại vào năm 2003, thể hiện cam kết lâu dài của Việt Nam trong việc duy trì và phát triển quan hệ với Tanzania.

Các Đại sứ Việt Nam gần đây tại Tanzania gồm:

- Đại sứ Võ Thành Nam
- Đại sứ Vũ Thanh Huyền (trình Quốc thư ngày 12 tháng 8 năm 2024)

Ngược lại, cho đến nay Tanzania chưa mở Đại sứ quán tại Việt Nam, mặc dù cả Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn, Thủ tướng Phạm Minh Chính và Thứ trưởng Lê Thị Thu Hằng đều đã đề xuất Tanzania xem xét mở Đại sứ quán để tăng cường hợp tác.

8.2. Tình hình doanh nghiệp Việt Nam tại Tanzania

Halotel - Tập đoàn Viettel:

Dự án Halotel của Tập đoàn Viettel là dấu ấn nổi bật nhất của hợp tác kinh tế Việt Nam-Tanzania. Tập đoàn Viettel, viễn thông quân đội, đã đầu tư vào Tanzania và công ty Halotel được coi là một "dự án đầu tiên khai đường mở lối" cho các nhà đầu tư Việt Nam khác tại châu Phi.

Thành công của Halotel tại Tanzania được đánh giá cao bởi cả hai phía và được xem là điểm sáng trong hợp tác kinh tế song phương.

Kim ngạch thương mại:

Năm 2025 (3 tháng đầu), Tanzania đang nổi lên là đối tác cung ứng hạt điều nguyên liệu hàng đầu của Việt Nam tại châu Phi, với kim ngạch nhập khẩu đạt trên 240 triệu USD,

vượt mức của cả năm 2024. Điều này cho thấy mối quan hệ thương mại ngày càng phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực nông sản.

9. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VÀ TRIỂN VỌNG

9.1. Tiến bộ đáng kể trong quan hệ song phương

Trong những năm gần đây, quan hệ Việt Nam-Tanzania đã có những tiến bộ đáng kể:

- **Chuyến thăm cấp Nhà nước (2016):** Chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang là sự kiện ngoại giao lịch sử, mở ra chương mới trong hợp tác song phương.
- **Giao lưu nhiều cấp:** Từ chuyến thăm của Thứ trưởng, đoàn Đảng cấp cao, đến các cuộc gặp của lãnh đạo Chính phủ, cho thấy tất cả các kênh liên lạc đều được sử dụng.
- **Hợp tác kinh tế thực chất:** Ngoài dự án Halotel, kim ngạch thương mại, đặc biệt là ngành hạt điều, đang phát triển nhanh chóng.
- **Công nhân Việt Nam tại Tanzania:** Ngày càng có nhiều lao động Việt Nam tại Tanzania, đóng góp vào phát triển kinh tế của cả hai nước.

9.2. Những thách thức còn tồn tại

Mặc dù quan hệ phát triển tốt, vẫn còn một số khía cạnh cần cải thiện:

- **Thiếu Đại sứ quán của Tanzania tại Việt Nam:** Mặc dù nhiều lần được đề xuất, Tanzania chưa mở Đại sứ quán tại Việt Nam.
- **Hợp tác kinh tế còn có thể mở rộng:** Kim ngạch thương mại hai chiều vẫn còn khiêm tốn so với tiềm năng.
- **Các hiệp định pháp lý chưa hoàn toàn:** Hiệp định bảo hộ đầu tư và tránh đánh thuế hai lần vẫn đang được đàm phán.

9.3. Hướng phát triển trong tương lai

Dựa trên những cam kết được đề ra, quan hệ Việt Nam-Tanzania được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong các lĩnh vực:

Về chính trị-ngoại giao:

- Trao đổi đoàn cấp cao thường xuyên hơn
- Tanzania xem xét mở Đại sứ quán tại Việt Nam
- Mong sớm được đón Tổng thống Samia Suluhu Hassan và Thủ tướng Kassim Majaliwa thăm Việt Nam

Về kinh tế-thương mại:

- Đàm phán, ký kết hiệp định thương mại tự do
- Mở rộng hợp tác trong nông nghiệp, thủy sản, du lịch, công nghệ
- Tăng cường xuất khẩu các mặt hàng nông sản, đặc biệt hạt điều
- Mở rộng đầu tư của Viettel và các doanh nghiệp Việt Nam khác

Về hợp tác kỹ thuật:

- Chuyển đổi số và xây dựng chính phủ điện tử
- Chia sẻ kinh nghiệm nông nghiệp, đặc biệt lúa gạo
- Đào tạo nhân lực, chia sẻ kinh nghiệm quản lý
- Hợp tác trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng, tư pháp

Về giao lưu nhân dân:

- Tăng cường giao lưu văn hóa, thể thao, giáo dục
- Cấp visa thuận lợi hơn
- Hỗ trợ cộng đồng người Việt tại Tanzania

KẾT LUẬN

Quan hệ ngoại giao Việt Nam-Tanzania có nền tảng vững chắc được xây dựng trên cơ sở đoàn kết, hữu nghị và ủng hộ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Sau 60 năm thiết lập quan hệ (từ 14 tháng 2 năm 1965), quan hệ này tiếp tục phát triển với nhiều chuyến thăm cấp cao, sự kiện ngoại giao quan trọng, và mở rộng hợp tác kinh tế thực chất.

Chuyến thăm cấp Nhà nước của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang năm 2016, chuyến thăm chính thức của Bộ trưởng Ngoại giao Tanzania Mahmoud Thabit Kombo năm 2025, cùng với những tiếp xúc cấp cao thường xuyên, đã tạo xung lực mạnh mẽ cho hợp tác song phương.

Trong tương lai, với cam kết của cả hai bên, quan hệ Việt Nam-Tanzania được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, không chỉ ở cấp song phương mà còn góp phần thúc đẩy hợp tác giữa ASEAN và các quốc gia châu Phi, cũng như ở các diễn đàn quốc tế khác. Việc Tanzania sớm mở Đại sứ quán tại Việt Nam và Việt Nam xem xét mở Đại sứ quán tại các thành phố khác của Tanzania sẽ là các bước tiến quan trọng để thể chế hóa quan hệ hợp tác lâu dài này.

10. **Hợp tác kinh tế – thương mại**

Hợp tác thương mại song phương giữa Việt Nam và Tanzania đã có những bước phát triển đáng ghi nhận trong thập kỷ qua:

Việt Nam và Tanzania thiết lập quan hệ thương mại song phương từ những năm đầu của quá trình Đổi mới, tuy nhiên phải đến giai đoạn gần đây, kim ngạch thương mại hai chiều mới ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể. Theo số liệu mới nhất từ UN COMTRADE và các nguồn thống kê chính thống, tổng kim ngạch thương mại song phương năm 2023 đạt khoảng 211,7 triệu USD, trong đó Việt Nam nhập khẩu từ Tanzania các mặt hàng chủ lực như hạt điều thô, bông, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuốc lá chưa chế biến. Sang năm 2024, tổng giá trị xuất khẩu của Tanzania sang Việt Nam tiếp tục tăng mạnh, ước đạt khoảng 314,2 triệu USD, tăng hơn 38% so với mức 226,6 triệu USD ghi nhận vào năm 2020.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu của Việt Nam sang Tanzania cũng có sự mở rộng rõ rệt. Theo dữ liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam bao gồm gạo, điện thoại và linh kiện, máy móc thiết bị, pin, sản phẩm nhựa, hàng dệt may và vật liệu xây dựng như clinker. Đây đều là những nhóm hàng có thế mạnh cạnh tranh, phù hợp với nhu cầu phát triển hạ tầng và tiêu dùng nội địa tại Tanzania.

Tổng thể, kim ngạch thương mại song phương Việt Nam – Tanzania đang duy trì đà tăng trưởng ổn định và có tiềm năng tiếp tục mở rộng trong thời gian tới, đặc biệt trong bối cảnh cả hai nước đều đang tích cực thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu. Động lực tăng trưởng đến từ sự bổ trợ về cơ cấu hàng hóa xuất – nhập khẩu, sự ủng hộ chính trị cấp cao và nhu cầu gia tăng của thị trường châu Phi đối với các sản phẩm công nghiệp, tiêu dùng và thực phẩm thiết yếu từ châu Á.

Tập đoàn Viettel (qua thương hiệu Halotel) là một trong những doanh nghiệp Việt Nam đầu tư lớn vào Tanzania. Halotel chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tại nước này từ năm 2015, với tổng vốn đầu tư khoảng 736 triệu USD và đã phủ sóng trên toàn bộ 26 vùng của Tanzania. Đây là biểu tượng tiêu biểu cho hợp tác đầu tư Nam – Nam giữa hai nước đang phát triển (Nguồn: Viettel Global, 2023).

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang tìm kiếm cơ hội hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến thực phẩm và logistic tại Tanzania.

11.Hợp tác phát triển và giáo dục

Tanzania từng cử nhiều sinh viên và cán bộ sang Việt Nam học tập trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ và y tế theo các chương trình hợp tác phát triển của Chính phủ. Việt Nam cũng sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm về phát triển nông nghiệp, xoá đói giảm nghèo và chuyển đổi số với Tanzania thông qua các chương trình do Bộ Ngoại giao, Bộ NN&PTNT và các tổ chức quốc tế tài trợ.

12.Định hướng và tiềm năng hợp tác

Việt Nam và Tanzania có tiềm năng mở rộng hợp tác trong nhiều lĩnh vực. Với nền tảng kinh nghiệm và lợi thế sẵn có, Việt Nam có thể thúc đẩy hợp tác đầu tư với Tanzania trên nhiều lĩnh vực tiềm năng. Trong nông nghiệp, doanh nghiệp Việt Nam có thể hỗ trợ

chuyển giao công nghệ canh tác, chế biến và quản lý chuỗi cung ứng nông sản. Trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ và năng lượng tái tạo, Tanzania bày tỏ nhu cầu học hỏi kinh nghiệm của Việt Nam trong phát triển công nghiệp phụ trợ, điện mặt trời và điện gió. Ngoài ra, hợp tác về giáo dục – đào tạo nghề cũng là hướng đi triển vọng, với khả năng hỗ trợ đào tạo nhân lực kỹ thuật và chia sẻ mô hình giáo dục ứng dụng thực tiễn. Bên cạnh đó, hai bên có thể khai thác thế mạnh về du lịch sinh thái, cộng đồng và tăng cường giao lưu văn hóa giữa hai quốc gia.

Hai bên đang thúc đẩy hoàn tất các cơ chế pháp lý như Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Hiệp định bảo hộ đầu tư để tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp hai nước.

13.Các lĩnh vực xuất khẩu và đầu tư triển vọng

1. Y tế

1.1 Tổng quan về ngành Y tế

Tanzania đang ghi nhận những bước tiến đáng kể trong việc mở rộng và nâng cao năng lực hệ thống chăm sóc sức khỏe. Tính đến năm 2024, số giường bệnh tại các bệnh viện đã tăng từ khoảng 84 162 giường năm 2020 lên khoảng 123 769 giường, tương đương tăng khoảng 47% trong vòng 4 năm.

Các cơ sở cung cấp dịch vụ cấp cứu và mổ lấy thai khi cần cũng liên tục tăng: từ khoảng 340 cơ sở năm 2020 lên khoảng 577 cơ sở năm 2024. Ngoài ra, số lượng bệnh viện có khoa cấp cứu đã tăng mạnh — ví dụ năm 2020 chỉ có khoảng 7 cơ sở, đến năm 2025 đã lên đến khoảng 125 cơ sở.

Về phía nguồn lực đầu tư, Chính phủ Tanzania cho biết đã trình ngân sách cho năm tài khóa 2025/26 với một số mục tiêu trọng điểm như đào tạo 28.000 nhân viên y tế cộng đồng, mở rộng dịch vụ chuyên khoa tại 9 bệnh viện chuyển tiếp (referral hospitals), đầu tư vào hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) trong chăm sóc sức khỏe và tái khởi động sản xuất dược phẩm nội địa.

Ví dụ cụ thể về sản xuất dược phẩm nội địa: đến tháng 3 2023, Tanzania có 36 nhà máy sản xuất thuốc, thiết bị y tế và sản phẩm chăm sóc sức khỏe — trong đó 11 nhà máy sản xuất thuốc, 10 trong số đó thuộc tư nhân. Một nhà máy sản xuất ống tiêm (syringe) đầu tiên tại Dar es Salaam đã đi vào hoạt động cuối năm 2024, do liên doanh quốc tế, hướng tới thị trường Đông Phi.

Về việc bảo hiểm y tế và tài chính ngành: Quốc hội Tanzania đã thông qua Luật Bảo hiểm Y tế Toàn dân (Universal Health Coverage Act) năm 2023, với mục tiêu mở rộng độ phủ bảo hiểm từ nhóm chưa được bao phủ hiện nay — trong khi lao động khu vực phi chính thức (chiếm gần 80% dân số) vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận bảo hiểm. Ngân sách ngành y tế cũng ghi nhận tăng nhẹ — ví dụ ngân sách ngành cho năm 2024/25 được phê duyệt khoảng TZS 2.540 trillion (shilling Tanzania) – tăng so với khoảng TZS 2.464 trillion năm 2023/24. Tuy nhiên, tỷ lệ ngân sách ngành y tế so với tổng ngân sách quốc gia vẫn đang thấp – chỉ khoảng 5-6% trong nhiều năm, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 15% mà các nước châu Phi thường đặt ra.

Một dấu hiệu đáng chú ý khác: Số lượt bệnh nhân nước ngoài đến Tanzania điều trị chuyên khoa đã tăng mạnh – từ khoảng 5.705 người năm 2021 lên khoảng 12.180 người

tính đến tháng 3 2025. Điều này phản ánh tiềm năng phát triển của lĩnh vực y tế quốc tế/du lịch y tế tại quốc gia này.

1.2 Thông tin hữu ích từ TMDA cho doanh nghiệp Việt Nam

Dưới đây là tổng hợp các thông tin quan trọng từ Cơ quan Quản lý Dược phẩm và Thiết bị Y tế Tanzania (TMDA) dành cho doanh nghiệp Việt Nam muốn xuất khẩu hoặc đầu tư vào ngành Y tế tại Tanzania:

1.2.1 Tổng Quan Cơ Quan Quản Lý

TMDA (Tanzania Medicines and Medical Devices Authority) là cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý toàn bộ hoạt động liên quan đến dược phẩm, thiết bị y tế, chẩn đoán và hóa sinh tại Tanzania. Cơ quan này hoạt động theo Đạo luật Tanzania Medicines and Medical Devices Act, Cap 219 năm 2019.

Thông tin liên hệ:

- Trụ sở chính: Plot No. 56/1, Block E, Kisasa B Centre, Hombolo Road, P.O. Box 1253, Dodoma, Tanzania
- P.O. Box 77150, Dar es Salaam, Tanzania
- Điện thoại: +255 (26) 2961989/2061990 / +255 (22) 2450512/2450751/2452108
- Email: info@tmda.go.tz / clinicaltrials@tmda.go.tz
- Website: www.tmda.go.tz
- Hotline: 08001100834

1.2.2. Các Loại Hình Kinh Doanh Được Quản Lý

Doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia vào các lĩnh vực sau tại Tanzania: sản xuất dược phẩm cho người và động vật, sản xuất và phân phối thiết bị y tế, cung cấp thiết bị phòng thí nghiệm, cũng như sản xuất và phân phối thiết bị chẩn đoán.

1.2.3. Quy Trình Đăng Ký Sản Phẩm Dược Phẩm

Doanh nghiệp cần nộp hồ sơ theo định dạng Common Technical Document (CTD) bao gồm bốn phần chính: thông tin hành chính và kê đơn, yêu cầu về chất lượng, dữ liệu lâm sàng, và dữ liệu phi lâm sàng. Hồ sơ CTD được lưu trên CD-ROM và phải nộp kèm theo phí đăng ký, mẫu sản phẩm và các tài liệu cần thiết khác.

Cơ quan TMDA sẽ tiến hành kiểm tra hồ sơ xem có đáp ứng đầy đủ các yêu cầu không. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu, cơ quan sẽ tiến hành kiểm tra GMP (Good Manufacturing Practices) tại cơ sở sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi được phê duyệt, sản phẩm sẽ được cấp số đăng ký và giấy chứng nhận đăng ký chính thức. Thời gian xử lý đơn thông thường là 2 ngày làm việc, tuy nhiên các yêu cầu đặc biệt có thể mất nhiều thời gian hơn. Điều quan trọng là doanh nghiệp phải nộp đơn đăng ký ít nhất 21 ngày trước khi hàng đến cảng Tanzania.

Đối với kiểm tra GMP tại cơ sở sản xuất nước ngoài, TMDA sẽ tính phí theo khu vực địa lý. Cụ thể, đối với các nhà máy tại Đông Nam Á (bao gồm Việt Nam), phí kiểm tra là 6.000 USD cho mỗi lần kiểm tra, trong khi đó các nước ASEAN khác được tính phí từ 4.000 đến 6.000 USD tùy theo vùng địa lý cụ thể.

1.2.4. Quy Trình đăng ký thiết bị y tế

Tanzania phân loại thiết bị y tế thành 4 nhóm theo mức độ rủi ro. Đối với thiết bị y tế, Class A bao gồm các thiết bị có rủi ro thấp như dụng cụ phẫu thuật đơn giản, Class B là thiết bị rủi ro thấp-trung bình như kim tiêm, Class C là thiết bị rủi ro trung bình-cao như máy thở, và Class D là thiết bị rủi ro cao như van tim hay máy khử rung tim. Đối với thiết bị chẩn đoán, Class A có rủi ro thấp, Class B có rủi ro trung bình, Class C có rủi ro cao, và Class D có rủi ro rất cao như test HIV hay xét nghiệm máu.

Phí đăng ký cho thiết bị y tế nhập khẩu từ Việt Nam vào Tanzania được tính theo loại đăng ký và thời gian xử lý khác nhau. Thông báo sản phẩm mới được tính 100 USD với thời gian xử lý 5 ngày, đăng ký Class A là 500 USD với thời gian xử lý 45 ngày, đăng ký Class B là 2.500 USD với thời gian xử lý 45 ngày, và đăng ký Class C, D cũng là 2.500 USD với thời gian xử lý 45 ngày. Ngoài ra, phí thay đổi lớn là 300 USD với thời gian xử lý 10 ngày, phí thay đổi nhỏ là 150 USD với thời gian xử lý 10 ngày, và phí duy trì đăng ký hàng năm là 200 USD.

Phí đăng ký cho thiết bị chẩn đoán nhập khẩu từ Việt Nam vào Tanzania cũng được tính theo loại đăng ký và thời gian xử lý khác nhau. Thông báo sản phẩm mới được tính 100 USD với thời gian xử lý 5 ngày, đăng ký Class A là 300 USD với thời gian xử lý 45 ngày, đăng ký Class B là 1.000 USD với thời gian xử lý 45 ngày, đăng ký Class C là 1.500 USD với thời gian xử lý 45 ngày, và đăng ký Class D là 2.000 USD với thời gian xử lý 10 ngày. Ngoài ra, phí duy trì đăng ký hàng năm cho thiết bị chẩn đoán là 200 USD.

1.2.5. Quy trình nhập khẩu

Điều kiện nhập khẩu

Để nhập khẩu dược phẩm và thiết bị y tế vào Tanzania, doanh nghiệp phải đăng ký cơ sở kinh doanh với TMDA trước khi xin giấy phép nhập khẩu. Ngoài ra, doanh nghiệp cần nộp đơn ít nhất 6 tuần trước khi hàng được vận chuyển. Sản phẩm nhập khẩu phải có thời hạn sử dụng còn lại đáp ứng yêu cầu: ít nhất 60% cho sản phẩm có hạn sử dụng trên 24 tháng, và ít nhất 80% cho sản phẩm có hạn sử dụng dưới 24 tháng.

Hồ sơ xin giấy phép nhập khẩu

Mỗi lô hàng phải đi kèm với giấy phép nhập khẩu, hóa đơn proforma gốc, giấy chứng nhận phân tích (Certificate of Analysis), vận đơn hàng không hoặc vận đơn đường biển, và giấy chứng nhận sức khỏe (nếu cần thiết).

Phí nhập khẩu

Phí nhập khẩu được tính theo giá trị FOB với các mức khác nhau. Thiết bị y tế, chẩn đoán và thiết bị phòng thí nghiệm được tính 2% giá trị FOB, hàng viện trợ hoặc quyên

góp được tính 0,25% giá trị FOB, còn phụ kiện và phụ tùng thay thế được tính 0,5% giá trị FOB.

Nhập khẩu sản phẩm chưa đăng ký

Trong trường hợp đặc biệt, có thể nhập khẩu sản phẩm chưa đăng ký nếu không có sản phẩm thay thế đã đăng ký tại Tanzania, sản phẩm đến từ cơ sở sản xuất đạt chuẩn GMP được TMDA công nhận, và có giấy phép đặc biệt từ TMDA.

1.2.6. Quy trình thành lập cơ sở sản xuất/kinh doanh

Thủ tục đăng ký cơ sở

Doanh nghiệp Việt Nam muốn đầu tư sản xuất hoặc phân phối tại Tanzania cần thực hiện một quy trình đăng ký bao gồm nhiều bước. Bước đầu tiên là nộp hồ sơ đăng ký đầy đủ có trên website TMDA, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ BRELA (Business Registration and Licensing Agency), bản sao giấy chứng nhận từ TIC (Tanzania Investment Centre), bản sao Điều lệ công ty, bản vẽ mặt bằng cơ sở với bố trí kho và hợp đồng với người giám sát, cũng như giấy chứng nhận môi trường từ NEMC nếu áp dụng.

Sau khi nộp hồ sơ, TMDA sẽ tiến hành kiểm tra cơ sở của doanh nghiệp. Nếu cơ sở đạt yêu cầu, doanh nghiệp sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở. Đối với các nhà sản xuất, bước tiếp theo là nộp mẫu sản phẩm để tiến hành đăng ký sản phẩm. Sau khi sản phẩm được TMDA kiểm tra và đạt tiêu chuẩn, doanh nghiệp sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký sản phẩm. Cuối cùng, doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh để có thể sản xuất và bán hàng ra thị trường Tanzania.

Phí đăng ký cơ sở (thiết bị y tế)

Phí đăng ký cơ sở sản xuất và kinh doanh thiết bị y tế tại Tanzania được tính theo quy mô và loại cơ sở. Nhà máy sản xuất thiết bị y tế quy mô lớn được tính 700.000 TZS, quy mô trung bình là 500.000 TZS, và quy mô nhỏ là 300.000 TZS. Đối với các hình thức kinh doanh khác, đại lý bán sỉ thiết bị y tế, kho thiết bị y tế được tính 300.000 TZS mỗi loại, trong khi cửa hàng bán lẻ thiết bị y tế được tính 100.000 TZS. Lưu ý rằng giấy phép kinh doanh phải được gia hạn hàng năm, thường vào ngày 1 tháng 7.

Loại cơ sở	Phí (TZS)
Nhà máy sản xuất thiết bị y tế quy mô lớn	700.000
Nhà máy sản xuất thiết bị y tế quy mô trung bình	500.000
Nhà máy sản xuất thiết bị y tế quy mô nhỏ	300.000

Đại lý bán sỉ thiết bị y tế	300.000
Kho thiết bị y tế	300.000
Cửa hàng bán lẻ thiết bị y tế	100.000

Lưu ý: Giấy phép kinh doanh phải được gia hạn hàng năm (thường vào ngày 1 tháng 7).

1.2.7. Cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp Việt Nam

Nhu cầu thị trường

Tanzania đang có nhu cầu lớn về xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm, cung cấp vắc-xin cho trẻ em dưới 5 tuổi, thiết bị phòng thí nghiệm hiện đại, thiết bị chẩn đoán và y tế, đào tạo nhân viên y tế với khoảng 28.000 nhân viên y tế cộng đồng, cũng như hệ thống công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong y tế.

Ngân sách y tế

Chính phủ Tanzania đã phân bổ ngân sách y tế đáng kể cho lĩnh vực này. Năm 2025/26, ngân sách được phân bổ là 1,68 nghìn tỷ TZS, năm 2022/23 là 1,109 nghìn tỷ TZS, và năm 2020/21 là 387,9 triệu USD. Đặc biệt, khoảng 40% ngân sách y tế được hỗ trợ bởi các đối tác quốc tế, tạo ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào các dự án do tổ chức quốc tế tài trợ.

Ưu thế của Việt Nam

Doanh nghiệp dược phẩm Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển tại Tanzania. Theo số liệu năm 2024, thị trường dược phẩm Việt Nam đạt giá trị khoảng 7,6 tỷ USD và dự kiến tăng trưởng đạt 12,12 tỷ USD vào năm 2030 với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 7,96%. Hiện tại, Việt Nam có 238 nhà máy sản xuất dược phẩm đạt chuẩn GMP-WHO, trong đó có 19 nhà máy đạt chuẩn GMP-EU hoặc tương đương. Ngành dược phẩm Việt Nam được Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) xếp ở cấp độ 3, cho thấy khả năng sản xuất thuốc generic và tự đáp ứng một phần nhu cầu dược phẩm trong nước. Sản xuất dược phẩm nội địa của Việt Nam đã mở rộng quy mô đáng kể, với tốc độ tăng trưởng sản xuất hàng năm đạt từ 12-15%, và giá trị thuốc sản xuất trong nước tăng từ hơn 20% năm 2015 lên gần 50% giá trị thuốc sử dụng vào năm 2022. Chi phí sản xuất tại Việt Nam cạnh tranh hơn so với các nước phát triển, và Việt Nam có khả năng chuyển giao công nghệ cũng như kỹ năng quản lý sản xuất dược phẩm cho các đối tác tại Tanzania.

Lưu ý về thách thức

Doanh nghiệp cần lưu ý các thách thức khi đầu tư vào Tanzania. Thị trường này thiếu nhân lực có kỹ năng cao, đòi hỏi đầu tư lớn vào công nghệ hiện đại, và doanh nghiệp phải đạt quy mô đủ lớn để cạnh tranh với nhà cung cấp quốc tế. Hệ thống phân phối còn

phân mảnh, và vấn đề thuốc giả cũng như bảo vệ sở hữu trí tuệ vẫn còn yếu trong thị trường này.

1.2.8. Hệ Thống Trực Tuyến

TMDA đang triển khai hệ thống quản lý trực tuyến để tăng tốc độ xử lý các yêu cầu. Cổng thông tin trực tuyến cho phép doanh nghiệp đăng ký sản phẩm dược phẩm một cách thuận tiện, trong khi Trader Portal hỗ trợ đăng ký giấy phép kinh doanh và cơ sở sản xuất. Ngoài ra, TMDA cung cấp hệ thống báo cáo tác dụng phụ với hai cách tiếp cận: truy cập trang web sqrt.tmda.go.tz hoặc quay số 152*00# trên điện thoại di động để báo cáo các tác dụng không mong muốn của thuốc.

Khuyến nghị cho doanh nghiệp Việt Nam

Để thành công tại thị trường Tanzania, doanh nghiệp Việt Nam nên chuẩn bị sớm bằng cách bắt đầu quy trình đăng ký ít nhất 6 tháng trước khi dự định xuất khẩu. Cơ sở sản xuất tại Việt Nam phải đạt chuẩn GMP quốc tế để được TMDA công nhận, và doanh nghiệp nên tìm đối tác địa phương hoặc thành lập công ty tại Tanzania để dễ dàng thực hiện các thủ tục hành chính.

Chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng, do đó doanh nghiệp cần đảm bảo thời hạn sử dụng còn lại đủ theo quy định (60-80% tùy loại sản phẩm). Hồ sơ phải được chuẩn bị đầy đủ theo định dạng quốc tế, đặc biệt là hồ sơ CTD. Doanh nghiệp cũng nên xem xét đầu tư sản xuất trực tiếp tại Tanzania để được hưởng lợi từ chính sách ưu đãi đầu tư nước ngoài và nguồn tài trợ quốc tế.

Thị trường Tanzania mang lại cơ hội lớn cho doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh chính phủ Tanzania đang kêu gọi đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực dược phẩm và thiết bị y tế. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng và tuân thủ đúng quy định của TMDA, doanh nghiệp Việt Nam có thể thành công trong việc mở rộng sang thị trường Đông Phi này.

2. Nông nghiệp và chế biến nông sản

2.1 Tổng quan

Nông nghiệp tại Tanzania chiếm gần 30% GDP của đất nước, với ba phần tư lực lượng lao động của đất nước tham gia vào lĩnh vực này. Nông nghiệp chắc chắn là ngành lớn nhất và quan trọng nhất trong nền kinh tế Tanzania, với đất nước được hưởng lợi từ cơ sở sản xuất đa dạng bao gồm chăn nuôi, cây lương thực chính và nhiều loại cây tiền mặt khác nhau.

Có nhiều cơ hội kinh doanh trên các thị trường trong nước, khu vực và quốc tế, cho cả những sản phẩm truyền thống và những sản phẩm mới. Tuy nhiên, năng suất sản xuất vẫn còn thấp với tiến bộ khiêm tốn trong hai thập kỷ qua. Lĩnh vực này phụ thuộc chủ yếu vào các nông dân nhỏ lẻ phụ thuộc vào mưa cho việc tưới tiêu. Nông dân và các bên liên quan khác trong lĩnh vực này phải đối mặt với những thách thức đáng kể trong việc hiện đại hóa ngành để tăng năng suất, xuất khẩu và chế biến tăng giá trị. Doanh thu xuất khẩu chậm lại, những trở ngại trong việc mua lại đất đai, và các nông dân nhỏ lẻ gặp

khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ kinh tế khả thi, cơ sở lưu trữ phù hợp, thị trường và tín dụng đã ảnh hưởng đến lĩnh vực này.

Chính phủ đang thực hiện các biện pháp để giải quyết những thách thức này bằng cách đưa ra các chính sách trợ cấp cho nông dân và nhà đầu tư cũng như loại bỏ những khoản thuế không cần thiết được cho là cản trở sự phát triển của lĩnh vực này. Chính phủ cũng tìm kiếm tài chính nước ngoài cho dự án tiêu biểu của mình là Hành lang Tăng trưởng Nông nghiệp Phía Nam Tanzania (SAGCOT) được thiết kế để nhanh chóng phát triển tiềm năng nông nghiệp của khu vực đó. Những nỗ lực rộng rãi này sẽ giúp mức sản xuất của các cây trồng chính quay trở lại tăng trưởng trong những năm sắp tới, giúp thúc đẩy chế biến tăng giá trị trong lĩnh vực này.

Các cây lương thực phổ biến nhất tại Tanzania là ngô, lúa mì, lúa gạo, khoai lang, chuối, đậu, sorghum và mía đường. Các cây tiền mặt bao gồm cà phê, bông, hạt điều, thuốc lá, trà và sisal. Nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn cây trồng của nông dân, bao gồm: 1) các yếu tố vật lý như chất lượng đất và khả năng sẵn có nước; 2) các yếu tố kinh tế như khả năng tiếp thị và giá hạt giống; 3) sở thích cá nhân của hộ gia đình; 4) hồ sơ cây trồng bao gồm năng suất cây trồng và khả năng chống sâu bệnh; và 5) sẵn có tài nguyên như máy móc và phân bón.

Ngô

Thị trường ngô của Tanzania đang trải qua giai đoạn tăng trưởng vượt bậc với sản lượng địa phương tăng từ 8,01 triệu tấn năm 2023 lên 11,7 triệu tấn năm 2024/25, và dự kiến tiếp tục tăng lên 15 triệu tấn năm 2025/26. Sự tăng trưởng này phản ánh mục tiêu của chính phủ Tanzania trong việc thúc đẩy sản xuất ngô thông qua chương trình trợ cấp phân bón và nâng cao năng suất lên 30 bao ngô mỗi acre. Tăng trưởng ấn tượng này đã giúp Tanzania trở thành nhà sản xuất ngô lớn thứ ba trên châu Phi, chỉ sau Nigeria và Ai Cập.

Về thương mại, Tanzania đã chuyển từ một nước nhập khẩu ròng sang nước xuất khẩu ròng với sản lượng dôi dư dự kiến khoảng 2,7 triệu tấn năm 2024/25. Xuất khẩu ngô dự kiến tăng từ 161.000 tấn năm 2023 lên 300-400.000 tấn năm 2024/25, và duy trì ở mức 270-300.000 tấn năm 2025/26. Chính phủ đã ký hợp đồng xuất khẩu lớn với 650.000 tấn ngô sang Zambia và 500.000 tấn sang Cộng hòa Dân chủ Congo (DRC), với các thị trường xuất khẩu chính khác bao gồm Kenya (57%), South Sudan (17%) và Malawi (14%). Ngược lại, nhập khẩu ngô đã giảm xuống còn 30.000 tấn năm 2024/25, chủ yếu từ Zambia, Uganda, Malawi và Zimbabwe, và bao gồm chủ yếu hạt giống và ngô vàng cho thức ăn động vật.

Cơ quan Dự trữ Lương thực Quốc gia (NFRA) đóng vai trò trung tâm trong thị trường ngô nội địa, hoạt động như một người mua chính để ổn định giá và đảm bảo ổn định cung ứng trên thị trường. Sự can thiệp này giúp bảo vệ nông dân khỏi biến động giá cả và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Tổng quy mô thị trường ngô của Tanzania là 8,075 triệu tấn năm 2023 và dự kiến tăng lên 11,73 triệu tấn năm 2024/25, tiếp tục tăng lên 15,03 triệu tấn năm 2025/26.

Quy mô thị trường ngô (maize) của Tanzania

	2023	2024/25 (Ước tính)	2025/26 (Dự báo)
Sản lượng địa phương (triệu tấn)	8,01	11,7	15
Xuất khẩu tổng cộng (nghìn tấn)	161	300-400	270-300
Nhập khẩu tổng cộng (nghìn tấn)	64	30	30
Nhập khẩu từ Zambia (nghìn tấn)	23	14	Thấp
Quy mô thị trường tổng cộng (triệu tấn)	8,075	11,73	15,03

Lúa mì

Quy mô thị trường lúa mì của Tanzania

	2024/25 (Ước tính)	2025/26 (Dự báo)
Sản lượng địa phương (1000 tấn)	73	80
Xuất khẩu tổng cộng (1000 tấn)	0	0
Nhập khẩu tổng cộng (1000 tấn)	1.300	1.240
Nhập khẩu từ Nga (1000 tấn)	610	620
Quy mô thị trường tổng cộng (1000 tấn)	1.373	1.320

Thị trường lúa mì của Tanzania đang trải qua giai đoạn chuyển đổi với sản lượng địa phương dự kiến tăng từ 73.000 tấn năm 2024/25 lên 80.000 tấn năm 2025/26, tương ứng mức tăng 10%. Diện tích trồng dự báo tăng đáng kể 27% từ 55.000 hectares lên 70.000 hectares khi nông dân chuyển sang trồng lúa mì từ những cây trồng khác nhờ giá cả hấp dẫn và các chính sách hỗ trợ của chính phủ. Lúa mì được sản xuất chủ yếu ở các vùng Arusha, Manyara, Kilimanjaro (gần biên giới Kenya-Tanzania) và Mbeya, Iringa, Njombe, Rukwa (dọc theo Đường cao tốc Tanzania-Zambia và gần biên giới Malawi-Zambia).

Tuy sản lượng địa phương tăng, Tanzania vẫn là một nước nhập khẩu lúa mì ròng với tổng nhập khẩu dự kiến đạt 1,3 triệu tấn năm 2024/25 và giảm xuống 1,24 triệu tấn năm 2025/26. Nga là nhà cung cấp lúa mì lớn nhất cho Tanzania, chiếm khoảng 47% tổng nhập khẩu với 610.000 tấn năm 2024/25 và dự kiến tăng lên 620.000 tấn năm 2025/26, trong khi các nhà cung cấp khác bao gồm Ba Lan, Latvia và Romania. Quy mô thị trường lúa mì tổng cộng của Tanzania là 1,373 triệu tấn năm 2024/25 và dự kiến giảm xuống 1,32 triệu tấn năm 2025/26 do sản lượng địa phương tăng sẽ bù đắp phần nào nhu cầu nhập khẩu.

Những thách thức chính trong sản xuất lúa mì của Tanzania bao gồm tổn thất sau thu hoạch cao, sâu bệnh, và sự hạn chế về các giống lúa mì năng suất cao. Chính phủ Tanzania áp dụng chính sách kiểm soát nhập khẩu với nhu cầu tổng thể là 1 triệu tấn lúa mì mỗi năm, nhằm cân bằng giữa nhu cầu tiêu dùng trong nước và sự phát triển của ngành sản xuất lúa mì địa phương

Gạo

Tanzania là nhà sản xuất gạo lớn nhất trong khu vực Đông Phi, và gạo được xác định là một mục tiêu chiến lược của chính phủ cho phát triển nông nghiệp. Theo báo cáo của Tổ chức Nông lâm Thực phẩm Liên Hợp Quốc (FAO) năm 2024, sản lượng gạo dôi dư của Tanzania được dự báo tăng 26% lên 2,9 triệu tấn. Tuy nhiên, theo báo cáo gần nhất của USDA công bố vào tháng 4 năm 2025, sản lượng gạo xay của Tanzania dự kiến sẽ giảm nhẹ 0,2% trong năm 2025/26, đạt 2,51 triệu tấn so với 2,515 triệu tấn năm 2024/25.

Sự giảm nhẹ này chủ yếu do áp dụng phân bón chậm trễ, dịch bệnh sâu bệnh và các bệnh tật như bệnh lá vi khuẩn (bacterial leaf blight), gây làm héo và vàng lá. Bệnh này lần đầu tiên xuất hiện năm 2022 và các nỗ lực ngăn chặn vẫn chưa thành công. Mặc dù sản lượng giảm nhẹ, diện tích thu hoạch dự kiến tăng 0,44% lên 1,13 triệu hectares do nhiều nông dân chuyển từ trồng ngô sang trồng gạo vì giá gạo hấp dẫn hơn. Xu hướng này được thúc đẩy bởi chính sách cấm nhập khẩu de facto được chính phủ Tanzania áp dụng, giới hạn giấy phép nhập khẩu gạo chỉ vào những thời điểm thiếu hụt. Hàng năng suất dự kiến giảm 13,2% xuống 3,37 tấn/hectare do các vấn đề kỹ thuật trên.

Chính phủ Tanzania dự kiến mở rộng canh tác gạo lên ít nhất 2,2 triệu hectares trước năm 2030 theo Chiến lược Phát triển Gạo Quốc gia Giai đoạn II (NRDS-II), tuy nhiên tiến độ chậm do tiếp cận nguồn nước hạn chế. Cơ quan Quản lý Các loại ngũ cốc và Sản phẩm Khác (COPRA) đã tuyên bố sẽ tiến hành đánh giá kho dự trữ ngô và gạo toàn quốc bắt đầu từ tháng 5 năm 2025 nhằm đánh giá khả năng cung cấp, phân phối và xuất khẩu của những cây trồng quan trọng này. Giấy phép xuất khẩu gạo hiện tại sẽ có hiệu lực cho đến ngày 30 tháng 4 năm 2025, sau đó sẽ được cấp lại dựa trên kết quả đánh giá để phù hợp với chiến lược an ninh lương thực của quốc gia.

Tiêu thụ gạo nội địa của Tanzania được dự kiến tiếp tục tăng. Theo báo cáo Statista năm 2025, doanh thu thị trường gạo tại Tanzania đạt 184,89 triệu USD năm 2025 và dự kiến tăng trưởng hàng năm 8,00% giai đoạn 2025-2030. Tiêu thụ gạo bình quân đầu người ở Tanzania ước tính là 25 kg/năm (thấp hơn mức bình quân khu vực Châu Phi Sub-Sahara là 40 kg/năm), cho thấy còn dư địa tăng trưởng. Dar es Salaam vẫn là thị trường tiêu thụ gạo chính, chiếm khoảng 60% tổng tiêu thụ toàn quốc. Phụ nữ nông dân tham gia 80% các giai đoạn sản xuất gạo từ trồng, cỏ dại, thu hoạch cho đến thương mại.

Về xuất khẩu, sản lượng gạo xuất khẩu của Tanzania giảm 38,79% năm 2023 so với năm trước, với xuất khẩu đạt 204,68 triệu kg. Điều này liên quan đến chính sách kiểm soát xuất khẩu chặt chẽ của chính phủ nhằm đảm bảo an ninh lương thực nội địa. Nhập khẩu gạo tăng đột biến với tăng trưởng nhập khẩu từ 139,35 triệu kg năm 2023, chủ yếu là do tăng nhu cầu từ thương mại xuyên biên giới với Kenya và Rwanda. Giá gạo tại Tanzania giảm 4,6% trong tháng 8 năm 2025, từ 908 USD/tấn xuống còn 869 USD/tấn, do sự đến của mùa thu hoạch Masika (mưa mùa hạ) và sự tăng giá nhẹ của đồng shilling Tanzania. Thị trường gạo Đông Phi được dự báo vẫn mạnh mẽ với cầu cao từ các đối tác khu vực.

Các thách thức chính trong sản xuất gạo của Tanzania bao gồm bệnh lá vi khuẩn mới nổi (lần đầu xuất hiện năm 2022), tổn thất sau thu hoạch cao (vẫn khoảng 10-30%), các giống gạo năng suất hạn chế, và thiếu tiếp cận nước cho tưới tiêu. Tuy nhiên, Chiến lược Phát triển Gạo Quốc gia Giai đoạn II (NRDS-II) đã đạt được những tiến bộ trong việc mở rộng cơ sở xay lúa gạo, xây dựng các hệ thống tưới tiêu mới, và đào tạo xử lý sau thu hoạch. Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Tanzania (TADB) đã báo cáo lợi tức 2,146,154 USD sau khi lợi nhuận tăng 31%, cho thấy khả năng cho vay nông nghiệp phù hợp với điều kiện khí hậu được tăng cường. Cơ quan Dự trữ Lương thực Quốc gia (NFRA) cũng lập kế hoạch mở rộng dung tích lưu trữ lúa mì quốc gia từ 677.115 tấn hiện tại lên 3 triệu tấn trước năm 2030 để ổn định thị trường cho nhà sản xuất dôi dư.

Quy mô thị trường gạo của Tanzania (Cập nhật 2024-2025)

ĐVT: triệu tấn	**2023 (Thực tế)**	**2024/25 (Ước tính)**	**2025/26 (Dự báo)**
Sản lượng địa phương	2,9	2,515	2,51
Tổng xuất khẩu	0,397	0,01	0,05
Tổng nhập khẩu tổng cộng	0,470	0,125	0,17
Nhập khẩu từ Pakistan	0,228	0,06	Giảm
Nhập khẩu từ Ấn Độ	0,195	0,037	Giảm
Quy mô thị trường tổng cộng	2,97	2,64	2,54

Nguồn: USDA và Statista

Sản lượng gạo địa phương của Tanzania dự kiến giảm nhẹ 0,2% từ 2,515 triệu tấn năm 2024/25 xuống còn 2,51 triệu tấn năm 2025/26, chủ yếu do áp dụng phân bón chậm, bệnh lá vi khuẩn và các vấn đề về hạn hán. Dù vậy, thị trường gạo Tanzania vẫn cho thấy tiềm năng tăng trưởng với doanh thu thị trường đạt 184,89 triệu USD năm 2025 và dự kiến tăng trưởng hàng năm 8% trong giai đoạn 2025-2030. Tiêu thụ gạo bình quân đầu người ước tính khoảng 2,4 kg/năm, với tổng doanh thu bán lẻ dự kiến tăng từ 184,89 triệu USD năm 2025 lên 278 triệu USD vào năm 2030, cho thấy xu hướng tăng tiêu thụ gạo của dân cư Tanzania. Theo báo cáo của USDA, tiêu thụ nội địa của Tanzania được điều chỉnh tăng vào năm 2025/26 với tăng trưởng tiêu thụ được dự báo tiếp tục tăng trong những năm sắp tới.

Hoạt động xuất khẩu gạo của Tanzania đã trải qua sự thay đổi đáng kể trong ba năm gần đây. Xuất khẩu gạo giảm mạnh từ 397.000 tấn năm 2023 xuống còn chỉ 10.000 tấn năm 2024/25, chủ yếu do các thủ tục xuất khẩu mới và các quy định kiểm soát chặt chẽ của chính phủ Tanzania từ năm 2023 trở đi. Tuy nhiên, năm 2024, Tanzania vẫn xuất khẩu được 396,9 triệu kg gạo với sự phân bố thị trường rõ rệt: Uganda là thị trường lớn nhất chiếm 71,6% (284,4 triệu kg), theo sau là Rwanda (51,3 triệu kg, 12,9%), Kenya (46,1 triệu kg, 11,6%), Cộng hòa Dân chủ Congo (4,5 triệu kg) và Zambia (2,7 triệu kg). Dự báo cho năm 2025/26, xuất khẩu gạo của Tanzania dự kiến phục hồi nhẹ lên 50.000 tấn do xã hội hóa các thủ tục xuất khẩu và nhu cầu tăng từ các nước thành viên Cộng đồng Kinh tế Đông Phi (EAC).

Nhập khẩu gạo của Tanzania đã giảm đáng kể, từ 470.000 tấn năm 2023 xuống 125.000 tấn năm 2024/25, phản ánh sự gia tăng sản xuất nội địa và chính sách kiểm soát nhập khẩu chặt chẽ của chính phủ. Dự báo cho năm 2025/26, nhập khẩu dự kiến tăng nhẹ lên 170.000 tấn do sản lượng nội địa không đủ hoàn toàn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ toàn quốc. Nhà cung cấp gạo chính vào năm 2024 đã thay đổi đáng kể so với năm 2023: Pakistan, từ nhà cung cấp hàng đầu với 227.815 tấn năm 2023, giảm xuống 60.000 tấn năm 2024 (giảm 74%); Ấn Độ giảm từ 195.000 tấn xuống 37.000 tấn (giảm 81%); Thái Lan vẫn cung cấp một lượng nhỏ 155 tấn. Nhập khẩu từ Hoa Kỳ vẫn rất thấp, chỉ 860 tấn năm 2024, chủ yếu là gạo viện trợ. Những thay đổi này trực tiếp liên quan đến chính sách kiểm soát nhập khẩu của chính phủ Tanzania.

Chính phủ Tanzania áp dụng một hệ thống kiểm soát nhập khẩu chặt chẽ thông qua hệ thống hạn ngạch, cấp giấy phép nhập khẩu chỉ khi cung cấp nội địa không đủ. Đối với mặt hàng nhập khẩu từ ngoài khu vực Cộng đồng Kinh tế Đông Phi (EAC), chính phủ áp dụng tính phí chung của EAC là 75% hoặc 345 USD/tấn, tùy theo mức nào cao hơn. Khác với các quốc gia khác, chính phủ Tanzania không có ước tính yêu cầu nhập khẩu ban đầu cố định, thay vào đó cấp giấy phép theo từng trường hợp cụ thể để linh hoạt điều chỉnh nhập khẩu phù hợp với tình hình cung cấp nội địa. Chiến lược này nhằm bảo vệ nông dân nội địa, tăng cường an ninh lương thực quốc gia, và khuyến khích sự phát triển của ngành sản xuất gạo địa phương.

Đường

Tình hình sản xuất và tiêu thụ đường của Tanzania đã có những thay đổi đáng kể. Từ tình trạng sản xuất chỉ đáp ứng 58% nhu cầu tiêu thụ với khoảng cách 42% được bù đắp bằng nhập khẩu trị giá khoảng 132 triệu USD chủ yếu từ Brazil và Ấn Độ (theo dữ liệu

cũ), tính đến tháng 10 năm 2025, Tanzania đã đạt được bước ngoặt lịch sử. Theo Hội đồng Đường Tanzania (SBT), sản lượng đường nội địa đã vượt quá mức tiêu thụ quốc gia lần đầu tiên. Tanzania đã xuất khẩu 85.000 tấn đường, kiếm được 72 triệu USD doanh thu. Sản lượng đường hàng năm của Tanzania đã tăng từ 295.000 tấn năm 2018 lên 460.000 tấn năm 2023 và dự kiến vượt 600.000 tấn năm 2025, vượt xa nhu cầu tiêu thụ quốc gia khoảng 550.000 tấn mỗi năm.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ này là kết quả của: (1) đầu tư vào mở rộng nhà máy - Nhà máy K4 của Kilombero sẽ tăng sản lượng từ 145.000 lên 270.000 tấn/năm khi khánh thành vào tháng 6 năm 2025, chiếm khoảng 40% thị trường tiêu dùng đường Tanzania; (2) các hiệp định đầu tư lớn như dự án Mkulazi Agriculture Investment City trị giá 576 triệu USD tại vùng Morogoro, bao gồm 50.000 hectares đất trồng mía với mục tiêu sản xuất 150.000 tấn đường mỗi năm, dự kiến tạo 9.780 việc làm trực tiếp và 11.500 việc làm gián tiếp; (3) các chính sách hỗ trợ của chính phủ bao gồm trợ cấp phân bón, tiếp cận vay ngân hàng với lãi suất dưới 10%, và các khuyến khích từ Trung tâm Đầu tư Tanzania (TIC).

Nhập khẩu đường của Tanzania đã giảm đáng kể từ mức cao 207 triệu USD năm 2022 xuống 194 triệu USD năm 2023 (giảm 5,92%), và dự kiến tiếp tục giảm do sản lượng nội địa tăng. Năm 2024, dữ liệu nhập khẩu từ Volza cho thấy Tanzania nhập khẩu 1.671 lô hàng đường trong giai đoạn tháng 10 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024, giảm 28% so với giai đoạn trước. Các nhà cung cấp chính năm 2023 là Ấn Độ (31,7 triệu USD, 46,6 triệu kg), Brazil (9,4 triệu USD, 12,7 triệu kg), Nam Phi (3,3 triệu USD, 4 triệu kg), Kenya (70.000 USD, 108.000 kg) và Pakistan (57.000 USD, 88.000 kg). Theo báo cáo gần nhất từ Statista, giá đường tại Tanzania từ các nhà cung cấp khác như Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất vẫn còn nhập về (giá 62.642 USD/735 kg vào tháng 11 năm 2024).

Chính sách thương mại của Tanzania tạo cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam. Mức thuế bảo vệ đường của Tanzania là 10%, thấp hơn mức thuế chung của Cộng đồng Kinh tế Đông Phi (EAC) là 25%. Điều này có nghĩa là thị trường đường Tanzania kém bảo vệ hơn so với các quốc gia khác trong khu vực, mở rộng cơ hội cho các nhà cung cấp đường từ ngoài EAC, bao gồm Việt Nam. Mặc dù vậy, chính phủ Tanzania vẫn cam kết thu hút đầu tư mới vào ngành công nghiệp đường, không chỉ trong sản xuất nguyên liệu thô mà cả trong các nhà máy chế biến đường tinh chế.

Cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp Việt Nam rất lớn: (1) Sản xuất đường tinh chế - Tanzania sắp tìm các nhà đầu tư để xây dựng nhà máy sản xuất đường tinh chế cho mục đích công nghiệp, dược phẩm và đồ uống với nhu cầu hàng năm khoảng 300.000 tấn; (2) Đầu tư canh tác mía và xây dựng nhà máy - các dự án như Mkulazi cần các đối tác quốc tế có kinh nghiệm; (3) Chế biến và phân phối - trong khi Tanzania xuất khẩu đường, vẫn cần các dịch vụ hỗ trợ chế biến, bao gói và logistics. Ngoài ra, nhu cầu đường của Tanzania dự kiến tăng với tốc độ 6% mỗi năm do dân số tăng trưởng 2,6% hàng năm và tăng tiêu thụ.

2.2 Các ngành nông nghiệp có tiềm năng cao

Sản phẩm nông sản hướng tới người tiêu dùng

Tầng lớp trung lưu đang mở rộng, quá trình đô thị hóa tăng, và ngành dịch vụ thực phẩm đang phát triển mạnh mẽ là những nhân tố thúc đẩy nhu cầu về sản phẩm nông sản dành cho thị trường tiêu dùng tại Tanzania. Người dân Tanzania có thu nhập bình quân đầu người khoảng 754 USD năm 2025, và họ chi tiêu khoảng một phần năm thu nhập hộ gia đình cho hàng hóa tiêu dùng nhanh chóng (FMCG), chủ yếu là thực phẩm. Truyền thống mua sắm của người Tanzania là qua các cửa hàng gia đình nhỏ gọi là "dukas", nhưng những năm gần đây siêu thị dần trở nên phổ biến, đặc biệt là ở các thành phố lớn như Dar es Salaam, Mwanza và Arusha.

Các danh mục sản phẩm phổ biến nhất bao gồm các sản phẩm chăm sóc cá nhân (như kem đánh răng) và đồ uống (nước ngọt có ga, trà, nước tăng lực). Khi quyết định mua hàng, người tiêu dùng Tanzania chủ yếu xem xét các yếu tố như lời khuyên từ bạn bè, giá cả phải chăng, tính sẵn có và quen thuộc với thương hiệu. Doanh thu thị trường FMCG tại Tanzania được dự kiến sẽ có tăng trưởng ổn định trong những năm tới, phản ánh sự mở rộng của tầng lớp trung lưu và nhu cầu ngày càng tăng cho các sản phẩm tiêu dùng đa dạng.

Ngành dịch vụ thực phẩm

Ngành khách sạn, nhà hàng và các tổ chức cung cấp thực phẩm (HRI) tại Tanzania đã thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt từ Hoa Kỳ. Một số chuỗi nhà hàng nước ngoài nổi tiếng như Pizza Hut, KFC và Subway đã mở cửa hàng tại các thành phố chính của Tanzania như Dar es Salaam, Arusha và Mwanza. Khu vực HRI ở Zanzibar đã tăng trưởng 37% trong năm năm gần đây, phản ánh sự phát triển của du lịch và dịch vụ ăn uống. Thị trường thực phẩm nhanh chóng phát triển trên toàn Châu Phi và Trung Đông được dự báo sẽ mở rộng từ 33,88 tỷ USD năm 2024 lên 62,44 tỷ USD năm 2030, với tốc độ tăng trưởng hàng năm 9,2%, mở ra cơ hội lớn cho các nhà cung cấp thực phẩm chế biến.

Thách thức và cơ hội trong thương mại thực phẩm

Sự tăng trưởng của hàng thực phẩm chế biến nhập khẩu vào Tanzania đã bị ảnh hưởng bởi các quy định pháp lý nghiêm ngặt, đặc biệt là yêu cầu về trách nhiệm pháp lý đối với các sản phẩm thực phẩm được sửa đổi di truyền. Điều này hạn chế một phần cơ hội nhập khẩu từ các nhà cung cấp quốc tế. Tuy nhiên, thị trường bao gói thực phẩm lại đang bùng nổ, với thị trường bao gói giấy thực phẩm Tanzania được định giá khoảng 260 triệu USD năm 2024 và dự kiến tăng trưởng với tốc độ 8,6% hàng năm để đạt 380 triệu USD vào năm 2031. Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng về các giải pháp bao gói bền vững, quá trình đô thị hóa và sự mở rộng của ngành dịch vụ thực phẩm.

Chiến lược chuyển đổi nền kinh tế

Tanzania có mục tiêu chuyển đổi từ nước thu nhập thấp sang nước thu nhập trung bình hạ để mở rộng thị trường tiêu dùng và tăng cầu về sản phẩm nông sản. Theo dự báo, GDP bình quân đầu người của Tanzania sẽ tăng từ mức hiện tại lên 1.855 USD dưới các kịch bản tích cực, giúp nước này trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trên châu Phi. Khi thu nhập hộ gia đình tăng, thói quen tiêu dùng sẽ thay đổi

đáng kể, tạo nên thị trường rộng lớn hơn cho các sản phẩm nông sản xanh, hữu cơ và có giá trị gia tăng cao.

Các sáng kiến phát triển nông nghiệp

Để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế, Tanzania đã áp dụng sáng kiến "Kết quả lớn bây giờ" (Big Results Now - BRN) với những mục tiêu cụ thể trong ngành nông nghiệp. Sáng kiến này nhằm tăng tăng trưởng nông nghiệp thông qua các mô hình canh tác thương mại, cải thiện thu nhập của nông dân nhỏ lẻ, và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Sáng kiến BRN tập trung vào ba lĩnh vực ưu tiên: ngô, gạo và mía đường, đồng thời mở rộng sang các cây trồng khác như cây lấy dầu và rau quả. Các mục tiêu cụ thể bao gồm: (1) canh tác 350.000 hectares đất thương mại mới và 330.000 hectares đất của nông dân nhỏ lẻ; (2) sản xuất 150.000 tấn mía đường mới, 290.000 tấn gạo mới và 100.000 tấn ngô mới; (3) cải thiện 78 lược đồ tưới tiêu và tiếp thị gạo của nông dân nhỏ lẻ thông qua quản lý chuyên nghiệp; (4) phát triển 275 lược đồ tiếp thị dựa trên kho tập thể (COWABAMA) để kết nối nông dân ngô với các thị trường tiêu thụ.

2.3 Cơ hội đầu tư

Chế biến rau quả

Tanzania sản xuất một lượng lớn các loại rau quả đa dạng, đặc biệt là những loại như xoài, cam, dứa, chuối, bơ, đu đủ, cà chua, đậu okra và ớt. Theo báo cáo từ Tổ chức Nông lâm Thực phẩm Liên Hợp Quốc (FAO), sản lượng rau quả của Tanzania đã tăng lên 3 triệu tấn năm 2023 từ 2,8 triệu tấn năm 2021. Tuy nhiên, chỉ khoảng 4% sản lượng rau quả được chế biến tại chỗ, phần còn lại được tiêu thụ tươi hoặc xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu. Theo báo cáo từ AGRA năm 2024, diện tích canh tác rau quả đã mở rộng 130%, thêm 240.000 hectares, với cà chua chiếm nửa trong tăng trưởng này. Điều này mở ra cơ hội rất lớn cho doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu máy móc nặng cho canh tác thương mại và chế biến rau quả thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như nước ép, nước cắt thái đặc đúc, mộc nguyên chất và cây cối.

Chế biến hạt điều

Hạt điều là một cây tiền mặt chính tại Tanzania, và sản lượng đã tăng đột biến. Năm 2024/25, Tanzania đã sản xuất 528.260 tấn hạt điều thô (RCN), tăng 73% so với 305.014 tấn năm trước, và doanh thu xuất khẩu đạt kỷ lục 1,52 nghìn tỷ shilling Tanzania (khoảng 598,6 triệu USD), vượt qua kỷ lục cũ năm 2017/18 là 575 triệu USD. Chính phủ Tanzania dự báo sản lượng sẽ đạt 700.000 tấn năm 2025/26 và 1 triệu tấn năm 2030/31. Tuy nhiên, chỉ khoảng 10% hạt điều được chế biến tại Tanzania, phần còn lại được xuất khẩu dưới dạng hạt thô. Năm 2024/25, 410.000 tấn được xuất khẩu thô qua các phiên đấu giá, trong khi 118.262 tấn được giữ lại để chế biến cục bộ. Có những cơ hội lớn trong việc cải tương hoặc xây dựng các nhà máy chế biến quy mô trung bình để xử lý số lượng hạt điều ngày càng tăng này.

Chế biến dầu thực vật

Tanzania vẫn nhập khẩu một lượng lớn dầu ăn, tạo ra một khoảng cách cung cấp đáng kể cho tiêu thụ trong nước. Các loại hạt dầu phổ biến được sản xuất tại Tanzania bao

gồm hướng dương, mè, lạc (đậu phộng), và dầu cọ. Xử lý các loại hạt dầu cục bộ đang phát triển, tạo ra tiềm năng mạnh mẽ cho cung cấp máy ép dầu và thiết bị chế biến dầu. Đây là một lĩnh vực đầu tư có tiềm năng cao cho các doanh nghiệp Việt Nam, vì nhu cầu dầu ăn tại Tanzania vẫn chưa được đáp ứng đầy đủ.

Ngành dệt và trang phục

Tanzania sản xuất một lượng cotton dồi dào, nhưng chỉ khoảng 20% được chế biến cục bộ. Theo báo cáo ngân sách năm 2024/25 của Bộ trưởng Bashe, sản lượng cotton của Tanzania đã đạt 282.510 tấn năm 2023/2024, chiếm 80,7% mục tiêu sản xuất 350.000 tấn. Năng suất cotton đã tăng từ 0,6 tấn/hectare lên 1,34 tấn/hectare năm 2023/2024, đạt 45% tiềm năng sản xuất của 3 tấn/hectare. Chính phủ Tanzania đặt mục tiêu tăng sản lượng cotton lên 500.000 tấn trở lên vào năm 2025. Ngành này có tiềm năng đầu tư lớn trong việc thiết lập các nhà máy dệt được tích hợp hoàn toàn, cũng như các nhà máy dành riêng cho tách hạt cotton, sản xuất sợi dệt (kéo sợi, dệt và in) và các đơn vị cắt, may, may (CMT). Với mức thất nghiệp cao và sẵn có lồng lạng nguyên liệu dồi dào, có tiềm năng lớn trong việc thiết lập các nhà máy quần áo có thể sản xuất quần áo để xuất khẩu.

Ngành da

Tanzania có một quần thể gia súc lớn bao gồm 17,7 triệu con bò, 12,5 triệu con dê và 3,5 triệu con cừu, và sản xuất khoảng 2,6 triệu tấm da thô và da non mỗi năm. Phần lớn được xuất khẩu ở dạng thô, chỉ khoảng 10% được chế biến. Các cơ hội đầu tư trong ngành da bao gồm thiết lập các nhà máy thuộc da hiện đại và các đơn vị sản xuất hoàn thiện da, cung cấp các sản phẩm da chất lượng cao cho các thị trường nội địa và quốc tế.

Ngành thịt và sữa

Nhằm phục vụ quần thể gia súc lớn, Tanzania là một quốc gia lý tưởng để chế biến thịt, đóng gói và chế biến các sản phẩm sữa. Các cơ hội đầu tư bao gồm thiết lập các nhà máy chế biến thịt, nhà máy chế biến sản phẩm sữa và các trang trại chăn nuôi bò. Nhu cầu cao vì sản lượng thịt và sữa hiện tại không đủ để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Các lĩnh vực công nghiệp hóa chất

Các cơ hội tồn tại trong ngành công nghiệp hóa chất để sản xuất phân bón và thuốc trừ sâu, những sản phẩm này có nhu cầu cao tại Tanzania. Các nhà đầu tư có thể thiết lập các hoạt động sản xuất trong các Khu kinh tế đặc biệt (SEZ) sử dụng giấy phép sử dụng SEZ hoặc giấy phép xuất khẩu SEZ và hưởng thụ các ưu đãi hấp dẫn được cung cấp bởi chương trình này. Các ngành đầu tư hiện có tại Tanzania bao gồm chế biến nông sản, dệt và quần áo, cắt kim cương, chế biến da, chế biến cá, sản phẩm lâm nghiệp và lâm sản.

2.4 Thách thức

Những thách thức trong tiếp cận đất đai

Việc tiếp cận đất đai tại Tanzania đối với các nhà đầu tư nước ngoài có thể phức tạp và liên quan đến các quy trình hành chính phức tạp. Theo nghiên cứu từ African Journal on Land Policy and Geospatial Sciences (2024), các vấn đề chính bao gồm xung đột đất đai, thiếu an ninh chữ thích sở hữu, việc chiếm đoạt đất đai, cạnh tranh về tài nguyên, và bồi thường không công bằng. Nhà đầu tư nước ngoài thường phải lựa chọn giữa ba chiến lược tiếp cận: (1) mua lại đất đai (liên quan đến rủi ro cao về xung đột đất đai), (2) thuê đất dài hạn (ảnh hưởng đáng kể đến bồi thường không công bằng), hoặc (3) thành lập liên doanh (khi đó có rủi ro cạnh tranh tài nguyên). Theo báo cáo từ EAVCA (Tháng 10, 2024), nhà đầu tư nước ngoài đã gặp khó khăn trong việc bảo đảm các bản ghi chép quyền sử dụng đất, với các tranh chấp giữa nhà đầu tư tư nhân và cộng đồng địa phương tạo ra những trì hoãn đáng kể.

Tuy nhiên, quy trình tiếp cận đất đai có thể được đơn giản hóa thông qua Trung tâm Đầu tư Tanzania (TIC), một cơ quan một cửa được thành lập theo Luật Đầu tư Tanzania năm 1997 để thúc đẩy, phối hợp và tạo điều kiện cho đầu tư vào Tanzania. Doanh nghiệp Việt Nam nên liên hệ TIC để được hướng dẫn chi tiết về quy trình lấy quyền sử dụng đất phái sinh cho mục đích đầu tư. Để giảm rủi ro, các doanh nghiệp Việt Nam nên cân nhắc hình thức liên doanh với các đối tác địa phương hoặc các tổ chức có kinh nghiệm tại Tanzania.

Các lệnh cấm xuất nhập khẩu và hạn chế thị trường

Tanzania thỉnh thoảng áp dụng các lệnh cấm xuất khẩu hoặc nhập khẩu đối với các hàng hóa khác nhau, phản ánh chiến lược bảo vệ kinh tế cục bộ và đảm bảo an ninh lương thực. Các lệnh cấm này là một phần của chính sách kiểm soát thị trường của chính phủ và có thể thay đổi theo tình hình. Doanh nghiệp Việt Nam cần theo dõi chặt chẽ các chính sách thương mại của Tanzania trước khi quyết định đầu tư hoặc xuất khẩu.

Hạn chế tài chính và lãi suất cao

Mặc dù tài chính nông nghiệp tại Tanzania đang phát triển, nhưng nó vẫn còn hạn chế, đặc biệt là với lãi suất cao. Điều này khiến các nông dân nhỏ lẻ và doanh nghiệp nông nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn và mở rộng hoạt động. Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào khu vực nông nghiệp cần dự kiến các chi phí tài chính cao hơn và có kế hoạch tài chính toàn diện.

Nhu cầu lớn về máy móc và thiết bị nông nghiệp

Nhu cầu về công nghệ nông nghiệp tại Tanzania chủ yếu được đáp ứng thông qua nhập khẩu. Theo báo cáo từ FederUnacoma (Tháng 10, 2025), nhập khẩu máy móc nông nghiệp của Tanzania năm 2022 tăng 72,7% so với năm trước, đạt tổng giá trị 147 triệu euro. Dữ liệu nhập khẩu từ Volza cho thấy Tanzania nhập khẩu 842 lô hàng máy móc nông nghiệp trong giai đoạn tháng 10 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024, với tốc độ tăng trưởng 226% so với năm trước. Tanzania chủ yếu nhập khẩu máy móc nông nghiệp từ Ấn Độ, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Trung Quốc. Các ước tính cho thấy nhập khẩu máy móc nông nghiệp của Tanzania dự kiến tiếp tục tăng trưởng trong bốn năm tới với tốc độ bình quân hàng năm 7,5%.

Các loại máy móc và thiết bị được yêu cầu cao nhất bao gồm: (1) thiết bị sản xuất nước ép hoa quả tập trung và đóng hộp rau quả dưới mọi hình thức; (2) máy móc chế biến hạt điều; (3) máy móc chế biến cà phê đặc biệt; (4) máy móc chế biến mía đường tại các nhà máy đường; (5) máy móc chế biến và đóng gói cá để xuất khẩu; (6) máy móc chế biến và đóng gói thịt từ bò và thú rừng; (7) thiết bị sản xuất sản phẩm sữa chế biến như sữa đặc ngọt, bột sữa, sữa công thức cho trẻ sơ sinh, bơ, mỡ thực vật, kem, sữa chua, pho mát, v.v.; (8) bao gói horticulture bao gồm hoa cắt và rau quả tươi; (9) công nghệ lưu trữ chất lượng; (10) trụ tưới tiêu; (11) máy kéo và cơ giới hóa nông nghiệp.

Doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội lớn trong việc cung cấp các loại máy móc này, vì nhu cầu cao nhưng nguồn cung từ các nhà cung cấp hiện tại chưa đáp ứng đủ. Theo báo cáo từ VCCI (Tháng 5, 2025), Bộ Ngoại giao và Hợp tác Đông Phi của Tanzania mong muốn Tanzania hợp tác liên doanh với Việt Nam trong các lĩnh vực bao gồm dệt, sản xuất sữa, sản xuất nước ép hoa quả, chế biến nông sản, công nghệ sau thu hoạch, khai thác mỏ, v.v.

Cơ hội đầu tư thông qua dự án SAGCOT và Mkulazi

Chính phủ Tanzania đã phê duyệt Chương trình Phát triển Ngành Nông nghiệp Giai đoạn II (ASDPII) do khu vực tư nhân dẫn đầu, và thành lập Hành lang Tăng trưởng Nông nghiệp Phía Nam Tanzania (SAGCOT) với mục đích phát triển nhanh chóng tiềm năng nông nghiệp của khu vực. Thông qua SAGCOT, Chính phủ Tanzania đã phân bổ 63.000 hectares thửa đất theo Dự án Mkulazi. Đất này sẽ được sử dụng cho trồng trồng và chế biến mía đường và gạo. Dự án Mkulazi nằm ở khoảng cách 60 km từ đường cao tốc Dar es Salaam - Morogoro, bên cạnh đường sắt TAZARA kết nối Dar es Salaam với biên giới Zambia, khoảng 100 km từ Dar es Salaam. Mkulazi được chia thành: 40.000 hectares cho canh tác mía (chia thành hai trang trại 20.000 hectares mỗi cái) và 20.000 hectares cho canh tác gạo (chia thành bốn trang trại 5.000 hectares mỗi cái). Tất cả các trang trại được cấp quyền thuê đất 66 năm.

Dự án Mkulazi là một cơ hội quan trọng cho doanh nghiệp Việt Nam, vì Chính phủ Tanzania không chỉ cấp phân bổ đất mà còn cung cấp các khoản đầu tư bổ sung của chính phủ, nhà tài trợ và các nhà đầu tư tư nhân khác vào cơ sở hạ tầng, nguồn cung ứng đầu vào, đào tạo nông dân liên kết và tài chính. Điều này làm cho Mkulazi trở thành điểm đầu vào lý tưởng cho các doanh nghiệp Việt Nam muốn đầu tư vào sản xuất mía và gạo, cũng như cơ sở chế biến cùng kèm.

3. Năng lượng

3.1 Tổng quan

Tanzania sử dụng nhiều nguồn tài nguyên năng lượng khác nhau cho phát điện. Trong quá khứ, khoảng 45% điện của nước này đến từ thủy điện, nhưng những cơn mưa thất thường trong những năm gần đây đã gây ra thiếu nước ảnh hưởng đến các tuabin phát điện. Do đó, Tanzania đã thực hiện các biện pháp có mục đích để xây dựng một hỗn hợp năng lượng đa dạng nhằm đảm bảo cung cấp điện ổn định cho nền kinh tế. Theo dữ liệu từ Bộ Năng lượng Tanzania (Tháng 2, 2024), sức chứa điện được lắp đặt hiện tại của nước này là 2.129,85 megawatt, tăng từ 1.694,55 megawatt năm 2021/22, tức là nước này đã thêm 435,3 megawatt vào sức chứa phát điện trong ba năm qua. Năm 2021, tổng

cung cấp điện của Tanzania là 1.605,86 MW, nhưng theo báo cáo gần nhất năm 2024, sức chứa được lắp đặt đã tăng thêm từ các dự án hoàn thành.

Chiến lược hỗn hợp năng lượng

Chính sách của Tanzania nhằm tăng cường sử dụng công nghệ năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, gió, sinh khối, chất thải, thủy điện nhỏ), khí tự nhiên và các nguồn năng lượng khác có sẵn cục bộ bao gồm than đá và địa nhiệt. Theo Kế hoạch Hệ thống Điện chủ yếu (PSMP 2020) của Tanzania, để đáp ứng nhu cầu năng lượng trong tương lai, nước này cần tổng sức chứa phát điện lắp đặt là 3.966 MW trong ngắn hạn (2020-2024), 12.257 MW trong trung hạn (2025-2034) và 20.200,6 MW trong dài hạn (2035-2044). Theo kế hoạch này, hỗn hợp phát điện vào năm 2044 sẽ bao gồm: 5.690,4 MW (28,15%) từ thủy điện; 6.700 MW (33,18%) từ khí tự nhiên; 5.300 MW (26,24%) từ than đá; 800 MW (3,96%) từ gió; 715 MW (3,54%) từ năng lượng mặt trời; và 995 MW (4,93%) từ địa nhiệt.

Nhu cầu điện dự kiến

Nhu cầu điện đỉnh của nước này dự kiến sẽ tăng khoảng 4 lần vào năm 2025 lên 4.000 MW. Nhu cầu pháp điện dự kiến sẽ tiếp tục tăng, từ 2.036 MW năm 2023 lên 2.677 MW năm 2025, 4.323 MW năm 2029, và lên tới 6.951 MW vào năm 2033. Để giúp đáp ứng nhu cầu này, Tanzania nhắm tới sức chứa được lắp đặt là 10 GW vào năm 2025, và mục tiêu dài hạn là tăng gần gấp đôi tỷ lệ điện hóa lên 75% vào năm 2033. Tiếp cận các mục tiêu này yêu cầu sự phát triển nhanh chóng của cơ sở hạ tầng năng lượng và sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài.

Sự tham gia của khu vực tư nhân

Kể từ những năm 1990, Tanzania đã cố gắng cải cách ngành điện để thu hút mức độ tham gia tư nhân cao hơn. Mặc dù có các cải cách chính sách, quy định và pháp lý, cấu trúc dự án hợp tác công-tư nhân (PPP) vẫn được ưa thích hơn so với các cấu trúc mà các nhà sản xuất điện độc lập (IPP) có quyền sở hữu đầy đủ. Nước này cho phép tham gia tư nhân vào sản xuất và phân phối điện. Một số dự án IPP và quy mô nhỏ hơn đang cung cấp sức chứa quan trọng, tuy nhiên các điều kiện cạnh tranh chưa tối ưu vẫn tồn tại. Bộ quản lý Tanesco đã được phân bổ 2,71 tỷ shilling Tanzania năm 2022/2023, với mục tiêu hoàn thành các đập thủy điện lớn và hồi sinh các dự án khí tự nhiên hoá lỏng (LNG).

Các dự án năng lượng tái tạo

Ngành năng lượng Tanzania tiếp tục phát triển với nhiều dự án và công ty đạt được các mốc quan trọng. Tanesco, công ty điện quốc gia, đã phát hành yêu cầu thầu để chọn các nhà thầu EPC (kỹ sư, mua sắm, xây dựng) cho dự án năng lượng mặt trời 100 MW tại huyện Kishapu của tỉnh Shinyanga ở phía bắc Tanzania, với ngân sách hỗ trợ từ Cơ quan Phát triển Pháp (AFD). Dự án này là một phần của sáng kiến 150 MW được khởi động năm 2021. Theo Cơ quan Năng lượng Tái tạo Quốc tế (IRENA), Tanzania đã lắp đặt 20 MW sức chứa năng lượng mặt trời vào cuối năm 2024. Dự án nhằm tăng cường an ninh nguồn cung điện và giúp Tanesco đa dạng hóa hỗn hợp năng lượng của mình thông qua các nguồn tái tạo, cũng như giảm sự phụ thuộc vào năng lượng thủy điện trong các mùa cao điểm nhu cầu và hạn hán kéo dài. Ngoài ra, Tanesco cũng đang thi công 11 lưới điện

mini năng lượng mặt trời trên một cụm đảo tại Hồ Victoria như một phần của Giai đoạn 1 của một dự án điện hóa nông thôn quy mô lớn 200 MW.

Dự án khí tự nhiên hóa lỏng (LNG)

Tanzania đang tiến hành một nỗ lực tái nhập để khởi động dự án LNG 42 tỷ USD lâu đã chờ đợi, với hy vọng hoàn tất các thỏa thuận trước cuối năm 2025. Dự án dài 15 năm được lên kế hoạch này, được hỗ trợ bởi các tập đoàn năng lượng toàn cầu Equinor, Shell và ExxonMobil, đại diện cho một dự án góc trong chiến lược đầu tư nước ngoài của Tổng thống Samia Suluhu Hassan. Dự án LNG tại Likong'o ở Lindi được ước tính sẽ có sức chứa 10 triệu tấn mỗi năm, rút từ các dự trữ khí gas biển do Shell (Khối 1 & 4) và Equinor (Khối 2) vận hành. Khối 2 có hơn 20 nghìn tỷ feet khối (tcf) khí có thể khai thác, khiến nó trở thành trung tâm của lược đồ xuất khẩu LNG được đề xuất.

Sau gần 15 năm chậm trễ, ngoại trưởng năng lượng Doto Biteko xác nhận rằng các cuộc đàm phán với các đối tác quốc tế hiện tập trung vào giải quyết ba vấn đề còn lại: yêu cầu của Tanzania rằng 3% khí được khai thác được phân bổ cho sử dụng nội địa, cam kết bắt buộc đối với nội dung cục bộ, và sử dụng các công ty bảo hiểm được đăng ký Tanzania. Bộ trưởng cho biết: "Nếu chúng ta kết luận ba vấn đề nổi cộm, thỏa thuận này sẽ được ký năm 2025". Dự án được coi là then chốt không chỉ cho xuất khẩu năng lượng của Tanzania mà còn cho an ninh năng lượng khu vực và tăng trưởng kinh tế. Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), nhu cầu LNG toàn cầu dự kiến sẽ tăng hơn 25% trong giai đoạn 2022-2030, được thúc đẩy bởi sự đa dạng hóa năng lượng của châu Á và châu Âu. Với cơ sở dự trữ khí được khai thác ước tính là 57 tcf, Tanzania có tiềm năng trở thành một trung tâm LNG khu vực.

Cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam

Cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp Việt Nam tại lĩnh vực năng lượng của Tanzania bao gồm: (1) Cung cấp thiết bị và công nghệ năng lượng tái tạo (máy phát điện năng lượng mặt trời, tuabin gió, công nghệ lưu trữ năng lượng); (2) Lắp ráp, kỹ sư và xây dựng (EPC) cho các dự án năng lượng mặt trời và gió; (3) Cơ sở hạ tầng lưới điện thông minh (smart grid) và công nghệ truyền tải; (4) Đối tác cho các dự án LNG trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng logistics, vận tải và kho lưu trữ; (5) Đào tạo và quản lý hoạt động cho các nhà máy điện. Nhu cầu lớn cho các dự án năng lượng tái tạo, kết hợp với nỗ lực của chính phủ Tanzania nâng cao tỷ lệ điện hóa và cải thiện an ninh năng lượng, tạo ra một thị trường phát triển nhanh chóng cho các nhà cung cấp và nhà thầu quốc tế.

3.2 Các ngành năng lượng có tiềm năng cao

Khí tự nhiên

Trữ lượng khí tự nhiên

Tanzania được ước tính sở hữu 57 nghìn tỷ feet khối (tcf) dự trữ khí tự nhiên được chứng minh, một trong những lượng lớn nhất ở Châu Phi, đủ để đáp ứng nhu cầu sử dụng nội địa của đất nước và đặt Tanzania thành trung tâm khí tự nhiên tiếp theo ở Châu Phi. Các mỏ khí tự nhiên ở Tanzania bao gồm: (1) Songo Songo ở vùng Lindi với dự trữ ước tính 30 tỷ m^3; (2) Mnazi Bay ở vùng Mtwara với dự trữ ước tính 15 tỷ m^3; và (3) Mkuranga

ở vùng Bờ biển. Ngoài ra, theo báo cáo mới nhất từ Bộ Năng lượng Tanzania (tháng 10, 2025), Tanzania vừa khám phá thêm các mỏ khí tự nhiên mới ở vùng Mtwara, với xác suất xác nhận dự trữ 32%, đặt khám phá này trong phạm vi kinh tế vì thích hợp cho sản xuất trên đất liền. Nếu được xác nhận, khám phá mới này có thể tăng dự trữ quốc gia thêm một vài phần trăm.

Cơ sở hạ tầng và sản xuất

Một đường ống dẫn khí tự nhiên 232 km từ Đảo Songo Songo đến Dar es Salaam đã được xây dựng và đang cung cấp khí tự nhiên cho phát điện và các quy trình nhiệt công nghiệp khác. Tuy nhiên, theo báo cáo từ Tanzania Petroleum Development Corporation (TPDC) tháng 11 năm 2024, hiện tại chỉ có bốn vùng được tiếp cận bởi mạng lưới đường ống khí. Kế hoạch Sử dụng Khí tự nhiên chủ yếu (2016-2045) của Tanzania phác thảo mở rộng đường ống theo ba giai đoạn: Giai đoạn 1 từ Dar es Salaam đến Mwanza, Dar es Salaam đến Arusha, và Mtwara đến Njombe; Giai đoạn 2 từ Morogoro đến Iringa và Mbeya; Giai đoạn 3 từ Mbeya đến Sumbawanga, Tabora đến Kigoma, Mwanza đến Kagera, và Mwanza đến Mara. Ngoài ra, một dự án hạ tầng chiến lược khác là Đường ống dẫn khí tự nhiên thô Ntorya-Madimba dài 34,2 km, được khởi động vào tháng 7 năm 2025 với EPC bởi liên doanh China Petroleum Pipeline Engineering Co. và China Petroleum Technology & Development Corporation, nhằm vận chuyển khí từ Mỏ Ntorya đến Nhà máy xử lý Madimba.

Các nhà máy điện

Hiện tại có chín nhà máy điện nhiệt ở Tanzania chuyển đổi khí tự nhiên thành điện, bao gồm Ubungo I và II, Tegeta, Songas, Mtwara, Somanga, Kinyerezi I, II và IV, và Dangote. Tổng sản lượng hàng năm đạt khoảng 1.105 MW (tính đến 2024/25). Các nhà máy lớn nhất hiện tại bao gồm: Kinyerezi I (335 MW, đưa vào hoạt động năm 2016), Kinyerezi IV (330 MW, đưa vào hoạt động năm 2020), Kinyerezi II (248,22 MW, đưa vào hoạt động năm 2017), và Songas Ubungo Gas Turbine (192 MW, đưa vào hoạt động năm 2004). Dự án Songas hiện đang sản xuất khoảng 200 MW điện bằng cách sử dụng khí tự nhiên. Tuy nhiên, sản xuất khí tự nhiên của Tanzania đã giảm 24,5% trong quý hai năm 2025 xuống còn 15.493,5 triệu cubic feet tiêu chuẩn (Mmscf), chủ yếu do giảm nhu cầu từ Tanzania Electric Supply Company Limited (Tanesco) sau khi Dự án Thủy điện Julius Nyerere (JNHPP) bắt đầu hoạt động, dẫn đến giảm sự phụ thuộc vào các nhà máy điện chạy bằng khí.

Ứng dụng công nghiệp

Các ngành công nghiệp ở Dar es Salaam sử dụng khí tự nhiên cho các ứng dụng nhiệt bao gồm nhà máy xi măng, dệt, nhà máy bia, kính và ngành công nghiệp nhôm, cùng nhiều ngành khác. Hiện tại, 56 ngành công nghiệp được kết nối với lưới khí tự nhiên. Theo Kế hoạch Sử dụng Khí tự nhiên chủ yếu (2016-2045), 3,6 tcf khí được phân bổ cho mục đích công nghiệp vào năm 2045. Một sự phát triển đáng chú ý là nhà máy phân bón quy mô 1,2 tỷ USD được lên kế hoạch, dự kiến được đưa vào hoạt động vào năm 2028, sẽ tiêu thụ 70 triệu cubic feet khí mỗi ngày. Theo Cơ quan Quản lý Thượng nguồn Dầu khí (Pura), khí tự nhiên vẫn là trung tâm của tăng trưởng kinh tế Tanzania, đặc biệt là trong hỗ trợ các ngành công nghiệp, vận tải, hộ gia đình, và chương trình nấu ăn sạch của chính phủ.

Cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam

Cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực khí tự nhiên của Tanzania bao gồm: (1) Xây dựng và lắp ráp hạ tầng đường ống khí (các nhà máy xử lý, trạm bơm, hệ thống điều khiển); (2) Cung cấp thiết bị và công nghệ cho các nhà máy điện chạy bằng khí và các ứng dụng công nghiệp; (3) Dịch vụ kỹ sư và xây dựng (EPC) cho các dự án mở rộng mỏ khí (như Mnazi Bay hiện tại 68% hoàn thành); (4) Hỗ trợ cho Dự án LNG 42 tỷ USD về logistics, vận tải tàu, và cơ sở hạ tầng lưu trữ; (5) Đào tạo và quản lý hoạt động cho các nhà máy. Với lượng dự trữ khí lớn và nhu cầu tăng lên cho cả sử dụng nội địa và xuất khẩu, ngành khí tự nhiên của Tanzania mang lại cơ hội đầu tư dài hạn cho các nhà thầu và nhà cung cấp quốc tế.

Thủy điện

Năng lực thủy điện hiện tại

Năng lực thủy điện của Tanzania đã tăng đáng kể trong những năm gần đây. Từ mức 562 MW trước đây, với việc hoàn thành Dự án Thủy điện Julius Nyerere (JNHPP), tổng năng lực thủy điện lắp đặt của Tanzania hiện đã đạt 2.677 MW. Tiềm năng thủy điện của Tanzania được ước tính cao tới 4,7 GW, với hầu hết nguồn nước thủy điện đến từ các con sông. JNHPP, nằm trên sông Rufiji ở vùng Bờ biển, đã hoàn thành toàn bộ với tất cả chín tuabin hoạt động đầy đủ vào tháng 4 năm 2025, sản xuất tổng cộng 2.115 megawatt (MW) điện, khiến nó trở thành cơ sở thủy điện lớn nhất ở Đông Phi và thứ tư lớn nhất trên Châu Phi. Mỗi tuabin sản xuất 235 MW, và tuabin đầu tiên được bật vào tháng 2 năm 2024. Dự án này, với chi phí 6,5 nghìn tỷ shilling Tanzania, đã nhận được 99,5% tổng tài trợ từ chính phủ.

Các dự án thủy điện lớn đang được lên kế hoạch

Tanzania có một số dự án thủy điện lớn đang được lên kế hoạch hoặc đang thi công. Dự án Thủy điện Ruhudji 358 MW và Dự án Thủy điện Rumakali 222 MW, cả hai đều nằm ở vùng Njombe ở miền Nam cao nguyên Tanzania, có khả năng tăng gấp đôi năng lực thủy điện lắp đặt tổng cộng của nước này lên 1.142 MW (không tính JNHPP). Theo thông tin từ Tanesco năm 2023, nghiên cứu khả thi cho các dự án đã hoàn thành, và chính phủ Tanzania đang trong quá trình khởi xướng quy trình thầu cho các dự án theo hình thức EPC+F (kỹ sư, mua sắm, xây dựng + tài chính). Ngày dự kiến hoàn thành (COD) cho Rumakali là năm 2027/2028, với chi phí ước tính 634,5 triệu USD, và Ruhudji cũng có lịch trình tương tự. Công ty Multiconsult của Na Uy cùng với Norplan Tanzania và Tanzania Photomap đã được phân bổ hợp đồng trị giá hơn 6 triệu USD để thực hiện nghiên cứu khả thi, thiết kế khái niệm, chuẩn bị tài liệu thầu, và nghiên cứu đánh giá tác động môi trường và xã hội cho hai dự án và các đường truyền tải kèm theo.

Dự án thủy điện quy mô nhỏ và trung bình

Thủy điện quy mô nhỏ (nhỏ hơn 10 MW) cho đến nay chỉ được khai thác tới 8 MW bởi Tanzania Electric Supply Company Limited (Tanesco) và các nhà phát triển tư nhân, trong khi tiềm năng được ước tính là 315 MW, và sự quan tâm dường như đang tăng lên. Các nghiên cứu cũng xem xét các khía cạnh kinh tế làm nổi bật nhiều địa điểm có

thể sản xuất điện với chi phí cạnh tranh để cung cấp điện cho lưới quốc gia và thông qua lưới mini cho các làng trong cộng đồng.

Dự án thủy điện Malagarasi

Dự án thủy điện Malagarasi 49,5 MW (ban đầu được công bố là 50 MW) đã đạt được một cột mốc quan trọng vào tháng 8 năm 2025 khi các kỹ sư chuyển hướng thành công sông Malagarasi sớm hơn lịch trình, dọn dẹp đường cho việc xây dựng đập chính. Dự án này, được khởi động vào tháng 4 năm 2024, được lên lịch hoàn thành vào tháng 10 năm 2027, mặc dù các quan chức dự án bày tỏ sự lạc quan rằng nó có thể được hoàn thành sớm hơn. Hiện tại, dự án đã hoàn thành 10%. Dự án có tổng chi phí 300 tỷ shilling Tanzania (khoảng 144 triệu USD), được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Phi (AfDB) với khoản vay 120 triệu USD, Quỹ Africa Growing Together Fund 20 triệu USD, và Chính phủ Tanzania 4,14 triệu USD. Nhà máy thủy điện kiểu chạy-của-sông (run-of-river) sẽ cung cấp năng lượng tái tạo bền vững cho thành phố Kigoma và các cộng đồng xung quanh như Uvinza, Kasulu và Buhigwe, hiện đang nhận điện từ các nguồn diesel. Dự án dự kiến sẽ tạo ra khoảng 700 việc làm trong giai đoạn xây dựng, giảm chi phí sản xuất điện của vùng Kigoma từ 0,33 USD xuống khoảng 0,04 USD mỗi kilowatt-giờ, và giảm việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

Cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam

Cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực thủy điện của Tanzania rất lớn và đa dạng: (1) Cung cấp thiết bị thủy điện như tuabin, máy phát điện, biến áp, và hệ thống điều khiển; (2) Dịch vụ kỹ sư, mua sắm và xây dựng (EPC) cho các dự án thủy điện quy mô lớn như Rumakali và Ruhudji; (3) Đầu tư vào các dự án thủy điện quy mô nhỏ (dưới 10 MW) với tiềm năng 315 MW chưa được khai thác; (4) Phát triển các lưới điện mini cho điện hóa nông thôn; (5) Tư vấn và nghiên cứu khả thi cho các địa điểm thủy điện mới; (6) Cung cấp công nghệ lưu trữ năng lượng và quản lý lưới thông minh; (7) Đào tạo và quản lý hoạt động cho các nhà máy thủy điện. Với mục tiêu của chính phủ Tanzania đạt tỷ lệ điện hóa 75% vào năm 2033 và nhu cầu điện tăng nhanh, ngành thủy điện mang lại cơ hội đầu tư dài hạn và ổn định cho các doanh nghiệp Việt Nam có kinh nghiệm trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Năng lượng mặt trời

Hiện trạng năng lượng mặt trời

Đầu tư năng lượng mặt trời tại Tanzania vẫn còn ở quy mô nhỏ, mặc dù có xu hướng phát triển mạnh. Theo báo cáo từ Ngân hàng Thế giới (2025), công suất quang điện (PV) năng lượng mặt trời hiện tại của Tanzania lần lượt là 0,1% tổng sức chứa phát điện. Tuy nhiên, theo dữ liệu từ các công ty phát triển như Mutina Power, sức chứa năng lượng mặt trời tại Tanzania đã tăng lên trên 200 MW, bao gồm hơn 100 Hệ thống Nhà mặt trời (SHS) và các nhà máy thương mại & công nghiệp (C&I), tạo ra hơn 1.022 MWh năng lượng sạch hàng năm và loại bỏ hơn 5.110 tấn CO_2 khỏi bầu khí quyển. Hiện tại, có thêm 200 kW công suất năng lượng mặt trời đang được phát triển cho năm 2024 và 2025, tiếp tục mở rộng tiếp cận năng lượng tái tạo đáng tin cậy.

Chính sách hỗ trợ từ chính phủ

Chính phủ Tanzania hỗ trợ phát triển năng lượng mặt trời trong nước bằng cách loại bỏ thuế giá trị gia tăng (VAT) và thuế nhập khẩu trên các thành phần năng lượng mặt trời chính như tấm pin, pin, bộ chuyển đổi và bộ điều chỉnh. Những ưu đãi thuế này nhằm khuyến khích đầu tư tư nhân và thúc đẩy việc áp dụng năng lượng mặt trời ở cấp hộ gia đình và cộng đồng. Hỗ trợ chính sách này là một phần của chiến lược rộng lớn hơn của chính phủ để đa dạng hóa hỗn hợp năng lượng và giảm sự phụ thuộc vào năng lượng thủy điện.

Mục tiêu năng lượng tái tạo quốc gia

Tổng thống Tanzania, Samia Suluhu Hassan, đã tuyên bố rằng nước này có mục tiêu sản xuất 6.000 MW từ năng lượng tái tạo vào năm 2025, bao gồm thủy điện, năng lượng mặt trời và gió. Mục tiêu cụ thể cho năng lượng mặt trời là sản xuất từ 600-700 MW. Theo Kế hoạch Hệ thống Điện chủ yếu (PSMP 2020), hỗn hợp phát điện của Tanzania vào năm 2044 sẽ bao gồm 715 MW (3,54%) từ năng lượng mặt trời, cùng với 5.690,4 MW thủy điện, 6.700 MW khí tự nhiên, 5.300 MW than đá, 800 MW gió, và 995 MW địa nhiệt. Tuy nhiên, theo báo cáo Năng lượng Quốc gia Compact của Thế giới (2025), mục tiêu được sửa đổi là Tanzania sẽ thêm 2.463 MW công suất phát điện từ năng lượng mặt trời, gió, khí tự nhiên và địa nhiệt vào năm 2030, phản ánh nhu cầu tăng trưởng 5-10% hàng năm.

Ứng dụng năng lượng mặt trời cho cấp nước nông thôn

Một ứng dụng quan trọng của năng lượng mặt trời tại Tanzania là cấp nước nông thôn thông qua hệ thống bơm năng lượng mặt trời. Năm 2019, Ngân hàng Thế giới (WB) đã ký khoản tài trợ với Chính phủ Tanzania trị giá 4,5 triệu USD để tài trợ tiếp cận cấp nước bền vững thông qua các hệ thống bơm năng lượng mặt trời cải tiến tại 165 làng nông thôn Tanzania. Dự án này giải quyết vấn đề tiếp cận nước sạch cho các cộng đồng thiếu điện lưới. Theo báo cáo gần đây từ InnoAfrica (tháng 2, 2025), các dự án bơm năng lượng mặt trời tiếp tục được triển khai thành công. Chẳng hạn, vào tháng 11 năm 2024, làng Zahanati B ở huyện Kondoa hoàn thành cài đặt một hệ thống bơm năng lượng mặt trời cung cấp 0,97 lít nước sạch mỗi giây thông qua 2 vòi nước, phục vụ 3.010 cư dân. Tương tự, làng Kihogolo ở huyện Kondoa đã hoàn thành cài đặt vào tháng 5 năm 2024, cung cấp 1,9 lít nước sạch mỗi giây thông qua 28 vòi nước, phục vụ 6.593 cư dân. Những dự án này đã cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống, giảm khoảng cách nước cho phụ nữ và trẻ em, và cho phép họ tập trung vào giáo dục và các hoạt động sản xuất khác.

Cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam

Cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực năng lượng mặt trời của Tanzania rất lớn, đặc biệt với mục tiêu quốc gia 600-700 MW và 2.463 MW bổ sung vào năm 2030: (1) Cung cấp và lắp đặt các thành phần năng lượng mặt trời (tấm pin, pin, bộ chuyển đổi, bộ điều chỉnh) được miễn thuế nhập khẩu; (2) Dịch vụ kỹ sư, mua sắm và xây dựng (EPC) cho các dự án năng lượng mặt trời quy mô công nghiệp; (3) Phát triển và lắp đặt hệ thống bơm năng lượng mặt trời cho cấp nước nông thôn với tiềm năng 165+ làng; (4) Sản xuất và lắp đặt Hệ thống nhà năng lượng mặt trời (SHS) cho hộ gia đình; (5) Cung cấp công nghệ lưu trữ năng lượng (pin, hệ thống quản lý); (6) Đào tạo và quản lý hoạt động cho các dự án. Tiềm năng năng lượng mặt trời của Tanzania

theo báo cáo từ Đại học Công nghệ Sydney (UTS) vào năm 2025 vượt quá 2.732 GW, đủ để xuất khẩu điện sang các nước láng giềng. Với các chính sách ưu đãi thuế, nhu cầu tăng nhanh, và tiềm năng lớn chưa được khai thác, ngành năng lượng mặt trời của Tanzania mang lại cơ hội đầu tư dài hạn cho các công ty Việt Nam.

Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

Hiện trạng thị trường LPG

Thị trường LPG của Tanzania đang phát triển nhanh chóng và đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi năng lượng sạch của quốc gia. Theo báo cáo từ Cơ quan Quản lý Năng lượng và Nước (EWURA) năm 2025, tiêu thụ LPG của Tanzania tăng từ 293.000 tấn năm 2022/23 lên 403.000 tấn trong giai đoạn tháng 7 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024, tương ứng tăng trưởng 38% hàng năm. Dữ liệu nhập khẩu từ Volza năm 2025 cho thấy ba công ty nhập khẩu LPG hàng đầu là: Manjis Gas Supply Company Limited (chiếm 56%), Lake Gas Limited (chiếm 41%), và One Gas Limited (chiếm 3%), cho thấy sự tập trung trong lĩnh vực nhập khẩu.

Hiện tại, năm nhà cung cấp LPG chính chia sẻ thị trường bao gồm BP Gas, Oryx Gas, Alpha, Mohan Gas và Pan African/TPDC. Các nhà cung cấp lớn này kinh doanh LPG ở cấp thị trường hoàn toàn, nhập khẩu LPG từ các nhà cung cấp toàn cầu và phân phối thông qua mạng lưới siêu nhà phân phối, nhà phân phối và bán lẻ. Trong các thành phố, ngành LPG đang phát triển nhanh; chẳng hạn, ở thành phố Dar es Salaam, nơi chủ yếu là các gia đình tầng lớp trung lưu sống, các cửa hàng kinh doanh LPG có thể được tìm thấy cách nhau chưa tới một km. Hiện tại, ngành LPG có một chuỗi cung ứng tốt được quản lý, bắt đầu từ nhập khẩu và kết thúc bằng phân phối lần cuối cho hộ gia đình và doanh nghiệp.

Tăng trưởng sử dụng và xu hướng tiêu dùng

Mặc dù tăng trưởng ấn tượng, sử dụng LPG ở cấp độ hộ gia đình vẫn còn thấp. Theo báo cáo từ Tổ chức Năng lượng Bền vững (TaTEDO) năm 2024, chỉ khoảng 5-7% hộ gia đình Tanzania sử dụng LPG để nấu ăn, trong khi hơn 80% hộ gia đình sử dụng gỗ nhân tạo, tạo nên tác động lớn lao đến sức khỏe và rừng. Tuy nhiên, một số xu hướng tích cực đang xuất hiện: (1) Tăng trưởng đô thị: Các thành phố lớn như Dar es Salaam, Mwanza và Arusha đang thúc đẩy hầu hết nhu cầu do mật độ dân số cao hơn và cơ sở hạ tầng tốt hơn; (2) Nhận thức về sức khỏe và môi trường: Các gia đình đang chuyển từ than đá và dầu hỏa sang LPG sạch hơn, được thúc đẩy bởi giảm khí bụi, tiện lợi và an toàn; (3) Xu hướng sử dụng thương mại: Các nhà hàng, khách sạn và nhà sản xuất nhỏ cung cấp nhu cầu có thể dự đoán được cho LPG, thường ưu tiên độ tin cậy của cung ứng hơn giá cả.

Các chính sách hỗ trợ chuyển đổi năng lượng sạch

Chính phủ Tanzania đã công bố mục tiêu giúp 80% dân số tiếp cận các giải pháp nấu ăn sạch vào năm 2034, từ mức hiện tại 7% (khoảng 4,8 triệu người từ tổng dân số 69 triệu). Điều này tương đương với việc tăng 67,2 triệu người sử dụng các giải pháp nấu ăn sạch (chủ yếu là LPG) trong chín năm tới. Để hỗ trợ mục tiêu này, chính phủ đã thực hiện một lệnh chỉ thị yêu cầu các cơ sở công cộng và tư nhân phục vụ thực phẩm cho hơn

300 người mỗi ngày phải ngừng sử dụng gỗ nhân tạo và chuyển sang các nguồn nấu ăn sạch hơn vào tháng 1 năm 2024. Chính phủ cũng kế hoạch phân phối 452.445 xi lanh LPG với giá trợ cấp trên toàn bộ các vùng của đất nước. Những chính sách này đã góp phần vào sự tăng trưởng mạnh mẽ 38% năm ngoái.

Cơ hội đầu tư và tài chính

Tanzania đang tìm cách huy động 1,8 tỷ USD để chuyển đổi nấu ăn hộ gia đình và thể chế trên toàn quốc để đạt mục tiêu 80% tiếp cận nấu ăn sạch vào năm 2034. Theo báo cáo từ Bộ Năng lượng Tanzania (tháng 8, 2025), 94% quỹ sẽ được dành cho cơ sở hạ tầng như đầu cuối LPG, nhà máy khí sinh học, sản xuất viên nén biomass và các xưởng nấu ăn cải tiến. Mặc dù đã có một số cam kết tài chính, nhưng chỉ có dưới 30% trong khoảng 800 triệu USD theo Hợp đồng Năng lượng Tanzania đã được huy động, để lại một thiếu hụt tài chính hơn 560 triệu USD. Oryx Energies, một trong những công ty LPG hàng đầu, đã cam kết chuyển đổi 6 triệu hộ gia đình Tanzania sử dụng nấu ăn sạch vào năm 2034, với khoảng 100 triệu USD đầu tư từ năm 2015.

Các thách thức và cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam

Mặc dù tăng trưởng mạnh, ngành LPG Tanzania vẫn phải đối mặt với những thách thức: (1) Khả năng chi trả: Chi phí ban đầu cao cho thiết bị LPG, đặc biệt là đối với hộ gia đình thu nhập thấp, có thể cản trở việc áp dụng LPG rộng rãi; (2) Mối lo ngại về an toàn: Nhận thức công cộng không đủ về an toàn LPG và xử lý bất cẩn các xi lanh LPG; (3) Mạng lưới phân phối hạn chế: Cơ sở hạ tầng phân phối không đầy đủ, đặc biệt ở các khu vực nông thôn, hạn chế quyền tiếp cận LPG cho phần lớn dân số.

Những thách thức này cũng tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam: (1) Cung cấp và lắp đặt thiết bị LPG (xi lanh, bình đun, vòi phun, van); (2) Xây dựng cơ sở hạ tầng LPG (đầu cuối, kho lưu trữ, xưởng tái điền); (3) Phát triển mô hình tài chính sáng tạo như cho thuê xi lanh, hệ thống thanh toán qua điện thoại di động và giải pháp nhỏ; (4) Các chiến dịch nhận thức công cộng và đào tạo an toàn LPG; (5) Mở rộng mạng lưới phân phối LPG, đặc biệt ở các khu vực nông thôn và bán ngoại ô; (6) Hỗ trợ sản xuất các giải pháp nấu ăn cải tiến và khí sinh học. Với nhu cầu tiêu thụ tăng 38% hàng năm, mục tiêu chính phủ đạt 80% tiếp cận nấu ăn sạch vào năm 2034, và thiếu hụt tài chính hơn 560 triệu USD, ngành LPG Tanzania mang lại cơ hội đầu tư lâu dài và ổn định cho các nhà đầu tư quốc tế, bao gồm cả các doanh nghiệp Việt Nam.

Cải cách ngành điện - Khuôn khổ hợp tác công-tư nhân

Bối cảnh cải cách ngành điện

Chính phủ Tanzania (GoT) đã cam kết cải cách hoạt động của Tanesco (công ty điện quốc gia) và đáp ứng nhu cầu mới thông qua các giải pháp chi phí thấp. Sự phụ thuộc cao vào các nguồn phát điện nhiệt tốn kém và khẩn cấp đã làm cho ngành này không có tính khả thi về tài chính. Hiện tại, sức chứa được lắp đặt của Tanzania là 3 GW, thấp hơn nhiều so với dự báo ban đầu 25 GW vào năm 2025. Mục tiêu hiện tại của Chính phủ là đạt 10 GW năm 2025 (tùy chỉnh từ mục tiêu ban đầu) và 20 GW năm 2044 theo Kế hoạch Hệ thống Điện chủ yếu (PSMP 2020). Để đạt được mục tiêu này, ngành năng

lượng cần đầu tư ước tính 50 tỷ USD trong 25 năm, trong đó 28 tỷ USD dành cho phát điện.

Tiến bộ trong mở rộng lưới điện

Tanzania đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong mở rộng tiếp cận điện. Tiếp cận điện tăng từ 7% năm 2011 lên 37,7% năm 2020, đây là một trong những tốc độ mở rộng tiếp cận nhanh nhất ở châu Phi con. Tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng cách lớn giữa tỷ lệ tiếp cận điện ở khu vực thành thị (73,2%) và khu vực nông thôn (24,5%). Chương trình Dự phòng Điện Tanzania (TREEP) hiện đã trong năm thứ sáu thực hiện, đóng góp vào mục tiêu này thông qua mở rộng lưới điện, cũng như hơn 900.000 kết nối, cung cấp tiếp cận điện cho hơn 4,5 triệu người. Thành tích này vượt mục tiêu ban đầu của chương trình là 500.000 kết nối (hoặc 2,5 triệu công dân) vào cuối chương trình. Trong số các kết nối mới này là 1.664 cơ sở chăm sóc sức khỏe và 5.900 cơ sở giáo dục.

Mục tiêu tiếp cận năng lượng hiện đại

Chính phủ Tanzania đã đặt mục tiêu đạt tiếp cận phổ quát đến các dịch vụ năng lượng hiện đại vào năm 2030, trong đó 75% sẽ được điện hóa thông qua các lưới quốc gia và mini, và 25% còn lại thông qua các giải pháp ngoài lưới được xác minh chất lượng. Để hỗ trợ mục tiêu này, chính phủ đã áp dụng ba chiến lược điện hóa: (1) mở rộng lưới chính Tanesco; (2) các hệ thống lưới mini ngoài lưới cho các địa phương xa lưới chính; (3) hỗ trợ các giải pháp độc lập và phân tán.

Cơ chế hợp tác công-tư nhân

Tanzania có kinh nghiệm rộng rãi với các Hợp tác Công-Tư nhân (PPP), đặc biệt là trong ngành năng lượng thông qua các Thỏa thuận Mua điện (PPA). PPAs là một loại PPP cụ thể mà chính phủ hoặc công ty tiện ích công cộng đồng ý mua điện từ một thực thể điện được vận hành tư nhân. Những thỏa thuận này đã mở rộng đáng kể cơ sở hạ tầng năng lượng và sức chứa của Tanzania. Theo Cơ quan Quản lý Năng lượng và Nước (EWURA), đã phát triển các PPA tiêu chuẩn cho Nhà sản xuất Điện Nhỏ (SPP) và bảy mô hình PPA cho Nhà sản xuất Điện Độc lập (IPP), dựa trên loại tài nguyên phát điện như thủy điện, gió, than, khí tự nhiên, năng lượng mặt trời, v.v. Thời gian vận hành típ của một PPA là 20-25 năm từ Ngày hoạt động thương mại.

Năm 2024, chính phủ Tanzania cùng khu vực tư nhân nhằm đầu tư 1,2 tỷ USD vào các dự án truyền tải điện. Dự án dự kiến sẽ đặt ra một tiền lệ lịch sử vì đó sẽ là PPP đầu tiên trong truyền tải điện tại Tanzania, đánh dấu sự kết thúc độc quyền trong ngành năng lượng. Với sức chứa lưới được lắp đặt 1.899,05 MW và tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện ước tính 10-15% mỗi năm, mục tiêu đầu tiên là khai thác quỹ khu vực tư nhân để hoàn thành các dự án của chính phủ, sau đó sử dụng công nghệ tiên tiến từ khu vực tư nhân, và cuối cùng sử dụng các kỹ năng quản lý hiệu quả mà khu vực tư nhân thường sở hữu.

Cơ sở hạ tầng truyền tải khu vực

Một dự án quan trọng là đường dây truyền tải Iringa-Shinyanga 400 kV dài 670 km, kết nối các trang trại phát điện ở miền Nam cao nguyên Tanzania với các trung tâm nhu cầu ở phía bắc. Được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Phi (AfDB) và Ngân hàng Thế

giới, nó bổ sung cho một đường 220 kV hiện có, cải thiện độ tin cậy cho các hộ gia đình và doanh nghiệp. Dự án này là cơ sở hạ tầng duy nhất hiện tại có khả năng liên kết Hội đồng Điện Đông Phi (EAPP) với Hội đồng Điện Phía Nam Phi (SAPP), bao gồm 13 và 12 nước thành viên tương ứng. Trong những năm sắp tới, dự kiến nó sẽ liên kết với Zambia, tăng cường hơn nữa thương mại năng lượng khu vực.

Những thách thức và cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam

Mặc dù có tiến bộ, ngành điện Tanzania vẫn phải đối mặt với những thách thức lớn: (1) Tổn thất kỹ thuật: 15% tổn thất kỹ thuật dẫn đến khoảng 700 tỷ shilling Tanzania mất đi hàng năm; (2) Thanh toán không có thể dự đoán: Các nhà sản xuất điện độc lập gặp khó khăn với thanh toán không có thể dự đoán từ Tanesco; (3) Thị trường không cạnh tranh: Sự độc quyền của Tanesco hạn chế tham gia khu vực tư nhân. Tuy nhiên, những thách thức này cũng tạo ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam: (1) Cung cấp và lắp đặt công nghệ truyền tải điện thông minh (smart grid); (2) Thiết kế và xây dựng các dự án điện độc lập (IPP); (3) Đầu tư vào các dự án phát điện tái tạo thông qua PPA tiêu chuẩn; (4) Cung cấp các giải pháp quản lý lưới thông minh và công nghệ phân phối; (5) Hỗ trợ cải tổ cơ sở hạ tầng lưới điện địa phương; (6) Đào tạo và tư vấn quản lý hoạt động cho Tanesco. Với nhu cầu đầu tư 50 tỷ USD trong 25 năm, 28 tỷ USD cần thiết cho phát điện, và mục tiêu đạt 20 GW năm 2044, ngành điện Tanzania mang lại cơ hội đầu tư dài hạn và ổn định cho các nhà đầu tư quốc tế, đặc biệt là những nhà đầu tư có kinh nghiệm trong các dự án PPP.

3.3 Các tổ chức chính trong ngành năng lượng Tanzania

Bộ Năng lượng

Bộ Năng lượng (Nishati) có trách nhiệm phát triển chiến lược năng lượng quốc gia và quản lý ngành năng lượng. Bộ này chủ yếu xây dựng các chính sách và tạo môi trường thuận lợi cho các bên liên quan trong ngành tham gia đầu tư và phát triển. Bộ Năng lượng đóng vai trò hướng dẫn chiến lược, kết hợp với các cơ quan thực thi khác như Cơ quan Năng lượng Nông thôn, Công ty Cung cấp Điện Tanzania, Cơ quan Điều tiết Điện và Nước, Công ty Phát triển Dầu khí Tanzania, các doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức tài chính. Theo Chiến lược hiệu quả năng lượng quốc gia 2024-2034, Bộ chịu trách nhiệm quản lý tài nguyên năng lượng, thúc đẩy các chương trình điện hóa thành thị và nông thôn, cũng như phát triển nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo. Hiện tại, Bộ được lãnh đạo bởi Phó Thủ tướng Doto Mashaka Biteko (Bộ trưởng Năng lượng).

Cơ quan Điều tiết điện và nước (EWURA)

EWURA là cơ quan quản lý độc lập được thành lập theo luật để điều tiết các lĩnh vực điện, dầu khí, khí tự nhiên và nước của Tanzania. Các trách nhiệm chính của EWURA bao gồm cấp giấy phép cho các nhà cung cấp điện, xem xét yêu cầu điều chỉnh giá điện, thực thi tiêu chuẩn chất lượng và độ tin cậy cung ứng, phê duyệt các dự án mua điện từ nhà sản xuất độc lập, và giám sát tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, sức khỏe và môi trường. Một đóng góp quan trọng của EWURA là phát triển các mẫu thỏa thuận mua điện chuẩn nhằm đơn giản hóa quy trình đàm phán giữa các nhà sản xuất điện độc lập và công ty Tanesco, từ đó khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân.

Công ty cung cấp điện Tanzania (Tanesco)

Tanesco là công ty điện quốc gia duy nhất, chịu trách nhiệm phát điện, truyền tải và phân phối điện trên toàn quốc. Hiện tại, Tanesco cung cấp phần lớn công suất phát điện cho lưới quốc gia và quản lý 18 lưới điện riêng lẻ ở các khu vực nông thôn. Theo báo cáo gần đây, Tanesco cung cấp khoảng 60% tổng công suất phát điện của lưới quốc gia, với sức chứa được lắp đặt đạt 2.607,96 MW tính đến tháng 7 năm 2024. Tanesco cũng là bên mua chính trong các thỏa thuận mua điện với các nhà sản xuất điện độc lập.

Công ty phát triển dầu khí Tanzania (TPDC)

TPDC là công ty nhà nước được Bộ Năng lượng sử dụng để thực hiện các chính sách thăm dò, khai thác và quản lý tài nguyên dầu khí. TPDC chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, nhưng gần đây đã bắt đầu mở rộng sang lĩnh vực năng lượng sạch bằng cách thí điểm các dự án đóng chai và phân phối khí tự nhiên, đóng vai trò quan trọng trong chuyển đổi năng lượng của đất nước.

Cơ quan năng lượng nông thôn (REA)

REA là cơ quan chuyên biệt trực thuộc Bộ Năng lượng, được thành lập vào tháng 10 năm 2007 để phát triển năng lượng ở các khu vực nông thôn. Trách nhiệm chính của REA bao gồm: thúc đẩy sử dụng các dạng năng lượng hiện đại ở nông thôn để hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội; thúc đẩy sản xuất và sử dụng năng lượng hiệu quả; tài chính cho các dự án năng lượng tái tạo ở nông thôn thông qua Quỹ năng lượng tái tạo; xây dựng năng lực kỹ thuật cho các nhà phát triển dự án; và chuẩn bị tài liệu thầu cho các dự án năng lượng nông thôn. Gần đây, REA đã phát hành lời mời đề xuất cho Cơ chế hỗ trợ chuẩn bị dự án năng lượng tái tạo với tối đa 4 triệu USD tài chính và tối đa 250.000 USD trợ cấp trên mỗi dự án nhằm hỗ trợ các nhà phát triển hoàn tất phát triển dự án.

Công ty phát triển địa nhiệt Tanzania (TGDC)

TGDC là công ty con của Tanesco được sở hữu hoàn toàn bởi chính phủ. TGDC được giao nhiệm vụ thúc đẩy phát triển năng lượng địa nhiệt tại Tanzania, bao gồm thăm dò, khoan giếu và khai thác các tài nguyên địa nhiệt để phát điện và các ứng dụng khác.

Hiệp hội năng lượng tái tạo Tanzania (TAREA)

TAREA là tổ chức do khu vực tư nhân, các tổ chức phi chính phủ và cơ chế quốc tế thành lập, tập hợp các nhà phát triển dự án năng lượng tái tạo. TAREA hoạt động trong lĩnh vực vận động chính sách, xây dựng năng lực kỹ thuật và hỗ trợ các nhà phát triển dự án. Chiến lược 2020-2024 của TAREA tập trung vào: cải thiện môi trường chính sách cho năng lượng tái tạo, hỗ trợ các nhà phát triển dự án quy mô lớn, và phát triển các cơ chế tài chính linh hoạt cho các dự án quy mô nhỏ.

Cách tiếp cận cho doanh nghiệp Việt Nam

Để thành công trong ngành năng lượng Tanzania, doanh nghiệp Việt Nam cần hiểu rõ vai trò và chức năng của các tổ chức này. Chiến lược khuyến nghị bao gồm: (1) liên hệ với Bộ Năng lượng để tìm hiểu các chính sách hiện hành và chiến lược phát triển dài

hạn; (2) hợp tác với EWURA để nắm rõ quy trình cấp giấy phép và các tiêu chuẩn điều tiết; (3) làm việc với Tanesco nhằm phát triển thỏa thuận mua điện sử dụng các mô hình tiêu chuẩn được EWURA phê duyệt; (4) tận dụng nguồn tài chính từ REA cho các dự án năng lượng tái tạo quy mô nhỏ ở nông thôn; (5) gia nhập TAREA để mở rộng mạng lưới đối tác, hiểu rõ xu hướng ngành và tìm kiếm cơ hội hợp tác.

4. Khai khoáng

4.1 Tổng quan

Khai khoáng là lĩnh vực công nghiệp hàng đầu của Tanzania với giá trị xuất khẩu khoáng sản liên tục tăng trong những năm qua. Ngành này bao gồm các hoạt động quy mô nhỏ và lớn. Khai khoáng tại Tanzania bao gồm các kim loại (vàng, quặng sắt, niken, đồng, cobalt, bạc), các chất khoáng công nghiệp (kim cương, tanzanit, hồng ngọc, garnet, đá vôi, soda ash, thạch cao, muối, phốt phát, sỏi, cát, đá tự nhiên và graphite), và các chất khoáng nhiên liệu (than đá, uranium). Tanzania cũng là nhà sản xuất duy nhất thế giới đối với đá quý tanzanit, chỉ được tìm thấy tại một khu vực 2 km x 4 km ở vùng Manyara gần Mount Kilimanjaro, khiến nó hiếm hơn cả kim cương.

Sản xuất và giá trị xuất khẩu

Theo báo cáo mới nhất từ Ngân hàng Tanzania (tháng 1, 2025), xuất khẩu khoáng sản đạt mức kỷ lục 4,1 tỷ USD trong năm tài chính 2024/25, tăng từ 3,6 tỷ USD năm trước (năm tài chính 2023/24). Vàng tiếp tục có phần lớn nhất trong thu nhập xuất khẩu khoáng sản với 3,4 tỷ USD, tăng từ 3 tỷ USD năm trước. Sự tăng này là do mở rộng sản xuất và tăng giá toàn cầu. Giá vàng đã tăng 23% năm 2024, với giá trung bình hàng năm đạt 2.386 USD/ounce, cao hơn đáng kể so với năm 2023. Giá vàng tiếp tục tăng vào năm 2025, vượt 3.000 USD/ounce vào tháng 3. Sản xuất vàng của Tanzania đạt 60.000 kg (60 tấn) năm 2024, tăng từ 55.000 kg năm 2023. Tanzania hiện là nhà sản xuất vàng lớn thứ 4 ở Châu Phi sau Nam Phi, Ghana và Mali.

Xuất khẩu khoáng sản chiếm 46,1% tổng giá trị xuất khẩu của Tanzania (3,55 tỷ USD), tạo ra tác động kinh tế lớn. Khoáng sản đã vượt quá mục tiêu 10% GDP được đề ra trong Kế hoạch Phát triển Quốc gia Năm năm, với ngành khai khoáng chiếm 10,1% GDP năm 2024, tăng từ 7,3% năm 2021 và 9,1% năm 2023. Tanzania tuyên bố mục tiêu tăng đóng góp của khai khoáng lên trên 10% GDP trong ngắn hạn.

Các sản phẩm khoáng sản chính

Sản xuất chính của Tanzania bao gồm vàng (60 tấn/năm), đồng (2.980 tấn/năm), bạc (10 tấn/năm) và kim cương (112.670 carats). Ngoài ra, Tanzania còn có các mỏ niken, uranium, than đá và graphite đang trong giai đoạn khai thác hoặc khám phá. Các yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến lựa chọn khoáng sản của nhà khai khoáng, bao gồm giá thị trường toàn cầu, khả năng tiếp cận công nghệ khai thác và chi phí hoạt động.

Các dự án khai thác niken, uranium và than đá

Niken: Dự án Niken Kabanga tại huyện Ngara của vùng Kagera ở phía tây bắc Tanzania là một trong những mỏ niken sunfua không được khai thác lớn nhất thế giới, với dự trữ

ước tính trên 40 triệu tấn niken. Dự án được sở hữu bởi Kabanga Nickel Limited, liên doanh giữa Barrick Gold Corporation và chính phủ Tanzania. Năm 2023, Chính phủ Tanzania phê duyệt 200 giấy phép khai mỏ trong vòng sáu tháng, bao gồm những giấy phép cho các khoáng sản quan trọng như liti và graphite, cho thấy phản ứng nhanh chóng của quốc gia đối với nhu cầu thị trường toàn cầu.

Uranium: Các mỏ uranium lớn được phát hiện tại Namtumbo (Mkuju), Bahi, Galapo, Minjingu, Mbulu, Simanjiro, Lake Natron, Manyoni, Songea, Tunduru, Madaba và Nachingwea. Một trong những dự án phát triển uranium chính là Mkuju River Project của Mantra Tanzania Limited, nằm ở miền nam Tanzania cách Dar es Salaam khoảng 470 km về phía tây nam, với cơ sở tài nguyên khoáng sản ước tính khoảng 58.500 tấn uranium. Tuy nhiên, sự phát triển đã bị chậm lại do giá uranium thấp trước đó.

Than đá: Dự án khai thác than đá mới đang được khám phá, với tiềm năng lớn cho phát sinh năng lượng điện. Dự án này là một phần của chiến lược khoáng sản của chính phủ.

Chính sách và khung pháp lý

Các chủ thể có giấy phép và nhà thầu hoạt động trong ngành khai khoáng phải nộp các khoản thuế bao gồm: thuế doanh nghiệp (30%), thuế lãi vốn (30%), thuế cấp lương (10%) và các khoản thuế khác. Lợi nhuận sinh ra từ việc chuyển nhượng hoặc thực hiện quyền cũng phải chịu thuế theo luật. Những khoản thuế này được Cơ quan Doanh thu Tanzania thu thập.

Năm 2017, chính phủ Tanzania đã thông qua một bộ luật quan trọng liên quan đến quản lý lĩnh vực khai khoáng, bao gồm Luật Hợp đồng Tài nguyên Thiên nhiên, Luật Tài nguyên Thiên nhiên và Luật sửa đổi các Luật hiện hành. Những luật này có những ý nghĩa sâu xa đối với ngành khai khoáng. Điều khoản quan trọng nhất cho phép Quốc hội trao quyền cho chính phủ tái đàm phán bất kỳ hợp đồng nào mà chính phủ cho rằng bất công bằng hoặc chứa những điều khoản bất hợp lý. Ngoài ra, những luật này cũng quy định rằng chính phủ phải sở hữu ít nhất 16% cổ phần trong bất kỳ công ty khai khoáng nào hoạt động trên lãnh thổ Tanzania, đồng thời có quyền mua thêm tối đa 50% cổ phần.

Luật về Minh bạch và Trách nhiệm giải trình ngành Khai thác Tài nguyên Tanzania năm 2015 bao gồm những điều khoản bắt buộc rằng tất cả các nhượng quyền khai thác mới, hợp đồng và giấy phép phải được công bố công khai cho mọi người. Những quy định này nhằm tăng cường tính minh bạch, chống lại các hành vi tham nhũng và bảo vệ quyền lợi của cộng đồng địa phương.

Cơ hội xử lý và chế biến khoáng sản

Chính phủ Tanzania đặt mục tiêu phát triển các hoạt động chế biến và xử lý khoáng sản gia tăng giá trị tại chỗ, thay vì chỉ xuất khẩu nguyên liệu thô. Kể từ năm 2020, quốc gia đã xây dựng hai nhà máy luyện vàng tiêu chuẩn tại Lwamgasa và Katente, tạo thành một trung tâm xử lý và xuất khẩu khoáng sản tập trung. Những cơ sở này giúp tăng cường kiểm soát chất lượng khoáng sản, giảm thiểu buôn lậu, và nâng cao giá trị xuất khẩu. Để tăng cường quản lý khoáng sản, chính phủ cũng xây dựng một bức tường bao quanh dài 24,5 km tại mỏ tanzanit Mirerani nhằm kiểm soát hoạt động khai thác và ngăn chặn

khoáng sản bị đánh cắp trái phép. Ngoài ra, 28 chợ khoáng sản và 25 trung tâm xử lý khoáng sản đã được thành lập ở khắp đất nước.

Tại Hội nghị khai khoáng và đầu tư lần thứ 6 năm 2024, Thủ tướng Kassim Majaliwa khẳng định cam kết của Tanzania trong việc phát triển cơ sở hạ tầng để tăng giá trị sản phẩm khoáng sản. Chính phủ sẽ ưu tiên xây dựng các nhà máy luyện kim loại, nhà máy chế biến kim loại tiên tiến và các trung tâm phân phối kim loại tiêu chuẩn. Những dự án này sẽ không chỉ tạo ra việc làm, mà còn tăng doanh thu xuất khẩu và giúp phát triển các chuỗi cung ứng khoáng sản bền vững.

Cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp Việt Nam

Cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực khai khoáng Tanzania bao gồm: (1) Luyện kim và xử lý khoáng sản - xây dựng và vận hành các nhà máy luyện vàng, bạc, đồng; (2) Thiết bị khai mỏ - cung cấp máy khoan, máy xúc, xe tải thích hợp cho hoạt động khai mỏ; (3) Dịch vụ kỹ sư - thiết kế mỏ, lập kế hoạch chi tiết kỹ thuật, đánh giá tác động môi trường; (4) Cơ sở hạ tầng - xây dựng bồi đắp nước, cơ sở lưu trữ, cơ sở hạ tầng xử lý nước thải; (5) Công nghệ - cung cấp công nghệ xử lý khoáng sản tiên tiến, hệ thống tự động hóa, hệ thống quản lý dữ liệu; (6) Đào tạo và tư vấn - đào tạo an toàn khai mỏ, quản lý hoạt động khai mỏ. Với xuất khẩu khoáng sản đạt 4,1 tỷ USD, mục tiêu tăng đóng góp lên trên 10% GDP, và sự đa dạng hóa sang niken, uranium và than đá, ngành khai khoáng Tanzania mang lại cơ hội đầu tư dài hạn và ổn định cho các doanh nghiệp Việt Nam.

4.2 Những ngành khai khoáng giàu tiềm năng

4.2.1 Giới thiệu

Ngành khai khoáng phụ thuộc vào nhập khẩu máy móc và vật tư từ nước ngoài. Để khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, chính phủ cho phép nhập khẩu hàng hóa vốn với thuế suất bằng không. Các công ty khai khoáng hiện đang sử dụng nhiều máy phát điện diesel để cấp năng lượng, vì vậy có nhu cầu lớn về các giải pháp năng lượng sạch hơn. Chính phủ Tanzania cũng khuyến khích các công ty khai khoáng mua hàng hóa và dịch vụ từ các nhà cung cấp cục bộ. Nhiều nhà quản lý công ty khai khoáng nước ngoài cũng muốn tăng cường mua sắm địa phương để hỗ trợ nền kinh tế Tanzania. Điều này tạo ra nhu cầu lớn đối với cung cấp thực phẩm, nước sạch, đào tạo, tư vấn và các dịch vụ khác. Với lưới điện không ổn định và hệ thống đường sắt chưa hoàn thiện, các giải pháp năng lượng thay thế và vận tải cũng rất cần thiết.

4.2.2 Cơ hội đầu tư chính

Xây dựng cơ sở luyện vàng:

Tanzania hiện có ba nhà máy luyện vàng chính bao gồm nhà máy Luyện kim loại Quý tại Mwanza, nhà máy Luyện vàng tại Arusha và nhà máy Luyện vàng tại Morogoro. Tuy nhiên, những cơ sở này chưa đạt được công nhận quốc tế, điều này giới hạn khả năng tiêu thụ vàng trên thị trường toàn cầu do không đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Chính phủ Tanzania hiện đang hỗ trợ phát triển các dự án luyện kim loại quy mô nhỏ đến vừa, trong đó có Trung tâm Địa chất khoáng sản châu Phi (AMGC) đang lập kế hoạch xây

dựng một nhà máy luyện vàng hiện đại được công nhận quốc tế, kèm theo các cơ sở xử lý coltan và luyện kim loại khác.

Cung cấp máy móc và thiết bị khai khoáng:

Để thúc đẩy sản xuất các thiết bị khai khoáng tại chỗ, chính phủ Tanzania đã chỉ định khu vực Buzwagi ở huyện Kahama, tỉnh Shinyanga, là trung tâm phát triển để xây dựng các nhà máy sản xuất máy móc. Chính phủ hiện đang tìm kiếm các nhà đầu tư để xây dựng các cơ sở sản xuất quy mô lớn cho máy móc nặng và phụ tùng thay thế. Ngoài ra, cơ hội cung cấp phụ tùng, vật liệu nổ, vật liệu nghiền, lót tầng máy xay dưới hình thức liên doanh với các doanh nhân Tanzania.

Chế biến đá quý:

Năm 2010, chính phủ Tanzania đã thông qua luật cấm xuất khẩu đá quý chưa chế biến nhằm tăng cường tăng giá trị hàng địa phương. Tây Ban Nha xây dựng các cơ sở cắt và đánh bóng đá quý tiêu chuẩn. Tây Ban Nha cũng thành lập Trung tâm Địa chất Khoáng sản Arusha để đào tạo các thanh niên Tanzania về kỹ năng xác định, phân loại, cắt và đánh bóng đá quý theo tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, cần tăng cường khả năng của các cơ sở lapidary cục bộ để chế biến đá quý đạt chất lượng cao.

Chế biến khoáng sản khác:

Các cơ hội khác bao gồm sản xuất trang sức sử dụng vàng và đá quý, khắc đá quý, tạo tác nghệ thuật từ khoáng sản, và chế biến các khoáng sản khác. Những hoạt động này sẽ tạo ra giá trị gia tăng cao hơn so với xuất khẩu nguyên liệu thô.

Khám phá khoáng sản mới:

Với sự phát triển của các công ty khoan, cơ hội khám phá các khoáng sản mới đang mở rộng. Người ta cũng thấy các dự án khám phá các khoáng sản chiến lược mới như niken, uranium và than đá.

Hỗ trợ chính sách và khung pháp lý

Chính phủ Tanzania đã thiết lập các khu kinh tế đặc biệt tại các vùng khai khoáng chính như Buzwagi và Kahama, cung cấp các ưu đãi thuế và hỗ trợ đầu tư cho các dự án luyện kim loại. Ngoài ra, Chương trình mua vàng nội địa được Ngân hàng Tanzania khởi xướng năm 2024 cung cấp các ưu đãi bao gồm giảm thuế hoàng gia, miễn phí kiểm tra, và tiếp cận thị trường bán vàng với giá theo thị trường toàn cầu. Chương trình này tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển các hoạt động luyện kim loại cục bộ.

5. Lĩnh vực sản xuất

5.1 Tổng quan

Ngành sản xuất ở Tanzania hiện vẫn ở quy mô tương đối nhỏ, nhưng có đóng góp đáng kể cho GDP chung của đất nước. Trong hơn một thập kỷ qua, ngành này bình quân chiếm 8% GDP với tốc độ tăng trưởng hàng năm 4%. Tuy nhiên, theo dữ liệu mới nhất

từ Trading Economics (năm 2025), GDP từ sản xuất ở Tanzania dự kiến giảm nhẹ trong quý đầu tiên của năm 2025, từ 3.330 tỷ shilling Tanzania năm 2024 xuống 3.216 tỷ shilling Tanzania, phản ánh sự biến động trong hoạt động sản xuất. Hầu hết các hoạt động sản xuất tập trung vào các sản phẩm tiêu dùng đơn giản như thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, dệt, hóa chất, nhựa, gỗ và các sản phẩm liên quan đến thép.

Chính sách phát triển công nghiệp

Các nhà hoạch định chính sách gần đây đã đưa phát triển công nghiệp trở lại thành một trong những ưu tiên chính sách của đất nước. Chính phủ Tanzania đã cam kết chuyển đổi nền kinh tế từ năng suất thấp và tăng trưởng chậm sang năng suất cao và nền kinh tế năng động, đi kèm với sự thay đổi cơ cấu và tăng trưởng thu nhập bền vững. Chính phủ hiện đang thực hiện Kế hoạch phát triển năm năm quốc gia lần thứ ba 2021/22-2025/26, với chủ đề "Nhận thức tính cạnh tranh và công nghiệp hóa vì phát triển con người". Khu kinh tế đặc biệt (SEZ) được thiết lập với mục tiêu biến Tanzania thành trung tâm công nghiệp và logistics cho Đông và Trung Phi thông qua xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh quốc tế.

Các thách thức chính

Hiện nay, giá trị gia tăng nội địa bị hạn chế do phụ thuộc cao vào nhập khẩu hàng hóa trung gian, dẫn đến liên kết giữa các ngành công nghiệp kém. Điều này hạn chế khả năng phát triển cơ sở sản xuất nội địa và tạo việc làm. Ngoài ra, vẫn còn những hạn chế về công nghệ, tài chính, chính sách và hành chính chưa được giải quyết, do đó làm chậm tăng trưởng công nghiệp nhanh hơn và chuyển đổi kinh tế. Theo nghiên cứu từ Đại học Thánh Augustine Tanzania (năm 2025), sản lượng sản xuất, tích lũy vốn và đầu tư trực tiếp nước ngoài là những yếu tố chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, với một đơn vị tăng sản lượng sản xuất dẫn đến tăng 2,6% tăng trưởng kinh tế.

Chính sách hỗ trợ ngành công nghiệp

Để khuyến khích sản xuất cục bộ, chính phủ Tanzania đã giới thiệu Thuế phát triển công nghiệp theo Luật Tài chính Tanzania 2024. Thuế này được áp dụng cho hàng nhập khẩu dành cho tiêu dùng nội địa với các ngoại lệ nhất định cho hàng hóa từ các quốc gia thành viên Cộng đồng Kinh tế Đông Phi (EAC) đáp ứng các Quy tắc xuất xứ. Mức thuế khác nhau tùy theo sản phẩm, ví dụ, các sản phẩm như thanh dây và clinker xi măng chịu thuế 10%, trong khi bia và nước tăng lực chịu thuế 5%. Chính sách này nhằm bảo vệ các ngành sản xuất cục bộ khỏi cạnh tranh từ hàng nhập khẩu.

Cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam

Những thách thức hiện tại trong ngành sản xuất Tanzania cũng tạo ra các cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp Việt Nam: (1) cung cấp công nghệ và máy móc sản xuất để thay thế nhập khẩu hàng hóa trung gian; (2) xây dựng các nhà máy sản xuất và các trung tâm xử lý để tạo giá trị gia tăng; (3) hỗ trợ phát triển các ngành sản xuất như dệt, thực phẩm, hóa chất, và nhựa; (4) cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật, quản lý hoạt động và đào tạo lao động; (5) đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt để tận dụng các ưu đãi và hỗ trợ từ chính phủ. Với tăng trưởng GDP dự kiến 6,1% năm 2025, ngành sản xuất chịu trách

nhiệm 5% GDP hiện tại, và chính sách ưu đãi mới để khuyến khích sản xuất cục bộ, ngành sản xuất Tanzania mang lại cơ hội đầu tư dài hạn cho các doanh nghiệp Việt Nam.

5.2 Những ngành sản xuất tiềm năng

Chế biến thực phẩm

Chế biến thực phẩm là ngành sản xuất hàng đầu của Tanzania do nền kinh tế quốc gia phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp. Năm 2024, ngành này đóng góp khoảng 6,8% tổng sản lượng sản xuất. Ngành bao gồm nhiều lĩnh vực như sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, sản xuất dầu thực vật, đóng hộp rau quả, chế biến bột mì và ngũ cốc, sản xuất đường và bánh kẹo, chế biến cá, và sản xuất thức ăn chăn nuôi. Trong đó, chế biến bột mì và ngũ cốc chiếm phần lớn, đặc biệt là xử lý lúa mì và ngô, những loại cây trồng mà Tanzania phần lớn phải nhập khẩu để cung cấp cho ngành.

Thị trường thực phẩm chế biến của Tanzania được định giá 30,32 tỷ USD năm 2025 và dự kiến tăng trưởng 7,81% mỗi năm cho đến 2030. Bán lẻ thực phẩm năm 2024 đạt khoảng 27,6 tỷ USD, trong đó thực phẩm và đồ uống chiếm 57% (16 tỷ USD). Thịt là phân khúc lớn nhất với giá trị thị trường 6 tỷ USD năm 2025. Toàn bộ ngành nông nghiệp Tanzania được định giá 22,9 tỷ USD năm 2025 và dự kiến đạt 29,9 tỷ USD năm 2030, tăng trưởng ổn định 5,5% hàng năm.

Những thách thức

Mặc dù có tiềm năng lớn nhờ sở hữu đất đai và nước dồi dào cùng khí hậu lý tưởng, ngành nông công nghiệp Tanzania vẫn đối mặt với những trở ngại lớn. Năng suất nông sản vẫn thấp do thiếu cơ sở lưu trữ tốt, hạ tầng vận tải yếu kém hoặc thiếu hụt, chuỗi cung ứng bị phân tán, và khó tiếp cận tài chính giá cả hợp lý. Thiếu hụt các xưởng lạnh và cơ sở sơ chế cũng hạn chế phát triển các phân khúc sữa và sản phẩm dễ hư hỏng khác.

Cơ hội kinh doanh

Tanzania cần các nhà đầu tư nước ngoài để khai thác những cơ hội trong chuỗi giá trị nông công nghiệp. Các hướng đầu tư chính bao gồm: (1) cung cấp máy móc hiện đại cho các nhà máy chế biến thực phẩm (bột mì, sữa, dầu thực vật, đóng hộp); (2) xây dựng hệ thống kho lạnh để bảo quản nông sản và sản phẩm dễ hỏng; (3) phát triển các nhà máy chế biến cây công nghiệp (hạt điều, lạc, mè); (4) cải thiện công nghệ vận tải, đóng gói, và phân phối; (5) đào tạo kỹ năng sản xuất hiện đại; (6) cung cấp hóa chất chuyên dùng cho ngành thực phẩm. Với dân số tăng 3% hàng năm và thu nhập đầu người tăng, nhu cầu thực phẩm chế biến sẽ tiếp tục tăng mạnh.

Dệt may

Ngành dệt may Tanzania đã thay đổi lớn kể từ khi độc lập cho đến nay, từ giai đoạn công ty nhà nước sang thời kỳ các doanh nghiệp tư nhân nắm giữ phần lớn. Mặc dù số lượng nhà máy giảm từ 12 xuống 7-9 xưởng, sản lượng và xuất khẩu vẫn tăng, đặc biệt là tập trung vào thị trường đòi hỏi cao như Mỹ và EU. Các xưởng chính chuyên về nhuộm vải, kéo sợi, dệt, in khanga và kitenge, ga trải giường, may quần áo, và các sản phẩm dệt khác.

Hiệu suất xuất khẩu

Xuất khẩu dệt may của Tanzania đạt 2,06 tỷ USD năm 2022, tăng mạnh từ 1,15 tỷ USD năm 2017. Sợi dệt (nguyên liệu thô) chiếm lượng xuất khẩu lớn nhất, cho thấy Tanzania đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng dệt toàn cầu. Các thị trường mua hàng chính là Hoa Kỳ và Canada (là hai khách hàng lớn nhất), kế tiếp là Pháp, Trung Quốc, Đức. Năm 2023, giá trị xuất khẩu sản phẩm dệt may khác đạt 22,26 triệu USD. Các đối tác thương mại chính cho xuất khẩu dệt của Tanzania là Kenya (30,83%), Rwanda (30,83%), Trung Quốc (8,32%), Malawi (6,66%), và Cộng hòa Dân chủ Congo (4,87%).

Những khó khăn

Ngành dệt may Tanzania phải đối mặt với nhiều khó khăn. Thứ nhất là cạnh tranh từ nhập khẩu: chính sách tự do hóa thương mại dẫn đến chảy vào nhiều sản phẩm dệt nhập khẩu có chất lượng cao hơn và giá thành rẻ hơn. Tanzania nhập khẩu sản phẩm dệt chủ yếu từ Trung Quốc (151,27 triệu USD, chiếm 49,65%), tiếp theo là Ấn Độ (23,3 triệu USD, 7,65%), Pakistan (19,76 triệu USD, 6,49%), Hàn Quốc (15,89 triệu USD, 5,21%), và Hoa Kỳ (11,94 triệu USD, 3,92%).

Thứ hai là tình trạng máy móc lỗi thời: nhiều nhà máy dệt cho biết máy móc cũ và khó tiếp cận công nghệ mới là vấn đề cấp bách. Thiết bị lỗi thời cần bảo trì và sửa chữa liên tục, tốn kém nhân công, làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Cơ hội đầu tư

Tanzania mở ra những cơ hội hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt doanh nghiệp Việt Nam: (1) cung cấp máy dệt hiện đại để thay thế thiết bị cũ; (2) cung cấp hóa chất nhuộm và xử lý vải chất lượng cao; (3) cung cấp đào tạo kỹ thuật và quản lý chất lượng; (4) thiết lập nhà máy trong các khu chế xuất để hưởng ưu đãi thuế và bán không tính thuế vào Mỹ, EU; (5) phát triển các sản phẩm thời trang sáng tạo từ vải truyền thống Tanzania; (6) xây dựng trung tâm cho thuê máy móc để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ. Tanzania là một trong những nhà sản xuất bông hữu cơ lớn nhất thế giới, có lợi thế tiếp cận không thuế vào thị trường Hoa Kỳ và EU, tạo ra lợi thế cạnh tranh đáng kể cho các nhà sản xuất dệt.

5. Xây dựng

5.1 Tổng quan

Những năm gần đây, ngành xây dựng Tanzania phát triển mạnh với hỗn hợp giữa các dự án tư nhân (bất động sản dân cư, thương mại) và công cộng (đường bộ, đường sắt, cầu, cấp nước, viễn thông, hàng không). Chính phủ Tanzania tăng chi tiêu hạ tầng hàng năm trong suốt một thập kỷ qua, tạo động lực cho dòng vốn đầu tư. Hạ tầng được coi là ưu tiên hàng đầu trong ngân sách quốc gia, đặc biệt là từ khi thực hiện Kế hoạch phát triển năm năm lần thứ ba.

Năm 2024, ngành xây dựng được định giá 27,34 tỷ shilling Tanzania và dự kiến tăng 7% năm 2025. Ngành ghi nhận tốc độ tăng trưởng bình quân 10,1% giai đoạn 2020-

2024, và sẽ tiếp tục tăng 6,7% hàng năm cho đến 2029. Năm 2020, xây dựng đóng góp 14,4% GDP, cho thấy vai trò cốt lõi của ngành này trong nền kinh tế quốc gia.

Các dự án hạ tầng trọng điểm

Theo Kế hoạch phát triển năm năm lần thứ ba, chính phủ sẽ tập trung tài chính cho các dự án quốc gia: (1) Đường sắt tiêu chuẩn quốc tế (phân bổ 1,19 tỷ shilling Tanzania); (2) Hoàn thành Thủy điện Julius Nyerere (2.115 MW) với 2,34 tỷ shilling Tanzania cho ngành năng lượng; (3) Nâng cấp Air Tanzania; (4) Xây dựng đường ống dầu thô Hoima-Chongoleani; (5) Cầu Busisi ở Mwanza.

Ngoài ra, Dự án Nước Tanzania trị giá 35,1 tỷ shilling Tanzania sẽ triển khai trong giai đoạn 2024-2030, nhằm cải thiện cấp nước sạch và điện cho toàn quốc. Ngân hàng Phát triển Châu Phi cam kết 6,7 tỷ shilling Tanzania cho hạ tầng vận tải quốc gia, bao gồm các tuyến đường liên quốc gia Tanzania-Kenya, đường bộ phía tây và phía nam, cũng như đường sắt Tabora-Kigoma kéo dài sang Burundi.

Dự án Phát triển Dar es Salaam giai đoạn 2 được cấp vốn 1 tỷ shilling Tanzania (tháng 2, 2024) để nâng cấp toàn bộ mạng lưới đường bộ, xây dựng đường vượt, hệ thống xe buýt nhanh. Đồng thời, Dự án Cải thiện Đường sắt Tanzania giai đoạn 2 được Ngân hàng Thế giới hỗ trợ 200 triệu USD để hiện đại hóa tuyến Dar es Salaam-Isaka (470 km).

Các lĩnh vực xây dựng

Năm 2024, Trung tâm Đầu tư Tanzania ghi nhận 901 dự án trị giá 20,7 tỷ shilling Tanzania, cao nhất kể từ 1991. Sản xuất dẫn đầu với 377 dự án hút 8,4 tỷ shilling Tanzania. Vận tải có 138 dự án với 3,2 tỷ shilling Tanzania. Xây dựng thương mại có 91 dự án (1,9 tỷ shilling Tanzania), du lịch 76 dự án (908,1 tỷ shilling Tanzania).

Cơ hội kinh doanh

Ngành xây dựng Tanzania mở rộng các cơ hội cho doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt doanh nghiệp Việt Nam có thể: (1) Cung cấp máy móc xây dựng (cẩu, máy xúc, máy khoan); (2) Cung cấp vật liệu (thép, xi măng, kính, gỗ, gạch); (3) Dịch vụ tư vấn thiết kế kỹ thuật; (4) Nhà thầu xây lắp đường bộ, cảng, nhà ga; (5) Giám sát dự án và kiểm soát chất lượng; (6) Công nghệ xây dựng hiện đại; (7) Hệ thống xử lý nước và cấp nước. Với các dự án trị giá hàng tỷ USD đang triển khai và tăng trưởng 7,7% hàng năm dự kiến, ngành xây dựng mang lại điều kiện thuận lợi cho đầu tư dài hạn.

5.2 Những ngành xây dựng giàu tiềm năng

5.2.1 Bất động sản

Ngành bất động sản Tanzania đóng góp 3,1% vào GDP quốc gia với giá trị 1,5 tỷ USD năm 2019, tăng từ 1,2 tỷ USD năm 2015, tức là tăng 25%. Thị trường bất động sản toàn quốc được định giá 745,46 tỷ USD năm 2025, với bất động sản dân cư chiếm phần lớn (683,25 tỷ USD). Thị trường dự kiến tăng trưởng 6,69% hàng năm từ 2025-2029, ước đạt 965,80 tỷ USD vào năm 2029. Đầu tư trực tiếp nước ngoài nhảy vọt từ 1,3-1,6 tỷ

USD năm 2023 lên 6,56 tỷ USD năm 2024, trong đó bất động sản hấp thụ hơn 185 triệu USD chỉ trong vài tháng cuối năm.

Thị trường nhà ở dân cư

Nhu cầu về nhà ở tăng khoảng 200.000 đơn vị mỗi năm, với lượng thiếu hụt ước tính hiện tại khoảng 3 triệu đơn vị theo Bộ Đất đai, Nhà ở và Phát triển Định cư Tanzania. Thị trường nhà ở lớn chủ yếu được chi phối bởi những người xây dựng cá nhân, họ chiếm hơn 70% tổng nguồn cung. Giá nhà ở dự kiến tăng 4-6% hàng năm trên toàn quốc, đặc biệt ở Dar es Salaam là lên tới 7% mỗi năm. Tuy nhiên, hơn 60% dân số Dar es Salaam sống ở các khu định cư không chính thức với hạ tầng kém, quyền sử dụng đất không chắc chắn, và tiếp cận dịch vụ hạn chế. Điều này cho thấy rằng, mặc dù thị trường cao cấp phát triển mạnh, phần lớn người Tanzania vẫn bị loại khỏi thị trường nhà ở chính thức do các vấn đề về khả năng chi trả.

Chính phủ vừa thông qua những cải cách quan trọng để hỗ trợ thị trường: Luật Đầu tư và Khu kinh tế đặc biệt Tanzania năm 2025 cho phép thuê đất 99 năm, và Chính sách Đất đai Quốc gia cho phép rút ngắn thời gian phê duyệt dự án (giảm xuống còn khoảng 75 ngày). Những cải cách này tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư bất động sản.

Bất động sản thương mại

Bất động sản thương mại cũng gia tăng khi Tanzania trở thành nước có thu nhập trung bình. Dar es Salaam là khu vực chính tập trung hoạt động văn phòng và bán lẻ với kho lưu trữ bán lẻ 153.000 m². Các trung tâm mua sắm hàng đầu bao gồm Mlimani City Mall ở Mwenge, Aura Mall ở Upanga, và Mkuki Mall ở Kisutu. Tuy nhiên, thị trường bán lẻ chính thức ở Dar es Salaam vẫn thiếu cung, tạo ra cơ hội tăng trưởng lớn cho các nhà đầu tư.

Nhu cầu về không gian văn phòng cao cấp tăng mạnh do nền kinh tế năng động, sự tăng đột biến của các công ty đa quốc gia, và các doanh nghiệp địa phương tiến bộ. Các khu vực mới như Masaki và Oyster Bay nổi lên thành đối thủ cạnh tranh với trung tâm thành phố, cung cấp tiện nghi cao cấp, an ninh tốt hơn, và gần các sứ quán ngoại giao. Xu hướng mới là sự phát triển đa công năng, kết hợp văn phòng với bán lẻ và nhà ở, phản ánh kế hoạch quy hoạch đô thị tiên tiến của Dar es Salaam.

Các cơ hội đầu tư

Ngành bất động sản Tanzania cung cấp nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư quốc tế, đặc biệt là từ Việt Nam: (1) phát triển và quản lý các khu dân cư; (2) xây dựng và quản lý căn hộ dân cư; (3) phát triển và quản lý các tòa nhà văn phòng; (4) xây dựng hội trường hội nghị và tiệc tùng; (5) tạo lập và quản lý các trung tâm mua sắm; (6) phát triển và quản lý khách sạn; (7) phát triển và quản lý bất động sản đa công năng; (8) cung cấp dịch vụ tài chính nhà ở. Với thiếu hụt 3 triệu đơn vị nhà ở, nhu cầu tăng 200.000 đơn vị mỗi năm, mức tăng giá 4-6% hàng năm, và đầu tư nước ngoài tăng vọt, ngành bất động sản Tanzania mang lại cơ hội đầu tư hấp dẫn và bền vững.

5.2.2 Vận tải

Tổng quan

Ngành vận tải Tanzania bao gồm nhiều hình thức: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa (sông hồ) và hàng không cũng như vận tải biển. Ngành này đóng góp 7,8% vào GDP quốc gia, xếp thứ năm trong các ngành kinh tế chính, và là nhà cung cấp ngoại tệ lớn thứ ba của đất nước (2,61 tỷ USD), đứng sau du lịch (3,64 tỷ USD) và khoáng sản (3,61 tỷ USD). Kết hợp vận tải và du lịch chiếm 42,62% tổng dự trữ ngoại tệ của Tanzania. Năm 2023, ngành vận tải đóng góp 6,3% tăng trưởng GDP, cho thấy vai trò then chốt trong nền kinh tế.

Vị trí chiến lược của Tanzania, với các cảng phục vụ nhiều nước không có biển như DRC, Zambia, Rwanda, Burundi, Malawi, Uganda, tạo ra tiềm năng khổng lồ cho ngành vận tải. Chính phủ xem cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông là ưu tiên hàng đầu để phát triển thương mại nội bộ và quốc tế, thúc đẩy Tanzania trở thành nước có thu nhập trung bình. Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Phi tiếp tục hỗ trợ Tanzania trong việc đạt các mục tiêu phát triển hạ tầng thông qua cấp cấp vốn, tín dụng và hỗ trợ kỹ thuật.

Đường bộ

Theo Tầm nhìn phát triển 2025 của Tanzania, chính phủ ưu tiên phát triển mạng lưới đường bộ, hình thức vận tải được sử dụng rộng rãi nhất vận chuyển hơn 90% hành khách và 75% hàng hóa. Mạng lưới đường bộ hiện tại dài 86.472 km, trong đó 12.786 km là đường quốc lộ, 21.105 km là đường khu vực và 52.581 km là đường huyện với các tuyến đường thành phố và nông thôn. Cơ quan Đường bộ quốc gia Tanzania (TANROADS) quản lý mạng lưới 33.891 km, bao gồm 12.786 km đường quốc lộ và 21.105 km đường khu vực.

Đường sắt

Đường sắt là hình thức vận tải quan trọng khác liên kết các vùng trong và ngoài Tanzania. Hệ thống đường sắt hiện tại được vận hành bởi hai nhà khai thác: Tổng công ty Đường sắt Tanzania và Đường sắt Tanzania-Zambia (TAZARA). Chính phủ xây dựng đường sắt tiêu chuẩn quốc tế mới để thay thế hệ thống đường sắt mỏng cũ kém hiệu quả. Khi hoàn thành, đường sắt sẽ liên kết Tanzania với Rwanda, Uganda, Burundi, và cuối cùng là DRC, là phần của Kế hoạch Tổng thể Đường sắt Đông Phi.

Dự án đường sắt tiêu chuẩn bao gồm 6 giai đoạn với tổng chiều dài khoảng 2.000 km. Giai đoạn 1 (Dar es Salaam-Morogoro, 300 km) đã hoàn thành cơ sở hạ tầng, bắt đầu chạy thử nghiệm vào tháng 4 năm 2022, và khởi động dịch vụ hành khách vào ngày 14 tháng 6 năm 2024. Giai đoạn 2 (Morogoro-Makutupora, 422 km) được lập kế hoạch kết thúc năm 2025. Giai đoạn cuối từ Tabora đến Kigoma dự kiến hoàn thành năm 2026. Tổng đầu tư vào dự án SGR đã đạt 10,04 tỷ USD.

Năm 2020, chính phủ tài trợ dự án bằng nguồn vốn trong nước và vay tạm thời. Tháng 2 năm 2020, chính phủ nhận được khoản vay tổng hợp 1,46 tỷ USD từ các ngân hàng do Standard Chartered làm chủ quản và các Cơ quan tín dụng xuất khẩu của Đan Mạch và Thụy Điển. Giá trị hợp đồng kết hợp giai đoạn 1 và 2 là 2,35 tỷ USD với 950 triệu USD từ Bộ Tài chính Tanzania và 1,45 tỷ USD từ Yapı Merkezi.

Khi hoàn thành, đường sắt tiêu chuẩn sẽ giảm đáng kể chi phí vận chuyển hàng hóa. Ví dụ, chi phí vận chuyển hàng từ cảng Dar es Salaam đến DRC dự kiến giảm từ tối thiểu 6.000 USD/tấn xuống khoảng 4.000 USD/tấn.

Hàng không

Chính phủ Tanzania đã hỗ trợ phát triển vận tải hàng không bằng xây dựng sân bay mới. Năm 2019, Ngân hàng Phát triển Châu Phi (AfDB) phê duyệt khoản vay 272,12 triệu USD cho Tanzania xây dựng sân bay quốc tế mới ở thủ đô Dodoma. Sân bay mới được xây dựng ở huyện Msalato, cách Dodoma 12 km, dự kiến xử lý ít nhất 50.000 chuyến bay và 1 triệu hành khách mỗi năm. Công việc xây dựng bắt đầu năm 2022 với sự tham gia của Sinohydro và Beijing Construction Engineering. Dự án được tài trợ bằng 198,6 triệu USD từ AfDB, 23,52 triệu USD từ Quỹ Phát triển Châu Phi, 50 triệu USD từ Quỹ Phát triển Chung Châu Phi. Dự kiến hoàn thành năm 2024 để phục vụ cho địa vị mới của Dodoma là thủ đô hành chính của Tanzania.

Cảng biển

Cơ quan Cảng Tanzania đang triển khai nhiều dự án lớn theo Kế hoạch Tổng thể Cảng Quốc gia để xây dựng chiến lược dài hạn cho các cảng Tanzania nhằm tăng công suất đáp ứng nhu cầu dự kiến. Một trong những dự án chính là Dự án Cổng Biển Dar es Salaam (DMGP). DMGP nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động cảng bằng cách trở thành cảng đẳng cấp thế giới với khả năng tiếp nhận tàu lớn hơn.

Các dự án hiện đại hóa cảng bao gồm: (1) Kéo dài bản dỡ 1-7 và bến RORO; (2) Nạo vét kênh vào cảng, vùng quay tàu, lòng cảng; (3) Kéo dài bản dỡ 8-11; (4) Xây dựng bến cập bộ mới. Tháng 12 năm 2024, chính phủ Tanzania và EU phát động dự án 15 triệu euro (15,7 triệu USD) kéo dài 4 năm nhằm nâng cao hiệu quả cảng, hỗ trợ thương mại biển và cải thiện kết nối đô thị. Dự án này do TradeMark Africa, Cảng Antwerp, và UN-Habitat thực hiện, nhằm loại bỏ rào cản thương mại, cải thiện xử lý hàng dễ hỏng, và số hóa hải quan.

Cơ hội đầu tư

Ngành vận tải Tanzania mang lại cơ hội kinh doanh hấp dẫn cho doanh nghiệp Việt Nam: (1) Cung cấp máy móc và phụ tùng ô tô cho các nhà phát triển đường bộ; (2) Dịch vụ xây dựng và kỹ sư cho các dự án hạ tầng giao thông; (3) Cung cấp công nghệ tàu điện cho hoạt động đường sắt; (4) Phát triển dịch vụ logistics và vận tải hàng hóa; (5) Cung cấp thiết bị cảng; (6) Dịch vụ bảo trì máy bay; (7) Phát triển nhà kho và trung tâm phân phối. Với các dự án hạ tầng vận tải trị giá hàng tỷ USD đang triển khai, vị trí chiến lược phục vụ các nước hành lang, và tăng trưởng ngành dự kiến 6,2% hàng năm, ngành vận tải Tanzania cung cấp cơ hội đầu tư bền vững dài hạn.

5.2.3 Các cơ hội đầu tư

Với các cải tiến và nâng cấp dự kiến trong tất cả các lĩnh vực được liệt kê ở trên, các công ty quan tâm nên thường xuyên theo dõi các trang web và cơ sở dữ liệu đấu thầu công bố trực tuyến để cập nhật các cơ hội kinh doanh sắp tới. Trung tâm Đầu tư Tanzania

đã chỉ ra một số lĩnh vực có tiềm năng trong Hướng dẫn đầu tư. Các cơ hội chính bao gồm:

Hạ tầng logistics:
Phát triển các bến chứa container nội địa và các cơ sở vận hành container quốc tế tại Mwanza, Kigoma, Tabora, Morogoro, Arusha, Tanga, Shinyanga, Dodoma, và Mpanda.

Đường sắt:
Cơ hội cung cấp toa xe điện và tàu đầu máy cho hệ thống đường sắt tiêu chuẩn quốc tế mới được xây dựng.

Sân bay:
Xây dựng và vận hành khách sạn tại các sân bay khu vực. Phát triển các khu mua sắm và phòng chờ tại các sân bay quốc tế.

Sân bay quốc tế Dodoma:

Các lĩnh vực đầu tư tiềm năng tại sân bay quốc tế Dodoma mới bao gồm: (1) Xưởng bảo trì máy bay; (2) Trung tâm hội nghị; (3) Trung tâm mua sắm; (4) Khách sạn bốn sao.

Công cụ hỗ trợ tìm kiếm cơ hội:

Các công ty Việt Nam quan tâm nên theo dõi các nguồn thông tin chính sau để cập nhật thông báo đấu thầu và cơ hội kinh doanh: Bộ Vận tải, Cơ quan Cảng Tanzania, Cơ quan Đường bộ Tanzania, Cơ quan Sân bay Tanzania, Công ty Đường sắt Tanzania, Trung tâm Đầu tư Tanzania, và Ngân hàng Phát triển Châu Phi. Những cơ quan này thường công bố các yêu cầu đấu thầu (RFP), thông báo ý định (EOI), và các dự án sắp triển khai trên các trang web chính thức.

Các cơ quan hỗ trợ:

Bộ Vận tải (www.mwt.go.tz)
Cơ quan Cảng Tanzania (TPA) (https://ports.go.tz/
Cơ quan Đường bộ Tanzania (TANROADS) (https://www.tanroads.go.tz/)
Cơ quan Sân bay Tanzania (TAA) (https://www.taa.go.tz/
Công ty Đường sắt Tanzania (TRL) (https://www.trc.co.tz/)
Trung tâm Đầu tư Tanzania (TIC) (https://www.tic.go.tz/)
Ngân hàng Phát triển Châu Phi (AfDB) (https://www.afdb.org/en)

Chương 6: GIAO THƯƠNG VÀ ĐẦU TƯ GIỮA VIỆT NAM VÀ TANZANIA

Tổng quan hoạt động thương mại của Tanzania

Tanzania là một nền kinh tế có quy mô khiêm tốn nhưng đã và đang nỗ lực hội nhập sâu rộng vào mạng lưới thương mại toàn cầu. Theo WTO Trade Profile 2023, độ mở thương mại của Tanzania – tính bằng tỷ trọng tổng giá trị xuất nhập khẩu trên GDP – đạt 15,9% giai đoạn 2020–2022, qua đó xếp hạng 62 trên thế giới, cho thấy mức độ liên kết kinh tế quốc tế tương đối khiêm tốn so với nhiều quốc gia khác.

Về thương mại hàng hóa, năm 2022, Tanzania ghi nhận thứ hạng 114 thế giới về xuất khẩu và 98 thế giới về nhập khẩu hàng hóa, phản ánh sự phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nhập khẩu nguyên liệu và hàng tiêu dùng. Mức nhập siêu hàng hóa kéo theo thâm hụt cán cân thương mại, cho thấy tiềm năng cần khai thác thêm các ngành chế biến, tăng giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp và khoáng sản để thu hẹp khoảng cách.

Trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, năm 2022, Tanzania đạt thứ hạng 88 thế giới về xuất khẩu và 117 về nhập khẩu dịch vụ thương mại. Du lịch chiếm tỷ lệ áp đảo trong cơ cấu xuất khẩu dịch vụ với 53,2%, tiếp đến là vận tải với 39,5%, thể hiện cả điểm mạnh về tiềm năng thu hút khách du lịch quốc tế lẫn rủi ro phụ thuộc hẹp vào hai ngành này.

Tanzania vẫn đối mặt với thâm hụt cán cân vãng lai ở mức 4,6% GDP năm 2022, cho thấy quốc gia này đang nhập siêu cả hàng hóa và dịch vụ so với năng lực xuất khẩu tổng thể. Để nâng cao vị thế thương mại, Tanzania cần tập trung đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu, phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ có giá trị gia tăng cao, đồng thời khuyến khích đầu tư vào hạ tầng logistics để giảm chi phí giao thương và tăng tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của Tanzania giai đoạn 2020 - 2024
(Nguồn: Trade Map; ĐVT: triệu USD)

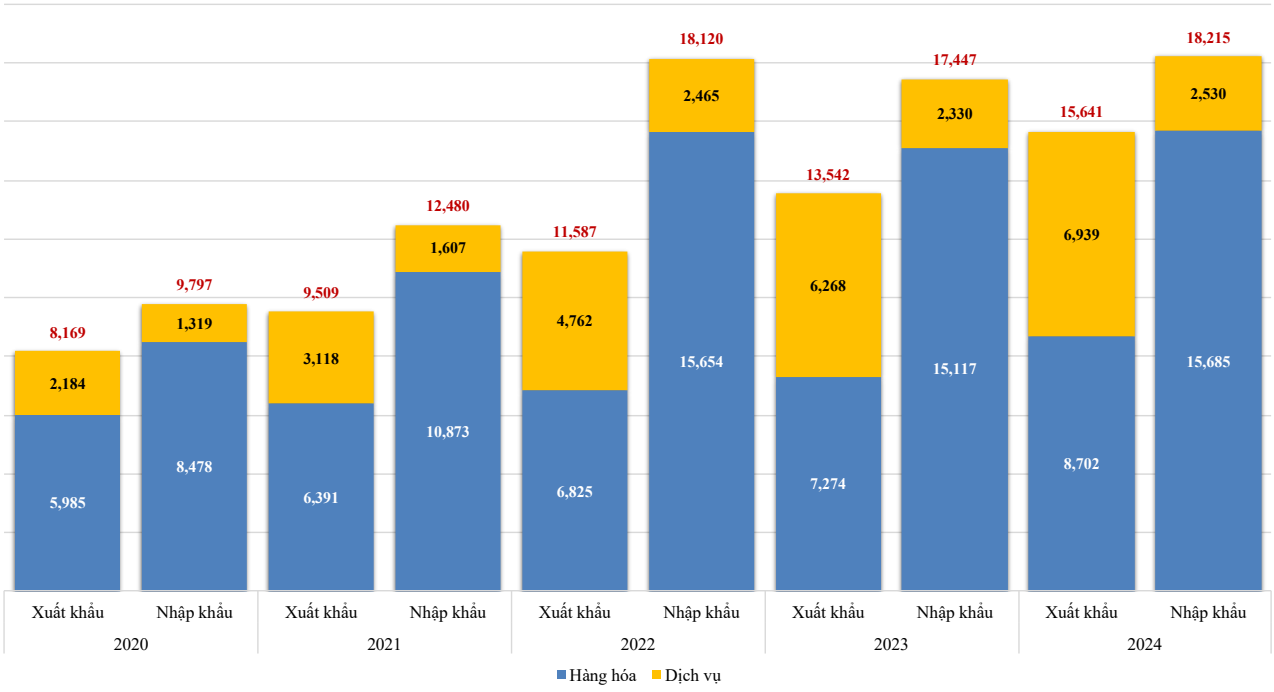

Theo số liệu từ Trade Map, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Tanzania trong giai đoạn 2020-2024 thể hiện xu hướng phục hồi và tăng trưởng ấn tượng sau tác động của đại dịch COVID-19.

Về xuất khẩu, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng mạnh từ 8,169 triệu USD năm 2020 lên 15,641 triệu USD năm 2024, tương đương mức tăng gần 91% trong 4 năm. Xuất khẩu hàng hóa là động lực chính, tăng từ 5,985 triệu USD (2020) lên 8,702 triệu USD (2024), trong khi xuất khẩu dịch vụ có sự bùng nổ từ 2,184 triệu USD (2020) lên đỉnh điểm 6,939 triệu USD (2024). Đặc biệt, xuất khẩu dịch vụ tăng mạnh từ năm 2022 và tiếp tục đà tăng trưởng ổn định, cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của ngành dịch vụ.

Về nhập khẩu, tổng kim ngạch tăng từ 9,797 triệu USD năm 2020 lên 18,215 triệu USD năm 2024, tăng 86%. Nhập khẩu hàng hóa chiếm tỷ trọng áp đảo và có xu hướng tăng mạnh, từ 8,478 triệu USD (2020) lên 15,685 triệu USD (2024). Nhập khẩu dịch vụ tuy có quy mô nhỏ hơn nhưng cũng tăng đều đặn từ 1,319 triệu USD (2020) lên 2,530 triệu USD (2024).

Điểm đáng chú ý là năm 2022 ghi nhận kim ngạch nhập khẩu đạt đỉnh 18,120 triệu USD, phản ánh tác động của lạm phát toàn cầu và giá năng lượng tăng cao. Sau đó, nhập khẩu giảm xuống 17,447 triệu USD năm 2023 trước khi tăng nhẹ trở lại năm 2024. Xu hướng tăng trưởng xuất khẩu dịch vụ nhanh hơn nhiều so với hàng hóa cho thấy Tanzania đang đa dạng hóa thành công cơ cấu xuất khẩu, đặc biệt trong các lĩnh vực như du lịch và vận tải, góp phần quan trọng vào việc cải thiện cán cân thương mại tổng thể của quốc gia.

Cán cân thương mại của Tanzania giai đoạn 2020 - 2024 (Nguồn: Trademap; ĐVT: triệu USD)

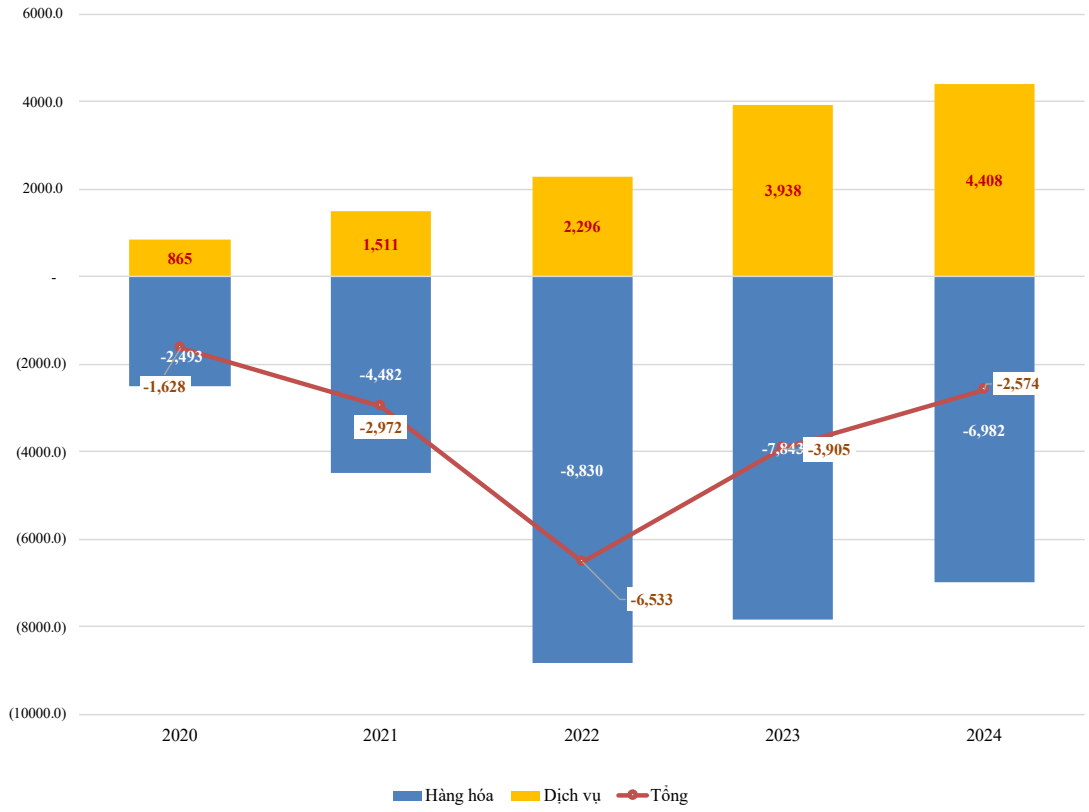

Cán cân thương mại của Tanzania trong giai đoạn 2020-2024 (Nguồn: Trade Map, ĐVT: triệu USD) thể hiện xu hướng từ xấu đi đến cải thiện dần với những đặc điểm nổi bật sau:

Tình hình tổng thể: Tanzania duy trì thâm hụt thương mại liên tục trong toàn bộ giai đoạn, nhưng mức độ biến động mạnh. Thâm hụt tổng thể tăng từ 1.628 triệu USD (2020) lên đỉnh điểm 6.533 triệu USD (2022), sau đó giảm dần xuống 2.574 triệu USD (2024) - cho thấy xu hướng phục hồi tích cực.

Cán cân hàng hóa - điểm yếu lớn nhất: Thâm hụt hàng hóa là nguyên nhân chính gây ra thâm hụt thương mại tổng thể. Mức thâm hụt tồi tệ nhất vào năm 2022 với 8.830 triệu USD, phản ánh tác động của lạm phát toàn cầu và giá năng lượng tăng cao. Tuy nhiên, từ 2022 đến 2024, thâm hụt hàng hóa đã cải thiện 1.848 triệu USD, giảm từ 8.830 xuống 6.982 triệu USD.

Cán cân dịch vụ - điểm sáng đáng chú ý: Ngành dịch vụ là "cứu cánh" của cán cân thương mại Tanzania với thặng dư liên tục và tăng trưởng ấn tượng. Thặng dư dịch vụ tăng gấp 5,1 lần từ 865 triệu USD (2020) lên 4.408 triệu USD (2024), với mức tăng trưởng 3.543 triệu USD trong 4 năm. Đến 2024, thặng dư dịch vụ đã bù đắp được 63,1% thâm hụt hàng hóa.

Xu hướng và điểm bất thường:

+ 2020-2022: Giai đoạn xấu đi liên tục với thâm hụt tổng thể tăng 4.905 triệu USD

+ 2022: Năm "khủng hoảng" với thâm hụt cao nhất do tác động hậu COVID-19 và lạm phát toàn cầu

+ 2022-2024: Giai đoạn phục hồi mạnh mẽ với thâm hụt giảm 3.959 triệu USD

Kết luận: Cán cân thương mại Tanzania đang trên đà cải thiện rõ rệt nhờ sự bùng nổ của ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch và vận tải. Mặc dù vẫn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu hàng hóa, khả năng bù đắp từ dịch vụ ngày càng mạnh mẽ cho thấy tiềm năng cân bằng thương mại trong tương lai gần nếu duy trì được đà tăng trưởng xuất khẩu dịch vụ và kiểm soát nhập khẩu hàng hóa.

Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính của Tanzania

Những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Tanzania năm 2024 (Nguồn: Trade Map, ĐVT: %)

Năm 2024, cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của Tanzania (Nguồn: Trade Map; ĐVT: %) cho thấy ngọc trai và đá quý đứng đầu với 43% tổng kim ngạch, tiếp theo là quả ăn được và hạt chiếm 7%, thuốc lá và sản phẩm thay thế 6%, rau củ khoảng 5% và cà phê–trà–gia vị 4%. Các nhóm hạt có dầu, ngũ cốc, quặng–xi măng, nhiên liệu khoáng mỗi nhóm chỉ chiếm khoảng 3–4%, trong khi phần "khác" được gom lại chiếm 22% nhằm đơn giản hóa biểu đồ. Ngọc trai–đá quý áp đảo gần một nửa cơ cấu, trong khi các nhóm dưới 5% đều đóng góp rất nhỏ. So với nhóm thứ hai (quả ăn được & hạt, 7%), tỷ trọng của ngọc

trai–đá quý cao gần sáu lần, khẳng định vai trò chủ lực của ngành khai thác và chế tác đá quý. Điểm đáng chú ý là tỷ trọng 22% của "sản phẩm khác" khá lớn, cho thấy còn nhiều mặt hàng nhỏ lẻ khác.

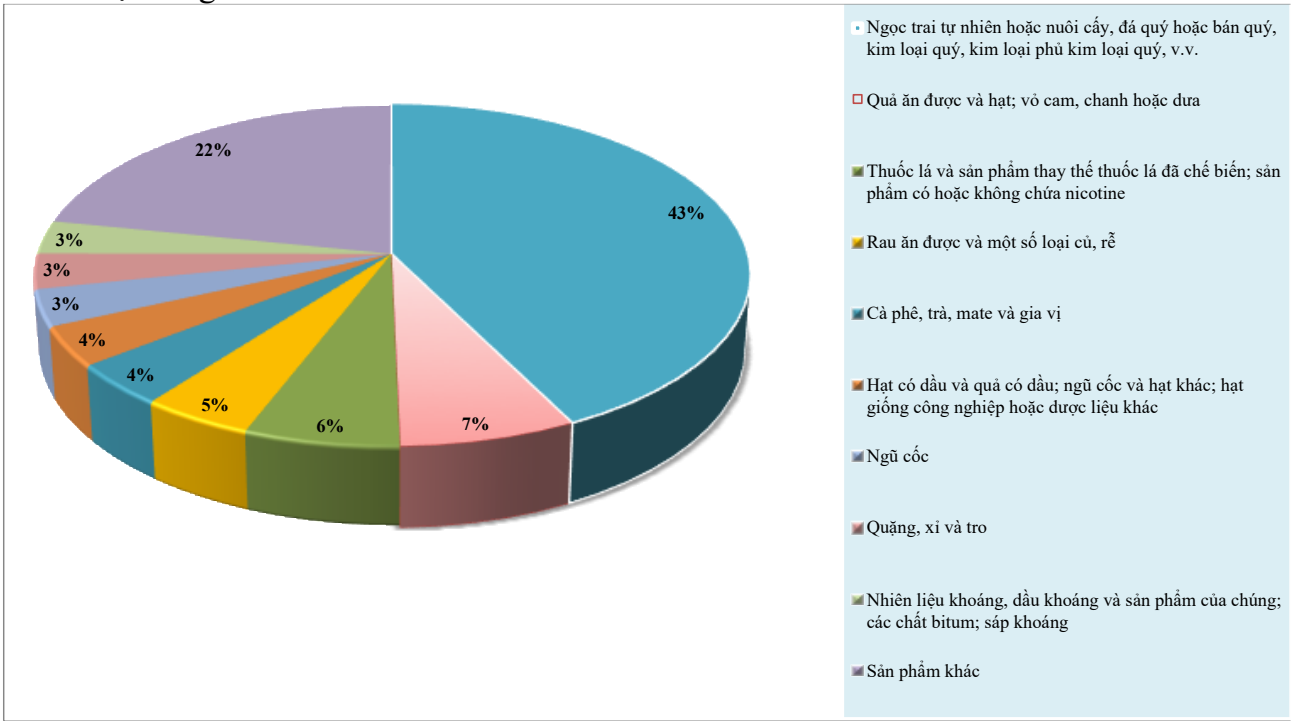

Những mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Tanzania năm 2024

(Nguồn: Trade Map, ĐVT: %)

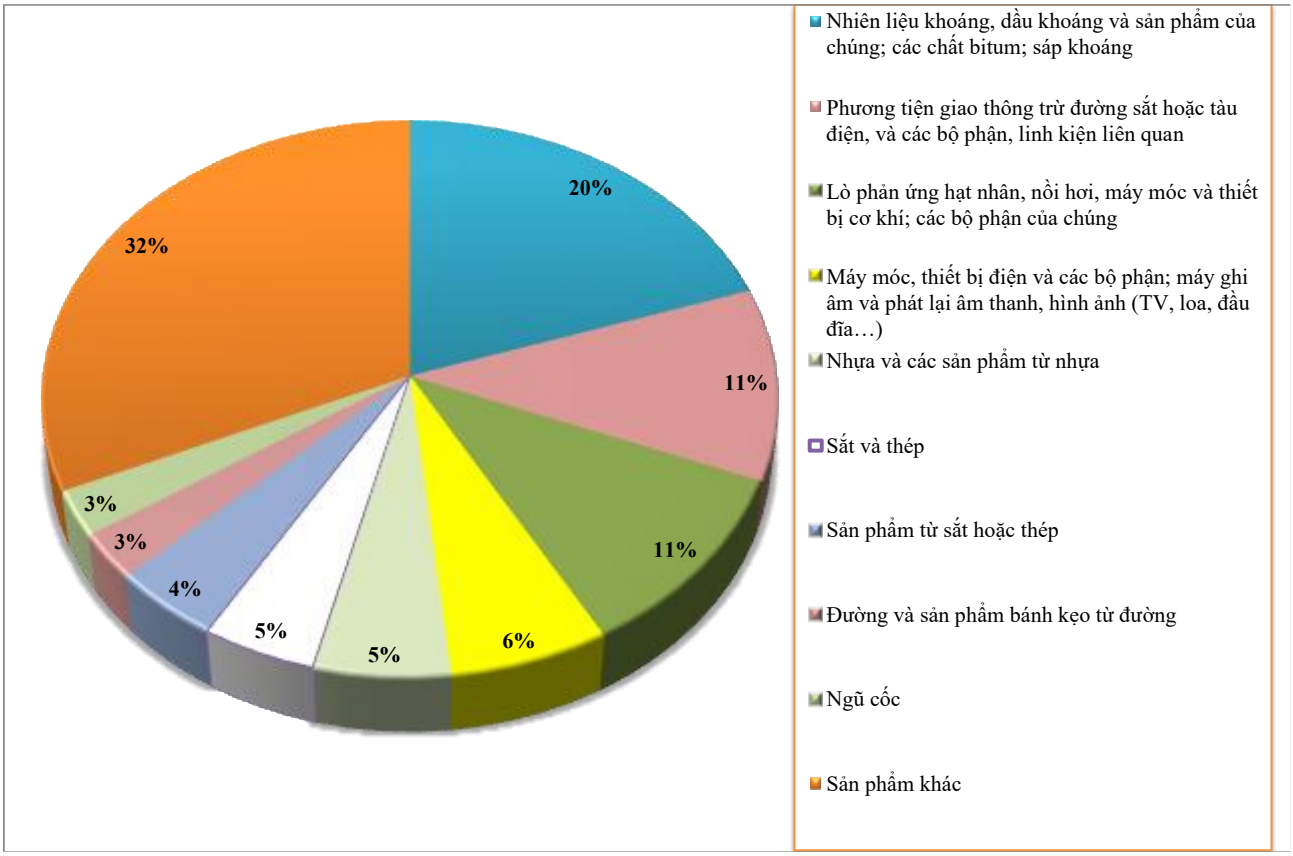

Năm 2024, cơ cấu mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Tanzania (Nguồn: Trade Map; ĐVT: %) gồm nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và sản phẩm của chúng chiếm 20%; phương tiện giao thông đường sắt hoặc tàu điện cùng linh kiện liên quan 11%; lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí cùng phụ tùng 11%; máy móc, thiết bị điện và phụ tùng—máy ghi âm, hình ảnh—chiếm 6%; nhựa và sản phẩm từ nhựa 5%; sắt và thép 4%; sản phẩm từ sắt hoặc thép 5%; đường và sản phẩm bánh kẹo từ đường 3%; ngũ cốc 3%; còn lại "sản phẩm khác" chiếm 32% (gom các nhóm nhỏ lẻ). Nhóm nhập khẩu lớn nhất là nhiên liệu khoáng–dầu khoáng với 20%, chiếm gần một phần năm tổng kim ngạch, trong khi ngũ cốc và đường mỗi nhóm chỉ chiếm 3%, rất khiêm tốn. So sánh hai nhóm hàng hóa nhập khẩu lớn nhất, tỷ trọng nhiên liệu khoáng–dầu khoáng gấp gần hai lần so với phương tiện giao thông đường sắt–linh kiện (11%), cho thấy Tanzania phụ thuộc nhiều vào nguồn năng lượng nhập khẩu.

Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Tanzania

Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại Việt Nam - Tanzania giai đoạn 2020 - 2024 (Nguồn: Cục Hải quan, ĐVT: triệu USD)

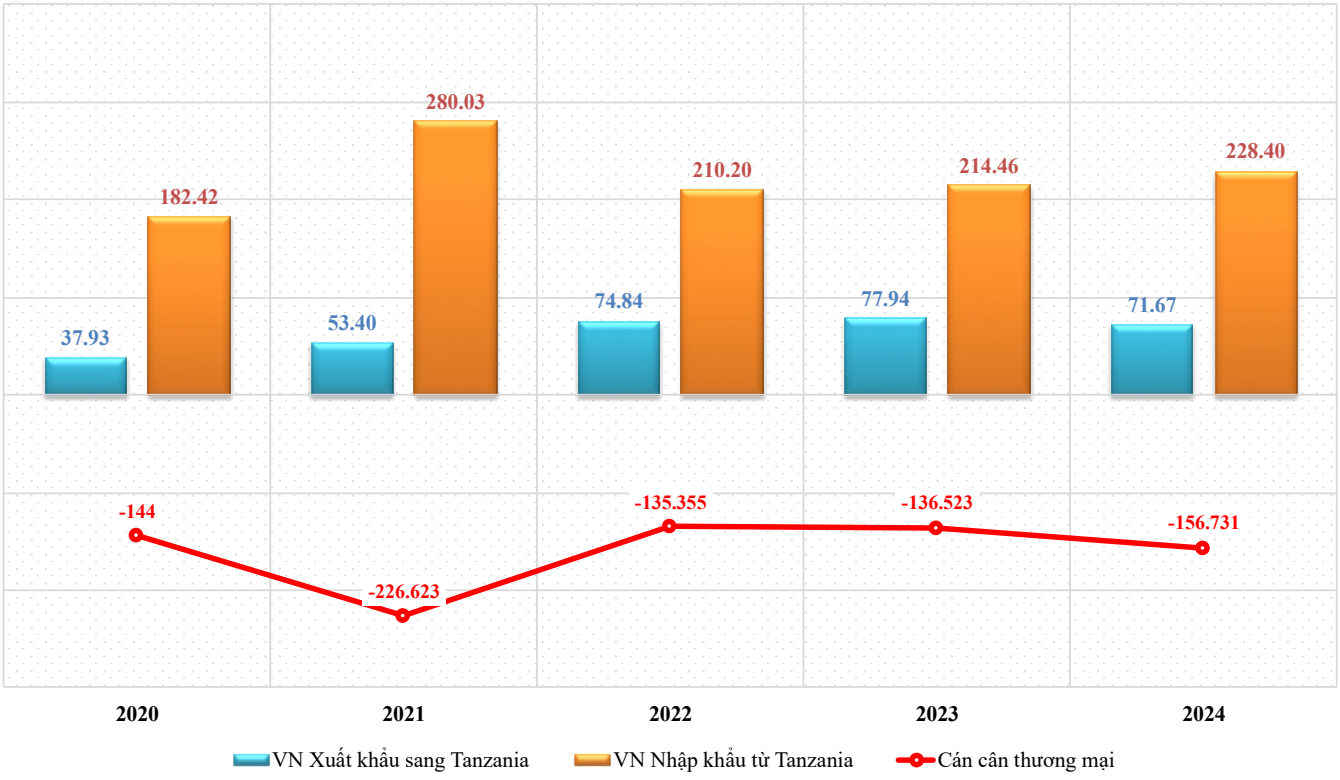

Kim ngạch thương mại Việt Nam – Tanzania giai đoạn 2020–2024 (Nguồn: Cục Hải quan; ĐVT: triệu USD) cho thấy xuất khẩu sang Tanzania tăng mạnh từ 37,93 triệu USD (2020) lên đỉnh 77,94 triệu USD (2023) trước khi giảm nhẹ còn 71,67 triệu USD (2024), trong khi nhập khẩu từ Tanzania dao động quanh mức cao với 182,42 triệu USD (2020), đỉnh 280,03 triệu USD (2021), giảm về 210,20 triệu USD (2022) rồi tăng trở lại lên 228,40 triệu USD (2024). Tỷ trọng xuất khẩu so với nhập khẩu chỉ chiếm khoảng 25–35%, phản ánh cán cân luôn thâm hụt lớn: thâm hụt giảm sâu nhất xuống –226,62 triệu USD năm 2021, sau đó cải thiện nhẹ về –135,36 triệu USD (2022) và duy trì quanh –136,52 triệu USD (2023) trước khi thâm hụt sâu trở lại –156,73 triệu USD (2024). Xu hướng chung là xuất khẩu tăng đều nhưng chưa tương xứng với nhập khẩu, dẫn đến

thâm hụt kéo dài. Điểm đáng chú ý là mức thâm hụt cao kỷ lục năm 2021, tương ứng với làn sóng gián đoạn chuỗi cung ứng, và sự phục hồi xuất khẩu chậm lại năm 2024. Để thu hẹp khoảng cách, Việt Nam cần thúc đẩy đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh vào Tanzania, đồng thời tìm kiếm cơ hội mở rộng nhập khẩu nguyên liệu giá trị thấp để cân bằng lại dòng thương mại.

Tỉ trọng kim ngạch xuất nhập khẩu với Tanzania so với tổng giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024 (ĐVT: triệu USD, Nguồn: Cục Hải quan)

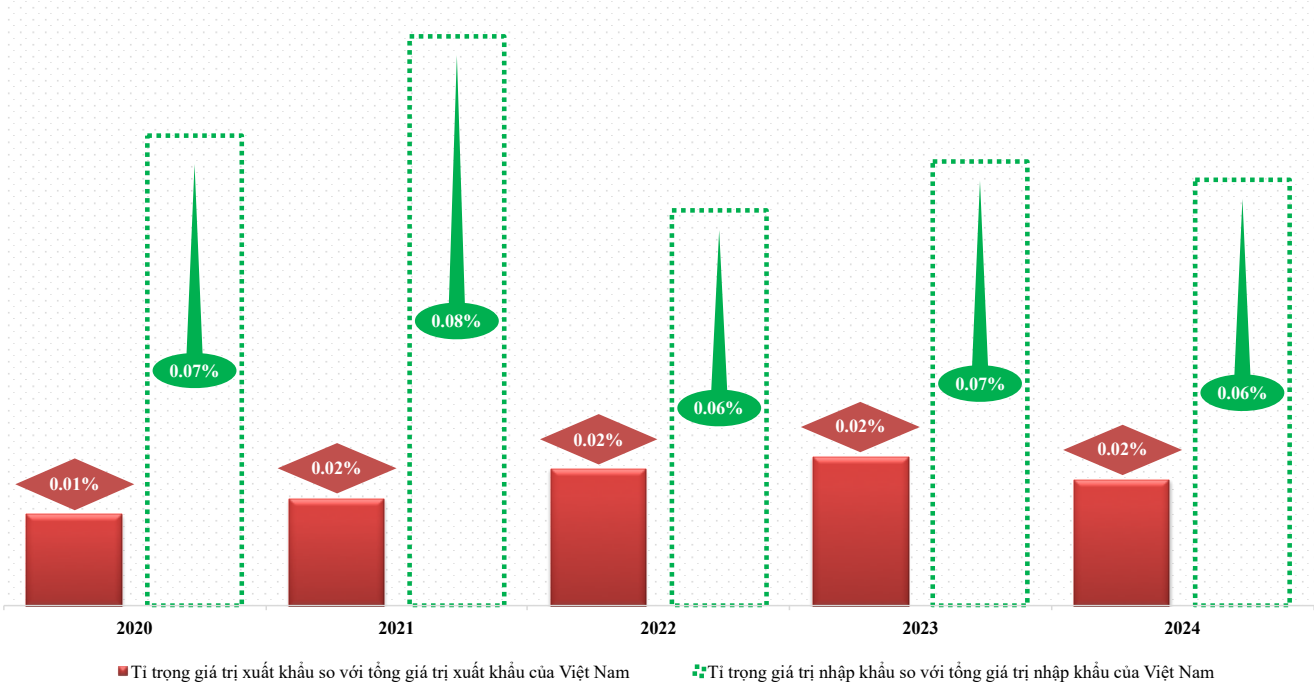

Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Tanzania so với tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước duy trì mức rất khiêm tốn, chỉ 0,01% năm 2020, tăng lên 0,02% giai đoạn 2021–2024, cho thấy quan hệ thương mại đối với Tanzania vẫn chưa được khai thác mạnh mẽ. Ngược lại, tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu từ Tanzania chiếm cao hơn, đạt 0,07% năm 2020, lên đỉnh 0,08% năm 2021, sau đó giảm về 0,06%–0,07% trong giai đoạn 2022–2024, phản ánh Việt Nam chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu và hàng hóa từ Tanzania. Xu hướng chung là tỷ trọng xuất khẩu tăng nhẹ và ổn định ở mức 0,02%, trong khi tỷ trọng nhập khẩu biến động hơn, đạt cao năm 2021 rồi giảm nhẹ những năm sau. Điểm đáng chú ý là năm 2021 ghi nhận mức nhập khẩu lớn nhất (0,08%), có thể do tác động điều chỉnh chuỗi cung ứng toàn cầu, sau đó nhập khẩu từ Tanzania giảm dù tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng. Điều này cho thấy có dư địa để Việt Nam đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu sang Tanzania, đồng thời cân nhắc điều chỉnh chiến lược nhập khẩu nhằm tối ưu hóa cân bằng thương mại và tận dụng tốt hơn tiềm năng thị trường Tanzania.

Một số sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Tanzania

Một số sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang Tanzania
(Nguồn: Cục Hải quan, ĐVT: triệu USD)

Sản phẩm xuất khẩu (ĐVT: triệu USD)	**2019**	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**
TANZANIA	**58,6**	**37,9**	**53,4**	**74,8**	**77,9**	**71,7**
Gạo	11,4	8,8	4,6	8,8	9,7	5,6
Hàng dệt, may	20,3	4,7	11,5	14,9	8,8	2,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	3,9	4,0	5,6	9,7	10,7	8,6
Hàng hóa khác	23,1	20,5	31,8	41,5	48,7	54,6

Một số sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang Tanzania giai đoạn 2020–2024 (Nguồn: Tổng cục Hải quan; ĐVT: triệu USD) cho thấy tổng kim ngạch tăng từ 37,9 triệu USD năm 2020 lên đỉnh 77,9 triệu USD năm 2023 trước khi giảm còn 71,7 triệu USD năm 2024. Về thành phần, nhóm "hàng hóa khác" chiếm tỷ trọng áp đảo và liên tục mở rộng, từ 20,5 triệu USD (54% tổng kim ngạch) năm 2020 lên 54,6 triệu USD (76%) năm 2024. Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác tăng dần từ 4,0 triệu USD (11%) năm 2020 lên đỉnh 10,7 triệu USD (14%) năm 2023 rồi giảm còn 8,6 triệu USD (12%) năm 2024. Dệt may dao động, chỉ 4,7 triệu USD (12%) năm 2020, vọt lên 14,9 triệu USD (20%) năm 2022 rồi giảm sâu còn 2,8 triệu USD (4%) năm 2024. Gạo có xu hướng tăng–giảm đan xen: 8,8 triệu USD (23%) năm 2020 giảm còn 4,6 triệu USD (9%) năm 2021, sau đó hồi phục lên 9,7 triệu USD (12%) năm 2023 rồi giảm 5,6 triệu USD (8%) năm 2024. Điểm đặc biệt là tỷ trọng "hàng hóa khác" ngày càng lớn, cho thấy xuất khẩu đang dựa quá nhiều vào các nhóm mặt hàng chưa được phân loại chi tiết, trong khi dệt may và gạo – những ngành thế mạnh – lại có biến động mạnh và giảm sút tỷ trọng vào cuối giai đoạn. Để cân bằng cơ cấu, Việt Nam nên thúc đẩy gia tăng xuất khẩu các mặt hàng công

nghiệp chế tạo có giá trị cao, củng cố đầu ra cho dệt may và nông sản chủ lực, đồng thời cải thiện hệ thống phân loại "hàng hóa khác" nhằm minh bạch hóa cơ cấu xuất khẩu.

Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Tanzania

(Nguồn: Cục Hải quan, ĐVT: triệu USD)

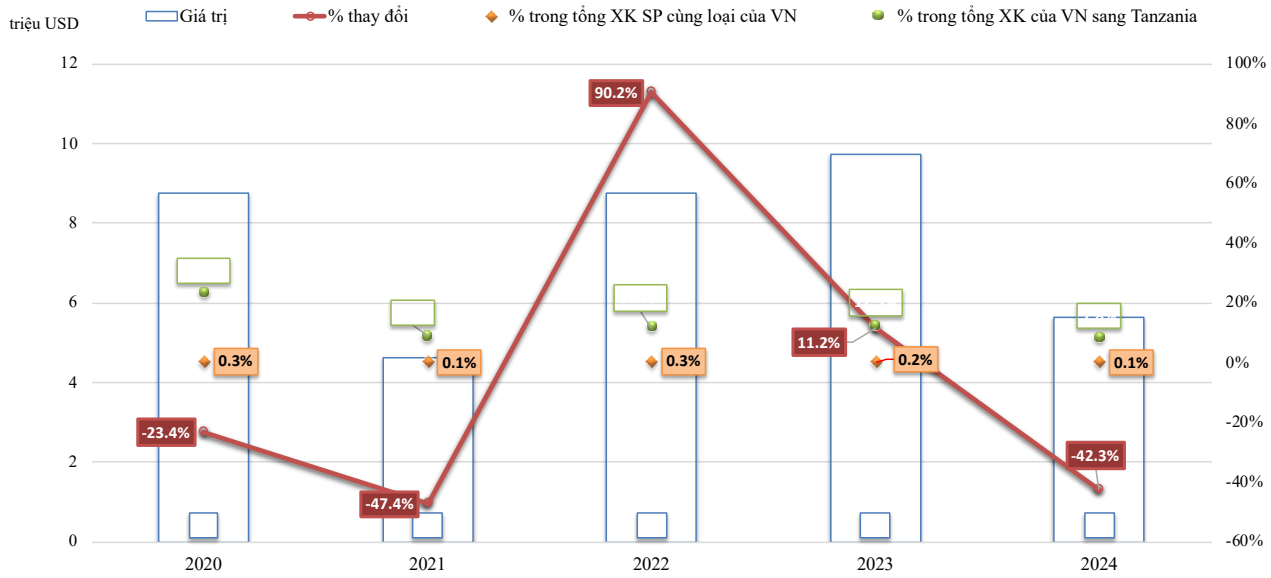

Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Tanzania giai đoạn 2020–2024 (Nguồn: Cục Hải quan; ĐVT: triệu USD) như sau: năm 2020 đạt 8,8 triệu USD, giảm 47,4% xuống 4,6 triệu USD năm 2021, sau đó tăng 90,2% lên 8,8 triệu USD năm 2022, tiếp tục tăng 11,2% lên 9,7 triệu USD năm 2023 rồi giảm 42,3% còn 5,6 triệu USD năm 2024. Xu hướng cho thấy gạo xuất sang Tanzania biến động mạnh, chịu ảnh hưởng của nhu cầu và chính sách thương mại: giai đoạn 2021 sụt giảm mạnh, giai đoạn 2022–2023 phục hồi, trước khi suy giảm lại vào 2024. Về tỷ trọng, xuất khẩu gạo sang Tanzania chiếm chưa đến 0,1% tổng xuất khẩu gạo của Việt Nam ra thế giới (tăng từ 0,3% năm 2020 lên 0,3% năm 2022–2023, rồi giảm về 0,1% năm 2024), đồng thời chiếm tỷ trọng từ 7,8%–23,1% tổng kim ngạch xuất khẩu sang Tanzania (cao nhất 23,1% năm 2020, giảm mạnh xuống 8,6% năm 2021, sau đó duy trì quanh 11–12,5% những năm tiếp theo rồi về 7,8% năm 2024). Điểm bất thường là mức giảm đột ngột năm 2021 và 2024, cho thấy thị trường Tanzania dễ biến động và phụ thuộc vào diễn biến chính sách nhập khẩu, nhu cầu nội địa cũng như cạnh tranh từ các nguồn cung khác. Để ổn định và nâng cao kim ngạch gạo vào Tanzania, doanh nghiệp nên nghiên cứu sâu về quy định nhập khẩu, đẩy mạnh chất lượng và xây dựng thương hiệu gạo Việt nhằm duy trì vị thế trong cơ cấu xuất khẩu sang thị trường này.

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang Tanzania (Nguồn: Cục Hải quan, ĐVT: triệu USD)

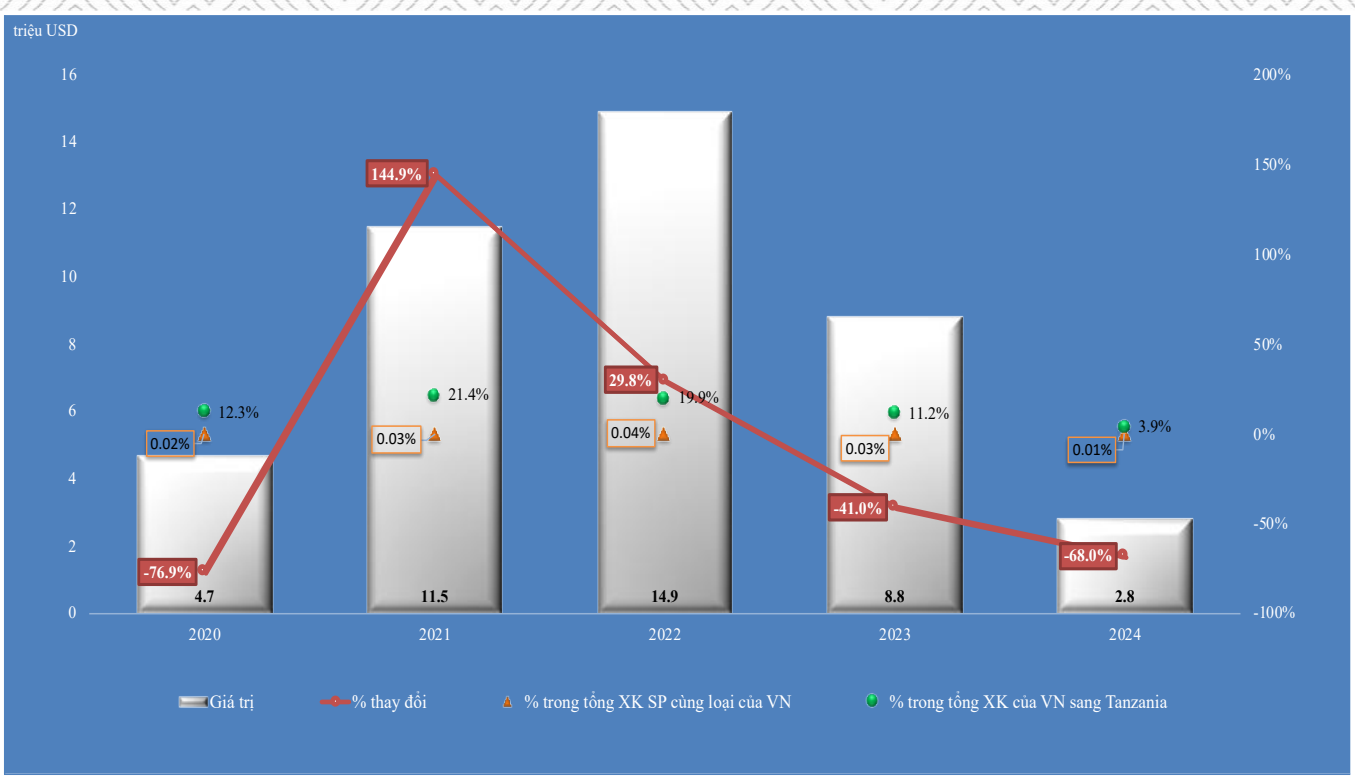

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang Tanzania (Nguồn: Cục Hải quan; ĐVT: triệu USD) cho thấy giá trị lần lượt là 4,7 triệu USD năm 2020, 11,5 triệu USD năm 2021, 14,9 triệu USD năm 2022, 8,8 triệu USD năm 2023 và 2,8 triệu USD năm 2024. Xu hướng biến động rất mạnh: sau sụt giảm 76,9% năm 2020, ngành phục hồi tăng 144,9% năm 2021 và tiếp tục tăng 29,8% năm 2022, trước khi giảm 41,0% năm 2023 và giảm sâu 68,0% năm 2024. Về tỷ trọng trong tổng xuất khẩu dệt may của Việt Nam ra thế giới, tỷ lệ dành cho thị trường Tanzania dao động trong khoảng rất nhỏ, chỉ từ 0,02% năm 2020, tăng nhẹ lên 0,03%–0,04% giai đoạn 2021–2022, rồi giảm trở lại 0,03% năm 2023 và 0,01% năm 2024. Trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang Tanzania, dệt may chiếm 12,3% năm 2020, tăng lên 21,4% năm 2021 và 19,9% năm 2022, trước khi giảm còn 11,2% năm 2023 và 3,9% năm 2024. Điểm bất thường là mức sụt giảm mạnh năm 2020 và 2024, cho thấy thị trường Tanzania dễ chịu tác động của các yếu tố gián đoạn chuỗi cung ứng và thay đổi nhu cầu nhập khẩu. Để ổn định và nâng cao kim ngạch, doanh nghiệp cần đa dạng mẫu mã, đảm bảo nguồn cung ổn định và tìm

hiểu kỹ chính sách thuế quan, quy định nhập khẩu của Tanzania, đồng thời kết hợp xúc tiến và xây dựng thương hiệu dệt may Việt Nam tại thị trường này.

Kim ngạch xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác của Việt Nam sang Tanzania (Nguồn: Cục Hải quan, ĐVT: triệu USD)

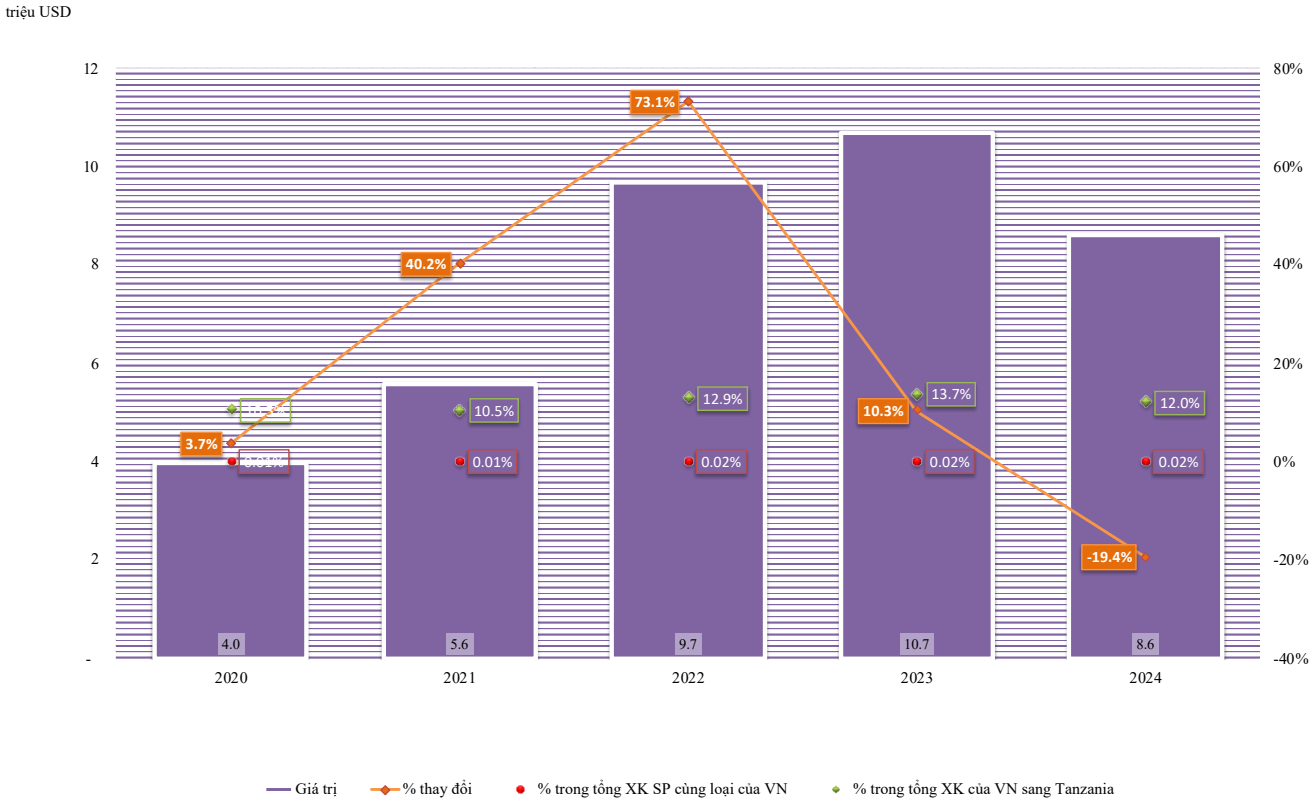

Kim ngạch xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác của Việt Nam sang Tanzania (Nguồn: Cục Hải quan; ĐVT: triệu USD) có giá trị lần lượt là 4,0 triệu USD năm 2020, 5,6 triệu USD năm 2021, 9,7 triệu USD năm 2022, 10,7 triệu USD năm 2023 và 8,6 triệu USD năm 2024. Xu hướng biến động cho thấy xuất khẩu mặt hàng này tăng mạnh giai đoạn 2020–2023, với mức tăng 40,2% năm 2021, 73,1% năm 2022 và 10,3% năm 2023, trước khi giảm 19,4% năm 2024. Về tỷ trọng, xuất khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác sang Tanzania chiếm rất nhỏ trong tổng xuất khẩu cùng loại của Việt Nam ra thị trường thế giới: chỉ 0,01% năm 2020–2021, tăng lên 0,02% giai đoạn 2022–2024. Trong cơ cấu xuất khẩu chung sang Tanzania, tỷ lệ mặt hàng này tăng từ 10,5% năm 2020 lên đỉnh 13,7% năm 2023 rồi giảm về 12,0% năm 2024. Điểm bất thường là đà tăng mạnh đến 2023 nhưng sau đó giảm đáng kể năm 2024, cho thấy thị trường Tanzania đang dần bão hòa hoặc chịu cạnh tranh từ nhà cung ứng khác. Để duy trì đà tăng, doanh nghiệp Việt Nam cần tập trung nâng cao chất lượng, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm và tăng cường hỗ trợ hậu mãi, đồng thời nghiên cứu cơ chế bảo hộ kỹ thuật và xúc tiến thương mại nhằm củng cố thị phần tại thị trường Tanzania.

Một số sản phẩm nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ Tanzania

Nhập khẩu hạt điều của Việt Nam từ Tanzania giai đoạn 2020–2024 (Nguồn: Tổng cục Hải quan; ĐVT: triệu USD) cho thấy năm 2020 đạt 156,9 triệu USD (chiếm 86,0% tổng nhập khẩu từ Tanzania và 8,7% tổng nhập khẩu hạt điều của Việt Nam từ toàn cầu), năm

2021 tăng lên 258,8 triệu USD (92,4% tổng nhập khẩu từ Tanzania nhưng chỉ chiếm 6,1% tổng nhập khẩu hạt điều của Việt Nam), sau đó năm 2022 giảm về 172,8 triệu USD (82,2% và 6,5%), năm 2023 tiếp tục giảm còn 154,3 triệu USD (71,8% và 4,8%) rồi năm 2024 tăng lên 186,9 triệu USD (81,8% và 5,8%). Tỷ trọng hạt điều trong tổng nhập khẩu từ Tanzania dao động mạnh, đỉnh 92,4% năm 2021 rồi đáy 71,8% năm 2023; trong khi tỷ trọng thị phần Tanzania trong nguồn cung hạt điều của Việt Nam giảm từ 8,7% xuống 4,8% giai đoạn 2020–2023 trước khi hồi phục nhẹ lên 5,8% năm 2024. "Hàng hóa khác" chiếm phần còn lại và biến động từ 14,0% (2020) xuống 7,6% (2021), rồi tăng lên 28,2% (2023) trước khi giảm còn 18,2% (2024), phản ánh sự xuất hiện hoặc suy giảm của các dòng hàng nhỏ lẻ. Điểm bất thường là năm 2021, khi nhập khẩu hạt điều từ Tanzania chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nhập khẩu từ Tanzania (92,4%) nhưng lại giảm tỷ trọng trong tổng nhập khẩu hạt điều của Việt Nam (6,1%), cho thấy nguồn cung hạt điều đã đa dạng hóa mạnh từ các thị trường khác. Để tối ưu hóa nguồn cung và giảm rủi ro tập trung, Việt Nam nên duy trì quan hệ với Tanzania nhưng chủ động đa dạng hóa đối tác cung cấp hạt điều, đồng thời giám sát sát sao nhóm "hàng hóa khác" nhằm nhận diện sớm các dòng hàng mới và điều chỉnh chính sách nhập khẩu phù hợp.

Sản phẩm nhập khẩu từ Tanzania (Nguồn: Cục Hải quan, ĐVT: triệu USD)	**2019**	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**
TANZANIA	**239,1**	**182,4**	**280,0**	**210,2**	**214,5**	**228,4**
Hạt điều	212,4	156,9	258,8	172,8	154,3	186,9
Hàng hóa khác	26,7	25,5	21,2	37,4	60,2	41,6

Tanzania đầu tư vào Việt Nam

Trong danh sách 147 nước và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư vào Việt Nam năm 2024 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố, Tanzania không xuất hiện ở nhóm các nước dẫn đầu về dự án hoặc quy mô vốn. Điều này cho thấy:

– Vốn đầu tư từ Tanzania trong số tổng vốn FDI đăng ký tại Việt Nam là gần như 0.

– Tỷ lệ dự án mới hoặc điều chỉnh vốn của nhà đầu tư Tanzania trong tổng số dự án FDI của Việt Nam cũng bằng 0%.

Điểm bất thường/đáng chú ý: mặc dù hai nước có quan hệ chính trị và thương mại ngày càng chặt chẽ, đầu tư Tanzania vào Việt Nam vẫn ở mức rất thấp gần như bằng 0, cho thấy tiềm năng rất lớn để kích hoạt dòng vốn song phương.

Chương 7: VĂN HOÁ

Tập quán kinh doanh

Giới doanh nhân Tanzania khá quen thuộc với các chuẩn mực thương mại quốc tế. Do đó, việc ứng xử chuyên nghiệp là điều bắt buộc khi làm việc với đối tác sở tại. Để lên lịch gặp mặt, doanh nghiệp cần sắp xếp hẹn trước và đảm bảo đến đúng giờ. Tuy nhiên, các trường hợp đối tác Tanzania đến muộn hoặc thay đổi lịch họp vào phút chót là khá phổ biến, nên cần có sự linh hoạt và kiên nhẫn.

Khi tham gia các cuộc họp, doanh nhân nên ăn mặc trang trọng (business formal). Việc trao đổi danh thiếp là một cách gây ấn tượng tốt ban đầu và được thực hiện phổ biến. Tuy nhiên, nếu có ý định tặng quà, doanh nghiệp cần hỏi ý kiến người nhận trước, đặc biệt là trong các cuộc gặp gỡ với cơ quan nhà nước hoặc đối tác liên quan đến đấu thầu công, để tránh bị hiểu nhầm là hối lộ. Tôn trọng phong tục địa phương, giữ thái độ cầu thị và chuyên nghiệp sẽ giúp xây dựng mối quan hệ kinh doanh lâu dài và hiệu quả hơn tại thị trường này.

Khuyến cáo đi lại

Doanh nghiệp Việt Nam cần cập nhật các khuyến cáo an ninh và thông tin đi lại mới nhất từ Bộ Ngoại giao Việt Nam, hoặc truy cập trang web của các cơ quan đại diện Việt Nam tại châu Phi. Vì hiện tại Việt Nam chưa có Đại sứ quán thường trú tại Tanzania, doanh nghiệp có thể liên hệ Đại sứ quán Việt Nam tại Mozambique hoặc Kenya để được hỗ trợ lãnh sự và thông tin du lịch tại khu vực Đông Phi.

Yêu cầu thị thực (visa) dành cho công dân Việt Nam khi nhập cảnh Tanzania

Công dân Việt Nam có nhu cầu nhập cảnh Tanzania để công tác, khảo sát thị trường, tham dự hội nghị – hội chợ, lắp đặt thiết bị, sửa chữa máy móc, tư vấn ngắn hạn hoặc tìm kiếm cơ hội đầu tư có thể xin thị thực thương mại (Business Visa) với thời hạn tối đa là 90 ngày. Chính phủ Tanzania hiện áp dụng hệ thống thị thực điện tử (e-Visa) cho phần lớn quốc tịch, trong đó có Việt Nam. Doanh nghiệp cần nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng thông tin chính thức: https://visa.immigration.go.tz/. Hồ sơ bao gồm ảnh chân dung, bản sao trang thông tin hộ chiếu, vé máy bay khứ hồi, thư mời từ phía đối tác tại Tanzania và tài liệu chứng minh mục đích chuyến đi như thư mời hội nghị hoặc hợp đồng thương mại.

Ngoài ra, đương đơn cần đảm bảo hộ chiếu còn hạn ít nhất 6 tháng, còn trang trống để đóng dấu và nhập cảnh qua một trong năm cửa khẩu được chỉ định, gồm các sân bay quốc tế Julius Nyerere (Dar es Salaam), Kilimanjaro, Abeid Amani Karume (Zanzibar), và hai cửa khẩu đường bộ là Namanga hoặc Tunduma. Người xin visa cũng cần cung cấp bằng chứng có đủ tài chính trong thời gian lưu trú, xác nhận đặt phòng khách sạn và hành trình tiếp theo (nếu có).

Thời gian xét duyệt thông thường từ 5 đến 10 ngày làm việc, vì vậy doanh nghiệp nên chủ động nộp hồ sơ sớm để kịp tiến độ công việc. Lệ phí visa dao động tùy loại, thường

khoảng 50–250 USD. Sau khi được chấp thuận, visa điện tử sẽ được gửi qua email, người xin visa cần in ra để trình tại cửa khẩu nhập cảnh.

Do Tanzania chưa có cơ quan đại diện ngoại giao thường trú tại Việt Nam, các trường hợp phát sinh có thể được hỗ trợ thông qua Đại sứ quán Tanzania tại Bắc Kinh (Trung Quốc) hoặc các cơ quan đại diện ngoại giao của Tanzania tại khu vực Đông Nam Á như Malaysia hoặc Thái Lan. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có thể liên hệ với Đại sứ quán Việt Nam tại Tanzania để được hỗ trợ thông tin và kết nối.

Tiền tệ

Đơn vị tiền tệ chính thức của Tanzania là Shilling Tanzania (TZS). Tuy nhiên, đô la Mỹ (USD) vẫn được chấp nhận tại một số khách sạn 5 sao và cửa hàng cao cấp trong các đô thị lớn như Dar es Salaam, Arusha hay Zanzibar. Thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ quốc tế (Visa, MasterCard) được chấp nhận tại siêu thị, khách sạn, trạm xăng và một số cửa hàng thương mại. Các ngân hàng lớn tại Tanzania đều có cây ATM hỗ trợ thẻ quốc tế, đặc biệt là Visa và MasterCard. Tuy nhiên, séc du lịch (traveler's check) không phổ biến và chỉ được một số ít ngân hàng chấp nhận.

Doanh nghiệp Việt Nam nên chuẩn bị tiền mặt bằng Shilling Tanzania hoặc đô la Mỹ mệnh giá lớn, còn mới, không bị rách hoặc cũ, để thuận tiện trong các giao dịch ban đầu.

Viễn thông và Thiết bị điện tử

Phần lớn người dân Tanzania truy cập Internet thông qua mạng di động, với các nhà mạng lớn như Vodacom, Airtel, Tigo và Halotel đã triển khai dịch vụ 4G tại các thành phố lớn và khu vực trung tâm. Khi mua sim điện thoại, người dùng bắt buộc phải đăng ký sinh trắc học (vân tay) và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ để kích hoạt sim, theo quy định của chính phủ nhằm quản lý thông tin thuê bao.

Doanh nghiệp có thể truy cập Internet thông qua các nhà cung cấp dịch vụ ISP đáng tin cậy, hoặc dùng Wi-Fi miễn phí tại các khách sạn, nhà hàng và không gian công cộng. Chi phí dữ liệu di động tại Tanzania tương đối rẻ so với mức trung bình ở châu Phi, nhờ vào chính sách khuyến khích sử dụng công nghệ số của chính phủ.

Về hệ thống điện, Tanzania sử dụng ổ cắm điện loại G (loại ổ cắm ba chân dẹt) với nguồn điện 230V – 50Hz. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam nên mang theo bộ đổi nguồn và chuyển đổi ổ cắm khi đến làm việc tại Tanzania để tương thích với các thiết bị điện tử cá nhân hoặc trình chiếu.

Giao thông

Hệ thống giao thông tại Tanzania khá phát triển, với mạng lưới đường bộ kết nối hầu hết các vùng trên cả nước. Đây là hình thức vận chuyển chủ yếu, đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu từ các cảng biển và sân bay đi vào nội địa hoặc đến các quốc gia láng giềng không giáp biển như Rwanda, Burundi hay Uganda. Hiện Tanzania đang đầu tư phát triển tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn (Standard Gauge Railway – SGR) nhằm nâng

cao năng lực vận chuyển hàng hóa liên vùng, thúc đẩy hoạt động thương mại nội địa và khu vực.

Đường hàng không là phương tiện được giới doanh nhân ưa chuộng nhờ tiết kiệm thời gian. Hãng hàng không quốc gia Air Tanzania phục vụ các chuyến bay nội địa và một số điểm đến quốc tế. Ngoài ra, nhiều hãng hàng không khác cũng khai thác đường bay đến/đi từ Tanzania như Precision Air, Ethiopian Airlines, RwandAir, KLM, Emirates, phù hợp với nhu cầu đi lại của doanh nghiệp và nhà đầu tư quốc tế.

Ngôn ngữ

Tanzania là quốc gia đa sắc tộc với hơn 100 nhóm dân tộc khác nhau sinh sống, kéo theo sự đa dạng về ngôn ngữ với khoảng 125 ngôn ngữ được sử dụng trên toàn lãnh thổ. Trong đó, tiếng Swahili (Kiswahili) là ngôn ngữ quốc gia và được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hằng ngày, hành chính công, cũng như trong hệ thống giáo dục cơ bản. Tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức thứ hai và được sử dụng trong các lĩnh vực như thương mại, tư pháp, ngoại giao và giáo dục bậc cao.

Tại các thành phố lớn và trung tâm thương mại như Dar es Salaam, Dodoma, Arusha hay các khu vực phát triển du lịch – đặc biệt quanh Vườn quốc gia Serengeti hoặc Khu bảo tồn Ngorongoro – tiếng Anh được sử dụng khá phổ biến, đặc biệt trong các hoạt động dịch vụ, khách sạn, hướng dẫn viên và giao tiếp với đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, ở các vùng nông thôn và địa phương xa trung tâm, người dân chủ yếu sử dụng tiếng Swahili trong sinh hoạt hằng ngày và không quen giao tiếp bằng tiếng Anh.

Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam khi đến công tác, tìm hiểu thị trường hoặc triển khai hoạt động tại Tanzania nên cân nhắc sử dụng phiên dịch viên địa phương, hoặc trang bị một số cụm từ cơ bản bằng tiếng Swahili để thể hiện sự tôn trọng văn hóa bản địa và tạo thiện cảm trong giao tiếp. Một số cụm từ cơ bản có thể tham khảo gồm:

Xin chào - Habari hoặc Jambo
Làm ơn – Tafadhali
Cảm ơn – Asante
Vâng – Ndio
Không – Hapana
Bạn khỏe không? – U hali gani?
Tôi tên là… – Jina langu ni…
Cái này bao nhiêu tiền? – Ni ngapi?
Nhà vệ sinh ở đâu? – Bafu iko wapi?

Việc thể hiện nỗ lực giao tiếp bằng tiếng Swahili không chỉ giúp vượt qua rào cản ngôn ngữ mà còn thể hiện sự tôn trọng đối với văn hóa địa phương – một yếu tố quan trọng trong thiết lập quan hệ hợp tác lâu dài với đối tác tại Tanzania.

Tôn giáo tại Tanzania

Bên cạnh sự đa dạng về các nhóm dân tộc bản địa, Tanzania còn là quốc gia có đời sống tôn giáo phong phú, với hai tôn giáo chính là Thiên Chúa giáo và Hồi giáo. Tại các thành

phố lớn như Dar es Salaam hoặc trên đảo chính Zanzibar thuộc Ấn Độ Dương, có thể dễ dàng bắt gặp các nhà thờ Công giáo cũng như đền thờ Hồi giáo. Tuy nhiên, phần lớn các nhà thờ Hồi giáo tại đây không mở cửa cho khách du lịch hoặc người ngoài đạo, do đó không phải là điểm tham quan phổ biến. Một số địa điểm tôn giáo đặc biệt, như Đại Thánh đường Hồi giáo Kilwa Kisiwani, nằm trong khu di tích lịch sử và có thể tham quan từ bên ngoài hoặc trong khuôn viên được cho phép.

Y tế

Khi đi công tác hoặc đầu tư tại Tanzania, người Việt Nam cần lưu ý một số vấn đề y tế liên quan đến khí hậu nhiệt đới tại đây. Sốt rét (malaria) là bệnh truyền nhiễm phổ biến do muỗi gây ra, vì vậy du khách và doanh nhân nên chủ động phòng ngừa bằng cách sử dụng thuốc chống sốt rét theo đơn của bác sĩ trước khi đến Tanzania. Ngoài ra, việc mang theo thuốc xịt côn trùng, màn chống muỗi và quần áo dài tay cũng được khuyến khích để giảm nguy cơ mắc bệnh.

Tanzania vẫn duy trì một số biện pháp phòng ngừa dịch COVID-19 như khuyến khích sát khuẩn tay, đeo khẩu trang tại nơi đông người và giữ khoảng cách an toàn. Doanh nghiệp và cá nhân Việt Nam có thể tham khảo ý kiến bác sĩ chuyên khoa hoặc Trung tâm kiểm dịch trước khi khởi hành.

Giờ địa phương, thời gian làm việc và ngày nghỉ lễ

Tanzania sử dụng giờ Đông Phi (East Africa Time – EAT), tức GMT+3, và không áp dụng chế độ giờ mùa hè.

Cơ quan nhà nước làm việc từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều, từ thứ Hai đến thứ Sáu, nghỉ cuối tuần. Các cửa hàng và doanh nghiệp tư nhân thường mở cửa từ 9 giờ sáng đến 9 giờ tối, từ thứ Hai đến thứ Bảy. Chủ nhật, hầu hết các văn phòng và cửa hàng ở đại lục Tanzania (Mainland) đóng cửa. Đặc biệt, tại Zanzibar – khu vực có cộng đồng Hồi giáo đông đảo, nhiều cơ sở đóng cửa vào thứ Sáu thay vì Chủ nhật.

Các ngày nghỉ lễ chính thức tại Tanzania bao gồm Tết Dương lịch (1/1), Ngày Cách mạng Zanzibar (12/1), Lễ Phục sinh, Lễ Quốc khánh (9/12), các ngày lễ Hồi giáo (Eid al-Fitr, Eid al-Adha) và lễ Giáng sinh (25/12). Lịch nghỉ lễ theo đạo Hồi được điều chỉnh theo lịch âm Hồi giáo, vì vậy thay đổi hàng năm.

Tham dự các lễ hội và ngày lễ lớn tại Tanzania là một trong những cách tốt nhất để doanh nghiệp và du khách hiểu rõ hơn về văn hóa bản địa, phong tục tập quán cũng như kết nối với người dân địa phương. Với đặc điểm đa sắc tộc và đa tôn giáo, Tanzania có nhiều ngày lễ tôn giáo và truyền thống được công nhận, bao gồm cả Giáng sinh (Christmas) và Lễ Hiến sinh (Eid al-Adha) của người Hồi giáo.

Trong số các ngày lễ quan trọng của quốc gia, Ngày Thống nhất (Union Day), diễn ra vào ngày 26 tháng 4, là dịp người dân cả nước tổ chức diễu hành, trang hoàng đường

phố và tham gia các sự kiện mừng ngày hợp nhất giữa Tanganyika và Zanzibar để hình thành Cộng hòa Thống nhất Tanzania.

Ngày Độc lập (Independence Day), tổ chức vào ngày 9 tháng 12 hằng năm, kỷ niệm thời điểm Tanzania giành độc lập khỏi sự cai trị của Anh vào năm 1961. Sự kiện này được tổ chức rộng rãi khắp cả nước với các cuộc diễu hành, hoạt động văn hóa – nghệ thuật và các buổi lễ trang trọng, nhằm tôn vinh nỗ lực đấu tranh giành chủ quyền của người dân dưới sự lãnh đạo của đảng Tanganyika African National Union.

Tạm nhập vật dụng và hàng hóa cá nhân vào Tanzania

Khi nhập cảnh vào Tanzania, du khách quốc tế – bao gồm cả doanh nhân và người lao động Việt Nam – có thể được miễn giảm thuế nhập khẩu đối với một số hàng hóa cá nhân mang theo trong hành lý, với điều kiện hàng hóa này không nhằm mục đích thương mại hay bán lại.

Cụ thể, nếu tổng giá trị hàng hóa khai báo đầy đủ không vượt quá 500 USD (tính theo tỷ giá quy đổi sang đồng Shilling Tanzania - TZS), người nhập cảnh có thể được miễn toàn bộ thuế quan cho các mặt hàng nhất định.

Các loại hàng hóa được miễn thuế bao gồm:

- Rượu mạnh di động (portable spirits): tối đa 1 lít
- Nước hoa và mỹ phẩm chứa cồn (perfumed spirits): không vượt quá 1 lít
- Thuốc lá điếu: không vượt quá 200 điếu
- Thuốc lá xắt sợi hoặc lá (tobacco): không vượt quá 250 gram

Doanh nghiệp hoặc cá nhân mang theo hàng hóa vượt mức quy định hoặc có mục đích thương mại nên khai báo rõ ràng với cơ quan hải quan tại sân bay hoặc cửa khẩu để tránh các rủi ro pháp lý và xử phạt hành chính.

Văn hóa chào hỏi tại Tanzania

Chào hỏi là phần không thể thiếu và đặc biệt quan trọng trong giao tiếp hằng ngày tại Tanzania. Cách chào phổ biến nhất là nói "Jambo" kèm theo bắt tay bằng tay phải. Trong văn hóa Tanzania, tay phải được coi là tay "sạch" do được dùng để ăn uống, trong khi tay trái thường gắn với các sinh hoạt cá nhân như đi vệ sinh. Do đó, sử dụng tay phải trong giao tiếp thể hiện sự lịch sự và tôn trọng. Đặc biệt, những cái bắt tay tại đây thường

kéo dài hơn bình thường – điều này mang hàm ý thể hiện tình bạn hoặc mối quan hệ gắn bó, nên không nên tỏ ra vội vàng hay khó chịu.

Một điểm đáng lưu ý khác là việc chào hỏi cần được thực hiện với tất cả mọi người trong nhóm, không chỉ riêng người chủ trì hay đại diện. Việc bỏ qua ai đó trong lúc chào hỏi có thể bị xem là thiếu tôn trọng.

Tại Tanzania, người cao tuổi luôn được coi trọng và kính nể. Khi gặp người lớn tuổi, thay vì "Jambo", người trẻ thường nói "shikamoo" – một cách thể hiện sự kính trọng, mang nghĩa tượng trưng là "con cúi lạy dưới chân người". Người lớn tuổi sẽ đáp lại bằng câu "marhaba", nghĩa là "ta công nhận sự kính trọng ấy". Ngoài ra, khi bắt tay với người lớn tuổi, người trẻ còn nên dùng tay trái đỡ khuỷu tay phải của mình và hơi cúi đầu – hành động này cho thấy sự lễ phép và tôn trọng sâu sắc.

Quan trọng hơn cả, chào hỏi tại Tanzania không nên diễn ra vội vàng. Những câu hỏi xã giao như sức khỏe thế nào, gia đình ra sao, công việc ổn không... là một phần không thể thiếu trong lời chào, thể hiện phép lịch sự và thiện chí trong giao tiếp. Doanh nghiệp Việt Nam khi gặp gỡ đối tác hoặc làm việc tại Tanzania nên lưu ý yếu tố này để tạo dựng thiện cảm và thiết lập nền tảng quan hệ bền vững.

Tại Tanzania, quá trình chào hỏi thường được coi trọng hơn việc sử dụng danh xưng hay kính ngữ trong giao tiếp hằng ngày. Vì vậy, tuân thủ đúng các nghi thức xã hội trong lúc chào hỏi là điều quan trọng để thể hiện sự tôn trọng và tạo thiện cảm với người bản địa. Tuy nhiên, vẫn có một số trường hợp ngoại lệ, đặc biệt khi giao tiếp với người lớn tuổi. Trong đó, phụ nữ lớn tuổi thường được gọi là "mama", còn nam giới lớn tuổi có thể được gọi bằng các danh xưng thể hiện sự kính trọng như "mzee" (cụ, lão), "baba" (bố) hoặc "bwana" (ngài, ông).

Việc sử dụng đúng các danh xưng này không chỉ thể hiện sự lịch thiệp mà còn giúp doanh nghiệp Việt Nam xây dựng quan hệ tốt đẹp với cộng đồng địa phương, đặc biệt trong môi trường làm việc đa văn hóa và khi tiếp xúc với các đối tác truyền thống tại Tanzania.

Văn hóa bản địa tại Tanzania

Tanzania là nơi sinh sống của hơn 120 dân tộc thiểu số, mỗi cộng đồng đều có bản sắc văn hóa, truyền thống và phong tục riêng biệt. Ba nhóm dân tộc lớn nhất tại quốc gia này gồm Maasai, Wanyakyusa và Chagga. Đối với du khách đến tham quan các khu bảo tồn thiên nhiên tại miền Bắc Tanzania, nhóm cộng đồng bản địa phổ biến nhất mà họ có thể gặp chính là người Maasai – tộc người bản địa sinh sống lâu đời tại vùng đất này.

Người Maasai đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên và hợp tác chặt chẽ với các khu nghỉ dưỡng, trại safari để giới thiệu nét văn hóa truyền thống của mình tới du khách. Nhiều khu lưu trú tại Tanzania tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ đề Maasai như đi bộ trong rừng (bush walk), nơi các hướng dẫn viên người Maasai sẽ giới thiệu về công dụng và ý nghĩa của các loài cây, địa hình, cũng như chia

sẻ kiến thức văn hóa. Âm nhạc và các điệu nhảy truyền thống cũng là yếu tố đặc sắc trong đời sống tinh thần của cộng đồng này.

Bên cạnh đó, nhiều địa điểm tự nhiên tại Tanzania mang ý nghĩa linh thiêng hoặc tôn giáo đối với người dân bản địa, đặc biệt là tộc Maasai. Với lối sống du mục, các địa danh linh thiêng quan trọng nhất của họ thường là các kỳ quan tự nhiên như núi non hoặc các cụm đá lớn (kopjes). Trong đó, núi Ol Doinyo Lengai – hay còn gọi là "Núi của Thượng đế" – là một ngọn núi lửa hùng vĩ ở miền Bắc Tanzania và được xem là thánh địa của người Maasai. Tại đây, các thành viên trong bộ tộc thường hành hương để cầu nguyện và hiến tế cừu nhằm dâng lên vị thần núi của họ.

Văn hóa thương lượng và trả giá tại Tanzania

Tại các khu chợ truyền thống và quầy hàng ven đường ở Tanzania, việc thương lượng và trả giá là một phần không thể thiếu trong giao dịch mua bán hàng ngày. Giá chào bán ban đầu thường được "đội lên" khi người mua là người nước ngoài, do vậy mức giá đầu tiên thường không phản ánh giá trị thực của món hàng. Việc trả giá ở mức hợp lý được xem là hoàn toàn chấp nhận được, tuy nhiên cần tránh thái độ tranh cãi hoặc ép giá quá mức. Trong bối cảnh ngành du lịch đóng vai trò quan trọng với nền kinh tế, việc du khách hoặc doanh nhân chi trả cao hơn một chút thường không bị xem là vấn đề lớn.

Để giao tiếp và thương lượng hiệu quả hơn, người mua nên tham khảo giá cả tại nhiều quầy hàng khác nhau trước khi quyết định, đồng thời tìm hiểu và sử dụng một số cụm từ cơ bản bằng tiếng Swahili để tạo thiện cảm với người bán. Thái độ lịch sự, vui vẻ và thân thiện sẽ giúp việc thương lượng diễn ra suôn sẻ hơn.

Một chiến lược phổ biến là đề nghị mức giá thấp hơn từ 50% đến 75% so với giá ban đầu để bắt đầu cuộc thương lượng, sau đó tăng dần theo phản ứng của người bán. Trong trường hợp người bán hàng quá dai dẳng hoặc không chấp nhận lời từ chối, người mua có thể nhẹ nhàng nói "*hapana asante*" – nghĩa là "không, cảm ơn" trong tiếng Swahili – và rời đi.

Ngoài ra, việc trả giá cũng thường áp dụng cho cả dịch vụ taxi, vì các tài xế đôi khi sẽ đưa ra mức phí cao gấp đôi cho khách du lịch nếu không có sự thương lượng trước. Việc hiểu rõ văn hóa trả giá và ứng xử phù hợp sẽ góp phần nâng cao trải nghiệm làm việc và sinh hoạt của doanh nghiệp Việt Nam tại Tanzania.

Văn hóa ứng xử và quy tắc giao tiếp tại Tanzania

Việc tuân thủ các quy tắc ứng xử truyền thống sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam xây dựng mối quan hệ tốt hơn với đối tác và cộng đồng địa phương tại Tanzania. Từ cách ăn mặc đến phong cách giao tiếp và thói quen trên bàn ăn, mỗi khía cạnh nhỏ đều phản ánh nét văn hóa đặc trưng cần được tôn trọng.

Ứng xử tại các địa điểm tôn giáo

Tuy phần lớn du khách và chuyên gia quốc tế đến Tanzania chủ yếu để công tác hoặc tham quan thiên nhiên, song cũng có những trường hợp tiếp xúc với các cơ sở tôn giáo

như nhà thờ hoặc thánh đường Hồi giáo (mosque). Khi vào khuôn viên các địa điểm này, cần tuyệt đối tuân thủ các bảng hướng dẫn tại chỗ và giữ thái độ tôn trọng đối với người đang hành lễ. Một số thánh đường Hồi giáo, đặc biệt tại Zanzibar, có thể hạn chế người không theo đạo Hồi vào tham quan. Do đó, các doanh nghiệp nên tìm hiểu trước và tuân thủ quy định của từng nơi cụ thể.

Ứng xử trên bàn ăn

Ẩm thực Tanzania mang đậm bản sắc vùng miền. Tại đảo Zanzibar và dọc bờ biển phía đông, hải sản và các món ăn sử dụng gia vị địa phương rất phổ biến, do nơi đây từng là điểm trung chuyển quan trọng trên tuyến giao thương với Trung Đông và Ấn Độ. Trong khi đó, ở đất liền, thực đơn thường xoay quanh các món từ thịt, cơm và rau củ. Một số món ăn truyền thống nổi bật bao gồm *mchemsho* (món hầm từ thịt và rau củ) và *chipsi mayai* (khoai tây chiên trộn trứng, phổ biến như món ăn đường phố).

Khi dùng bữa với đối tác hoặc người dân địa phương, có một số quy tắc cần lưu ý:

- Không nên ngửi thức ăn trước khi ăn, vì hành động này bị xem là bất lịch sự.
- Nếu được mời dùng bữa hoặc uống nước tại nhà người dân, bạn nên nhận lời thay vì từ chối, để thể hiện sự tôn trọng.
- Việc dùng tay để ăn là rất phổ biến, đặc biệt với món *ugali* – một loại bột ngô nấu đặc, được dùng để bốc thức ăn khác thay vì sử dụng thìa, nĩa.
- Luôn ăn bằng tay phải, tránh sử dụng tay trái – vốn được xem là "không sạch" vì liên quan đến sinh hoạt vệ sinh cá nhân.
- Việc để lại tiền tip tại nhà hàng không bắt buộc, tuy nhiên nếu hài lòng với dịch vụ, khách có thể để lại khoảng 10% hóa đơn như một hành động lịch thiệp.

Hiểu rõ và tôn trọng các quy tắc giao tiếp bản địa sẽ góp phần xây dựng thiện chí, tạo dựng niềm tin và duy trì mối quan hệ bền vững với đối tác và cộng đồng tại Tanzania – một trong những thị trường tiềm năng tại khu vực Đông Phi.

Văn hóa ẩm thực đặc trưng tại Tanzania

Ẩm thực Tanzania phong phú và đa dạng, phản ánh sự giao thoa giữa các vùng miền và ảnh hưởng từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Tại các khu vực ven biển, đặc biệt là Zanzibar, các món ăn thường có hương vị đậm đà nhờ sử dụng nhiều loại gia vị và nước cốt dừa – nguyên liệu phổ biến trong các món cà ri và món hầm. Trong khi đó, ở khu vực nội địa, bữa ăn thường xoay quanh các món truyền thống như cơm, bánh mì, thịt nướng, cá, gà, chuối nấu, khoai mì, đậu, rau chân vịt… Một món ăn độc đáo và phổ biến là kisusio – súp được nấu từ xương và thịt động vật, thường được dùng vào buổi sáng hoặc sau những dịp tiệc tùng.

Các món ăn vặt đường phố tại Tanzania cũng rất phong phú, có thể kể đến bánh gạo, chả lạc (groundnut rolls), quả chà là, côn trùng nướng (châu chấu, dế), lòng gà nướng,

cùng nhiều món chiên đặc trưng. Người dân địa phương thường dùng trà (chai) kèm bánh mì hoặc chapati (bánh mì dẹt kiểu Ấn Độ) và trứng cho bữa sáng, trong khi cà phê lại phổ biến hơn vào buổi chiều hoặc tối.

Tanzania cũng là quốc gia sản xuất nhiều loại đồ uống có cồn nội địa với thương hiệu nổi tiếng như bia Kilimanjaro, bia Serengeti, hoặc rượu chuối (Banana Wine) – được chế biến theo phương pháp truyền thống từ nguyên liệu địa phương. Những sản phẩm này không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn là một phần trong trải nghiệm văn hóa dành cho du khách quốc tế.

Trang phục và hoạt động thể thao tại Tanzania

Trang phục phù hợp với văn hóa bản địa

Tanzania là quốc gia có nền văn hóa bảo thủ, đặc biệt trong cách ăn mặc thường ngày. Do đó, cả nam và nữ giới nên lựa chọn trang phục kín đáo, lịch sự khi tham gia các hoạt động công việc hoặc giao lưu cộng đồng. Cụ thể, quần áo nên che kín vai, ngực và chân. Đối với nữ giới, quần dài là hoàn toàn có thể chấp nhận được miễn là không quá bó sát hoặc phản cảm.

Tại Zanzibar – một điểm đến du lịch nổi tiếng với các khu nghỉ dưỡng biển – quy định về trang phục có phần linh hoạt hơn. Du khách có thể mặc đồ bơi, quần short hoặc áo hở khi ở trên bãi biển. Tuy nhiên, khi di chuyển vào trung tâm thị trấn, thành phố hoặc các địa điểm công cộng, cần khoác áo choàng hoặc mặc trang phục lịch sự để thể hiện sự tôn trọng đối với văn hóa địa phương.

Việc lựa chọn trang phục phù hợp không chỉ giúp tránh những hiểu lầm hoặc ánh nhìn không thiện cảm từ người dân bản xứ, mà còn thể hiện thái độ chuyên nghiệp của các doanh nghiệp quốc tế khi làm việc tại Tanzania.

Hoạt động thể thao tại Tanzania

Bóng đá là môn thể thao được yêu thích nhất tại Tanzania, với lượng người hâm mộ đông đảo trên toàn quốc. Bên cạnh đó, các môn thể thao như bóng rổ, bóng chày, quyền Anh và cricket cũng dần thu hút sự chú ý của giới trẻ. Đặc biệt, Tanzania còn nổi tiếng với truyền thống sản sinh ra nhiều vận động viên điền kinh xuất sắc. Các giải marathon quốc tế được tổ chức hàng năm như Kilimanjaro Marathon và Serengeti Marathon đã thu hút hàng nghìn vận động viên và du khách đến tham gia.

Ngoài các môn thể thao hiện đại, Tanzania còn ghi nhận sự phục hồi đáng kể trong việc bảo tồn và phát triển các trò chơi truyền thống, như bao – một trò chơi bàn cổ xưa được yêu thích tại nhiều vùng châu Phi – và đấu vật truyền thống, vốn là nét văn hóa lâu đời của một số cộng đồng dân tộc.

Với sự đa dạng trong các hoạt động thể thao và mức độ quan tâm cao từ người dân, thể thao không chỉ là một phần quan trọng trong đời sống văn hóa – xã hội của Tanzania mà còn mang tiềm năng kết nối cộng đồng và phát triển các hoạt động giao lưu quốc tế trong tương lai.

Một số lưu ý quan trọng khi sinh sống và làm việc tại Tanzania

Bên cạnh các yếu tố về trang phục, ẩm thực hay tập quán giao tiếp, có một số nét văn hóa đặc trưng khác mà doanh nghiệp và chuyên gia nước ngoài cần lưu ý để thuận lợi hơn trong quá trình làm việc và hòa nhập tại Tanzania.

Trước hết, về không gian cá nhân, người Tanzania thường có xu hướng thể hiện sự thân thiện qua tiếp xúc cơ thể như bắt tay kéo dài hoặc chạm nhẹ vào vai, tay khi trò chuyện. Điều này được xem là biểu hiện của sự tôn trọng và gần gũi, không mang tính xâm phạm cá nhân như trong một số nền văn hóa khác.

Về thể hiện tình cảm nơi công cộng, do Tanzania là quốc gia có nền văn hóa bảo thủ và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tôn giáo, các hành vi thân mật công khai như ôm hôn, nắm tay thân mật giữa các cặp đôi nên được hạn chế, kể cả tại những khu vực du lịch nổi tiếng như Zanzibar – nơi thường được lựa chọn làm điểm đến cho tuần trăng mật.

Một lưu ý quan trọng khác là việc chụp ảnh người dân bản địa, đặc biệt là thành viên các bộ tộc thiểu số. Du khách hoặc người nước ngoài nên xin phép trước khi chụp để tránh gây hiểu nhầm hoặc phản ứng không mong muốn từ phía đối tượng được chụp.

Cuối cùng, về vấn đề đúng giờ, văn hóa làm việc tại Tanzania thường linh hoạt và không quá nghiêm ngặt về thời gian. Do vậy, các cuộc hẹn hoặc sự kiện có thể bắt đầu muộn hơn so với lịch trình dự kiến, và việc đến trễ một chút thường không bị xem là bất lịch sự. Tuy nhiên, trong môi trường doanh nghiệp hoặc làm việc với các đối tác quốc tế, sự chuyên nghiệp và đúng giờ vẫn luôn được đánh giá cao.

Công dân Việt Nam cần chuẩn bị gì khi đến Tanzania

Khi đi công tác sang Tanzania, công dân Việt Nam cần chuẩn bị kỹ lưỡng từ giấy tờ pháp lý, sức khỏe, văn hóa ứng xử cho đến điều kiện sinh hoạt nhằm đảm bảo chuyến đi diễn ra suôn sẻ và hiệu quả. Trước hết, hộ chiếu phải còn hạn tối thiểu 6 tháng, và visa công tác cần được xin trước qua hệ thống eVisa trực tuyến của Chính phủ Tanzania. Nếu chuyến đi liên quan đến làm việc với đối tác địa phương, cần chuẩn bị sẵn thư mời công tác, lịch trình chi tiết và bảo hiểm du lịch quốc tế. Một yêu cầu bắt buộc là Giấy chứng nhận tiêm vaccine phòng sốt vàng, đặc biệt nếu quá cảnh qua quốc gia có vùng dịch. Các loại vaccine khác như viêm gan A, B, thương hàn và uốn ván cũng được khuyến nghị, bên cạnh việc chuẩn bị thuốc chống sốt rét và thuốc cá nhân.

Về văn hóa ứng xử, công dân Việt Nam nên lưu ý rằng Tanzania là một quốc gia có truyền thống bảo thủ, vì vậy cần lựa chọn trang phục kín đáo, lịch sự – cả nam và nữ nên mặc quần dài và áo có tay. Khi giao tiếp, bắt tay là nghi thức quan trọng và nên dùng tay phải; tay trái bị xem là không sạch, do liên quan đến vệ sinh cá nhân. Cách xưng hô cũng thể hiện sự tôn trọng – với người lớn tuổi, bạn nên gọi là "mama" (nữ) hoặc "mzee" (nam). Người Tanzania rất coi trọng sự thân thiện và lịch thiệp trong giao tiếp, nhưng không quá khắt khe về đúng giờ – đến trễ vài phút thường được chấp nhận.

Về sinh hoạt, công dân Việt Nam nên chuẩn bị một số tiện ích cơ bản như ổ chuyển điện (loại 3 chấu vuông kiểu Anh), nước uống đóng chai, kem chống muỗi và sim điện thoại địa phương. Giao thông tại các thành phố lớn như Dar es Salaam có thể sử dụng Uber hoặc Bolt, nhưng ở các khu vực ngoại ô nên thuê xe riêng qua khách sạn hoặc công ty

lữ hành uy tín. Ngoài ra, nên đổi một ít tiền mặt sang đồng Tanzania Shilling (TZS) và mang theo USD mệnh giá nhỏ để thanh toán các chi phí lặt vặt; tuy nhiên cần tránh mang theo quá nhiều tiền mặt và bảo quản tiền bạc cẩn thận.

Khi làm việc tại địa phương, công dân Việt Nam nên chuẩn bị sẵn tài liệu công việc song ngữ (Anh–Việt), danh thiếp tiếng Anh và tùy trường hợp có thể cần phiên dịch viên Swahili, nhất là khi làm việc với chính quyền hoặc doanh nghiệp bản địa. Người Tanzania thường thân thiện, cởi mở nhưng cũng đề cao lễ nghi, do đó thái độ nhã nhặn, kiên nhẫn và linh hoạt trong giao tiếp sẽ giúp tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp. Trong sinh hoạt hằng ngày, cần hạn chế thể hiện tình cảm nơi công cộng và luôn xin phép trước khi chụp ảnh, đặc biệt với người địa phương hay cộng đồng dân tộc thiểu số. Nếu chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, chuyến công tác đến Tanzania sẽ không chỉ hiệu quả về công việc mà còn là trải nghiệm văn hóa phong phú và đáng nhớ.

Chương 8: THÔNG TIN LIÊN LẠC

1. Điểm liên hệ chính tại Việt Nam

Cục Xúc tiến thương mại – Bộ Công Thương Việt Nam

Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu thị trường, kết nối giao thương và tham gia hội chợ quốc tế.

- **Website**: www.vietrade.gov.vn
- **Địa chỉ**: 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- **Điện thoại**: (+84) 24 3934 7621
- **Email**: vietrade@moit.gov.vn

2. Cơ quan đại diện ngoại giao

Đại sứ quán Tanzania tại Malaysia (kiêm nhiệm Việt Nam)

Là cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin visa Tanzania và cung cấp thông tin chính thức cho công dân Việt Nam.

- **Website**: https://www.my.tzembassy.go.tz
- **Địa chỉ**: No.16 Jalan Mesra, Off Jalan Damai, 55000 Kuala Lumpur, Malaysia
- **Điện thoại**: +603 2145 7055 / 2145 7056
- **Fax**: +603 2145 7054
- **Email**: tanze@tanzaniakl.gov.tz

Đại sứ quán Việt Nam tại Mozambique (kiêm nhiệm Tanzania)

Cơ quan hỗ trợ công dân Việt Nam đang sinh sống, làm việc, công tác tại Tanzania.

- **Website**: https://vnembassy-maputo.mofa.gov.vn
- **Địa chỉ**: Rua Mateus Sansão Muthemba, No. 123, Maputo, Mozambique
- **Điện thoại**: +258 21 492 049
- **Fax**: +258 21 492 048
- **Email**: vnemb.mz@mofa.gov.vn

3. Thông tin liên hệ tại Tanzania

Tanzania Investment Centre (TIC)

Cơ quan đầu mối trong việc cấp phép đầu tư, cung cấp thông tin thị trường và hỗ trợ nhà đầu tư nước ngoài.

- **Website**: https://www.tic.go.tz
- **Địa chỉ**: TIC Headquarters, Shaaban Robert Street, Dar es Salaam
- **Điện thoại**: +255 22 2116323 / +255 22 2118251
- **Email**: info@tic.go.tz

Phòng Thương mại và Công nghiệp Tanzania (TCCIA)

Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, thông tin thị trường, tổ chức sự kiện xúc tiến thương mại.

- **Website**: https://www.tccia.com
- **Địa chỉ**: TCCIA Building, Shaaban Robert Street, Dar es Salaam
- **Điện thoại**: +255 22 2119436
- **Email**: info@tccia.com

Tổng cục Di trú Tanzania

Cơ quan quản lý visa, giấy phép cư trú và các vấn đề xuất nhập cảnh.

- **Website**: https://www.immigration.go.tz
- **Địa chỉ**: Ministry of Home Affairs Building, Shaaban Robert Street, Dar es Salaam
- **Điện thoại**: +255 22 211 7154
- **Email**: info@immigration.go.tz

Bộ Công nghiệp và Thương mại Tanzania (MIT)

Cơ quan quản lý chính sách thương mại, công nghiệp, hợp tác quốc tế và đầu tư.

- **Website**: https://www.mit.go.tz
- **Địa chỉ**: Azikiwe Street, Dar es Salaam

- **Điện thoại**: +255 22 212 1403
- **Email**: ps@mit.go.tz

LỊCH SỰ KIỆN THƯƠNG MẠI – KINH TẾ TANZANIA 2025–2026

Thời gian	Sự kiện	Lĩnh vực	Quy mô & đặc điểm
9–11 Sep 2025	**MEDEXPO Tanzania 2025**	Y tế, thiết bị, dược phẩm	Triển lãm y tế lớn nhất Tanzania
24–26 Sep 2025	**Minexpo Africa Tanzania 2025**	Khai thác mỏ, máy móc công nghiệp	Giới thiệu công nghệ khai mỏ mới, an toàn
24–26 Sep 2025	**Afriwood Expo Tanzania 2025**	Gỗ, chế biến gỗ	Ngành wood-working & chế biến gỗ
24–26 Sep 2025	**Lightexpo Tanzania 2025**	Chiếu sáng, LED, điện tử	Thiết bị chiếu sáng, LED, công nghệ
8–10 Oct 2025	**Power & Energy / Solar Africa Tanzania 2025**	Năng lượng tái tạo, điện	Triển lãm năng lượng và giải pháp tiết kiệm
9–11 Oct 2025	**Food & Kitchen Tanzania 2025**	Thực phẩm, đồ nhà bếp, hospitality	Khu vực ẩm thực, thiết bị nhà hàng khách sạn
5–7 Nov 2025	**Autoexpo Tanzania 2025**	Ô tô, phụ tùng, giao thông	Sự kiện ô tô & phương tiện vận tải lớn nhất năm
5–7 Nov 2025	**Indusmach Tanzania 2025**	Máy móc công nghiệp, thiết bị	Triển lãm hàng đầu về sản xuất và tự động hóa
5–7 Nov 2025	**Tools & Hardware Africa Tanzania 2025**	Dụng cụ công nghiệp, phụ trợ	Doanh nghiệp ngành công cụ từ nhiều nước
9–26 Aug 2025 (tuần)	**Nane Nane Agricultural Exhibition**	Nông nghiệp, công nghệ nông nghiệp	Hội chợ nông nghiệp hàng năm tại các vùng miền
9–11 Jul 2025	**Africa Trade & Investment Conference 2025**	Đầu tư, thương mại, chính sách	Diễn đàn quốc tế do Global Chamber tổ chức
14–16 Feb 2025	**Sauti za Busara 2025**	Văn hóa – âm nhạc, du lịch	Liên hoan âm nhạc Châu Phi, thu hút du lịch quốc tế
Q1 2026 (29–31 Jan)	**Agro & Poultry Africa; Food Pack East Africa; Grains Africa 2026**	Nông nghiệp, thực phẩm, đóng gói	Chuỗi triển lãm ngành nông–thực phẩm lớn đầu năm